BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

ĐẬU THẾ TỤNG

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ CÔNG

HÀ NỘI - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

ĐẬU THẾ TỤNG

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: **Quản lý hành chính công**

Mã số: 62 34 82 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ CÔNG

Người hướng dẫn khoa học

GS. TSKH. NGND. Nguyễn Văn Thâm

Hà Nội - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Đậu Thế Tụng

LỜI CẢM ƠN

Đề tài "Các giải pháp để thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường Đại học công lập ở Việt Nam" là đề tài tác giả đã để tâm nghiên cứu trong nhiều năm và được các giáo sư như: GS. TS. Nguyễn Đăng Thành, GS. TS. Đinh Văn Tiến, cố GS. TS. Bùi Thế Vĩnh và các thầy giáo, cô giáo của Học viện Hành chính Quốc gia khuyến khích, giúp đỡ thực hiện.

Đặc biệt, tác giả xin chân thành cảm ơn GS. TSKH. NGND. Nguyễn Văn Thâm, người hướng dẫn khoa học của luận án này đã giúp đỡ rất nhiều trong quá trình làm luận án.

Tác giả cũng xin cảm ơn Bộ Giáo dục và Đào tạo, Khoa Sau Đại học và Khoa Văn bản và Công nghệ hành chính - Học viện Hành chính Quốc gia, Ban giám hiệu, Trưởng các đơn vị của Học viện và các trường: Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, Đại học Hàng hải Việt Nam, Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Lạt, Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Tài chính Marketing…, đã giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và hoàn thành luận án.

Tác giả cảm ơn Ban biên tập các Website: Cải cách hành chính của Bộ Nội vụ, Cục kiểm soát thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo điều kiện cho tác giả tiếp cận các thông tin cần thiết và liên quan được sử dụng trong luận án này.

Tuy nhiên, do thời gian có hạn, nội dung nghiên cứu, vấn đề muốn bao quát lại khá rộng, vì vậy chắc chắn luận án không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong muốn nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn của các nhà khoa học, các thầy cô giáo để luận án được hoàn thiện, góp phần thúc đẩy cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính trong các trường Đại học công lập ở Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, Ngày 13 tháng 10 năm 2014

Tác giả

MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan ii
Lời cảm ơn iii
Mục lục iv
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt viii
Danh mục hình vẽ, sơ đồ, biểu đồ ix
Mở đầu 1
1. Tính cấp thiết của đề tài luận án 1
2. Giả thuyết nghiên cứu 2
3. Mục đích nghiên cứu 3
4. Nhiệm vụ 3
5. Đối tượng nghiên cứu 4
6. Nội dung nghiên cứu 4
7. Phạm vi nghiên cứu 4
8. Phương pháp nghiên cứu 5
9. Những đóng góp mới của luận án 8
10. Kết cấu nội dung của luận án 9
Tổng quan về tình hình nghiên cứu 10
1. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước 10
1.1. Các nghiên cứu ở ngoài nước 10
1.1.1. Về khái niệm thủ tục, thủ tục hành chính 10
1.1.2. Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường Đại học ở một số nước 11
1.1.3. Vấn đề cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính 12
1.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam 14
1.2.1. Về quan niệm thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông 14
1.2.2. Về đổi mới tư duy thủ tục hành chính 15
1.2.3. Nghiên cứu về cải cách thủ tục hành chính 16

1.2.4. Nghiên cứu về hệ thống thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học 18
1.2.5. Một số đề tài nghiên cứu cách cách thủ tục hành chính dưới những góc độ khác 19
1.2.6. Các nghiên cứu liên quan đến vấn đề thực hiện thủ tục hành chính và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính 20
1.2.7. Một số báo cáo về khảo sát cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính 22
1.3. Những nghiên cứu của tác giả có liên quan đến đề tài luận án 25
2. Những vấn đề tồn tại cần nghiên cứu giải quyết 26
Chương 1: Cơ sở lý luận về thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập 29
1.1. Những vấn đề chung về thủ tục hành chính 29
1.1.1. Khái niệm về thủ tục, thủ tục hành chính 29
1.1.2. Nguồn gốc, bản chất thủ tục hành chính 34
1.1.3. Mục đích, vị trí, vai trò, ý nghĩa của thủ tục hành chính 35
1.1.4. Đặc điểm thủ tục hành chính 38
1.1.5. Phân loại thủ tục hành chính 42
1.1.6. Các yếu tố cấu thành thủ tục hành chính 51
1.1.7. Nguyên tắc xây dựng, ban hành thủ tục hành chính 51
1.1.8. Nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính 55
1.1.9. Một số vấn đề về cải cách TTHC ở Việt Nam thời gian qua 55
1.2. Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học 61
1.2.1. Đặc điểm của các trường đại học công lập ở Việt Nam 61
1.2.2. Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập ở Việt Nam 64
Kết luận Chương 1 75
Chương 2: Thực trạng thủ tục hành chính trong các trường đại học công lập Việt nam 76
2.1. Khảo sát các loại hình thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập 76
2.1.1. Thủ tục tuyển sinh và đào tạo đại học hệ chính quy 76

2.1.2. Thủ tục hành chính trong Công tác học sinh, sinh viên 82
2.1.3. Thủ tục hành chính trong công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức 99
2.2. Đánh giá chung thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập - những vấn đề đặt ra cần đổi mới 113
2.2.1. Ưu điểm 113
2.2.2. Hạn chế 114
2.2.3. Nguyên nhân của tình trạng trên 118
2.2.4. Những vấn đề đặt ra cần đổi mới 120
Kết luận chương 2 122
Chương 3: Giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong các trường đại học công lập hiện nay 123
3.1. Yêu cầu chung đối với việc cải cách thủ tục hành chính và yêu cầu vận dụng vào hoạt động của các trường đại học 123
3.1.1. Nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường Đại học công lập Việt Nam 126
3.1.2. Những thách thức đặt ra đối với việc cải cách thủ tục hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động các trường đại học công lập hiện nay 127
3.2. Một số giải pháp chung cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập 131
3.2.1. Nhận thức đúng về vai trò của thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học 131
3.2.2. Khảo sát và đánh giá lại các thủ tục hành chính hiện hành trong hoạt động của các trường đại học công lập 133
3.2.3. Các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu để loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không còn phù hợp ở tất cả các khâu 134
3.2.4. Điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thực hiện nội bộ còn tản mản, chưa thống nhất, chưa rõ địa chỉ về thủ tục hành chính 138
3.2.5. Xây dựng các thủ tục hành chính mới cần đảm bảo tính khoa học, sát thực tiễn đơn giản, dễ thực thi 139

3.3. Một số giải pháp cụ thể nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập 140
3.3.1. Thực hiện phân quyền trong quản lý trường học, quy định rõ chức năng nhiệm vụ các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường 140
3.3.2. Xây dựng Bộ quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường đại học 142
3.3.3. Xây dựng bộ quy trình xử lý các thủ tục hành chính để giải quyết các công việc của trường đại học 144
3.3.4. Quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin và chú trọng khâu thực hiện các thủ tục hành chính 149
3.3.5. Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính 150
3.3.6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội trong trường học 151
3.3.7. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính..... 152
3.3.8. Áp dụng ISO vào quản lý công việc trong nhà trường 154
3.3.9. Học tập kinh nghiệm quốc tế 156
3.3.10. Giao quyền giải quyết các công việc cụ thể trong hoạt động các trường dưới sự giám sát chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo 157
3.3.11. Thí điểm và tiến tới triển khai cơ chế TTHC "một cửa" cho học sinh, sinh viên..... 158
Kết luận 160
Danh mục công trình của Tác giả ..... Error! Bookmark not defined.
Danh mục tài liệu tham khảo 167

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	CỤM TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTT	Bảo hiểm thân thể
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BTC	Bộ Tài chính
CCHC	Cải cách hành chính
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
ĐHCN TP HCM	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
ĐH	Đại học
ĐHCL	Đại học công lập
ĐKDT	Đăng ký dự thi
ĐKXT	Đăng ký xét tuyển
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
HSSV	Học sinh, sinh viên
HBKKHT	Học bổng khuyến khích học tập
KTX	Ký túc xá
LĐ-TB-XH	Lao động - Thương binh và Xã hội
TTHC	Thủ tục hành chính
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
SV	Sinh viên
GV	Giảng viên
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Thứ tự **Nội dung** **Trang**

Hình 2.1: Thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển ĐH, cao đẳng đến trường 79
Hình 2.2: Thủ tục và hồ sơ chuyển trường 81
Hình 2.3: Thủ tục xét cấp trợ cấp xã hội..... 85
Hình 2.4: Thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí..... 87
Hình 2.5: Thủ tục xét cấp học bổng khuyến khích học tập 89
Hình 2.6: Thủ tục quản lý sinh viên nội trú 91
Hình 2.7: Thủ tục đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên 93
Hình 2.8: Thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật học sinh, sinh viên 95
Hình 2.9: Thủ tục cử viên chức tham gia thi nâng ngạch 110
Sơ đồ 3.1: Các kiểu phân phối thẩm quyền 141
Biểu 3.1: Biểu mẫu thống kê cập nhật, công bố TTHC..... 145
Sơ đồ 3.2: Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên **Error! Bookmark not defined.**
Biểu 3.2: Quy trình xét cấp học bổng (cho các loại học bổng)..... 148
Hình 3.1: Mô hình đánh giá mức độ hài lòng dịch vụ hành chính..... 154

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách hành chính (CCHC) phục vụ cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) được xác định là một khâu quan trọng. Mục đích ở đây được đặt ra là phục vụ tốt hơn yêu cầu, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ngày một tốt hơn. Bắt đầu từ những năm chín mươi của thế kỷ XX, vấn đề cải cách TTHC đã được đặt ra như là một yêu cầu cần thiết khách quan. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 38/CP ngày 01/4/1994 về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức. Trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 đến 2010, Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 đến 2020 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác, cải cách TTHC đều được nhấn mạnh. Sau nhiều năm TTHC đã được đơn giản hóa một bước. Nhiều giấy tờ không cần thiết đã được loại bỏ. Tuy vậy trên thực tiễn TTHC vẫn còn phức tạp cả về thể chế và thực hiện, gây không ít phiền hà cho cá nhân, tổ chức.

Nghiên cứu về TTHC từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu từ bài báo khoa học, luận văn thạc sĩ, đến đề tài nghiên cứu cấp bộ, sách chuyên khảo và qua đó nhiều phương diện, góc độ khoa học khác nhau của vấn đề đã được xem xét. Tuy vậy, cho đến nay giữa các nhà khoa học vẫn chưa có được một quan niệm thống nhất về TTHC. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào chủ đề TTHC của các cơ quan hành chính, mà chưa có công trình nghiên cứu độc lập nào về TTHC trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các trường đại học. Hơn nữa, thực tế TTHC trong hoạt động của các trường đại học được quy định còn tản mạn, không thống nhất. Mỗi trường đại học thường có những quy định riêng của mình về TTHC. Để đáp ứng yêu cầu giải quyết các công việc trong trường đại học, cần phải tìm ra những giải pháp hữu hiệu để cải cách TTHC và đây là một yêu cầu cần thiết khách quan hiện nay để góp phần thúc đẩy nền đại học nước ta trong thời kỳ tới.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó tác giả đã chọn đề tài "***Các giải pháp để thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập ở Việt Nam***" làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ của mình.

Thông qua việc nghiên cứu một số trường đại học ở Việt Nam, đề tài cũng đặt ra những vấn đề của quá trình nghiên cứu CCHC nói chung, mong muốn góp phần làm phong phú hơn khoa học quản lý công, quản lý nhà nước.

2. Giả thuyết nghiên cứu

Thủ tục hành chính trong hoạt động của bất cứ trường ĐH nào cũng đều liên quan mật thiết đến nhiều phương diện trong quá trình phát triển của nhà trường. Vì vậy, nếu TTHC được xây dựng và tổ chức triển khai tốt thì điều đó không chỉ làm cho sự phát triển của nhà trường thuận lợi hơn mà ảnh hưởng của nhà trường đối với nhiều phương diện của đời sống xã hội có liên quan cũng sẽ tốt hơn. Trong khi đó TTHC tại các trường ĐH hện còn rất nặng nề. Đó là cơ sở để khẳng định rằng nhiệm vụ cải cách TTHC đang đặt ra rất cấp thiết đối với các trường ĐH và nó đòi hỏi phải có sự quan tâm nghiên cứu để đổi mới. Hơn nữa, nếu nghiên cứu TTHC và đề xuất được những đổi mới và cải cách cần thiết thì đó sẽ là đóng góp quan trọng cho nhiệm vụ cải cách ĐH và cải cách giáo dục nói chung mà chúng ta hiện đang tiến hành theo Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

Thủ tục hành chính liên quan mật thiết tới quá trình điều hành hoạt động của bất cứ tổ chức nào kể cả đối với các trường ĐHCL. Nếu các hạn chế về ban hành và tổ chức triển khai các TTHC được chỉ rõ, các giải pháp thiết thực để khắc phục các hạn chế đó được đưa ra một cách thực tế, có tính thuyết phục, việc ban hành TTHC và tổ chức thực hiện chúng gắn với hoạt động của các trường ĐH được đổi mới và mang tính khoa học thì chắc chắn sẽ rất có ích cho các nhà trường trước mắt cũng như lâu dài, làm cho các trường ĐH hoạt động và phát triển tốt hơn. Đây là điều mà xã hội hiện nay đang rất mong chờ.

Điều đáng nói là, hiện tại không phải cơ quan quản lý và trường ĐHCL nào cũng nhận thức đầy đủ và rõ ràng vai trò của TTHC trong nhà trường vì còn thiếu những nghiên cứu có chiều sâu, có tính hệ thống và đưa ra được những khuyến cáo hữu ích mang tính đột phá. Luận án của chúng tôi không chỉ nghiên cứu ưu điểm,

các tồn tại, hạn chế trong việc ban hành và thực hiện các TTHC mà còn chỉ rõ nguyên nhân của các tồn tại, các hệ lụy mà chúng gây ra cho các trường ĐH, tìm kiếm các giải pháp hữu ích để khắc phục. Ví dụ, việc các trường ĐHCL tự đề ra các thủ tục quản lý không theo quy định của Bộ GD&ĐT là không tốt. Nhưng cơ quan cấp trên là Bộ GD&ĐT cần làm gì trước hiện thực đó? Vì sao việc triển khai TTHC do ngành đề ra đối với các ĐHCL lại khó khăn và không hiệu quả? Giải pháp khắc phục có phải bắt đầu từ xây dựng lại quy chế, đổi mới nhận thức về xây dựng TTHC và tổ chức sao cho theo kịp tình hình mới hay không? Các ĐHCL sẽ phải tổ chức lại bộ máy để triển khai các TTHC mà cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành nhưng phải có những điều kiện gì? Phải học tập kinh nghiệm quốc tế như thế nào cho có hiệu quả trong lĩnh vực đang nói đến? Đó là những vấn đề đặt ra cho quá trình nghiên cứu.

Những vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ triển khai TTHC có vai trò rất quan trọng cũng sẽ được nghiên cứu trong luận án của chúng tôi. Kết luận rút ra được khi đó không chỉ có ích cho việc nâng cao lý luận TTHC mà còn có ý nghĩa thực tế to lớn.

3. Mục đích nghiên cứu

- Bổ sung, hoàn thiện thêm lý luận về thủ tục, về cải cách, đặc biệt là cải cách việc thực hiện TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL đáp ứng những đòi hỏi, yêu cầu do thực tiễn đặt ra.

- Chỉ ra các ưu điểm cũng như hạn chế và khó khăn khi triển khai các TTHC trong các trường ĐH, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy cải cách TTHC đối với hoạt động của các trường ĐHCL, góp phần đổi mới cách tổ chức các hoạt động cuả nhà trường ĐH có liên quan đến TTHC, nâng cao chất lượng quản lý của nhà trường và qua đó nâng cao chất lượng của GDĐH.

4. Nhiệm vụ

Với mục đích nêu trên, luận án đặt ra các nhiệm vụ sau đây:

Một là, làm rõ những cơ sở lý luận về TTHC và cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL.

Hai là, đánh giá thực trạng thực hiện TTHC và những vấn đề đặt ra liên quan đến nhiệm vụ này trong hoạt động của các trường ĐHCL thời gian qua.

Ba là, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp để thúc đẩy cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam hiện nay phục vụ cho mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, rộng hơn là phục vụ cho nhiệm vụ cải cách GDĐH Việt Nam đương đại.

5. Đối tượng nghiên cứu

Luận án lấy chủ thể TTHC, các quy phạm về TTHC, cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam hiện nay làm đối tượng nghiên cứu.

6. Nội dung nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ban hành, thực hiện TTHC và cải cách việc triển khai TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL qua một số khâu cụ thể như: Tuyển sinh và đào tạo hệ đại học; Công tác SV; Công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức và một số vấn đề liên quan hoặc tác động nhiều đến cán bộ và SV. Cần nói rằng các TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở nước ta liên quan đến nhiều phương diện trong đời sống nhà trường. Chúng cũng liên quan đến nhiều mặt khác nhau của đời sống xã hội vì các trường ĐH của ta cũng tham gia nhiều hoạt động xã hội theo chủ trương chung. Tuy nhiên, các hoạt động có tác động nhiều nhất đến sự phát triển, đến chất lượng đào tạo của các trường ĐH, đến cuộc sống của hầu hết cán bộ, SV nhà trường chính là tuyển sinh, tổ chức hoạt động đào tạo, đánh giá SV trong quá trình học tập và khi ra trường, xây dựng đội ngũ giảng viên. Đó là lý do vì sao chúng tôi đã chọn các TTHC liên quan đến các nhiện vụ vừa nói để nghiên cứu. Nếu tìm được các giải pháp làm cho các TTHC liên quan đến những nhiệm vụ đó được cải thiện, công việc trôi chảy, có chất lượng thì về cơ bản có thể tin là trường ĐH sẽ phát triển tốt hơn.

7. Phạm vi nghiên cứu

Để thuận lợi cho việc nghiên cứu và tìm ra tính điển hình luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu là trường ĐHCL. Các học viện, ĐH vùng, trường ĐH chuyên ngành thuộc các ĐH, các trường ĐH đặc thù như các trường thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, ĐH ngoài công lập chúng tôi chưa đề cập đến. Thủ tục hành chính liên quan đến các đối tượng là SV vừa làm vừa học, các lớp liên thông, liên kết và hợp tác đào

tạo, học sinh trung học trong các trường đại học, HSSV là người nước ngoài cũng không được đặt ra để xem xét trong luận án này.

Do khuôn khổ của luận án, các vấn đề liên quan đến tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và việc xét tuyển thay cho hình thức thi tuyển sinh cũng không được đặt vào nhiệm vụ nghiên cứu của chúng tôi. Vả chăng TTHC về vấn đề này không chỉ liên quan đến các trường ĐH mà chúng cũng có quan hệ đến nhiều Viện nghiên cứu, nhiều cơ quan khoa học khác, việc nghiên cứu đòi hỏi phải có những công trình khoa học khác.

Trong một số trường hợp cần thiết tác giả có đề cập tới nhưng không nghiên cứu sâu về TTHC liên quan đến hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh trong các trường ĐH.

- *Về không gian nghiên cứu:* Không gian nghiên cứu của luận án được mở rộng tới tất cả các trường ĐHCL trong phạm vi cả nước, trong đó tập trung sâu hơn ở một số trường như: ĐH Nông nghiệp Hà Nội, ĐH Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, ĐH Hàng hải Việt Nam, ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh, ĐH Đà Lạt, ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, ĐH Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, ĐH Tài chính - Marketing... Trong quá trình nghiên cứu tác giả đã tổ chức lấy ý kiến trả lời Phiếu khảo sát TTHC trong hoạt động của các trường ĐH ở Việt Nam của đại diện 106 trường ĐH tham dự Hội nghị Công tác HSSV năm 2012 tại thành phố Huế để có thêm thông tin, minh chứng xác đáng, làm rõ thêm phần thực trạng và yêu cầu cần thiết của vấn đề cải cách. Tác giả có được đến tìm hiểu và đề cập đến việc thực hiện TTHC ở một số trường ĐH nước ngoài, như: ĐH Kinh tế quốc tế (Trung Quốc), ĐH Chuala longkorn, ĐH Mahanakorn (Thái Lan), ĐH Dedaya, ĐH Asia Pacific (Malaisia) và đã sử dụng những tư liệu cần thiết vào luận án của mình.

- *Giới hạn thời gian nghiên cứu:*

Luận án giới hạn việc nghiên cứu các vấn đề TTHC nói chung và TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt nam trong thời kỳ từ sau đổi mới đến nay, đặc biệt chú ý tập trung vào giai đoạn 1 của Chương trình cải cách TTHC (2001-2010) của Chính phủ và những năm đầu của Chương trình CCHC giai đoạn 2 (2011-2020).

8. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở nhận thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, các vấn đề về thủ tục, TTHC, cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐH được xem xét trong mối liên hệ với công cuộc CCHC Nhà nước đang được đẩy mạnh hiện nay. Tác giả cũng sử dụng những chỉ dẫn rút ra từ các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, các văn bản luật có liên quan đến cải cách GD&ĐT, quản lý nhà nước về GD&ĐT để định hướng trong quá trình nghiên cứu về TTHC, CCHC, cải cách TTHC. Cụ thể các phương pháp nghiên cứu đã được vận dụng là:

- *Phương pháp phân tích:* Theo phương pháp này chúng tôi đã phân tích và nghiên cứu các vấn đề về TTHC trong các trường ĐH gắn liền chặt chẽ với nhiệm vụ CCHC và TTHC nói chung hiện nay, với yêu cầu cải cách GDĐH mà chúng ta đang tiến hành… Chúng tôi cũng xem xét ý nghĩa của cải cách TTHC trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội để tìm ra những bài học cần thiết cho nhiệm vụ này đối với các trường ĐH, xem xét mối quan hệ giữa ban hành và tổ chức thực hiện TTHC - vấn đề cốt tử trong cải cách TTHC.

Trong một chừng mực nhất định chúng tôi cũng đã áp dụng phương pháp phân tích định lượng kết hợp với phân tích hệ thống để xem xét vấn đề đặt ra một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

- *Phương pháp lịch sử:* Cần nhấn mạnh rằng mỗi giai đoạn cụ thể vấn đề CCHC đều đặt ra và phản ánh những quy luật mang tính lịch sử, trong đó cải cách TTHC, cải cách GD&ĐT... đều được phản ánh theo những yêu cầu có tính lịch sử. Vì vậy sử dụng phương pháp lịch sử để phân tích, làm rõ bản chất của quá trình nhận thức về TTHC, cải cách TTHC trong mỗi giai đoạn, thời điểm lịch sử nhất định là một yêu cầu khách quan khoa học khi nghiên cứu giải quyết những lý luận và thực tiễn quá trình hình thành của TTHC và đề xuất các giải pháp về cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam phù hợp với yêu cầu hiện nay.

- *Phương pháp điều tra, khảo sát:* Phương pháp nghiên cứu này được dùng để đánh giá thực trạng kết quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại trong việc cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam. Phương pháp này góp phần làm rõ hơn những vấn đề của thực tế, ví dụ như yêu cầu thực hiện TTHC của cán bộ nhà trường, các quy định cụ thể do trường tự đề ra, những yếu kém hiện nay trong lĩnh vực TTHC, những hạn chế khi thực hiện v.v… Kết quả điều

tra, khảo sát thực tế là một trong những cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp thúc đẩy cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL theo yêu cầu của CCHC.

- *Phương pháp thống kê so sánh:* Để làm rõ quá trình hình thành, thay đổi, sửa đổi, bổ sung TTHC và những tác động, ảnh hưởng, một số lĩnh vực trong hoạt động của trường ĐH chúng tôi rất quan tâm sử dụng phương pháp thống kê so sánh các số liệu thu thập được với nhau. Việc so sánh đã cho phép làm sáng tỏ nhiều vấn đề trước đây còn chưa có sự đánh giá toàn diện nên bị hiểu sai như vấn đề quyền tự chủ của các trường ĐH, vấn đề TTHC nội bộ v.v...

- *Phương pháp tổng hợp hệ thống:* Trên cơ sở các tài liệu, thông tin và dữ liệu thu thập được, việc phân tích, đánh giá, xem xét các khía cạnh của vấn đề từ thực tiễn và khoa học hành chính công được thực hiện bằng cách phân tích, tổng hợp theo hệ thống đưa ra những kết luận, đề xuất khoa học, phù hợp với lý luận và thực tiễn cho việc cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở nước ta. Đó là phương pháp rất quan trọng mà chúng tôi đã vận dụng trong nhiều chương mục của luận án.

Trong quá trình nghiên cứu tác giả luôn chú ý đặt các vấn đề nghiên cứu trong hệ thống những vấn đề chung của CCHC và xây dựng nhà nước pháp quyền trong mối quan hệ các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động của các trường ĐH. Phương pháp này đã cho phép tác giả nhìn nhận các vấn đề toàn diện hơn để có thể đánh giá chúng một cách chính xác.

9. Những đóng góp mới của luận án

- Về lý luận

+ Nhận diện, củng cố bổ sung thêm lý luận về thủ tục, TTHC, đặc biệt là phần lý luận TTHC đối với hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam, tập hợp, hệ thống hóa các TTHC đối với hoạt động của các trường ĐH, luận giải sự cần thiết phải cải cách và đổi mới việc thực hiện TTHC trong lĩnh vực này.

+ Làm rõ, bổ sung thêm phần lý luận về vị trí, vai trò, đặc điểm, ý nghĩa, cách phân loại, nguyên tắc xây dựng, ban hành và thực hiện TTHC; quan niệm về TTHC; đối chiếu, phân tích làm rõ hơn các nội dung trên, đặc biệt là từ khi Nghị định số

63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ "Về kiểm soát Thủ tục hành chính" ra đời.

+ Khái quát những đặc điểm của TTHC đối với hoạt động của các trường ĐH, sự cần thiết điều chỉnh các TTHC này trong lĩnh vực quản lý hành chính công về GD&ĐT, đồng thời đưa ra những nhận định bước đầu về vấn đề cải cách TTHC đối với hoạt động của các trường ĐHCL hiện nay.

+ Đề xuất được một số giải pháp chung và những giải pháp cụ thể về tổ chức nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL.

- Về thực tiễn

+ Luận án đã tổng hợp, so sánh, đánh giá và đưa ra được những nhận định bước đầu về tình hình thực hiện TTHC trong các trường ĐHCL hiện nay, chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân dẫn đến việc cải cách TTHC trong các trường ĐH thời gian qua chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Trong đó vấn đề tư duy quản lý hành chính, yếu tố con người và quyền lợi kinh tế là một trong những lực cản lớn. Luận án cũng đã chỉ ra những thách thức đối với việc cải cách TTHC nói chung và cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL hiện nay.

+ Luận án cũng giới thiệu với giới chuyên môn một số mô hình áp dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết các TTHC trong trường ĐH. Đó là những mô hình đã đem đến sự hài lòng của giảng viên, SV vì sự thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời, hiện đại và giảm phiền hà, ách tắc, chậm trễ, nhũng nhiễu trong công việc của các trường, góp phần chống tiêu cực trong công cuộc CCHC nhà nước hiện nay.

+ Luận án cũng đã tổng hợp và giới thiệu một số mô hình tuyển sinh ĐH từ các nước có nền giáo dục phát triển trên thế giới, từ đó đề xuất mô hình tuyển sinh ĐH ở Việt Nam trong thời gian tới với các thủ tục mới.

Từ kết quả nghiên cứu luận án đã tổng hợp và đề xuất với Bộ GD&ĐT loại bỏ những TTHC không cần thiết, không còn phù hợp trong khâu tuyển sinh và đào tạo ĐH hiện nay, đặc biệt là trong công tác HSSV; trong thi tuyển, xét tuyển và bồi dưỡng cán bộ, viên chức.

+ Một số công cụ quan trọng rất cần thiết cho việc điều hành cũng được đề nghị với lãnh đạo các trường ĐH xây dựng như: Bộ quy định, quy định chức năng,

nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường (có quy chuẩn, rõ về chức năng nhiệm vụ - thể chế); Bộ quy trình xử lý các TTHC để giải quyết các công việc của trường ĐH.

+ Luận án cũng đề xuất việc đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức liên quan đến việc giải quyết TTHC trong nhà trường, một lĩnh vực mà từ trước tới nay còn bỏ ngỏ.

10. Kết cấu nội dung của luận án

Ngoài phần mở đầu, Tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận án gồm 3 chương:

Chương 1 Cơ sở lý luận về thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính đối với hoạt động của các trường đại học công lập

Chương 2: Thực trạng thủ tục hành chính trong các trường đại học công lập Việt Nam

Chương 3: Giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong các trường đại học công lập hiện nay

Dưới đây là nội dung chi tiết của các chương, mục trong luận án.

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về TTHC nói chung và TTHC, cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐH là vấn đề rất được các nhà chuyên môn cũng như nhiều người hoạt động thực tế ở trong cũng như ở ngoài nước quan tâm. Dưới đây chúng tôi xin trình bày một cách tổng quan những nội dung của vấn đề này đã được những người đi trước chúng tôi nghiên cứu, những điều đã được giải quyết và những tồn tại cần tiếp tục xem xét hoặc để bổ sung thêm, hoặc để làm sâu sắc hơn các vấn đề được đặt ra trong luận án.

1. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước

1.1. Các nghiên cứu ở ngoài nước

Khái niệm TTHC từ lâu đã được các nhà hành chính trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Dưới đây là một số vấn đề mà chúng tôi đã tìm hiểu được.

1.1.1. Về khái niệm thủ tục, thủ tục hành chính

Ở Pháp, theo cuốn Bách khoa toàn thư Pháp (1994) [187, pp.824] và cuốn Từ điển Bách khoa Pháp (1999), định nghĩa thì, "Thủ tục là toàn bộ những quy tắc phải theo, những phương pháp tiến hành phải thực hiện đối với việc thiết lập một số quyền hay một số tình huống về pháp lý. Ví dụ: thủ tục ly hôn"[188, pp.1268].

Mặc dù khái niệm trên không nói một cách cụ thể về: trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện, chủ thể quy định TTHC, nhưng có thể nói, đây là một trong những quan niệm có ảnh hưởng nhiều đến các nghiên cứu về khái niệm thủ tục, TTHC của các nhà khoa học, các nhà luật học ở Việt Nam nhiều năm qua. Bằng chứng là trong các nghiên cứu về Luật hành chính, Thuật ngữ hành chính và Giáo trình giảng dạy về TTHC của Học viện hành chính ở Việt Nam đều có đề cập và nhắc lại các khái niệm này. Chúng khá ngắn gọn và tương đối đầy đủ, có giá trị thực tế và có tính lịch sử, rất đáng để tham khảo sử dụng trong quá trình nghiên cứu và trình bày các vấn đề về lý luận TTHC. Trong giáo trình về Luật hành chính của Nga (đã dịch ra tiếng Việt) cũng có một định nghĩa tương tự về TTHC.

Ở Trung Quốc, theo Luật 168 thì "TTHC có một lịch sử lâu dài..., được thiết kế để đảm bảo hiệu quả hành chính. TTHC là trung tâm của quá trình ra quyết định hành chính"[185]. Còn theo Đạo luật TTHC, "TTHC là hành vi hành chính của Luật cơ bản cung cấp cho các cơ quan hành chính các phương pháp hành động hành chính, quy trình, thủ tục, thời hạn, điều chỉnh các cơ quan hành chính và đối tác hành chính trong quản lý hành chính của mối quan hệ xảy ra trong hệ thống chỉ tiêu pháp lý. Các nguyên tắc cơ bản của TTHC bao gồm các nguyên tắc công khai, công bằng, theo nguyên tắc tham gia, các nguyên tắc xem xét, nguyên tắc hiệu quả, nguyên tắc thứ tự, nguyên tắc của chương trình một cách kịp thời. TTHC làm luật, chống lạm dụng quyền lực công cộng, kiểm soát, bảo vệ nhân quyền, bảo vệ công dân quyền cơ bản và quyền tự do, chuẩn hóa hành vi hành chính, duy trì trật tự cạnh tranh thị trường, chuẩn hóa và đơn giản hóa TTHC"[186].

Các quan niệm trên đã ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu và xây dựng TTHC ở Việt Nam. Trong bản Dự thảo Luật TTHC của Việt Nam công bố và xin ý kiến góp ý ngày 10/10/2007 (có 31 điều), có nhiều điểm như: Quy định về nguyên tắc TTHC; Thẩm quyền quy định TTHC; Yêu cầu đối với việc quy định TTHC; Cách thức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC; Công khai TTHC; Thẩm quyền tiếp nhận, xử lý; Trình tự xử lý phản ánh, kiến nghị; Quyền và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính khá gần với Đạo luật TTHC của Trung Quốc nhưng nội dung điều chỉnh, cách thức điều chỉnh... chúng tôi nhận thấy có chỗ hẹp hơn.

1.1.2. Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường Đại học ở một số nước

Qua một số thông tin được công bố trên các trang mạng của các trường ĐH một số nước như: ĐH Hawaii, ĐH Idaho, ĐH Tiểu bang Georgia, ĐH Virginia - Mỹ; ĐH Torodo - Canada; ĐH Oslo - Na Uy... chúng ta thấy có khá nhiều quy định chi tiết về TTHC trong hoạt động của nhà trường. Trang mạng của trường ĐH Oslo, Na Uy (University of Oslo) đã đưa ra định nghĩa: "TTHC tại trường ĐH được quy định bởi các hành vi hành chính. Hành động này chúng ta có thể tìm thấy trong các quy định, quy chế, nội quy, các hướng dẫn thực hiện, quyết định cá nhân và các kháng cáo. Mỗi trường ĐH sắp xếp việc nhập học của SV theo thủ tục riêng của họ"[173].

Theo quan điểm này, TTHC ở đây được hiểu rất rộng và có tính nội bộ: "Hành vi hành chính...trong các quy định, quy chế, nội quy", thậm chí trong các: "hướng dẫn thực hiện, quyết định cá nhân...". Đáng chú ý là tính tùy nghi của TTHC: "Mỗi trường ĐH sắp xếp việc nhập học của SV theo thủ tục riêng của họ". Trên thực tế quan niệm này có phần giống với hiện trạng trong nhiều trường ĐH ở Việt Nam, nhưng xét về mặt lý luận không đơn giản để được công nhận. Chúng ta đều biết Việt Nam chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mới được ban hành TTHC. Tuy nhiên, quan điểm và cách thức thực hiện này là phần gợi mở tốt cho tác giả luận án kế thừa và đề xuất việc ban hành Bộ quy trình thủ tục giải quyết các công việc trong nội bộ các trường ĐHCL ở Việt Nam. Nó rất có ích cho nghiên cứu vấn đề cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐHCL ở Việt Nam với chủ trương tập trung vào cải cách cách thức - việc thực hiện TTHC trong hoạt động nhà trường.

1.1.3. Vấn đề cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính

Trong việc nghiên cứu những vấn đề về CCHC và cải cách TTHC cần phải kể đến cuốn sách của hai tác giả: S. Chiavo - Campo và P.S.A. Sundaram thuộc Ngân hàng phát triển châu Á "*Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh" (*Nxb Chính trị quốc gia, 2003). Ở đây, khi đề cập đến tính hiệu quả kinh tế của cải cách TTHC các tác giả cho rằng: "Về mặt tổng thể, quy trình sẽ trở nên vô nghĩa nếu không tính đến hiệu quả, nhưng ngược lại, nếu quá tập trung vào kết quả mà không quan tâm đến việc bảo vệ các quy định công bằng và quy trình đúng đắn thì cũng không thể có những cải thiện bền vững được"[57, tr.21].

Đây là một trong những quan điểm cảnh báo rất sâu sắc về quan hệ giữa tính hiệu quả và sự công bằng với tính đúng đắn của pháp luật. Sự thiên lệch cái này có thể sẽ làm hỏng cái kia. S. Chiavo - Campo và P.S.A. Sundaram cũng cho rằng: "Bên cạnh số lượng quá dư thừa các quy định ở các nước đang phát triển là tình trạng bừa bãi và mâu thuẫn của các văn bản. Nhiều văn bản có các quy định bỏ ngỏ và mơ hồ đã buộc công dân phải tuân theo ý muốn chủ quan của các viên chức nhỏ nhen"[57, tr.32].

Chúng tôi cho rằng cách đánh giá như vậy rất đáng để ý khi liên hệ với tình trạng của Việt Nam. Không ít nhà chuyên môn từng nhận xét: "Hệ thống pháp luật nước ta còn phức tạp, cồng kềnh, nhiều tầng nấc. Nhiều VBQPPL mâu thuẫn, chồng chéo, thậm chí trái với văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên, những quy phạm lỗi thời chưa được kịp thời phát hiện, loại bỏ hoặc có những lĩnh vực cần điều chỉnh thì lại chưa có quy định"[169]. Đây có thể nói là thực trạng chung mà nhiều nhiều nước đang phát triển trên thế giới đang phải đối mặt. Thực tế là cải cách TTHC nói chung và và cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐHCL ở Việt Nam đang có nhiều khó khăn, gai góc. Chúng đòi hỏi phải cẩn trọng khi nghiên cứu lĩnh vực này.

Ở Trung Quốc, Tất Tiểu Bình thuộc ĐH Trung Sơn có chuyên khảo nghiên cứu khá công phu "*Thiết kế đánh giá công tác sinh viên",* trong đó đã nghiên cứu các vấn đề như: lý luận công tác SV; tổ chức công tác SV; đội ngũ công tác SV; nội dung đánh giá công tác SV; tin học hóa công tác SV; xây dựng lưu trình (quy trình, thủ tục) công tác SV. Ví dụ sơ đồ mô tả lưu trình (quy trình thủ tục) cho vay trợ học của Nhà nước trong tác phẩm này rất cụ thể và đáng cho chúng ta tham khảo[37, tr.214].

Sơ đồ mô tả trong cuốn sách này cho thấy quy trình thủ tục cho SV vay trợ học khá cụ thể. Tuy nhiên cuốn sách chủ yếu chỉ đề cập đến một lĩnh vực duy nhất là thiết kế đánh giá "công tác SV". Luận án tham khảo ở đây phần quy trình, thủ tục giải quyết các công việc liên quan đến công tác SV. Các vấn đề khác không được đề cập nhiều trong cuốn sách này.

Ở Trung Quốc còn có tác giả Cận Nhị Bân với cuốn sách "*Kinh tế giáo dục"*[36] viết khá công phu. Ở đây tác giả tập trung chủ yếu nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và kinh tế, đầu tư giáo dục, hiệu suất kinh tế giáo dục, hiệu quả kinh tế giáo dục, kinh tế trí thức và giáo dục, tài sản giáo dục, kinh doanh giáo dục, quyền sở hữu giáo dục. Cuốn sách không trực tiếp nói về TTHC nhưng chúng tôi cho rằng vẫn rút ra được từ cuốn sách này những ý nghĩa nhất định có liên quan đến TTHC như: cơ sở khoa học khi thiết kế giáo dục, giảm thiểu chi phí liên quan đến giáo dục, tính hiệu quả kinh tế giáo dục là những nội dung liên quan đến cải cách TTHC trong hoạt động của nhà trường.

Như vậy, ở nước ngoài vấn đề TTHC trong hoạt động của các trường ĐH đã được đề cập trong thực tiễn hoạt động khá nhiều. Mặc dù về lý luận còn khá tản mạn, chưa có tính hệ thống nhưng các tác phẩm, đề tài, văn bản quy định về TTHC nêu trên cũng đã gợi ý rất nhiều cho các nghiên cứu nước ta và của chính tác giả trong việc nghiên cứu luận án của mình.

1.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

1.2.1. Về quan niệm thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tại Việt Nam quan niệm về TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC tới nay đã có khá nhiều tác giả nghiên cứu. Trước hết có thể nhắc đến cuốn sách của PGS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm và PGS.TS Võ Kim Sơn (2001) *Thủ tục hành chính: lý luận và thực tiễn* do NXB Chính trị quốc gia ấn hành. Trên cơ sở cuốn sách này, 2 tác giả đã biên soạn cuốn *Giáo trình Thủ tục hành chín*h được Nxb Giáo dục in nhiều lần. Đây có thể nói là 2 cuốn sách giáo khoa đầu tiên ở nước ta trình bày tương đối đầy đủ và riêng về TTHC.

PGS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm còn có các bài chuyên khảo: "*Cải cách thủ tục hành chính và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quan hệ với nhân dân*" - đăng trong Tạp chí Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, số 11-1996; "*Thủ tục hành chính* "*một cửa*"*... cái được và cái chưa được*" đăng trong Tạp chí Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, số Xuân 2 -1997; "*Một số vấn đề hiện nay của việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế* "*một cửa liên thông*" - đăng trong Tạp chí Quản lý nhà nước tháng 11-2010; "*Cần hiểu đúng về thủ tục hành chính*" - đăng trong cuốn "Một số vấn đề về Văn bản quản lý nhà nước, lưu trữ - lịch sử và quản lý hành chính" (NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội 2011) v.v... Có thể nói GS.TSKH.NGND. Nguyễn Văn Thâm là người có nhiều chuyên khảo, công trình nghiên cứu về TTHC, đã làm rõ khái niệm, nội hàm, bản chất TTHC và thực hiện TTHC, cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông". Nhưng những nghiên cứu đó chỉ chuyên về quản lý nhà nước ở các cấp, TTHC trong hoạt động các trường ĐH gần như chưa được đề cập tới.

Thủ tục hành chính cũng được nói đến trong cuốn *Thuật ngữ hành chính* do Viện nghiên cứu hành chính, Học viện Hành chính quốc gia, Bùi Thế Vĩnh và Đinh Ngọc Hiện chủ trì biên soạn, xuất bản năm 2002.

Ngoài ra Mai Hữu Khuê, Bùi Văn Nhơn có cuốn "*Một số vấn đề cải cách thủ tục hành chính*", NXB. Chính trị quốc gia[48, tr.18], xuất bản năm 1995; Nguyễn Hữu Khiển có bài "*Luận về thủ tục hành chính hiện nay*"[114], đăng trên diễn đàn sinh viên - Học viện hành chính năm 2010. Trong đó có tác giả đưa ra khái niệm tương đối dài nhưng vẫn chưa có những điểm mới hoàn toàn.

Tới năm 2010, Chính phủ ban hành Nghị định số: 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 *Về Kiểm soát Thủ tục hành chính*, khái niệm TTHC và một số khái niệm liên quan được định nghĩa như sau:

"Thủ tục hành chính" là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

"Trình tự thực hiện" là thứ tự các bước tiến hành của đối tượng và cơ quan thực hiện TTHC trong khi giải quyết một công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

"*Hồ sơ*" là những loại giấy tờ mà đối tượng thực hiện TTHC cần phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết TTHC trước khi cơ quan thực hiện TTHC giải quyết một công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

"Yêu cầu, điều kiện" là những đòi hỏi mà đối tượng thực hiện TTHC phải đáp ứng hoặc phải làm khi thực hiện một TTHC cụ thể.

Như vậy, quá trình phát triển khái niệm về thủ tục, TTHC cho tới khi Nghị định số: 63/2010/NĐ-CP ra đời chúng ta thấy ngày một rõ ràng hơn, cụ thể hơn, về trình tự, cách thức, hồ sơ, điều kiện các yêu cầu cần có để thực hiện. Đặc biệt là những khái niệm này tác giả luận án có phần kế thừa nhất định khi đưa ra các luận điểm của mình.

1.2.2. Về đổi mới tư duy thủ tục hành chính

Về vấn đề này có thể xem bài viết của GS.TS. Bùi Thế Vĩnh "*Đổi mới tư duy hành chính - Nền tảng vững chắc cho khâu đột phá cải cách hành chính*", là một công trình có nhiều điểm đáng chú ý. Tác giả cho rằng: "Gốc rễ mọi sự đột phá là

đổi mới tư duy. Không có tư duy mới thì không có sự đổi mới và cũng không hình thành và phát triển một cơ chế quản lý mới"[76, tr.35-36]. Vấn đề được nhấn mạnh ở đây là con người, tư duy, ý thức của con người, coi tư duy là vấn đề quan trọng đầu tiên của công việc này. Tư duy đúng thì cách nghĩ, cách làm sẽ đúng. Tư duy sai thì cách nghĩ, cách làm sẽ thiên lệch và sẽ sai. Đó là một cách đặt vấn đề chính xác. Quan điểm này giúp tác giả luận án có sự nhìn nhận và đánh giá khách quan hơn về thực trạng cũng như đề xuất các giải pháp về cải cách TTHC trong luận án này.

Tác giả Diệp Văn Sơn, trong bài "*Trong cải cách hành chính chưa có anh hùng*", đã có sự so sánh khá ví von nhưng mạnh dạn và thực tế rằng: "Trong kháng chiến có nhiều anh hùng đã dũng cảm chặt bỏ phần đau của mình để chiến đấu: anh La Văn Cầu chặt cánh tay bị thương, anh Trừ Văn Thố chặt chân... Nhưng trong CCHC chưa có anh hùng. Rất cần những "anh hùng" dám chặt bỏ những phần thừa trong đơn vị mình, loại bỏ khỏi bộ máy những con sâu, những thành phần tiềm ẩn nguy cơ hư hỏng"[136].

Diệp Văn Sơn còn có nhiều bài viết khác thể hiện những tư duy đổi mới TTHC được in trong cuốn *Cải cách hành chính những vấn đề cần biết*, Nxb Lao động năm 2006, như: *Đổi mới hoạt động của đội ngũ công chức là khâu đột phá trong cải cách hành chính, Cải cách bộ máy hành chính phải đồng bộ, Quản lý hành chính theo quy trình, Nền hành chính phải có kỷ cương*... Các bài viết của tác giả theo hướng trên đã nêu lên nhiều gợi ý để chúng tôi nghiên cứu vấn đề đổi mới TTHC trong hoạt động các trường ĐH.

1.2.3. Nghiên cứu về cải cách thủ tục hành chính

Tìm hiểu những tác phẩm chuyên nghiên cứu về cải cách TTHC chúng tôi thấy có một số luận văn thạc sĩ như: "*Cải cách thủ tục hành chính trong cải cách nền hành chính Nhà nước Việt Nam* của Trần Văn Bình, "*Cải cách thủ tục hành chính (Khảo sát mô hình một cửa tại UBND thị xã Sóc Trăng)* của Nguyễn Thị Ngọc Phượng, "*Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của Uỷ ban nhân dân quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh*" của Vương Hoàng Tuấn và một số luận văn khác.

Bên cạnh các luận văn thạc sĩ nói trên, một số đề tài nghiên cứu khoa học về TTHC cũng có nhiều đóng góp đáng kể. Chẳng hạn như nhóm tác giả TS. Nguyễn Minh Đoan, TS. Bùi Thị Đào, Ths. Trần Ngọc Định, TS. Trần Thị Hiền, TS. Lê Vương Long, Ths. Nguyễn Văn Năm, Ths. Bùi Xuân Phái, với đề tài "*Một số vấn đề về tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước*"[43], đã tập trung nghiên cứu theo tính chuyên đề một số nội dung cụ thể như: "*Vấn đề đảm bảo tính minh bạch trong một số hoạt động Nhà nước*" [43, tr. 96-116], "*Nguy cơ tha hóa quyền lực nhà nước*" [43, tr. 73-95], "*lạm quyền và nguy cơ lạm quyền*" [43, tr. 162-189], "*Trách nhiệm và nguy cơ thiếu trách nhiệm*" [43, tr. 205-223], "*Nguy cơ quan liêu hách dịch trong đội ngũ cán bộ, công chức*" [43, tr. 190-204]. Đó là những nội dung mà trên mỗi mức độ cụ thể đều có liên quan đến TTHC ở khía cạnh: yêu cầu tính minh bạch trong việc công khai hóa các TTHC, trách nhiệm và đạo đức của người cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện TTHC, chống lãng phí khi thực hiện TTHC. Tuy những vấn đề được đề cập còn hạn chế và chưa đề xuất được nhiều về mặt giải pháp nhưng là những điểm mở và gợi ý quan trọng cho tác giả luận án đề xuất các giải pháp trong luận án của mình.

PGS. TS. Nguyễn Đăng Thành (Chủ biên), PGS. TS. Lưu Kiếm Thanh, TS. Nguyễn Hoàng Quy, TS. Nguyễn Thị Thu Vân, Ths. Dương Dạch Long, Ths. Đoàn Văn Dũng, trong cuốn sách "*Đo lường và đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước những thành tựu trên thế giới và ứng dụng ở Việt Nam*"[59], đã tập trung nghiên cứu sâu và khá rộng vấn đề lý luận, thực tiễn của việc đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước và cũng có đề cập đến TTHC tại các mục"*Thực tiễn đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam*" [59, tr. 257-297] và việc "*Ứng dụng các thành tựu trên thế giới về đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam*" [59, tr. 298-317]. Các tác giả của cuốn sách vừa nói đã gợi mở cho chúng tôi về việc đánh giá quản lý hành chính nhà nước thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh (CPI), đánh giá hiệu quả thông qua chỉ số về cảm nhận của người dân về quản lý hành chính (PAPI), đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội theo phương pháp đánh giá tác động pháp luật (RIA), và vấn đề cải cách thể chế và thực hiện hiện đại

hóa hành chính. Đó là những vấn đề mà tác giả luận án có thể áp dụng cho việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp trong luận án của mình.

Đặc biệt trong cuốn *Kỷ yếu Hội thảo Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam từ góc nhìn của các nhà khoa học* (2011) của Học viện hành chính có khá nhiều báo cáo khoa học về lĩnh vực cải cách TTHC như: *Cải cách hành chính - một góc nhìn từ cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2010* của PGS. Trần Đình Huỳnh; C*ải cách thể chế tại Việt Nam - góc nhìn từ đề án 30* của TS. Ngô Hải Phan[60, tr. 179-186]; C*ải cách hành chính - Khía cạnh xây dựng thể chế* của TS. Phạm Tuấn Khải[60, tr. 187-192]; *Mấy ý kiến về tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính* của TS. Hoàng Quang Đạt[60, tr. 193-198]; *Xây dựng và hoàn thiện thể chế hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay* của TS. Trương Thị Hồng Hà[60, tr. 199-209]; C*ải cách thể chế hành chính - tiếp cận dưới góc độ lý luận và kinh nghiệm nước ngoài* của TS. Phạm Hồng Quang[60, tr. 210-225]; *Đánh giá thực trạng* c*ải cách thủ tục hành chính ở nước ta thời gian qua* của TS. Lê Hồng Sơn[60, tr. 227-236]. Các bản báo cáo đó đã nêu lên nhiều vấn đề liên quan đến lý luận và thực tiễn cải cách TTHC những năm gần đây. Những vấn đề liên quan đến câu hỏi tại sao phải cải cách TTHC?, Những khó khăn, hạn chế, tồn tại, nguyên nhân tồn tại khi cải cách TTHC?...đã được đề cập và làm rõ. Đây là nguồn tư liệu quý cho tác giả nghiên cứu vận dụng bổ sung vào luận án.

1.2.4. Nghiên cứu về hệ thống thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học

Về vấn đề này ở Việt Nam cũng đã có một số nhà nghiên cứu quan tâm. Ví dụ như Lê Đình Sơn có bài về "*Cải cách hành chính và vấn đề cải tiến các dịch vụ hành chính trong trường đại học*", đăng trên Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 2(37) 2010. Ở đây tác giả đã đề cập đến công cuộc CCHC về quản lý cơ sở vật chất phục vụ quá trình đào tạo và đã ghi nhận rằng cải cách TTHC nói chung thu được nhiều kết quả. Tuy nhiên dòng chảy "CCHC" chưa tác động nhiều đến nhà trường, nơi cung cấp dịch vụ đào tạo cho xã hội. Từ đó, tác giả khuyến nghị các trường có thể vận dụng kinh nghiệm của quá trình CCHC Nhà nước để hoàn thiện

các quy trình dịch vụ phục vụ, xây dựng hệ thống giải pháp cụ thể như: xác định danh mục phục vụ hành chính của nhà trường; xây dựng các quy trình thực hiện các dịch vụ; tổ chức cổng thông tin, thông tin và phối hợp giải quyết dịch vụ... Tác giả cũng đã đưa ra một vài số liệu khảo sát khá thú vị đánh giá về mức độ thực hiện công tác hành chính trong một số trường ĐH tiến hành cuối năm 2008 và cho thấy: 31% ý kiến cán bộ quản lý, chuyên viên được hỏi tán thành với nhận xét "CCHC trong các trường ĐH được giải quyết nhanh chóng thuận lợi"; nhưng cũng có 31% - chưa hoàn toàn tán thành với nhận định đó; số còn lại 38% - không có ý kiến gì. Về ý kiến "Thủ tục giải quyết các công việc và mối quan hệ công tác giữa các cấp, các đơn vị trong nhà trường đã có quy trình, quy định bằng văn bản, thông báo rộng rãi thì có tới 55% người được hỏi không tán thành"[56, tr. 125].

Hà Thị Thu Trang có bài "*Thực trạng cải cách thủ tục hành chính tại trường CĐSPTW", Tạp chí thiết bị giáo dục*, số 93/2013. Trong bài báo này tác giả có đề cập một số nội dung CCHC trong nhà trường nhưng chủ yếu tập trung vào một số vấn đề TTHC liên quan đến mảng mua sắm trang thiết bị giáo dục.

Nguyễn Thị Phượng có bài "*Cải cách hành chính tại trường Đại học Cảnh sát nhân dân"* (tiểu luận, 2013). Nghiên cứu này đã phản ánh thực trạng cải cách tổ chức bộ máy nhà trường gắn với việc rà soát văn bản đã ban hành, các quy định nội bộ, đơn giản hóa TTHC một số lĩnh vực quản lý của trường ĐH Cảnh sát nhân dân.

Trên đây là những nghiên cứu khá hiếm hoi về CCHC trong hoạt động các trường ĐH ở Việt Nam thời gian qua. Các kết quả nghiên cứu tuy còn ít nhưng chúng tôi cũng chọn lọc, sử dụng trong việc trình bày hệ thống TTHC của các trường ĐH và nghiên cứu đề xuất giải pháp cho nhiệm vụ cải cách TTHC trong thời gian tới.

1.2.5. Một số đề tài nghiên cứu cách cách thủ tục hành chính dưới những góc độ khác

Chúng tôi cũng đã tìm hiểu một số nghiên cứu khác liên quan đến TTHC, CCHC và cải cách TTHC, như Luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử, năm 1994 của Nguyễn Minh Tường "*Công cuộc cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)*[73]; Luận án tiến sĩ quản lý hành chính công, năm 2008 của Trần Trí Trinh

"*Nghiên cứu các giải pháp cải cách quản lý tài chính công nhằm thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam*"[77]. Những đề tài này đã giúp cho tác giả tiếp cận việc nghiên cứu về CCHC và cách thức nghiên cứu vấn đề của một luận án tiến sĩ.

Một luận án tiến sĩ khác về Hành chính với đề tài "*Quản lý nhà nước theo hướng đảm bảo sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học ở Việt Nam*"[47] của Phan Huy Hùng bảo vệ năm 2009 có đề cập đến quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường ĐH ở Việt Nam và Quản lý Nhà nước về GDĐH. Đây là một trong những đề tài hiếm hoi hiện nay nghiên cứu trực diện về các trường ĐH theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường. Đề tài có nhiều gợi ý tốt, được tác giả luận án kế thừa chọn lọc và trình bày tại phần thực trạng cải cách TTHC trong các trường ĐH thời gian qua.

Liên quan đến đề tài luận án còn một số tài liệu khác đã được công bố dưới nhiều hình thức khác nhau rất đáng chú ý như: *Cải cách thủ tục hành chính:* "*Quan trọng là yếu tố con người*"[147] của Trần Khánh Trang, Báo Điện Biên Phủ; Đề tài: "*Hành chính phát triển và cải cách hành chính*"[66] của Đoàn Trọng Tuyến, Học viện Hành chính quốc gia; "*Cải cách hành chính và cải cách kinh tế*" [72] của Điển Từ.

Các đề tài nghiên cứu nêu trên đều là những nguồn tư liệu quan trọng trong đó có nhiều vấn đề được nêu liên quan đến luận án của chúng tôi.

1.2.6. Các nghiên cứu liên quan đến vấn đề thực hiện thủ tục hành chính và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính

Liên quan đến TTHC và cải cách TTHC ở Việt Nam còn có rất nhiều bài viết đăng trên các báo nói về thực hiện cải cách TTHC như thế nào? theo yêu cầu nào?

Dưới đây là một số bài viết liên quan đến phương diện vừa nói của vấn đề.

Tác giả Việt Anh có bài viết với tiêu đề: "*Tiết kiệm 6.000 tỷ đồng nếu cắt giảm thủ tục hành chính*", đăng trên http://vnexpress.net/ ngày 23/2/2010. Bài viết này đã nêu lên hiện trạng TTHC khá rườm rà hiện nay, từ đó đã làm nảy sinh nhiều tiêu cực, tham nhũng, do người dân không biết thực hiện thế nào. Tác giả cho rằng, với 256 thủ tục ưu tiên, nếu Chính phủ đồng ý dỡ bỏ, chỉnh sửa chúng ta sẽ tiết kiệm được hơn 6.000 tỷ đồng. Nếu chúng ta rà soát, hoàn thiện toàn bộ hơn 5.000 thủ tục hành chính thì số tiền còn lớn hơn rất nhiều.

Đây là một trong những thông tin nói lên sự cần thiết và tính bức xúc của vấn đề cần cải cách TTHC.

Tác giả Hồng Khánh có một loạt bài viết đăng trên http://vnexpress.net, như: "*Đại biểu quốc hội "tố" khổ khi đi làm thủ tục hành chính*. Tác giả đã rất mạnh dạn khi viết: "việc bôi trơn, lót tay cho cán bộ nhà nước tuy không nói ra, nhưng ai cũng biết và phải làm. Báo cáo phòng chống tham nhũng của Chính phủ cũng đã chỉ ra lo ngại khi người dân sẵn sàng chi tiền cho cán bộ để được việc, và cán bộ gợi ý nhận hối lộ"[110].

Đây là một thực trạng đáng lo ngại nếu chúng ta không có những giải pháp hữu hiệu ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn này.

Một bài khác là "*Phát hiện cán bộ sách nhiễu đề nghị thay thế ngay*". Bài viết này đã dẫn chứng những sách nhiễu khi người dân phải đến các cơ quan để giải quyết TTHC. Tác giả dẫn lời Bộ trưởng Bộ Thông tin Truyền thông Lê Doãn Hợp cho rằng cần ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách TTHC: "Việc ứng dụng công nghệ sẽ đảm bảo 3 nhất, đó là nhanh nhất, giải quyết được nhiều nhất và ít tiêu cực nhất. Tôi cảm tưởng khi nào dân và cán bộ không cần gặp nhau thì không có tiêu cực"[111].

Ý kiến này rất đáng được xem xét và vận dụng thích hợp.

Bài "*Tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính còn phổ biến*". Trong bài viết này Hồng Khánh đã trích dẫn ý kiến từ một nhà lập pháp là Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Nguyễn Văn Thuận phát biểu tại cuộc họp chiều ngày 27/9/2010. Ông Thuận cho rằng: "Tình trạng cán bộ, công chức giải quyết công việc chậm trễ, cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực hiện các TTHC vẫn còn phổ biến. Đây là một trong những nguyên nhân rất cơ bản làm cho mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về công tác cải cách TTHC chưa cao"[112].

Mức độ "còn phổ biến" nói trên cho thấy thực trạng giải quyết TTHC hiện nay đáng quan ngại.

Bài "*Cải cách hành chính - Không thể chậm trễ*" của Đào Văn Sử, đăng trên http://caicachhanhchinh.gov.vn ngày 10/05/2011 cũng rất đáng chú ý. Bài viết nêu:

"Theo Văn phòng Chính phủ, hiện nay, các cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương phải sửa đổi hơn 4000 văn bản không còn phù hợp với thực tế. Làm tốt vấn đề này, chỉ tính về kinh tế, mỗi năm cả nước có thể tiết kiệm hàng chục nghìn tỷ đồng. Còn xét về lợi ích kinh tế chung với người dân thì thật vô giá".

Tác giả đưa ra nhận định: "Cải cách TTHC là một khâu quan trọng. TTHC liên quan đến công việc của từng cơ quan, từng cấp chính quyền và ảnh hưởng đến từng công dân trong mối quan hệ với chính quyền. Trong tiến trình hội nhập kinh tế hiện nay, cải cách TTHC càng có ý nghĩa đặc biệt trong việc tạo môi trường đầu tư thông thoáng và thu hút khách du lịch". Đó là một nhận định chính xác.

Rõ ràng, thời gian qua rất nhiều người đã nghiên cứu về TTHC và cải cách TTHC. Những tài liệu trên tuy không trực tiếp nói về TTHC trong các trường ĐHCL nhưng đã giúp tác giả rút ra được nhiều điều bổ ích, đặc biệt là về tình hình thực hiện TTHC.

1.2.7. Một số báo cáo về khảo sát cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính

Một nguồn tư liệu quan trọng liên quan đến đề tài luận án của chúng tôi không thể không nói đến đó là các báo cáo khảo sát về CCHC và TTHC do các cơ quan công bố trong thời gian qua. Các bản báo cáo đó cũng đã cung cấp cho tác giả luận án nhiều gợi ý bổ ích.

Ví dụ: Báo cáo số 01/TCCP-CCHC ngày 14/4/1999 của Ban tổ chức cán bộ chính phủ "*Về đợt nghiên cứu khảo sát tháng 3/1999 tại Trung Quốc*". Bản báo cáo này đề cập nhiều vấn đề: Cuộc cải cách hành chính năm 1998; Cải cách cơ cấu Chính phủ; Giảm biên chế; Chế độ quản lý nhân sự; Chế độ lương công chức. Báo cáo nêu: "Hai mươi năm tiến hành cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thực hiện 4 lần CCHC vào các năm 1982, 1988, 1993 và 1998. Tuy có đạt được những kết quả nhất định, nhưng cả 3 lần cải cách đều cho thấy sau một vài năm cải cách bộ máy hành chính lại phình ra, số lượng biên chế gia tăng. Chính vì vậy, Đại hội lần thứ 15 Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối năm 1997 đã xác định phải xây dựng một hệ thống quản lý hành chính làm việc có hiệu quả, vận hành nhịp nhàng, hoàn thiện chế độ công vụ viên chức nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý hành chính chuyên nghiệp

hoá, có tố chất cao, từng bước xây dựng thể chế quản lý hành chính "mang mầu sắc Trung Quốc" thích ứng với cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa"[81].

Kỳ họp thứ nhất Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc của Trung Quốc khoá IX tháng 3/1998 đã thảo luận và thông qua phương án cải cách cơ cấu Quốc vụ viện. Sau đó, Quốc vụ viện đã xác định nội dung cụ thể của cải cách cơ cấu Quốc vụ viện rất quan trọng như: Nguyên tắc cải cách; Phương pháp tiến hành cải cách; Các biện pháp cụ thể để cải cách thành công. Đây không phải là quan điểm mà là thực tế, cho thấy rõ CCHC nói chung là việc làm khó mà chính phủ Trung Quốc đã lường trước được. Khi tiếp cận bản báo cáo nói trên tác giả luận án cho rằng nó rất có ích cho việc nghiên cứu của mình để xem xét những vấn đề về TTHC ở Việt Nam, kể cả trong các trường ĐH, nhất là những vấn đề về cán bộ - con người.

Một tài liệu khác là Báo cáo số 527/BC-BNV, ngày 21/10/2002 của Bộ Nội vụ "*Về đợt công tác của đoàn Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Anh và Thụy Sĩ từ 14-26/9/2002*". Bản báo cáo này liên quan đến vấn đề cải cách khu vực công, CCHC, thể chế, TTHC, cơ chế quản lý ở hai nước khác nhau, trong đó đáng chú ý là ở Anh. Ở đây các trường ĐH công được phép ký hợp đồng nhận làm các loại công việc để nhà trường có thêm kinh phí hoạt động. Nhà trường cũng ký hợp đồng ra bên ngoài đối với một số loại công việc mà không bố trí công chức làm, như công việc vệ sinh, căng tin, bảo vệ. Đây là điểm mà Việt Nam đã tiếp cận được kể từ khi cải cách, mở cửa và hội nhập. Báo cáo cũng cho biết "Hệ thống giáo dục của Vương quốc Anh được chia thành 5 cấp học: trong đó có 3 cấp phổ thông là Mẫu giáo, Cơ sở, Trung học. Các cấp học này đều là giáo dục bắt buộc, do nhà nước tài trợ. Ngoài ra còn có 2 cấp là Cao đẳng, ĐH. Nhà nước cũng tài trợ cho 2 cấp này nhưng không phải tất cả. Hiện nay Chính phủ Anh đang tập trung cải cách ĐH và sau ĐH. Mục tiêu đặt ra là nâng tỷ lệ học sinh vào Cao đẳng từ 75% lên 90% và tỷ lệ vào ĐH từ 30-50%. Tuỳ theo kết quả học tập của giai đoạn trước, học sinh có thể đăng ký để vào các trường ĐH khác nhau. Mỗi năm nhà nước phải tài trợ 9000 bảng cho mỗi SV (SV đóng 1000 bảng). Chính phủ Anh chủ trương tăng học phí đối với bậc ĐH từ 1000 bảng lên 3000 bảng và chủ trương này đang gặp sự phản đối của dân chúng" [79]. Điều chúng tôi quan tâm ở đây là những đề xuất mới về cải cách GD&ĐT. Những đề

xuất này nếu được thực hiện sẽ làm thay đổi nội dung của một và có thể hơn một TTHC. Đối chiếu điểm này với tình hình thực tế ở Việt Nam chúng ta thấy có nhiều điểm có thể rút kinh nghiệm khi cải cách nền giáo dục nước nhà. Ví dụ, có nên tăng học phí nhiều quá hay không? nếu tăng thì sẽ phát sinh các đối tượng cần được hỗ trợ học phí, phát sinh các thủ tục về miễn,giảm học phí mới.

Chúng tôi cũng đã tiếp cận với bản báo cáo của Đoàn công tác Bộ Nội vụ "*Khảo sát, nghiên cứu hành chính công, dịch vụ công ở Vương quốc Anh và Ai - Len từ ngày 27/1/2004 đến 11/2/2004*", đăng trên http://thongtinphapluatdansu. Bản báo cáo này chủ yếu trình bày kết quả nghiên cứu các hoạt động cung ứng dịch vụ công, kinh nghiệm quản lý và cung cấp dịch vụ công một số lĩnh vực tại 2 nước Anh và Ai - Len, trong đó có giáo dục. Đáng chú ý là các trường học ở 2 nước này có quyền tự chủ trong việc sử dụng kinh phí và tuyển giáo viên. "Hội đồng nhà trường (gồm đại diện nhà trường, giáo viên, phụ huynh học sinh, doanh nghiệp) có quyền quyết định chương trình học tập cụ thể (trừ các môn học bắt buộc theo tiêu chuẩn chung của quốc gia). Hiệu trưởng do Hội đồng nhà trường bầu, không cần sự bổ nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục"[83]. Điều đó có nghĩa là ở hai nước trên một số TTHC liên quan đến những vấn đề này đều do nhà trường quyết định.

Tiếp theo là bản "*Báo cáo kết quả công tác của Đoàn Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Hàn Quốc từ ngày 23/5/2005 - 3/6/2005*. Báo cáo này tập trung nghiên cứu về cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ, đổi mới hệ thống cơ quan Chính phủ, Uỷ ban chống tham nhũng hoạt động có tính độc lập, Luật đạo đức công vụ, Chính phủ điện tử. Đáng chú ý là Luật đạo đức công vụ và Luật hành vi ứng xử đối với cán bộ, công chức Hàn Quốc được coi là hai đạo luật quan trọng, quy định các chuẩn mực về đạo đức, hành vi ứng xử của công chức trong hoạt động công vụ. Hàn Quốc cũng là một trong những nước đi đầu và thành công trong việc thực hiện chính sách quốc gia về tin học hoá và xây dựng Chính phủ điện tử. Báo cáo viết: "Ở Hàn Quốc Chính phủ tham gia sử dụng Chính phủ điện tử như một công cụ quan trọng nhằm đổi mới Chính phủ, cải cách các hoạt động dịch vụ hành chính và tăng cường sự thoả mãn, sự tham gia của nhân dân vào giải quyết công việc của Chính phủ. Cải cách để đổi mới phương pháp tư duy và phương pháp làm việc theo kiểu Chính phủ điện tử. Thực

hiện Chính phủ điển tử sẽ giúp cho bộ máy hành chính làm việc có hiệu quả hơn, khắc phục được bệnh quan liêu, giúp doanh dân tiếp cận với Chính phủ tốt hơn, giúp bộ máy hành chính công khai hướng vào người sử dụng dịch vụ, lôi cuốn sự tham gia của công dân vào các hoạt động của Chính phủ, công khai chống tham nhũng trong bộ máy hành chính, hình thành phong cách, phương pháp làm việc mới, năng động, sáng tạo"[85].

Mặc dù các bản báo cáo về các đợt khảo sát nêu trên chủ yếu tập trung nghiên cứu về tổ chức bộ máy Nhà nước, thể chế, biên chế, tuyển dụng nhân sự, nguyên tắc CCHC, biện pháp CCHC và đề cao việc sử dụng tin học hóa trong việc giải quyết TTHC nhưng chúng đều rất đáng được quan tâm khi nghiên cứu các vấn đề cải cách TTHC trong trường ĐH.

1.3. Những nghiên cứu của tác giả có liên quan đến đề tài luận án

Năm 2009, tác giả có đề tài nghiên cứu "*Cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính trong các trường đại học và cao đẳng*" (Tạp chí Thị trường Giá cả, Số tháng 5/2009). Trong đó, tác giả đã nêu lên thực tế nhiều năm qua việc CCHC là nhằm "Xoá bỏ cơ bản các TTHC mang tính quan liêu, rườm rà, gây phiền hà cho doanh nghiệp và nhân dân; hoàn thiện các TTHC mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho dân"[67, tr. 41-42]. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, trong đó có ngành GD&ĐT, các trường ĐH và cao đẳng tình hình thực hiện TTHC phục vụ SV, cán bộ, viên chức và công chức còn nhiều bất cập. Các văn bản quy định thủ tục chưa hoàn chỉnh; có loại "thủ tục" tồn tại bất thành văn, có loại không có hướng dẫn thực hiện cụ thể, gây khó khăn cho cả người giải quyết và thực hiện. Từ đó tác giả cũng đã tập trung luận giải và đưa ra một số vấn đề cần chú trọng nhằm thúc đẩy cải cách việc thực hiện TTHC trong các trường ĐH và cao đẳng hiện nay.

Cũng trong năm 2009, tác giả có đề tài nghiên cứu tiếp theo "*Thực hiện TTHC ở các trường đại học, cao đẳng mỗi nơi một kiểu!*" (Tạp chí Tài chính Ngày nay, Số 11 (52) 2009). Trong nghiên cứu này, tác giả đã tập trung nghiên cứu về thực trạng TTHC trong một số khâu như : TTHC trong khâu tuyển sinh - đào tạo, TTHC trong khâu công tác SV, TTHC trong công tác thi thuyển, xét tuyển và đào

tạo cán bộ, viên chức. Từ đó tác giả cho rằng cần phải có những giải pháp nhất định, đồng bộ mới hy vọng cải cách được việc thực hiện TTHC hiệu quả trong các trường ĐH, cao đẳng hiện nay[68, tr.31].

Năm 2013, tác giả có đề tài nghiên cứu "*Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam - nhìn từ một cuộc khảo sát*" (Tạp chí Tổ chức Nhà nước, Số 2/2013). Bên cạnh những tiến bộ không thể phủ nhận, hoạt động của các trường ĐH nước ta còn nhiều hạn chế, chất lượng một số trường ĐH chưa đáp ứng được yêu cầu. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân các TTHC chưa được đổi mới là một rào cản cần có giải pháp tháo gỡ. Để có cơ sở thực tế khách quan, giúp cho việc đề xuất, kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan khắc phục tình trạng trên, tác giả đã có cuộc khảo sát "C*ải cách TTHC đối với hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam*". Cuộc khảo sát được thực hiện theo phương pháp phát phiếu trực tiếp, đối tượng chọn để thực hiện là đại diện các trường ĐH tham gia Hội nghị công tác HSSV các trường ĐH, cao đẳng năm 2012. Kết quả khảo sát làm rõ hơn những vấn đề thực trạng TTHC trong các trường ĐH và tham vấn sự đồng thuận trong các giải pháp đề xuất cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐH hiện nay[69, tr.49-51]. Toàn bộ nghiên cứu này được tác giả sử dụng trình bày rõ hơn trong phần minh chứng thực trạng TTHC trong các trường ĐH của Việt Nam và phần phụ lục của luận án.

Cũng trong năm 2013, tác giả có bài *"Thủ tục tuyển sinh Đại học - kinh nghiệm một số nước và gợi ý ở Việt Nam*", đăng trên Tạp chí Quản lý Giáo dục, Số 46 tháng 3/2013. Từ kinh nghiệm tuyển sinh ĐH của một số nước: Mỹ, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Anh, mỗi nước đều có những đặc thù riêng, nước nào cũng gặp những khó khăn, tuy nhiên bên cạnh đó họ vẫn tìm ra những cách làm hay để chọn được người tài vào học ĐH[70, tr.45-49]. Từ nghiên cứu nêu trên tác giả đã tổng hợp đưa ra một số đề xuất mới về tuyển sinh ĐH cùng với đó là TTHC mới về vấn đề này.

2. Những vấn đề tồn tại cần nghiên cứu giải quyết

Qua khảo sát, phân tích, đánh giá có thể thấy các công trình, tài liệu nêu trên về TTHC đã có những giá trị nhất định để tác giả luận án tham khảo, chọn lọc và kế

thừa. Tuy nhiên, tác giả luận án cho rằng vẫn còn những vấn đề tồn tại cần tập trung giải quyết trong quá trình nghiên cứu như sau:

Một là, TTHC trong hoạt động các trường ĐH được đề cập rất nhiều nhưng cho đến nay việc tìm thấy một tài liệu, một tác giả viết riêng biệt, nghiên cứu chuyên sâu về TTHC, đặc biệt là TTHC trong hoạt động các trường ĐH là rất khó, gần như không có. Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tuy đã có một số công trình nghiên cứu khá sâu, kể cả giáo trình viết về TTHC nhưng chủ yếu cũng chỉ tập trung trong lĩnh vực hành chính công đối với các cơ quan công quyền, còn ở các cơ quan hành chính sự nghiệp, trong đó có các trường ĐHCL chưa được nghiên cứu và đề cập một cách hệ thống. Vì vậy, tác giả luận án cho rằng cần có những luận cứ bổ sung về mặt lý thuyết về TTHC, cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐHCL ở Việt Nam.

Hai là, mặc dù đã có các nghiên cứu trong nước và nước ngoài đề cập đến TTHC nhưng chưa có một nghiên cứu nào chỉ rõ TTHC trong các trường ĐH, cụ thể hơn là TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL là loại TTHC gì? Dưới giác độ quản lý hành chính công (trong lĩnh vực GD&ĐT), TTHC trong hoạt động của các trường ĐH có cần phải quản lý và điều chỉnh không? Các yêu cầu điều chỉnh và hướng điều chỉnh? Đó là những vấn đề tác giả luận án muốn nghiên cứu bổ sung và làm rõ.

Ba là, tuy đã có một số nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về TTHC, tình hình thực hiện TTHC của một số lĩnh vực, nhưng việc nghiên cứu, khảo sát, đánh giá TTHC trong hoạt động của các trường ĐH ở Việt Nam một cách hệ thống cùng với các vấn đề liên quan gần như chưa có. Tác giả luận án đặt cho mình nhiệm vụ khảo sát, đánh giá TTHC, cải cách TTHC trong các trường ĐH, tìm ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và hướng khắc phục.

Một cách cụ thể, trong quá trình nghiên cứu tác giả luận án chú ý tập trung làm rõ những nội dung sau đây:

Về lý luận, chúng tôi cố gắng bổ sung thêm phần lý luận về TTHC, đặc biệt là TTHC trong nền hành chính phục vụ khác với trong nền hành chính quan liêu như thế nào? Từ đó đưa ra quan niệm về TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở

Việt Nam, làm rõ tính chất của loại thủ tục này, xem xét ảnh hưởng của nó với công cuộc CCHC trong lĩnh GD&ĐT của nước nhà.

Về phương diện thực tiễn, tác giả luận án xuất phát từ hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam để xem xét cải cách TTHC đã được coi trọng đúng mức chưa? Hệ quả của nó là gì?

Tiếp theo, cách thức chỉ đạo của Nhà nước mà đại diện là Bộ GD&ĐT đối với việc cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐHCL thời gian qua như thế nào, đã tốt chưa? Cần kiến nghị, bổ sung gì để cách thức chỉ đạo đó mang lại hiệu quả thực sự?

Trong giai đoạn tiếp theo (Cải cách TTHC giai đoạn 2011-2020), việc cải cách TTHC trong các trường ĐHCL ở Việt Nam nên đi theo hướng nào? Chú trọng vấn đề gì? Các điều kiện để thực hiện việc cải cách này là gì?

Chương 1:
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Trong chương này, luận án tập trung làm rõ: khái niệm về thủ tục, TTHC; nguồn gốc, bản chất, vị trí, vai trò, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc xây dựng, ban hành, nguyên tắc thực hiện TTHC; lý luận quan niệm về cải cách TTHC; đặc điểm của các trường ĐHCL ở Việt Nam, TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam, sự cần thiết cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam hiện nay và kết luận chương 1.

1.1. Những vấn đề chung về thủ tục hành chính

1.1.1. Khái niệm về thủ tục, thủ tục hành chính

1.1.1.1. Thủ tục

"Thủ tục (theo Bách khoa thư và từ điển Pháp) là toàn bộ những quy tắc và thể thức cần phải tuân theo để hành động về pháp lý trước, trong và cho tới khi kết thúc một việc cần giải quyết cũng như là để hoàn thành những văn bản thi hành bắt buộc" [187, tr.1268].

"Thủ tục (theo GS. TSKH. Nguyễn Văn Thâm) là những quy tắc, chế độ, phép tắc hay quy định chung phải tuân theo khi thực hiện một công việc nhất định" [62, tr. 487-488].

Những khái niệm trên đều nói về thủ tục công việc, liên quan tới pháp luật, được quy định bởi pháp luật, chưa nói đến những thủ tục dân sự trong đời sống xã hội diễn ra hàng ngày như: thủ tục ăn hỏi, thủ tục cưới xin, thủ tục ma chay, thủ tục khai trương, thủ tục động thổ v.v...

Vì vậy, chúng tôi cho rằng: Thủ tục là phương thức, cách thức giải quyết công việc theo một trình tự nhất định, một thể lệ thống nhất bao gồm các nhiệm vụ liên quan chặt chẽ với nhau nhằm đạt được kết quả mong muốn.

1.1.1.2. Thủ tục hành chính

"Đa số các nước trên thế giới quan niệm TTHC là những quy tắc phải chấp hành đúng như quy trình ra một quyết định hay giải quyết một công việc thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến việc ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và phục vụ nhu cầu hoạt động hàng ngày cho xã hội, cho công dân của các cơ quan và công chức, viên chức nhà nước"[48, tr. 18].

Quản lý Nhà nước bằng pháp luật về nguyên tắc, đòi hỏi phải tuân theo những quy tắc pháp lý, quy định về trình tự, cách thức khi sử dụng thẩm quyền cửa từng cơ quan để xử lý công việc. Những quy tắc pháp lý này là những quy phạm thủ tục. Các quy phạm thủ tục bao gồm: thủ tục lập pháp, thủ tục tố tụng tư pháp và TTHC. Hoạt động quản lý Nhà nước tác động đến rất nhiều quan hệ xã hội khác nhau và các quy phạm vật chất hành chính rất đa dạng. Vì vậy, không có một TTHC duy nhất, mà có rất nhiều loại TTHC gắn với nhiều loại công việc của nhà nước.

Những thủ tục hữu hiệu là vô cùng cần thiết vì nó đảm bảo cho tiến trình hành chính được đảm bảo, không bị cản trở, có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện các lợi ích khác nhau và đảm bảo cho các cơ quan Nhà nước và công chức Nhà nước khi ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định quản lý phải tuân theo một quy trình đã được quy phạm TTHC quy định.

Theo Từ điển bách khoa Việt Nam, pháp luật hành chính gồm có những quy phạm quy định tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ các cơ quan nhà nước và quyền, nghĩa vụ của công dân và tổ chức xã hội trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước. Những quy phạm ấy hợp thành luật hành chính về nội dung. Bên cạnh những quy phạm đó, còn có nhiều quy phạm quy định những trình tự, hình thức trong việc giải quyết những yêu cầu của công dân đối với các cơ quan hành chính nhà nước hoặc những yêu cầu trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước. TTHC rất đa dạng, nhưng có thể phân thành 2 loại cơ bản: 1) Những thủ tục tiến hành những công việc thuộc quan hệ nội bộ các cơ quan nhà nước. 2) Những thủ tục tiến hành những công việc thuộc quan hệ của cơ quan nhà nước đối với công dân và các tổ chức xã hội. Mỗi loại thủ tục bao gồm nhiều thủ tục riêng áp dụng trong từng loại việc, từng lĩnh vực quản lý. TTHC trong quan hệ với công dân gồm có 2 loại quan trọng: a) TTHC trong việc các cơ quan nhà nước xét, giải quyết những quyền chủ quan hợp pháp của công

dân, trong việc công dân kiện một cơ quan nhà nước. b) TTHC trong việc các cơ quan có thẩm quyền xét vấn đề trách nhiệm hành chính và xử phạt các vi phạm của công dân. Còn gọi là thủ tục xử lý vi phạm hành chính, hoặc tố tụng hành chính[71, tr. 274-275].

Thủ tục hành chính (theo GS. TSKH. Nguyễn Văn Thâm) là "trình tự về thời gian và không gian, các giai đoạn cần phải có để thực hiện mọi hình thức hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, bao gồm trình tự thành lập các công sở, trình tự bổ nhiệm, điều động viên chức; trình tự lập quy, áp dụng các quy phạm để bảo đảm các quyền chủ thể và xử lý vi phạm; trình tự tổ chức tác nghiệp hành chính"[62, tr. 6].

"Khi nói về TTHC là người ta muốn nói đến cách thức và trình tự thực hiện thẩm quyền trong hoạt động hành chính nhà nước, do Nhà nước quy định"[63, tr. 488].

GS. TS. Nguyễn Hữu Khiển cho rằng " TTHC là một thao tác quan trọng trong quản lý nhà nước. Thậm chí không thể nói đến hành chính nhà nước, quản lý nhà nước nếu không đề cập tới hoặc loại TTHC ra khỏi công vụ.

Thực chất của TTHC là sự thiết lập các thao tác quản lý nhà nước theo những trình tự, quy trình nhất định của cơ quan hành chính nhà nước đáp ứng những loại dịch vụ hành chính khác nhau mà người dân cần tới sự cung cấp một cách tốt nhất"[114].

Có thể nhận ra một thực tế khá phổ biến là trong quản lý nhà nước nói chung và trong từng công việc cụ thể nói riêng, khi giải quyết bất cứ một công việc gì cũng cần phải tuân theo những thủ tục phù hợp. Thủ tục với nghĩa chung nhất là phương thức, cách thức giải quyết công việc theo một trình tự nhất định, một thể lệ thống nhất, gồm một loạt nhiệm vụ liên quan chặt chẽ với nhau nhằm đạt được kết quả mong muốn.

"Tuy nhiên, không ít người coi TTHC là những hồ sơ, giấy tờ mà người dân phải nộp cho cơ quan nhà nước khi cần giải quyết những vấn đề liên quan. Lại có quan niệm cho rằng: Con người xây dựng nên thể chế. Để thể chế có thể thực hiện trong cuộc sống, cần có bộ máy. Bộ máy hoạt động lại sản sinh ra thủ tục. Chính

xuất phát từ quan niệm này mà nhiều ngành, nhiều cấp khi xây dựng ban hành TTHC chỉ tập trung đáp ứng yêu cầu thuận tiện và quyền lợi của cơ quan quản lý mà ít tính đến nguyện vọng và thuận lợi cho công dân; là một trong những nguyên nhân dẫn đến TTHC rườm rà, phức tạp, tình trạng cửa quyền, ban ơn" [38, tr. 29]. Theo quan điểm của chúng tôi, đó chỉ là một mặt của vấn đề, mặc dù nó rất bức xúc hiện nay.

Trên quan điểm của Luật hành chính, TTHC là trình tự thực hiện thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước. Các TTHC có mục đích thiết lập trật tự hoạt động quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực. Nó gồm toàn bộ các quy tắc pháp lý quy định về trình tự, trật tự thực hiện thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong việc giải quyết nhiệm vụ của Nhà nước và công việc liên quan đến công dân, tạo thành một hệ thống quy phạm về thủ tục. "Chúng là những nguyên tắc bắt buộc các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các công chức Nhà nước phải tuân theo" [42, tr. 193]. Mặt thứ hai này của TTHC là vô cùng quan trọng.

Cũng có quan niệm cho rằng " TTHC là hình thức, bao giờ cũng gắn với nội dung thẩm quyền của cơ quan hành chính, chịu sự chi phối, quy định bởi thẩm quyền của cơ quan hành chính. Do đó việc rà soát cải cách TTHC trước hết phải rà sóat thẩm quyền của cơ quan hành chính, trên cơ sở đó mà cải cách TTHC cho phù hợp" [42, tr. 194].

Nhìn chung lại, các nhà luật học Việt Nam và thế giới đều quan niệm rằng: các quy tác pháp lý quy định về trình tự, trật tự, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết nhiệm vụ nhà nước và công việc liên quan đến công dân tạo thành hệ thống quy phạm thủ tục có tính bắt buộc các cơ quan nhà nước cũng như các công chức nhà nước phải tuân theo trong quá trình giải quyết công việc thuộc chức năng và thẩm quyền của mình, nhằm đảm bảo cho công việc đạt được mục đích đã định, phù hợp với thẩm quyền, chức năng do luật định cho các cơ quan trong hoạt động quản lý nhà nước gọi là TTHC.

Trong mối quan hệ với thể chế hành chính, TTHC là một loại quy phạm pháp luật mang tính thủ tục; là bộ phận của thể chế hành chính, là công cụ, phương tiện cho các cơ quan nhà nước có điều kiện thực hiện chức năng của mình.

Trong nội bộ của bộ máy hành chính, TTHC là cách thức giải quyết công việc, là trình tự thực hiện thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước để giải quyết các công việc cụ thể của cơ quan mình.

Trong mối quan hệ với đối tượng quản lý, TTHC được hiểu là quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với công dân trong quá trình giải quyết công việc của dân theo yêu cầu bảo vệ quyền lợi của công dân và của nhà nước cũng như thực hiện đúng nghĩa vụ của các bên.

Từ các quan niệm và phân tích trên, đối chiếu với Điều 3 - Giải thích từ ngữ của Nghị định số 63/2010/ NĐ- CP "Về kiểm soát thủ tục hành chính" chúng tôi cho rằng: *Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, là các hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân theo khi giải quyết một công việc cụ thể.*

Liên quan đến vấn đề nghiên cứu, tuy còn có một số vấn đề chưa được định nghĩa rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam nhưng qua nghiiên cứu và thực tiễn đã được đề cập trong nhiều văn bản quan trọng của Đảng và nhà nước, chúng tôi tạm khái quát nội hàm một số thuật ngữ như dưới đây:

Quy trình TTHC là một loạt những quy định, hướng dẫn chi tiết các bước thực hiện một việc gì đó theo trình tự thống nhất khi giải quyết một công việc cụ thể. Đây thực chất là một quá trình để giải quyết công việc theo yêu cầu cần thiết.

Thủ tục hành chính "Một cửa" là cơ chế giải quyết TTCH cho các tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện tại một đầu mối được gọi là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước.

Thủ tục hành chính "Một cửa liên thông" là cơ chế giải quyết TTCH cho các tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của nhiều cơ quan hành chính nhà nước nhưng được liên kết với nhau chặt chẽ với sự giúp đỡ của công nghệ thông tin để giải quyết và trả kết quả qua 1 đầu mối ở cơ quan hành chính nhà nước nhất định.

Cải cách TTHC là biện pháp thực hiện nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một hoặc nhiều nội dung mang tính thủ tục của nền hành chính nhà nước nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân phải tuân theo thông qua sự hướng dẫn của nhà trường khi giải quyết những công việc cụ thể.

1.1.2. Nguồn gốc, bản chất thủ tục hành chính

- *Về nguồn gốc:* TTHC do pháp luật quy định, nó là một loại quy phạm pháp luật quy định về trình tự thời gian *(thực hiện lúc nào? trong bao lâu?)*, không gian *(thực hiện ở đâu? theo thứ tự nào?)* và cách thức giải quyết công việc *(trực tiếp hay gián tiếp, "một cửa hay nhiều cửa", những điều kiện cần thiết...)* của các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong mối quan hệ nội bộ của hành chính và giữa cơ quan hành chính Nhà nước với công dân. Toàn bộ các quy phạm pháp luật về TTHC tạo thành chế định quan trọng của Luật hành chính. Như vậy TTHC là các quy phạm pháp luật mang tính thủ tục bắt buộc cần thiết trong giải quyết công việc. Nó nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. TTHC gắn chặt với công tác xây dựng, ban hành, tổ chức, thực hiện và quản lý văn bản trong các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước. Đó là nguồn gốc ban đầu của TTHC. Ngày nay (có thể nhiều người chưa thừa nhận nhưng thực tế là) TTHC không chỉ nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mà nó còn do các cơ quan sự nghiệp ban hành để nhằm thực thi pháp luật và giải quyết các nhu cầu của nhân dân.

- *Về bản chất, hình thức TTHC:* Chúng tôi đồng ý với quan điểm của GS. TS. Nguyễn Hữu Khiển cho rằng, "bản chất của TTHC là phương thức phục vụ của công quyền. Hình thức của nó chính là quan hệ có tính trật tự công vụ, của mối quan hệ do con người nhận thức và thiết lập (con người ở đây là những người thực thi công vụ, từ người có nhiệm vụ đặt ra thủ tục, người vận hành nó và người kiểm tra nó). Mối quan hệ diễn ra thủ tục giữa công quyền với người dân, giữa công quyền với nhau

(nội bộ cơ quan hoặc giữa các cơ quan), giữa những người dân với nhau trong giao dịch dân sự"[114].

1.1.3. Mục đích, vị trí, vai trò, ý nghĩa của thủ tục hành chính

- *Mục đích của TTHC:* nhằm đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể. Chủ thể của TTHC bao gồm: Chủ thể giải quyết và chủ thể tham gia. Chủ thể giải quyết là chủ thể có quyền nhân danh nhà nước, được trao quyền lực để quyết định. Chủ thể tham gia là cá nhân, tổ chức có yêu cầu, nguyện vọng hoặc phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật để yêu cầu của mình được thực hiện. Giải quyết hài hòa quan hệ giữa hai chủ thể vừa nói để vừa đảm bảo trật tự quản lý được tôn trọng, vừa bảo đảm được quyền lợi hợp pháp của công dân là mục đích quan trọng của TTHC.

- *Vị trí của TTHC:* Thủ tục hành chính là một bộ phận của thể chế hành chính. Đây là một loại quy phạm pháp luật mang tính thủ tục (procedure) được hiểu như là phương thức triển khai luật pháp do các quy phạm nội dung quy định. Như vậy trên một chừng mực nhất định, TTHC như một chiếc cầu nối giữa pháp luật nội dung và đời sống. Nội dung pháp luật được nối liền với đời sống hiện thực qua cầu nối này. Cầu nối được thông thì đời sống sẽ biết luật pháp đòi hỏi gì và phải làm như thế nào để luật pháp được tuân thủ. Không phải không có lý do khi có một giai đoạn trong quá trình CCHC trước đây chúng ta đã gọi cải cách TTHC là khâu đột phá bởi vì chính các TTHC rườm rà đã làm cho nhiệm vụ triển khai pháp luật bế tắc. Dĩ nhiên TTHC không quyết định nội dung pháp luật nhưng thực tế chứng tỏ rằng nó có vị trí rất quan trọng trong hoạt động hành chính nói chung.

- *Vai trò:* Thủ tục hành chính có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Thông qua các TTHC, các cá nhân, tổ chức thực hiện được quyền lợi, nghĩa vụ của mình và đồng thời các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Vai trò thủ tục hành chính thể hiện ở quyền lực của cơ quan nhà nước (quyền được cấp phép, cho phép, chứng nhận, chứng thực...không phải ai muốn tự cấp, tự chứng nhận, tự cho phép cũng được);

Vai trò thủ tục hành chính thể hiện ở chỗ cụ thể hóa pháp luật (chi tiết hóa pháp luật, làm đúng sự chỉ dẫn của pháp luật);

Vai trò thủ tục hành chính còn thể hiện ở chỗ nó điều tiết công việc hành chính (theo trình tự, theo thời gian, không gian, và theo từng đối tượng khác nhau).

- *Ý nghĩa:* Như đã phân tích trên *TTHC là một phần thuộc thể chế của một nền hành chính.* Thể chế điều hành được hình thành trong quá trình quản lý Nhà nước là quy định và cách thức phù hợp với pháp luật và được pháp luật bảo vệ. Thể chế và thực hiện TTHC liên quan đến tổ chức hành chính, chúng được đặt ra để cung cấp phương thức hoạt động cho bộ máy hành chính. TTHC có ý nghĩa như một công cụ điều hành cần thiết của tổ chức hành chính, không thể tách rời khỏi hoạt động của bộ máy hành chính. Thể chế và thủ tục lạc hậu sẽ cản trở các hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước. Nhưng cũng cần nhấn mạnh rằng, thể chế điều hành cũng như TTHC tự nó không thể phát huy tác dụng nếu không có bộ máy tổ chức xây dựng khoa học và một chế độ công vụ kiểu mẫu. Một bộ máy tổ chức không khoa học, chức năng nhiệm vụ không rõ ràng sẽ làm cho các TTHC đúng đắn không được thực hiện. Hệ quả của nó là nhiều chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã chậm được thi hành, thậm chí nhiều chính sách đã không đi vào cuộc sống. "Có những chính sách đang bị biến dạng qua nhiều tầng nấc của hành chính quan liêu"[5, tr. 75-76], của chính các TTHC bất cập.

Thủ tục hành chính là hình thức quy định để đảm bảo cho các quyết định hành chính được thi hành thuận lợi và thống nhất. Nó tạo điều kiện để đưa pháp luật vào đời sống, bảo đảm quyền lợi của các bên tham gia thủ tục. Nếu bỏ qua, không làm đúng thủ tục thì nhiều trường hợp sẽ làm cho các quyết định hành chính bị vô hiệu hóa, không được đưa vào thực tế hoặc bị hạn chế về hiệu lực thi hành, gây ra

bệnh quan liêu, cửa quyền, tùy tiện. Có thể kiểm tra được tính hợp pháp, hợp lý của các quyết định hành chính thông qua TTHC. Thủ tục hành chính càng có tính cơ bản thì ý nghĩa càng lớn, bởi lẽ các TTHC cơ bản thường tác động đến giai đoạn cuối cùng của quyết định hành chính, đến hiệu quả của việc thực hiện chúng. Ví dụ, SV không nhận được bằng tốt nghiệp nếu nhà trường và SV đó không thực hiện đúng các thủ tục về tuyển sinh và đào tạo quy định tại Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ GD&ĐT ban hành. TTHC đảm bảo cho các quyết định hành chính được thi hành thống nhất và có thể kiểm tra được tính hợp pháp, tính hợp lý cũng như các hệ quả do việc thực hiện các quyết định hành chính đó tạo ra. Ví dụ, việc quy định: mọi quyết định liên quan đến cộng đồng khi điều hành theo Luật hành chính đều phải được công bố công khai. Thủ tục này làm cho tính nghiêm minh của pháp luật được nâng cao. Nó cho phép các cơ quan hành chính áp dụng các biện pháp thích hợp và thống nhất để thi hành một công việc nhất định. Nếu không được công bố công khai thì một quyết định hành chính có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, không kiểm tra được.

Thủ tục hành chính như một chiếc cầu nối quan trọng giữa cơ quan Nhà nước với nhân dân, với các tổ chức khác. Chiếc cầu nối này có thể tạo ra khả năng bền chặt các mối quan hệ của quá trình quản lý, làm cho Nhà nước thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân; trong phạm vi nhỏ hơn: nhà trường là nhà trường thực sự của SV, do SV và vì SV. Do vậy, nếu TTHC xây dựng thiếu tính khoa học, việc thực hiện (áp dụng) tùy tiện, thì nó sẽ làm xa cách nhân dân, làm cho niềm tin của người dân với chính quyền giảm sút. Thủ tục hành chính thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với nhân dân trong việc giải quyết các công việc hàng ngày.

Thủ tục hành chính nếu xây dựng và ban hành hợp lý sẽ góp phần chống sự sách nhiễu và tham nhũng. Xây dựng và vận dụng sáng tạo, hợp lý các TTHC sẽ tạo ra khả năng sáng tạo trong việc thực hiện các quyết định quản lý đã được thông qua, đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác quản lý nhà nước. TTHC liên quan đến quyền lợi của công dân, khi xây dựng hợp lý và vận dụng tốt vào đời sống, nó sẽ có ý nghĩa thiết thực, làm giảm sự phiền hà, củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước với

nhân dân; công việc được giải quyết nhanh chóng, chính xác theo đúng yêu cầu của cuộc CCHC Nhà nước.

Nắm vững và thực hiện đúng các quy định về thủ tục hành chính là góp phần để cải cách hành chính thành công, đảm bảo thực hiện nguyên tắc dân chủ trong quản lý, đảm bảo tính công khai, chống tệ quan liêu, tham nhũng, giữ được kỷ cương phép nước. TTHC xét trong tổng thể là một bộ phận của pháp luật hành chính, nên việc nắm vững và thực hiện đúng các quy định về TTHC có ý nghĩa rất lớn đối với quá trình cải cách nền hành chính Nhà nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Thực tế cho thấy nếu không nhanh chóng cải cách TTHC và cải cách việc thực hiện TTHC thì dù hệ thống luật chúng ta có được bổ sung, hoàn thiện đến đâu, vai trò Nhà nước cũng không thể nâng cao theo kịp yêu cầu của tình hình mới.

Thủ tục hành chính trên một phương diện nhất định là biểu hiện trình độ văn hoá, văn hoá giao tiếp, văn hoá điều hành của các cơ quan, tổ chức. Chính vì lẽ đó, cải cách TTHC không chỉ đơn thuần liên quan đến pháp luật, pháp chế, mà còn là yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển chung của các cơ quan, tổ chức và đất nước như chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục và mở rộng giao lưu khu vực và thế giới. Cải cách TTHC và cải cách việc thực hiện TTHC là để tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

1.1.4. Đặc điểm thủ tục hành chính

Quản lý hành chính Nhà nước là hoạt động mang tính đa diện, nội dung phong phú, diễn ra theo trình tự thời gian, có thể được thực hiện trong nhiều cơ quan; các cơ quan lập pháp, tư pháp cũng có các loại hoạt động thuộc hệ thống nền hành chính Nhà nước, cho nên các cơ quan đó cũng thực hiện một số hoạt động theo TTHC nhất định nhưng đặc điểm TTHC vẫn có những khác biệt so với các thủ tục hoạt động lập pháp và tư pháp.

Thủ tục hành chính được điều chỉnh bằng các quy phạm TTHC. Mọi hoạt động quản lý hành chính Nhà nước phải được trật tự hoá, nghĩa là phải tiến hành theo những thủ tục nhất định. Tuy nhiên không phải mọi hoạt động quản lý hành

chính Nhà nước đều được điều chỉnh bởi các quy phạm TTHC, mà có các hoạt động tác nghiệp trong nội bộ các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước được điều chỉnh bởi các quy định nội bộ. Về mặt lý luận, pháp luật không thể và cũng không cần thiết điều chỉnh mọi quan hệ xã hội. Theo cách nhìn nhận như vậy chẳng hạn như không nên đưa ra những quy định về thủ tục hành chính đối với cách tổ chức cưới xin của đồng bào các dân tộc ở Việt Nam ta vì nó đã tồn tại từ lâu đời trong nhân dân. Nó là một nét văn hóa mà việc điều chỉnh bằng hành chính rất khó mang lại hiệu quả thiết thực. Chỉ có các thủ tục quan trọng mới cần quy định bởi pháp luật. Trong hành chính thì cũng chỉ các quy tắc, thể thức hoạt động quản lý hành chính Nhà nước được pháp luật quy định mới là TTHC, còn các hoạt động tổ chức tác nghiệp cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhiều trường hợp là do các quy định nội bộ điều chỉnh không phải là TTHC. "Nếu một khâu nào đó của TTHC bị bỏ qua mà gây nên sự vô hiệu của văn bản hay hành vi hành chính thì đó là loại TTHC có tính chất quy phạm pháp luật, còn nếu không kéo theo sự vô hiệu thì đó là TTHC thông thường"[76, tr. 184].

Thủ tục hành chính là một nhân tố đảm bảo cho sự hoạt động chặt chẽ, thuận lợi và đúng chức năng quản lý của các cơ quan Nhà nước. Đó là những chuẩn mực hành vi cho công dân và công chức Nhà nước để họ tuân theo. So với thủ tục tố tụng, TTHC do nhiều cơ quan và công chức thực hiện và do tính chất của hoạt động quản lý, nên ngoài những khuôn mẫu ổn định tương đối, TTHC phải chứa đựng các biện pháp tuỳ nghi cần thiết[61, tr. 13].

Thủ tục hành chính là trình tự thực hiện thẩm quyền trong quản lý hành chính Nhà nước, nó nằm ngoài thủ tục tư pháp và thủ tục lập pháp. TTHC quy định quyền và nghĩa vụ các bên tham gia, mối quan hệ hành chính; hoạt động quản lý hành chính nếu thiếu TTHC thì quyền và nghĩa vụ các bên tham gia sẽ không được bảo đảm thực hiện. Đây là đặc điểm cần được nhấn mạnh.

Thủ tục hành chính khác với thủ tục tố tụng tại toà án, kể cả toà án hành chính. Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính điều chỉnh trình tự xét xử của Toà hành chính với tư cách là Toà chuyên trách thuộc hệ thống toà án nhân dân.

So với các quy phạm nội dung của Luật hành chính, TTHC có tính năng động hơn và đòi hỏi phải thay đổi nhanh hơn một khi thực tế cuộc sống đã có những yêu cầu mới.

Thủ tục hành chính đa dạng và phức tạp. Do đối tượng quản lý khác nhau, TTHC không giống nhau, lại diễn ra trong hầu hết mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từ bộ máy hành chính trung ương tới các địa phương, do đó mỗi cơ quan trong việc thực hiện thẩm quyền của mình đều tuân theo những thủ tục nhất định. Hơn nữa, nền hành chính nước ta đang chuyển từ hành chính cai quản sang hành chính phục vụ, hoạt động quản lý hành chính trở nên đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, biện pháp; đồng thời do tác động của quá trình hội nhập quốc tế, đối tượng quản lý không chỉ trong phạm vi nội bộ công dân trong nước mà còn liên quan đến các yếu tố nước ngoài. Ngoài ra thủ tục giải quyết công việc của Nhà nước và công việc lại liên quan đến quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý của công dân không giống nhau, có việc cần giải quyết nhanh gọn qua ít khâu, ít cấp, nhưng có nhiều trường hợp đòi hỏi phải thận trọng, qua nhiều khâu và yêu cầu có nhiều loại giấy tờ, xác minh tỷ mỷ để đảm bảo cho công việc được giải quyết chính xác làm cho TTHC càng phức tạp. Khi thực hiện một TTHC do đó có thể phát sinh ra các thủ tục khác; "…bởi vì mỗi quan hệ có thủ tục riêng không giống nhau. Vì thế, cần phân biệt nhiều thủ tục khác với việc gây ra nhiều thủ tục không cần thiết. *Nhiều thủ tục* là do nhiều quan hệ mà ra và mang tính khách quan; *gây ra phiền hà* là bởi sự phức tạp hóa chủ quan từ phía cơ quan công quyền nào đó, chứ không phải cả nền hành chính (cùng một giao dịch nhưng mỗi địa phương, ngân hàng, bệnh viện, cơ quan tiến hành các bước khác khác nhau, thậm chí với mức phí khác nhau" [114].

Thủ tục hành chính có tính năng động, và thay đổi nhanh. So với các quy phạm nội dung của Luật hành chính, TTHC có tính năng động hơn, đòi hỏi phải thay đổi nhanh hơn một khi thực tế cuộc sống có những yêu cầu mới. TTHC do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đặt ra để giải quyết công việc. Trên một chừng mực nhất định, TTHC lệ thuộc vào nhận thức chủ quan của chính người xây dựng nên nó, nếu nhận thức phù hợp với quy luật khách quan mà thực tế đòi hỏi thì TTHC sẽ mang tính tiến bộ, nếu nó không phù hợp với yêu cầu khách quan thì sẽ trở nên lạc

hậu, gây khó khăn cho việc thực hiện, và sớm muộn nó phải được điều chỉnh, sửa đổi hoặc bị thay thế bởi một TTHC mới.

Thủ tục hành chính khi triển khai thực hiện lệ thuộc nhiều vào con người và điều kiện thực tiễn. Do nhận thức của cán bộ thực thi nhiệm vụ các cấp khác nhau, do điều kiện và tình hình triển khai thực hiện mỗi ngành, mỗi cấp, từng lĩnh vực, địa điểm khác nhau nên việc thực hiện TTHC nói chung phức tạp và thường thay đổi nhanh hơn những TTHC mà các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạo ra nó. Trong quá trình triển khai thực hiện, người ta thường lấy lý do này, lý do khác để phức tạp hoá, quan trọng hoá hơn là đơn giản hoá các thủ tục đó. Nói về bệnh quan liêu, công văn giấy tờ của con người, ông Phạm Quang Nghị, Bí thư thành ủy Hà Nội đưa một dẫn chứng cụ thể: "Khi Bí thư thành phố Viên Chăn (Lào) đưa thư chúc mừng dịp Quốc khánh và kỷ niệm năm chẵn quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai nước. Sở Ngoại vụ trình đến tôi để trả lời cảm ơn thì thiếu đúng 1 ngày nữa là tròn một tháng. Thực tình tôi rất khó chịu về việc này. Trình lãnh đạo để cảm ơn người ta mà chậm gần 1 tháng thì còn cảm ơn gì nữa! Khi hỏi ra thì văn phòng UBND thành phố chậm 22 ngày, Sở Ngoại vụ chậm mất 8 ngày. Đây chính là một trong những rào cản làm chậm quá trình phát triển kinh tế - xã hội" [119]. Cho nên cần phải nói rằng tính khoa học và khách quan của TTHC lệ thuộc vào nhận thức của cơ quan xây dựng và của cả cơ quan thực hiện các TTHC đã ban hành.

Thủ tục hành chính phải kết hợp những khuôn mẫu tương đối ổn định và chặt chẽ với các biện pháp thích ứng, linh hoạt hoặc tùy nghi. Quản lý hành chính Nhà nước chủ yếu là hoạt động định hướng, cho phép, và có nhiều trường hợp phải ra mệnh lệnh có tính chất đơn phương, chính vì thế mà quy định TTHC phải kết hợp những khuôn mẫu tương đối ổn định và chặt chẽ với các biện pháp thích ứng linh hoạt hoặc tùy nghi để đảm bảo cho việc giải quyết từng trường hợp cụ thể, không để cho các TTHC làm trì trễ công việc.

Một đặc điểm nữa của TTHC trong giai đoạn hiện nay là nó chịu ảnh hưởng đáng kể của sự hội nhập quốc tế và chịu tác động qua lại của các quan hệ quốc gia trên thế giới, đặc biệt trong các lĩnh vực xuất - nhập khẩu, hoạt động mậu dịch quốc

tế, đầu tư nước ngoài..., những thông lệ quốc tế, những điều ước quốc tế khi Việt Nam tham gia ký kết.

Thủ tục hành chính gắn kết với công tác văn thư. Các TTHC Nhà nước chủ yếu thực hiện tại văn phòng của công sở Nhà nước, phương tiện truyền đạt chủ yếu là các công văn, giấy tờ. Vì thế, "TTHC gắn chặt với công tác văn thư, với việc tổ chức ban hành, sử dụng và quản lý văn bản trong các cơ quan Nhà nước"[75, tr.184].

Việc thực hiện TTHC lệ thuộc vào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước từng giai đoạn.

Trong hoạt động của các trường đại học, ngoài những đặc điểm chung giống như trong các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, TTHC của nhà trường còn có những đặc điểm riêng của mình như: không hoặc chưa được pháp luật quy định một cách cụ thể mà do nhà trường ban hành để quy định và hướng dẫn thực hiện các quy định chung của pháp luật hiện hành. Chúng tôi coi đây cũng là TTHC bởi lẽ chúng xác định thời gian khi tiến hành một công việc cụ thể có tính hành chính. Chỉ có điều là chúng có tính nội bộ của nhà trường.

Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường ĐHCL và ngoài công lập về cơ bản giống nhau. Điểm khác nhau cơ bản do quy định của pháp luật về cách thức thực hiện. Ví dụ việc miễm giảm học phí cho sinh viên đối với các trường ĐHCL thực hiện ngay tại trường SV đang theo học, còn ở đại học ngoài công lập chỉ xác nhận để cho SV về thực hiện miễn giảm tại địa phương.

1.1.5. Phân loại thủ tục hành chính

Từ kinh nghiệm thực tế của nước ta cũng như nhiều nước khác trên thế giới cho thấy, muốn xây dựng và thực hiện TTHC thuận lợi và có hiệu quả cần phải phân loại chúng một cách khoa học. Theo tác giả luận án, việc phân loại TTHC cũng nhằm xác định phạm vi để nghiên cứu cải cách TTHC theo nội dung của các hoạt động cụ thể. Tuy nhiên khi nói về việc phân loại chúng trước hết ta nên đề cập hết tất cả các cách phân loại TTHC khác nhau.

Giáo trình Thủ tục hành chính của Học viện hành chính và trang mạng http://www.bachkhoatrithuc.vn phân TTHC thành các loại sau:

- Phân loại theo đối tượng quản lý hành chính

Theo cách phân loại này, các TTHC được xác định cho từng lĩnh vực quản lý cụ thể và được phân chia theo cơ cấu chức năng của bộ máy quản lý hiện hành. Đây cũng chính là cách phân loại mà Nghị quyết 38/ CP đã áp dụng. Ví dụ: thủ tục tuyển dụng cán bộ, viên chức, thủ tục chi trả chế độ chính sách ưu đãi.v.v...

Cách phân loại này giúp cho người quản lý xác định được nhanh tính đặc thù của lĩnh vực quản lý, làm cơ sở xây dựng những TTHC cần thiết, thích hợp, để quản lý tốt theo mục tiêu đã định.

Ví dụ, các TTHC của lĩnh vực tài chính, tiền tệ có đặc điểm chặt chẽ, cụ thể và chi tiết. Cán bộ, viên chức sẽ không làm được công tác kế toán tốt nếu không biết rõ thủ tục tỷ mỉ về kế toán. Trong khi đó thủ tục SV nhập trường rất cần phải đơn giản, tiện lợi; hoặc thủ tục xin trợ cấp ưu đãi thì không nên quá nặng nề, rườm rà, gây khó khăn cho SV.

Tuy vậy, trong nhiều năm qua, khi đặt ra các TTHC, các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước không phải đã quan tâm đầy đủ tới đặc điểm của từng đối tượng và mỗi loại TTHC, vì lẽ đó nhiều thủ tục đã không thích hợp ngay từ khi nó mới được ban hành, dẫn đến công việc của các cơ quan Nhà nước có lĩnh vực không được đáp ứng tốt. Ví dụ: trong lĩnh vực giáo dục trước đây quy định việc vay vốn học tập của SV nghèo thực hiện không đơn giản; hoặc thủ tục chi trả trợ cấp cho đối tượng con thương binh, bệnh binh cũng có nhiều bất cập. Lợi dụng những sơ hở này một số cán bộ đã giải quyết công việc theo ý muốn cá nhân của họ gây khó khăn cho SV. Chủ trương cho SV nghèo vay vốn học tập trên thực tế mang tính tượng trưng, nhiều nơi không thực hiện được vì thủ tục rất rườm rà.

- Phân loại theo công việc cụ thể của các đơn vị, tổ chức được giao thực hiện trong quá trình hoạt động của mình

Đây là cách phân loại đơn giản, có khả năng áp dụng rộng rãi trong nhiều ngành, nhiều cấp. Ví dụ: trong Bộ GD&ĐT đó là thủ tục xét cấp học bổng chính sách cho SV; thủ tục miễn giảm học phí cho SV là con liệt sĩ, con thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng…

Những thủ tục nêu trên có thể phân chia thành các loại thủ tục liên quan đến những hoạt động cụ thể hơn như: thủ tục xét cấp học bổng cho SV trong các trường ĐH; thủ tục xét cấp học bổng cho SV diện chính sách; thủ tục xét cấp học bổng cho SV là người nước ngoài...

Các thủ tục này thường gắn liền với các hoạt động cụ thể của cơ quan, phản ánh tính đặc thù công việc cụ thể mỗi đơn vị. Phân loại theo cách này có ý nghĩa quan trọng là, nó giúp cho người thừa hành công vụ và những người thi hành các TTHC định hướng theo công việc dễ dàng, chính xác hơn. Chẳng hạn, một nhà trường khi tuyển nhân viên cho các bộ phận phục vụ, thủ tục tuyển dụng có những yêu cầu riêng, khác với thủ tục tuyển giáo viên. Sự khác biệt đó chính là sự rõ ràng của những thủ tục phù hợp với từng loại đối tượng quản lý chức năng công việc cụ thể của các đơn vị, tổ chức. Nó giúp cho các cơ quan Nhà nước tránh được tình trạng vừa thiếu lại vừa thừa cán bộ, biên chế cồng kềnh mà công việc vẫn chậm được giải quyết hoặc giải quyết không đúng với yêu cầu đặt ra.

Chẳng hạn như, để thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng đào tạo, theo công việc, chức năng nhiệm vụ của mình, nhiều nhà quản lý đã lựa chọn phương pháp quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 và đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/12/2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ví dụ, trường Đại học kinh tế quốc dân đang áp dụng, đề ra 18 thủ tục của Bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2000 như sau: TT01: Thủ tục kiểm soát tài liệu, TT02: Thủ tục kiểm soát hồ sơ, TT03: Thủ tục đánh giá chất lượng nội bộ, TT04: Thủ tục kiểm soát chất lượng sản phẩm không phù hợp, TT05: Thủ tục hành động khắc phục, TT06: Thủ tục hành động phòng ngừa, TT07: Thủ tục quản lý trong thiết bị giảng dạy, TT08: Thủ tục tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng phát triển cán bộ, TT09: Thủ tục thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đại học, TT10: Thủ tục thiết kế và phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ, TT11: Thủ tục thiết kế và phát triển chương trình đào tạo tiến sĩ, TT12: Thủ tục kiểm soát việc giảng dạy của giảng viên, TT13: Thủ tục tuyển sinh, TT14: Thủ tục kiểm soát và đánh giá kết quả học tập của sinh viên, TT15: Thủ tục kiểm soát và đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên,

TT16: Thủ tục xử lý thông tin phản hồi của khách hàng, TT17: Thủ tục lựa chọn nhà cung ứng, TT18: Thủ tục sửa đổi chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy. Những thủ tục này rất cần thiết để quá trình triển khai thực hiện được tuân thủ đúng pháp luật và thực hiện thống nhất các mảng công việc trong trường đại học. Tuy nhiên thời gian qua rất tiếc một số mảng công việc trường ĐH Kinh tế quốc dân thực hiện lại không đúng với những quy trình thủ tục đặt ra, dẫn đến một số sai phạm thiếu sót nhất định, đặc biệt trong công tác tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng phát triển cán bộ.

Cách phân loại này giúp cho các chủ thể TTHC định hướng rõ ràng và chính xác trong việc giải quyết các công việc liên quan.

- Phân loại theo chức năng hoạt động của các cơ quan

Cách phân loại này thường được áp dụng trong các cơ quan có chức năng quản lý chuyên môn thực hiện các hoạt động của mình phải đảm bảo những thủ tục cần thiết theo yêu cầu của nhà nước.

Theo cách phân loại này có các loại thủ tục như: Thủ tục thực hiện đăng ký dự thi ĐH, cao đẳng; Thủ tục thực hiện đăng ký xét tuyển ĐH, Cao đẳng; Thủ tục chuyển trường; Thủ tục xét ngừng học, thôi học do học lực yếu...

- Phân loại theo tính chất quan hệ TTHC

Cách phân loại này còn được gọi là phân loại dựa theo quan hệ công tác. Theo cách phân loại này, có thể có các loại TTHC sau đây:

+ Một là, TTHC nội bộ là thủ tục thực hiện các công việc nội bộ của cơ quan, công sở, trong hệ thống cơ quan Nhà nước và bộ máy Nhà nước nói chung, bao gồm các thủ tục như: quan hệ lãnh đạo, kiểm tra của cơ quan Nhà nước cấp trên đối với cấp đưới, quan hệ hợp tác, phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước cùng cấp, ngang cấp, ngang quyền, quan hệ công tác giữa chính quyền các cấp với các bộ, cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân với cấp trên... Thực tế hiện nay, những quy định thuộc loại này còn lỏng lẻo và trong nhiều cơ quan Nhà nước còn có những thủ tục thực hiện chưa nghiêm túc. "Bên cạnh đó, chúng ta còn gặp không ít TTHC rườm rà, không có trật tự và thậm chí sai các nguyên tắc của quan hệ hành chính. Các quan hệ nội bộ của bộ máy quản lý Nhà nước chưa được xác định rõ ràng là một trong những

nguyên nhân chính làm cho công việc nhiều khi không được giải quyết kịp thời, thậm chí tuỳ tiện" [57, tr. 24].

Ví dụ: Năm 2002, tại Quyết định số 42/2002/QĐ-BGD & ĐT ngày 21/10/2002 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp hệ chính quy. Đến năm 2006, Bộ lại ra Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT, ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy. Hai văn bản nói trên có nhiều điểm không tương đồng, có điểm còn phản bác lẫn nhau. Quy chế 25 không đề cập nội dung gì liên quan tới quy chế 42 nói về "Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại học tập" (Điều 13); "Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp" (Điều 17) không liên quan gì đến điểm rèn luyện. Và như vậy, theo cách hiểu thông thường, những văn bản có giá trị pháp lý ngang nhau, các chế tài quy định không giống nhau thì thực hiện theo văn bản ban hành sau hoặc thực hiện theo văn bản nào cũng được. Theo cách hiểu này rõ ràng quy chế 42 đã "âm thầm" mất hiệu lực?".

Từ những điều nói trên, có thể thấy TTHC nội bộ không đơn thuần là công việc nội bộ của cơ quan mà là thủ tục thuộc mối liên hệ trong các cơ quan của bộ máy quản lý Nhà nước có liên quan mật thiết đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, quan niệm phân loại cho đúng loại TTHC có ý nghĩa quan trọng trong thực tiễn, trong điều hành trước mắt cũng như lâu dài.

+ *Hai là, Thủ tục hành chính thực hiện thẩm quyền* (còn gọi là thủ tục liên hệ) là thủ tục tiến hành giải quyết các công việc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phòng ngừa, ngăn chặn, xử phạt các hành vi vi phạm hành chính, trưng thu, trưng mua bất động sản của tổ chức và của công dân khi Nhà nước có nhu cầu giải quyết một nhiệm vụ nhất định vì lợi ích cộng đồng. Thủ tục hành chính này có đặc điểm cơ bản là cơ quan hành chính và viên chức Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quyền lực Nhà nước bằng hoạt động áp dụng quy phạm pháp luật để giải quyết các công việc, tình huống cụ thể, làm xuất hiện các quyền chủ thể và nghĩa

vụ pháp lý của công dân và tổ chức. Thủ tục hành chính thực hiện thẩm quyền rất đa dạng và thông thường thuộc các tiểu loại sau:

Thủ tục cho phép, là thủ tục giải quyết các yêu cầu, đề nghị của công dân. Trong nhiều trường hợp, công dân muốn thực hiện các hành vi phải xin phép Nhà nước, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành xét và giải quyết các "đơn xin" đó bằng các quyết định hành chính cá biệt "cho phép". Ví dụ: Cho phép học bằng hai, cho phép chuyển trường, cho phép nghỉ học, cho phép bảo lưu kết quả học tập...Quá trình giải quyết đó phải theo trình tự thủ tục nhất định. Do đặc điểm đó, có thể gọi đây là thủ tục cho phép.

Thủ tục ngăn cấm hay cưỡng chế thi hành: khi tổ chức, công dân thực hiện các hành vi vi phạm hành chính hoặc cố tình không thực hiện các quyết định hành chính thì các cơ quan hành chính hoặc viên chức Nhà nước có thẩm quyền được thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử phạt hay cưỡng chế thi hành bằng quyết định hành chính có tính cách ra lệnh và các hành vi hành chính trực tiếp. Quá trình đó phải tuân theo các điều kiện, thủ tục do pháp luật quy định. Thủ tục cưỡng chế thi hành và xử phạt cần phải có giới hạn và điều kiện để tránh lạm quyền, xâm phạm quyền tự do, quyền lợi hợp pháp của công dân. Ví dụ: Khoản 2, điều 5, Quy chế Công tác HSSV trong các trường đào tạo (1993) ghi: "Nghiêm cấm HSSV đánh bạc, tiêm chích, hút thuốc phiện, say rượu, lưu hành văn hoá phẩm đồi trụy và các biểu hiện vi phạm đạo đức khác", nếu HSSV vi phạm sẽ bị xử lý bằng các biện pháp ngăn chặn (kỷ luật) kịp thời. Việc xử lý kỷ luật HSSV theo trình tự, thủ tục hướng dẫn tại quy chế này. Tuy nhiên các hướng đẫn, chế tài nếu không cụ thể sẽ gây khó khăn và thiếu thống nhất trong quá trình các trường triển khai thực hiện.

Thủ tục trưng thu, trưng dụng. Trong một số trường hợp theo pháp luật, cơ quan hành chính có thẩm quyền được thực hiện quyền trưng thu (trong những tình thế cấp bách), trưng mua (trong trường hợp cần ưu tiên vì lợi ích công cộng). Trong tình thế cấp bách, chính quyền cần sự hợp tác của nhân dân, nhưng cũng có lúc chính quyền gặp sự bất hợp tác. Để khắc phục trở ngại đó, luật pháp cho phép chính quyền được thực hiện đặc quyền trưng dụng. Còn để thực hiện một chính sách, một phương

án ưu tiên phục vụ công cộng, có trường hợp chính quyền cần làm chủ một số bất động sản nhất định. Nhưng nếu áp dụng các biện pháp thông dụng là mua lại mà tư nhân không muốn bán thì vì lợi ích công cộng, pháp luật cho phép chính quyền được sử dụng đặc quyền cưỡng bách tư nhân nhượng quyền sở hữu bất động sản cho Nhà nước. Đó là quyền trưng mua. Thời gian qua, việc giải phóng mặt bằng để làm đường ta đã áp dụng một số thủ tục thuộc loại này. Trong các trường đại học, cao đẳng, thủ tục trưng thu, trưng dụng ít khi xẩy ra.

Tóm lại, do thủ tục thực hiện thẩm quyền nói lên mối liên hệ pháp lý giữa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan Nhà nước với công dân nên người ta còn gọi đây là thủ tục liên hệ.

+ *Ba là, Thủ tục hành chính văn thư,* là toàn bộ các hoạt động lưu trữ, xử lý, cung cấp các loại giấy tờ và đưa ra các quyết định dưới hình thức văn bản, phục vụ giải quyết một công việc nhất định. Loại thủ tục này liên quan chặt chẽ với hoạt động văn thư. Nó tạo thành hoạt động văn thư trong hoạt động hành chính Nhà nước. Thủ tục hành chính văn thư khá tỷ mỉ, phức tạp và tính chất của loại thủ tục này tuỳ thuộc vào từng công việc cần giải quyết. Có vụ việc đòi hỏi ít loại giấy tờ, và được giải quyết nhanh chóng. Nhưng cũng có công việc khi giải quyết đòi hỏi cần phải có nhiều loại giấy tờ, cần đăng ký, chứng nhận, công chứng Nhà nước một cách thận trọng và trình tự. Vì thế, CCHC không có nghĩa trong mọi trường hợp đều giảm bớt giấy tờ, công văn, mà là đảm bảo đủ giấy tờ cần thiết làm căn cứ để giải quyết công việc.

Thủ tục hành chính văn thư đối với một quyết định hành chính thể hiện ở hai khía cạnh. Một là, nó quy định, để giải quyết một vấn đề nào đó cần phải đảm bảo những giấy tờ cơ bản, theo trình tự nhất định. Ở khía cạnh này, điều quan trọng là phải chỉ ra được vì sao cần phải có giấy tờ đó, ý nghĩa của nó để giải quyết công việc là gì? không nên quy định một cách tuỳ tiện các giấy tờ để đòi hỏi, sách nhiễu nhân dân nhưng cũng không quy định một cách dễ dãi đối với những trường hợp cần kiểm tra một cách chu đáo. Ở khía cạnh thứ hai, đưa ra các tiêu chuẩn xem xét giấy tờ như thế nào được xem là hợp thức; các giấy tờ hợp thức được quy định thống nhất, có căn cứ rõ ràng. Như vậy sẽ tiện lợi cho người dân khi thực hiện, thuận lợi cho cơ quan Nhà nước khi kiểm tra.

Tuy nhiên, cả hai khía cạnh trên đều chỉ có ý nghĩa tương đối. Có nhiều trường hợp một loại TTHC vừa có thể xếp vào loại hình này lại vừa xếp vào loại hình khác do giữa chúng có những mặt tương đồng xen kẽ nhau. Ví dụ: quy trình, thủ tục thành lập trường đại học thuộc nhóm các TTHC theo lĩnh vực nhưng cũng có thể xem xét là một loại thủ tục hành chính văn thư, vì Nhà nước quy định để thành lập trường đại học, phải có đủ một số giấy tờ cần thiết: tờ trình; công văn; đề án; hồ sơ xác nhận quyền sử dụng đất, văn bản cấp có thẩm quyền xác nhận khả năng tài chính; sơ yếu lý lịch người dự kiến làm hiệu trưởng và các thành viên hội động quản trị; danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu; bản cam kết 10 năm xây dựng tương ứng với quy mô; Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động, các giấy tờ đó được quy định về tính hợp thức chặt chẽ.

- Một số cách phân loại khác

+ Một là, Phân loại theo cấp độ đề xuất cải cách TTHC. Để tiến hành cải cách TTHC có tác giả phân TTHC thành 4 loại và đề xuất trước mắt cần phải xử lý ngay: "Thủ tục hợp pháp, hợp lý: tiếp tục thực hiện; Thủ tục hợp pháp nhưng còn những điểm bất hợp lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung ngay (Ví dụ: Đề nghị bãi bỏ đối tượng ưu tiên là "Bà mẹ Việt Nam anh hùng…" trong Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12/7/2013, Phó Giáo sư Văn Như Cương cho rằng: "Nếu quy định là cháu, chắt, chút, chít của mẹ Việt Nam anh hùng đi thi được cộng 2 điểm thì còn có lý. Thử hỏi bà mẹ Việt Nam anh hùng nào còn lê được đi thi Đại học. Đến con của các mẹ cũng lớn tuổi cả rồi chứ nói gì đến các Mẹ. Nếu có thì tặng các Mẹ 20 triệu và đặc cách luôn chứ tặng 2 điểm làm gì")[122]. Thủ tục bất hợp pháp (do cơ quan không có thẩm quyền tự đặt ra) nhưng xét thấy hợp lý cần thiết phải có: kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành; Thủ tục bất hợp pháp, bất hợp lý loại này phải đình chỉ thi hành ngay lập tức" [115].

+ Hai là, Phân loại theo lĩnh vực đề xuất cải cách TTHC. Có tác giả đưa ra quan điểm phân loại như sau: thủ tục thuộc lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ; thủ tục thuộc lĩnh vực thi đua - khen thưởng; thủ tục thuộc lĩnh vực tôn giáo; thủ tục thuộc lĩnh vực cơ yếu; thủ tục thuộc lĩnh vực công chức viên chức; thủ tục thuộc lĩnh vực tổ chức - biên chế; thủ tục thuộc lĩnh vực văn thư lưu trữ; thủ tục thuộc lĩnh vực thanh

tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

+ *Ba là, Phân loại theo cấp xử lý TTHC*, thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước, thủ tục thực hiện ở cấp Trung ương (Điều kiện và thủ tục thành lập trường đại học; Sáp nhập, chia, tách trường đại học; Mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học…), thủ tục thực hiện ở cấp tỉnh (Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc; Yêu cầu cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc; Thành lập trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học…), thủ tục thực hiện ở cấp huyện (Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở…), thủ tục thực hiện ở cấp xã (Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục; Đình chỉ hoạt động của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục…) [167].

+ *Bốn là, Phân loại thủ tục thành TTHC và thủ tục chuyên môn nghiệp vụ.* Theo cách phân loại này những thủ tục dẫn tới một quyết định hành chính, giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Những thủ tục này do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Cá nhân, tổ chức khi thực hiện phải tuân theo. Ví dụ: thủ tục đăng ký tạm vắng tạm trú, thủ tục cấp chứng minh thư mới gọi là TTHC.

Những thủ tục cụ thể hơn, liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ, có thể thay đổi, bổ sung do điều kiện, hoàn cảnh thực tế và người chỉ đạo thực hiện yêu cầu thì không phải là TTHC mà thuộc về thủ tục chuyên môn nghiệp vụ. Ví dụ: để thực hiện thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học đến trường, trước hết phải thực hiện các công đoạn của thủ tục chuyên môn nghiệp vụ như: tổ chức thi, nhận bài thi, đánh số phách, rọc phách, chấm thi, ghép phách, lên điểm, công bố kết quả thi, xét trúng tuyển kỳ thi... Tuy nhiên những thủ tục này cuối cùng cũng dẫn đến kết quả TTHC, ở đây điểm đến là thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học đến trường.

Thủ tục hành chính trong các trường ĐHCL được tác giả luận án phân loại theo công việc cụ thể của các đơn vị, tổ chức được giao thực hiện. Tuy nhiên, cách xác định này cũng chỉ có tính chất tương đối vì có những loại thủ tục như thủ tục cho phép lại nằm trong nhóm TTHC thực hiện thẩm quyền được thực hiện trong các trường ĐH.

1.1.6. Các yếu tố cấu thành thủ tục hành chính

Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ Về kiểm soát TTHC thì các yếu tố sau đây cấu thành TTHC:

a) Tên TTHC;

b) Trình tự thực hiện;

c) Cách thức thực hiện;

d) Hồ sơ;

đ) Thời hạn giải quyết;

e) Đối tượng thực hiện TTHC;

g) Cơ quan thực hiện TTHC;

h) Kết quả thực hiện TTHC;

i) Trường hợp TTHC phải có mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện; phí, lệ phí thì mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện; phí, lệ phí cũng là bộ phận tạo thành của TTHC.

1.1.7. Nguyên tắc xây dựng, ban hành thủ tục hành chính

Theo chúng tôi, việc xây dựng, ban hành TTHC là công việc của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, thực hiện TTHC là việc của tất cả các cơ quan liên quan nhưng chủ yếu là các cơ quan hành chính, cơ quan cấp dưới. Đối với ngành GD&ĐT thực hiện TTHC là công việc của các nhà trường. Các trường, khi triển khai thực hiện TTHC thường có các văn bản hướng dẫn để thực hiện phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế riêng có của từng loại hình trường, nhưng không được trái với văn bản luật và các các văn bản cấp trên, của Bộ GD&ĐT, của Chính phủ.

Sau đây là một số nguyên tắc chủ yếu đòi hỏi phải được áp dụng thống nhất khi xây dựng, ban hành TTHC trong các cơ quan, tổ chức nói chung, kể cả trong các trường ĐH.

- Phải tuân thủ pháp luật, giữ vững kỷ cương, pháp chế XHCN

Theo nguyên tắc này, chỉ những cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới được ban hành TTHC. Đồng thời, các TTHC dù thuộc ngành, lĩnh vực nào cũng phải đảm bảo tuân theo pháp luật, và văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên; phải thực hiện đúng trình tự với phương tiện, biện pháp và hình thức được pháp luật cho

phép. TTHC được thực hiện chủ yếu bằng phương tiện vật chất của Nhà nước. Nhà nước tạo điều kiện cho tổ chức, công dân có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi giải quyết công việc liên quan, không được làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp chế XHCN.

Tuy nhiên, cũng cần nói rằng "Trong thời gian dài trước đây, ở nước ta vẫn tồn tại một thực tế là: nhiều cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương, không có thẩm quyền, tự mình vẫn đặt ra các TTHC rất vô lý bắt người dân thực hiện. Tính hệ thống của các TTHC đó không được đảm bảo và dẫn đến tình trạng rối loạn kỷ cương xã hội, tạo điều kiện cho nạn tham nhũng phát triển. Sự vi phạm nguyên tắc này nếu không có biện pháp khắc phục có thể sẽ gây ra những hậu quả khôn lường" [53, tr. 25].

Chính vì vậy, thực tế đang đòi hỏi các cơ quan và cá nhân khi ban hành TTHC phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, phải tôn trọng pháp chế XHCN.

- Phù hợp với mục tiêu quản lý hành chính Nhà nước trong thời kỳ hội nhập

Một trong những nguyên tắc quan trọng khi xây dựng TTHC là phù hợp với thực tế của nhiệm vụ điều hành và quản lý đất nước. Nói cách khác, TTHC phải được xây dựng trên cơ sở nhận thức đầy đủ các yêu cầu khách quan của tiến trình phát triển xã hội trong thời kỳ mới hiện nay.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, mang lại nhiều tiềm năng mới cho sự phát triển đất nước. Nhưng nó cũng đòi hỏi quản lý Nhà nước phải ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các mặt tiêu cực đang ngày càng tăng trong đời sống xã hội. Cơ chế mới đòi hỏi phải kịp thời xây dựng và hoàn thiện các công cụ pháp luật và những thiết chế mới thích hợp. TTHC phải được xây dựng sao cho phù hợp với tình hình đó để tạo điều kiện cho việc thực hiện và cải cách việc thực hiện TTHC hữu hiệu. TTHC mới không được trái với các nguyên tắc đã được khẳng định trong các văn bản Luật, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Cùng với việc xây dựng các TTHC mới, kịp thời sửa đổi, bãi bỏ những TTHC lỗi thời, lạc hậu, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội phát triển đúng hướng.

- Đơn giản, dễ hiểu, thuận lợi cho việc thực hiện và gắn với từng lĩnh vực quản lý cụ thể

Nguyên tắc này phản ánh yêu cầu, nguyện vọng và bức xúc của nhân dân; và cũng xuất phát từ bản chất Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Những TTHC rườm rà, phức tạp làm cho cán bộ, nhân dân khó hiểu, khó chấp hành, bệnh quan liêu, cửa quyền phát triển là không phù hợp. TTHC đơn giản cho phép tiết kiệm sức lực, tiền bạc của nhân dân, hạn chế việc lợi dụng chức quyền, vi phạm tự do của công dân. Theo nguyên tắc này, các TTHC khi ban hành cần có sự giải thích cụ thể, rõ ràng về nội dung thủ tục và phạm vi áp dụng của nó. Mọi TTHC đều phải công khai cho mọi người biết để tuân thủ. Trước khi thực hiện một nhiệm vụ nào đó các đối tượng liên quan cần được giới thiệu và giải thích các thủ tục để có sự chuẩn bị đầy đủ, không mất thời gian, và để có thể kiểm tra được được tính nghiêm túc của cơ quan Nhà nước khi giải quyết các công việc liên quan đến tổ chức và công dân. Nếu dân không biết được các TTHC đầy đủ, đó sẽ là cơ hội cho những cán bộ không tốt lợi dụng để sách nhiễu, để nhằm mưu lợi riêng.

- Thủ tục hành chính phải đảm bảo tính hệ thống

Tính hệ thống chặt chẽ của TTHC là yếu tố rất quan trọng. Nguyên tắc tính hệ thống chặt chẽ của TTHC thể hiện ở chỗ: TTHC của một lĩnh vực không được mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với các lĩnh vực liên quan. Vì nếu mâu thuẫn với nhau thì khi thực hiện sẽ tạo nên sự hỗn loạn, không kiểm soát được, tuỳ tiện trong quá trình giải quyết.

Những nguyên tắc trên có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Trong từng trường hợp cụ thể, khi vận dụng để xây dựng các TTHC cần tính đến các yêu cầu thực tế để nhấn mạnh một nguyên tắc nào đó nhằm tạo ra được những thủ tục hữu hiệu.

Chiavo-Campo và P.S.A.Sundaram đã từng nhấn mạnh: "Bên cạnh số lượng quá dư thừa các quy định ở các nước đang phát triển là tình trạng bừa bãi và mâu thuẫn của các văn bản. Nhiều văn bản có các quy định bỏ ngỏ và mơ hồ đã buộc công dân phải tuân theo ý muốn chủ quan của các viên chức nhỏ nhen" [57, tr. 32]. Nhận xét này cũng đúng với tình hình Việt Nam. Nhiều lĩnh vực ở nước ta đang tồn

tại tình trạng mà hai nhà nghiên cứu của Ngân hàng ADB nêu trên, trong đó có cả ngành giáo dục và đào tạo mà chúng tôi đang nghiên cứu. Do vậy đảm bảo các nguyên tắc khi xây dựng TTHC là vô cùng quan trọng.

Gần đây, trên phương diện pháp lý, Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định về xây dựng, ban hành TTHC cần đảm bảo các nguyên tắc: 1) Đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện. 2) Phù hợp với mục tiêu quản lý hành chính nhà nước. 3) Bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện TTHC. 4) Tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước. 5) Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của các quy định về TTHC; thủ tục hành chính phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định trên cơ sở bảo đảm tính liên thông giữa các TTHC liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý; dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan nào, cơ quan đó phải có trách nhiệm hoàn chỉnh.

Tại Điều 4, Thông tư *Hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC* số 05/2014/TT-BTP, ngày 07 tháng 02 năm 2014, Bộ Tư pháp quy định: Các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm xây dựng quyết định công bố TTHC ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định chi tiết về TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý được ban hành. Trường hợp TTHC được quy định chi tiết tại thông tư liên tịch, cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ đã chủ trì ban hành thông tư liên tịch có trách nhiệm xây dựng quyết định công bố TTHC ngay sau khi thông tư liên tịch được ban hành. Trong trường hợp quy định TTHC thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã phối hợp ban hành thông tư liên tịch thì cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ đó có trách nhiệm xây dựng quyết định công bố TTHC.

Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm xây dựng quyết định

công bố TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý ngành, lĩnh vực ngay sau khi nhận được quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

Như vậy, cho tới nay chúng ta đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ thẩm quyền ban hành TTHC.

1.1.8. Nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện TTHC là toàn bộ các bước: hướng dẫn, triển khai, thực hiện công việc theo trình tự, thủ tục mà các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định cho chính nó hoặc các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, cá nhân khi giải quyết các công việc liên quan.

Nếu như các quy định về TTHC chủ yếu do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (cấp trên) ban hành thì thực hiện TTHC là cách thức tiến hành, các bước thực hiện cụ thể chủ yếu của các cơ quan quản lý Nhà nước (cấp dưới), các đơn vị, công chức, viên chức thực hiện.

Để đảm bảo đúng pháp luật, tạo điều kiện tốt nhất, thuận lợi cho người dân, việc thực hiện TTHC phải tuân theo những nguyên tắc nhất định, trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể là:

- Các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải có quy định rõ ràng về chế độ công vụ;

- Các thủ tục hành chính phải được công khai hóa, minh bạch hóa rõ ràng;

- Phải bố trí cán bộ đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực thi công vụ;

- Đảm bảo tính khách quan, chính xác, công minh;

- Có sự phân công rõ ràng, cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị, tổ chức, cơ quan trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

- Cơ quan, cán bộ thi hành thủ tục hành chính có trách nhiệm rà soát, kiến nghị bổ sung, thay thế những thủ tục hành chính lỗi thời, lạc hậu.

Những nguyên tắc đó đã được giải thích ở nhiều tài liệu, sách giáo khoa về TTHC mà chúng tôi đã nói ở trên.

1.1.9. Một số vấn đề về cải cách TTHC ở Việt Nam thời gian qua

1.1.9.1. Một số quan niệm về cải cách thủ tục hành chính

- *Cải cách TTHCla cải cách lề lối làm việc và nó phải được bắt đầu từ công tác cán bộ.* Ông Trần Xuân Phúc, Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng chính phủ cho rằng cải cách TTHC cái mấu chốt, quan trọng nhất là công tác cán bộ: "Tôi cho rằng vấn đề cán bộ có năng lực, có phẩm chất, có trình độ và có trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm trong lĩnh vực chống lãng phí, tiêu cực, tham nhũng trong việc giải quyết TTHC cho dân, cho doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Bởi TTHC chỉ là một công cụ quản lý Nhà nước trên tinh thần có lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí xã hội, tăng cường quản lý Nhà nước. Nếu thủ tục dù tốt bao nhiêu chăng nữa nhưng con người không tốt thì chẳng giải quyết vấn đề gì"[108]. Điều này cũng cần phải đặt ra vì đó là yêu cầu cần cải cách TTHC đối với ngành Giáo dục và Đào tạo. Ở các trường mà cán bộ kém năng lực thì HSSV rất cực khổ vì TTHC.

- *Cải cách thủ tục hành chính quan trọng là khâu triển khai thực hiện các thủ tục hành chính trong thực tế.* Ông Ngô Hải Phan, Cục trưởng Cục kiểm soát TTHC cho rằng: "cải cách TTHC không chỉ là việc rà soát để cắt giảm hoặc sửa đổi các quy định về thủ tục, mà quan trọng hơn là việc công khai, minh bạch, cũng như thực hiện tốt các thủ tục này trên thực tế"[142].

Rõ ràng giữa "hành vi và pháp luật không không bao giờ giống nhau" nên các quan điểm trên đã tập trung nhấn mạnh đến cái cốt lõi, cái mấu chốt trong hàng loạt mắt xích mấu chốt của vấn đề cải cách TTHC đó là công tác cán bộ, phẩm chất cán bộ, hành vi con người trong triển khai thực hiện TTHC. Nhiều vụ tiêu cực liên quan đến TTHC đã diễn ra không phải ở những cán bộ ít am hiểu pháp luật. Nhiều vụ việc được xác định có tính toán rất tinh vi, nếu không có năng lực pháp luật thì không thực hiện nổi.

- *Để cải cách thủ tục hành chính có hiệu quả cần nâng cao năng lực giám sát của hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền.* Ông Tuấn Đạo Thanh - Phòng Công chứng số 3 Hà Nội cho rằng: "Về bản chất, cải cách TTHC không có gì khác ngoài việc đơn giản hóa, minh bạch hóa, công khai hóa các TTHC cũng như rút thời gian, chi phí thực hiện chúng. Tuy nhiên, cải cách TTHC cũng cần phải nâng cao năng lực giám sát, quản lý của hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền"[140].

Quan điểm của ông Tuấn Đạo Thanh đã đưa ra được một cách nhìn tổng thể hơn, không chỉ yêu cầu đơn giản hóa, minh bạch hóa, giảm thời gian và chi phí cho các TTHC. Trong lĩnh vực này, năng lực giám sát của người có thẩm quyền là rất quan trọng.

Cần nói rằng thời gian đầu của CCHC Chính phủ đã chọn cải cách TTHC là khâu đột phá vì 3 lý do sau:

Một là, cải cách TTHC là một nội dung của CCHC, nhưng là nội dung phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, đồng thời là nội dung có nhiều bức xúc nhất lúc đó.

Hai là, trong điều kiện nguồn lực còn nhiều khó khăn chưa thể thực hiện đồng loạt các nội dung khác cùng lúc thì cải cách TTHC là khâu nên tập trung nguồn lực để giải quyết.

Ba là, thông qua cải cách TTHC, chúng ta có thể xác định được căn bản các công việc của cơ quan quản lý Nhà nước với người dân và doanh nghiệp. Cải cách TTHC là tiền đề để thực hiện các nội dung khác.

Cải cách hành chính mà trước hết là cải cách TTHC luôn là nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. "Cải cách TTHC là khâu đột phá vì đây là khâu đầu tiên quyết định chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[50].

Cải cách TTHC chung quy lại, không chỉ nhìn từ khía cạnh kinh tế (tiết kiệm tiền của, xây dựng môi trường pháp lý để các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư yên tâm làm ăn, phát triển); không chỉ nhìn từ khía cạnh xã hội (tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước). Hơn thế, cải cách TTHC còn xuất phát từ việc sắp xếp, tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, hiện đại; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp hóa; góp phần bài trừ tệ quan liêu, cửa quyền, hối lộ, làm trong sạch bộ máy Nhà nước.

Tóm lại, theo nghĩa chung nhất, *cải cách là một biện pháp được thực hiện để giải quyết những đòi hỏi của thực tiễn với mục tiêu rõ ràng, chương trình cụ thể và yêu cầu phải hoàn tất trong một thời gian nhất định*.

Tuy nhiên, ở Việt Nam cho tới nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào chính thức định nghĩa khái niệm cải cách TTHC, hay một trong những nội dung của nó - yếu tố cấu thành TTHC, nội dung cải cách TTHC, yêu cầu cải cách TTHC, nguyên tắc cải cách TTHC. Mặc dù vậy, thuật ngữ này cũng như những nội dung của nó đã được đề cập đến trong nhiều văn bản quan trọng của Đảng, các cơ quan quản lý nhà nước, trong các tài liệu, giáo trình của các cơ sở đào tạo. Chúng ta có thể tìm thấy một số quan niệm cải cách TTHC như sau:

Cải cách TTHC là điều kiện cần thiết để tăng cường củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân, tăng cường sự tham gia quản lý Nhà nước của nhân dân.

Cải cách TTHC là biện pháp thực hiện nhằm hướng tới mục tiêu đơn giản hóa các TTHC, nhằm tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp khi đến cơ quan nhà nước giải quyết công việc.

Như vậy, quan niệm về cải cách TTHC mang một số đặc điểm như cải cách (reform) không phải là cải tổ hay cách mạng (renovation, hay revolution), mà là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu đề ra... nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận với các cơ quan nhà nước.

Cải cách TTHC có tác dụng làm chuyển động toàn bộ hệ thống quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện mục tiêu chung.

1.1.9.2. Sự cần thiết cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập ở Việt Nam

Trong hoạt động của các trường đại học công lập ở Việt Nam cải cách TTHC không những là cần thiết, phù hợp với trào lưu chung của đất nước mà còn nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng phục vụ, nghiên cứu khoa học, hợp tác và giao lưu quốc tế ... Nếu xây dựng được những TTHC phù hợp, thực hiện đúng, cách thực hiện khoa học, đơn giản sẽ tạo

nên một phong cách hoạt động mới của trường ĐH hiện đại, tiến tiến, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bắt kịp với xu hướng chung của khu vực và quốc tế. Nếu TTHC trong hoạt động các trường ĐH không được xây dựng phù hợp, thiếu khoa học thì sẽ gây phiền hà, ách tắc trong việc giải quyết công việc của nhà trường, tạo nên những rào cản không đáng có cho SV và giảng viên, làm cho nhà trường trì trệ, xa thực tế và chậm phát triển.

Thủ tục hành chính và thực hiện TTHC đối với hoạt động của các trường ĐH liên quan đến quyền lợi của hàng triệu SV; hàng vạn cán bộ, giảng viên đang học tập, giảng dạy, quản lý và làm việc trong các trường ĐH và cao đẳng. Nhiệm vụ này liên quan đến Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước của Chính phủ, liên quan đến cải cách, hiện đại hoá chương trình đào tạo, mở cửa hội nhập và giao lưu quốc tế hiện đang được đẩy mạnh.

Trong thời gian qua, một số vấn đề cấp thiết của cải cách TTHC trong ngành GD&ĐT, trong đó có các trường ĐH rất được dư luận quan tâm. Ví dụ như các bài "*Mệt mỏi chạy theo các thầy*" - Tiền phong, ngày 19/10/2005; "*Cần cải cách ngay trong nhà trường*" - Vietbao, ngày 20/10/2005; "*Chuyện kể về những kiểu... hành*" - VietNamNet, ngày 09/01/2006; "Một ngày "lê la" phòng giáo vụ" - VietNamNet, ngày 11/01/2006; "*Những phản ánh từ chuyện* "*hành sinh viên*""- VietNamNet, ngày 12/01/2006; "*Giảm thủ tục hành chính để tiết kiệm nhiều tỷ USD*" - VTC news, ngày 02/04/2007; Gần đây nhất tại Hội thảo về "Cải cách giáo dục đại học" tổ chức ở TP Hồ Chí Minh từ ngày 31/7 đến 1/8/2014 nhiều đại biểu, trong đó có GS. Ngô Bảo Châu cũng nhấn mạnh rằng cách làm của GDĐH Việt Nam chẳng giống ai và đang làm cho GDĐH trì trệ, đi thụt lùi... Điều đó cho thấy yêu cầu bức thiết phải cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐH, đặc biệt trong các trường ĐHCL. Đây là điều đang được cả xã hội mong chờ.

Nếu muốn cho nền đại học Việt Nam phát triển thì tất yếu phải cải cách TTHC để "cởi trói" cho các trường hoạt động tốt hơn.

Từ những vấn đề chung về TTHC và cải cách TTHC, chúng tôi cho rằng cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐH thực tế là cải cách việc triển khai thực

hiện trên thực tế các TTHC này trong các trường. Trong quá trình đó phải nghiên cứu, khảo sát, rà soát phát hiện những TTHC không phù hợp, trái thẩm quyền để đề xuất, sửa đổi, loại bỏ, thay thế bằng những TTHC phù hợp, khoa học hơn, góp phần vào quá trình cải cách chung nền giáo dục nước nhà.

1.1.9.3. Nội dung cải cách TTHCtrong các trường Đại học công lập

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Theo Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2012-2015, (Ban hành kèm theo Quyết định số 1562/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì nội dung cải cách được nêu lên là:

+ Rà soát, nâng cao chất lượng TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý của Bộ nhất là TTHC liên quan tới người dân, cơ sở giáo dục.

+ Kiểm soát chặt việc ban hành mới các TTHC của Bộ và các cơ quan đơn vị thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

+ Công khai, minh bạch tất cả các TTHC bằng các hình thức thiết thực và thích hợp; thực hiện thống nhất cách tính chi phí mà người dân, cơ sở giáo dục phải bỏ ra khi giải quyết TTHC tại các cơ quan đơn vị thuộc Bộ; duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ; thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động của quy định, TTHC khi ban hành mới.

+ Cải cách thủ tục giữa các đơn vị thuộc Bộ và trong nội bộ từng đơn vị thuộc Bộ;

+ Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ.

+ Thực hiện cải cách TTHC ngay trong quá trình xây dựng thể chế và cải cách TTHC để hoàn thiện thể chế.

Chúng tôi cho rằng đó là những nội dung rất cụ thể và thiết thực trong tình hình hiện nay của ngành GD&ĐT. Nếu làm được những nội dung đó ngành GD&ĐT chắc chắn sẽ có những chuyển biến tích cực.

1.1.9.4. Các yếu tố cản trở cải cách TTHC

Trong thời gian qua cải cách TTHC ở nước ta đã có nhiều tiến bộ đáng kể. TTHC được công khai hơn, gọn nhẹ hơn. Nhiều yếu tố phiền hà đã được loại bỏ, nhất là sau khi có Nghị định 63/2010/NĐ - CP của Chính phủ "Về kiểm soát thủ tục hành chính".

Tuy nhiên, đến nay đây vẫn là nhiệm vụ cấp bách mà Chương trình Tổng thể cải cách hành chính 2011-2020 đang quan tâm. Cải cách TTHC vẫn còn nhiều rào cản. Chúng tôi cho rằng các yếu tố sau đây tiếp tục sẽ gây cản trở đến việc cải cách TTHC trong thời gian tới:

1) Yếu tố con người: thực tế cho thấy chúng ta vẫn còn thiếu một đội ngũ cán bộ có hiểu biết và nhiệt tâm. Vì thế việc tiến hành cải cách TTHC rất chậm.

2) Lý luận về cải cách TTHC chưa được nghiên cứu toàn diện. Cải cách TTHC còn thiên về các giải pháp tình thế, thiếu tính tổng thể. Nhiều khi chỉ mang tính đối phó, hình thức.

3) Thủ tục hành chính chưa thực sự ổn định, hay thay đổi, dễ làm cho quá trình cải cách đi theo ý chí người điều hành dẫn đến trạng thái nhàm chán, chây ỳ.

4) Công tác quản lý của Nhà nước đối với đời sống kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế. Đây là tiền đề phát sinh TTHC rườm rà. Các cơ quan chức năng chưa xác định được thích đáng mức độ và phương pháp can thiệp của Nhà nước trong từng lĩnh vực quản lý cụ thể như thế nào là phù hợp, đúng mức. Thực tế là nếu kiểm soát quá chặt chẽ thì sẽ cứng nhắc, cản trở sự phát triển, nhưng buông lỏng thì cũng tạo nên sự rối loạn.

1.2. Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học

1.2.1. Đặc điểm của các trường đại học công lập ở Việt Nam

Trước khi tìm hiểu đặc điểm của các trường ĐH, tác giả muốn xuất phát từ các khái niệm về trường học và thế nào là một trường ĐH?

Nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã thống nhất với khái niệm cho rằng trường học là đơn vị cơ sở giáo dục, nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập theo quy hoạch của Nhà nước; thực hiện chương trình giáo dục dạy học do Bộ GD&ĐT quy định nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục. Trường học phải đảm bảo

đủ các điều kiện như: cán bộ quản lý, giáo viên dạy các môn học, nhân viên hành chính, bảo vệ, y tế...Trường phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, có đủ những điều kiện về tài chính theo quy định của Bộ Tài chính. Trường học được tổ chức theo các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục.

Đại học là cơ sở GDĐH bao gồm tổ hợp các trường cao đẳng, trường ĐH, viện nghiên cứu khoa học thành viên thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau để đào tạo các trình độ của GDĐH.

Đào tạo trình độ Đại học 4 năm đến 6 năm tuỳ theo ngành nghề đào tạo đối với người tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp; từ 1 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

Đại học ở Việt Nam hiện nay có các loại hình:

a) *Cơ sở giáo dục đại học công lập* là cơ sở GDĐH do Nhà nước thành lập, thuộc sở hữu nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất;

b) *Cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận* là cơ sở GDĐH mà phần lợi nhuận tích lũy hằng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở GDĐH; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức hoặc hưởng lợi tức hằng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ.

Cơ sở giáo dục ĐH tư thục thuộc sở hữu của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất.

Cơ sở giáo dục ĐH có vốn đầu tư nước ngoài gồm: Cơ sở giáo dục ĐH có 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; Cơ sở giáo dục ĐH liên doanh giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước.

Cơ sở GDĐH ở Việt Nam có một số điểm khác nhau, do tính chất ngành đào tạo, mục tiêu đào tạo, đối tượng đào tạo, đối tượng quản lý...nhưng có một số đặc điểm cơ bản giống nhau là:

Đây là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, gồm các trình độ: Cao đẳng, ĐH, Thạc sĩ và Tiến sĩ. Cũng có trường do điều kiện cụ thể không đào tạo đủ cả 4 trình độ.

Đây cũng là nơi nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Sản phẩm chính của các trường ĐH không phải là máy móc, thiết bị do nó sản xuất ra mà là trình độ nguồn nhân lực do nó đào tạo ra.

Trường ĐH chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ GD&ĐT; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trường đặt trụ sở.

Các mối quan hệ chủ yếu trong nhà trường là mối quan hệ thầy - trò.

Mô hình quản lý trường ĐH và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay rất phong phú. Chúng ta có các trường ĐH, cao đẳng thuộc Bộ GD&ĐT quản lý; có trường thuộc các bộ chủ quản về chuyên môn quản lý; có trường thuộc các tổ chức chính trị - xã hội quản lý; lại có trường UBND tỉnh quản lý, thẩm chí do Sở GD&ĐT quản lý, có trường thuộc các sở ngành khác quản lý; có trường thuộc các tập đoàn, công ty quản lý. Có trường khu vực, trong nó có các trường thành viên; có trường quản lý công ty như (ĐH Nông nghiệp 1 Hà Nội, ĐH Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH hàng hải Việt Nam...); có tập đoàn, công ty quản lý trường (như Tập đoàn FPT); có trường không chỉ là đơn vị sự nghiệp mà còn có chức năng quản lý Nhà nước (như Học viện Hành chính quốc gia). Có trường quốc lập, trường tư thục, trường dân lập, trường bán công (nay đã chuyển đổi sang trường tư thục). Chính sự đa dạng và phong phú đó đã dẫn đến sự phức tạp khi thực hiện các TTHC.

Hình thức đào tạo của các trường cũng đa dạng. Có đào tạo chính quy, đào tạo không chính quy, đào tạo liên thông, liên kết đào tạo (trong đó có liên kết trong nước và liên kết với nước ngoài), có cả hình thức cử tuyển. Hình thức học có học tập trung, học bán tập trung, học từ xa, học qua mạng, dự bị đại học. Hai chủ thể chính trong các trường ĐH là SV và thầy giáo.

Sinh viên ĐH là thanh niên trẻ, có trí thức, năng động nhưng cũng có những nhược điểm làm khó khăn cho thực hiện TTHC trong nhà trường.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong nhà trường ĐH khá đông, là trí thức của đất nước. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 2 khoá VIII đã xác định: "Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục"[2].

Chỉ thị 40-CTTW của Ban bí thư Trung ương Đảng về xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cũng chỉ rõ: "Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng nòng cốt, có vai trò quan trọng"[3].

Việc thực hiện TTHC trong các trường ĐH gắn với trách nhiệm của giáo viên và cán bộ quản lý. Đây chính là điều mà các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không thể không quan tâm vì nó ảnh hưởng đến sự phát triển của nhà trường.

1.2.2. Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập ở Việt Nam

Trong hoạt động của các trường ĐH theo bản chất của mình, TTHC là cách tổ chức thực hiện các quy định do ngành GDĐT và các ngành liên quan ban hành liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà trường theo chức năng của mình. Ví dụ, đối với SV đó là triển khai các quy định về tổ chức kỳ thi tuyển sinh (cùng với Bộ GD&ĐT), các quy định về gọi SV nhập học, tổ chức các lớp học và triển khai chương trình đào tạo. Đối với cán bộ, giảng viên đó là triển khai việc đánh giá hằng năm, từng học kỳ; tổ chức việc bồi dưỡng cán bộ theo thủ tục quy định của Bộ…

Ở đây có một số hoạt động phải theo đúng các TTHC do cơ quan cấp trên có thẩm quyền ban hành ghi trong các quy chế chung, một số khác là quy định có tính chất nội bộ xuất phát từ thực tế hoạt động của nhà trường nhằm triển khai các nhiệm vụ có tính quản lý nội bộ do trường chịu trách nhiệm. Chẳng hạn, khi nhập học SV bắt buộc phải tuân theo một số TTHC do Bộ GD&ĐT quy định về giấy tờ như phải trình học bạ PTTH (bản sao), một số giấy tờ liên quan đến hồ sơ cá nhân… Nghiên cứu cải cách TTHC trong các trường ĐH nhằm vào các quy định này và đề xuất cách làm thuận lợi cho SV khi đến trường nhập học. Một số ví dụ khác: Để được công nhận tốt nghiệp theo quy định chung, SV phải trả nợ hết các môn thi của toàn khóa học và không được nợ học phí. Thủ tục thi và trả nợ học phí có thể do các trường quy định và đó là các thủ tục có tính nội bộ, có thể không giống nhau giữa các trường. Vấn đề là cần tạo điều kiện cho SV hoàn thành thủ tục theo quy định chung.

Như vậy có thể thấy chỉ các quy tắc, thể thức hoạt động quản lý hành chính Nhà nước đối với hoạt động của các trường ĐH được pháp luật quy định hoặc ủy quyền quy định mới là TTHC, còn các hoạt động tổ chức tác nghiệp cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính do các quy định nội bộ nhà trường điều chỉnh không phải là TTHC.

Tại Quyết định số 5076/QĐ-BGDĐT, ngày 12 tháng 8 năm 2009 "Về việc công bố Bộ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GD&ĐT" Bộ đã công bố 67 thủ tục hành chính cấp Trung ương; 45 thủ tục hành chính cấp tỉnh; 29 thủ tục hành chính cấp huyện; 4 thủ tục hành chính cấp xã. Quyết định này không nói đến các TTHC cấp trường thụ lý giải quyết hoặc có liên quan giải quyết.

Theo các quy chuẩn trên thì các thủ tục trong hoạt động các trường ĐHCL sau đây là TTHC:

1.2.2.1. Các loại thủ tục hành chính trong khâu tuyển sinh và đào tạo

Khâu này bao gồm:

- Thủ tục thực hiện đăng ký dự thi đại học, cao đẳng;
- Thủ tục cho thí sinh dự thi;
- Thủ tục thực hiện đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng;
- Triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đến trường;
- Đăng ký đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;
- Công nhận trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Thủ tục chuyển trường;
- Thủ tục xét ngừng học, thôi học do học lực yếu;
- Thủ tục xét nghỉ học, thôi học và học tiếp do nguyện vọng cá nhân;
- Thủ tục chuyển chuyên ngành đào tạo;
- Thủ tục chuyển khóa học;
- Thủ tục chuyển cơ sở đào tạo;
- Thủ tục cấp và chứng nhận bản sao chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp;
- Thủ tục cấp lại, điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ;
- Thủ tục đăng ký học vượt chương trình;
- Thủ tục đăng ký học bằng hai;
- Thủ tục mời giảng dạy và thanh toán thỉnh giảng;

- Thủ tục thống kê và thanh toán giờ giảng;

- Thủ tục khảo sát chất lượng đào tạo;

- Thủ tục tổ chức thi, chấm thi, quản lý thi.

1.2.2.2. Các loại thủ tục hành chính trong công tác học sinh, sinh viên

Khâu này bao gồm:

- Thủ tục xét khen thưởng học sinh, sinh viên;

- Thủ tục xét kỷ luật học sinh, sinh viên;

- Thủ tục xử lý người học nghiện ma túy;

- Thủ tục đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên;

- Thủ tục xét cấp học bổng khuyến khích học tập;

- Thủ tục xét cấp học bổng chính sách;

- Thủ tục xét cấp trợ cấp xã hội;

- Thủ tục thực hiện hưởng trợ cấp ưu đãi;

- Thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí;

- Thủ tục thực hiện tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

- Thủ tục quản lý học sinh, sinh viên ở nội trú và ngoại trú.

- Thủ tục đăng ký tạm vắng, tạm trú;

- Thủ tục cấp thẻ học sinh, sinh viên;

- Thủ tục thực hiện Bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên;

- Thủ tục thực hiện Bảo hiểm thân thể cho học sinh, sinh viên;

- Thủ tục kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh, sinh viên;

- Thủ tục giải quyết các vụ việc về An ninh trật tự.

1.2.2.3. Các loại thủ tục hành chính trong công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức

Khâu này bao gồm:

- Thủ tục thực hiện thi nâng ngạch cho giảng viên;

- Thủ tục thực hiện thi nâng ngạch cho chuyên viên;

- Thủ tục cử cán bộ đi công tác nước ngoài;

- Thủ tục cử cán bộ đi học cao học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh nước ngoài;

- Thủ tục tiếp nhận cán bộ đi học cao học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh nước ngoài trở về trường;

- Thủ tục đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;

- Thủ tục xét tặng các danh hiệu Nhà giáo ưu tú và Nhà giáo nhân nhân.

Căn cứ Điều lệ Trường ĐH, Luật Giáo dục Đại học, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức... trong hoạt động các trường ĐHCL còn có các TTHC sau:

- Thủ tục thi tuyển viên chức;

- Thủ tục xét tuyển viên chức.

Và một số loại TTHC các mảng liên quan khác.

Các TTHC nêu trên có đặc điểm là: Phần lớn các TTHC này được thực hiện bởi chủ thể là các trường ĐH công lập. Tuy nhiên có khá nhiều TTHC được thực hiện mà chủ thể thực hiện không phải là các trường ĐH, mà chỉ phối hợp trong quá trình thực hiện, nhưng đó là những công đoạn quan trọng bắt buộc cần phải có của quy trình TTHC liên quan đến nhà trường và SV. Những quy trình đó người học cần được biết để thực hiện như: việc xác nhận đối tượng là SV để thực hiện hưởng trợ cấp ưu đãi; thực hiện miễn, giảm học phí; thực hiện tín dụng đối với SV (*[1]).

Điểm khác biệt của các TTHC này so với các quy định có tính chất nội bộ của nhà trường là các TTHC nêu trên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc nhà nước ủy quyền cho các trường ĐH (quy đinh cụ thể).

Trong quá trình xây dựng nền ĐH nước nhà chúng ta có thể học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến có nền ĐH phát triển trên nhiều phương diện. Trong số những vấn đề liên quan đến TTHC chúng tôi rất chú ý đến thủ tục tuyển sinh vào ĐH vì ở lĩnh vực này nhiều nước có kinh nghiệm tốt, có thể áp dụng ở những mức độ khác nhau vào Việt Nam.

(*[1]) Theo Thông tư Liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP thì việc thực hiện miễn, giảm học phí từ năm học 2013-2014 lại ủy quyền cho các trường là chủ thể thực hiện.

- Tuyển sinh đại học ở Mỹ:

Các trường ĐH ở Mỹ không tự tổ chức các kỳ thi mà lấy kết quả của 1 trong 2 kỳ thi chuẩn ACT và SAT (ACT là viết tắt của American College Testing là một tiêu chuẩn thử nghiệm cho chất lượng của trường trung học và tuyển sinh ĐH ở Hoa Kỳ được sản xuất bởi ACT, Inc; SAT là viết tắt của Scholastic Assessment Test/ Scholastic Aptitude Test là một trong những kỳ thi chuẩn hóa dùng để xét tuyển vào các trường ĐH của Mỹ. SAT được quản lý bởi tổ chức phi lợi nhận College Board của Hoa Kỳ, và được phát triển bởi tổ chức ETS - Educational Testing Service "Viện khảo thí giáo dục Hoa Kỳ") để tuyển sinh. Hai kỳ thi này không do Bộ Giáo dục của Mỹ hay Bộ giáo dục của 50 bang tổ chức mà do 2 công ty tư nhân tổ chức.

Kỳ thi ACT tổ chức 1 năm 6 lần vào các tháng 2,4,6,9,10,12. Lệ phí kỳ thi ACT: Học sinh Mỹ - 48 USD, Học sinh quốc tế - 74 USD. Kỳ thi SAT tổ chức 1 năm 7 lần (SAT có 2 kỳ thi chính là SAT I (Reasoning Testing) và SAT II (SAT Subject Test). SAT I là điều kiện bắt buộc khi xét vào học ở một số trường ĐH ở Mỹ. SAT II không bắt buộc, chỉ dùng khi nộp đơn vào học ở các trường "top" có tính cạnh tranh cao khi xét tuyển đầu vào như: Havard, Princeton, Yale, Columbia, Brown, Stanford, ... hoặc xin học bổng). Lệ phí: Học sinh Mỹ - 45 USD, Học sinh quốc tế - 71 USD. Tổng cộng có 13 lần thi trong 1 năm học. Vì vậy thí sinh có thể thi nhiều lần trong 1 năm. Thí sinh không sợ đề thi ra vào phần chưa học kỹ, không sợ vào ngày thi bị ốm hay có sự cố xảy ra. Thí sinh có thể tùy chọn thi ACT hay SAT cho phù hợp với việc học của mình. Mỗi kết quả kỳ thi ACT hoặc SAT được gửi cho 4 trường ĐH, nếu muốn gửi thêm mỗi trường thí sinh phải chi phí thêm là 10 USD, gửi bao nhiêu trường tùy ý, gửi hồ sơ xin tuyển chọn vào càng nhiều trường thì cơ hội đỗ càng cao, nhưng hồ sơ làm càng nhiều thì chi phí TTHC càng lớn. Phí xét tuyển vào mỗi trường mà thí sinh đăng ký, tùy theo trường lấy phí xét tuyển khoảng từ 30 - 52 USD. Khi nhận được giấy báo của trường (thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển) mà không đi học phải thông báo cho trường việc mình không đi học tại trường đó và gửi trả lại giấy tuyển sinh của trường.

- Tuyển sinh đại học ở Pháp:

Ở Pháp, Bằng tú tài Pháp (baccalauréat) ra đời cách đây gần 200 năm (1808). Theo Luật, nó vừa là bằng tốt nghiệp trung học (định nghĩa thứ nhất), đồng thời là "bằng cấp đầu tiên của đại học" - premier grade universitaire (định nghĩa thứ nhì). Vì thế mà từ trước đến nay, người có bằng tú tài ở Pháp đương nhiên được ghi tên vào học ĐH (Universités) Pháp, mà không phải thi tuyển gì. Bằng tú tài Pháp là một thứ bằng "hai trong một". Từ mấy chục năm nay, chính quyền tả hay hữu muốn sửa mà chưa sửa được. Và vì thế mà "kẹt": các Universités không được phép tuyển sinh, nghĩa là không lọc được "đầu vào". Với một số lượng SV rất lớn, trình độ không đồng đều, ghi tên học không theo khả năng mà theo nơi nào còn chỗ, như thế không ngân sách nào có thể chịu đựng nổi. Trong khi Giáo dục ở Pháp không chạy theo thành tích. Sinh viên không đủ trình độ thì bị sàng lọc và phải rời trường nhiều. Thí dụ như ở Université Paris IV, số SV thi đỗ năm thứ nhất là 27%, năm thứ nhì là 53%, năm thứ ba là 58%. Do đó sự lãng phí thật khủng khiếp về thời gian, về nhân lực và về ngân quĩ[118].

- *Tuyển sinh đại học ở Hàn Quốc:*

Từ năm 1995 đến nay, để được xét tuyển vào ĐH, các học sinh tốt nghiệp THPT phải trải qua một kỳ thi chung cấp quốc gia kéo dài hơn 9 giờ, thường được tổ chức vào giữa tháng 11 hàng năm. Kết quả của kỳ thi duy nhất này sẽ là căn cứ để các trường ĐH xét tuyển SV. Thí sinh sẽ thi tối đa 8 môn: Quốc ngữ, Toán, tiếng Anh, xã hội (gồm 11 môn như kinh tế, luật, giáo dục, chính trị,..., thi tối đa 4 môn) hoặc khoa học (gồm 8 môn như sinh vật, vật lý..., thi tối đa 4 môn) và ngoại ngữ thứ hai (gồm 8 thứ tiếng như tiếng Trung, tiếng Nhật, ... thí sinh có thể không thi môn này). Hình thức thi chủ yếu bằng hình thức trắc nghiệm. *Bộ Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực* chịu trách nhiệm tổ chức và KICE (Korea Institute for Curriculum and Evaluation) là cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức tuyển sinh và tổ chức chấm thi.

Ngoài kỳ thi ĐH mang tính chất đại trà như trên, một số trường ĐH cũng tuyển sinh bằng cách xét điểm trung học phổ thông, cho thi viết và phỏng vấn trực tiếp. Việc xét tuyển này bắt đầu từ khoảng tháng 7 đến tháng 8 hàng năm. Với cách

xét tuyển này, mỗi thí sinh có thể đăng ký hơn 10 trường ĐH, còn theo cách trên thì chỉ đăng ký được 3 trường.

Bộ Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc thừa nhận việc quyết định có được học ĐH hay không chỉ bằng một kỳ thi là quá khắc nghiệt. Do đó, để giảm bớt áp lực học tập và thi cử, Bộ này chủ trương cần thiết phải cho học sinh nhiều cơ hội hơn. Theo đó sẽ có hai kỳ thi khó và dễ, trong đó kỳ thi khó dành các thí sinh có nguyện vọng thi vào các trường đại học có chất lượng cao, giảm tỷ lệ của điểm thi trong quá trình xét tuyển, tạo ra các phiên bản với mức độ khó khác nhau đối với một số môn thi và cho thí sinh chọn mức độ khó của bài thi, tạo điều kiện cho thí sinh thi lại lần 2. Việc cải cách dự kiến sẽ hoàn tất vào năm 2013[129].

Tới nay, cải cách tuyển sinh ĐH của Hàn Quốc đang đi theo hướng giảm áp lực cho thí sinh, tăng các yếu tố xét tuyển khác như, xét tuyển các năng khiếu âm nhạc, thể thao, hoạt động xã hội ....

- *Tuyển sinh đại học ở Nhật Bản:*

Nhật Bản không tổ chức thi tốt nghiệp THPT mà chỉ căn cứ vào kết quả học tập để xét tốt nghiệp. Tuy nhiên tuyển sinh ĐH ở Nhật Bản lại khá phức tạp với nhiều hình thức thi khác nhau. Để bước vào ngưỡng cửa ĐH, trước hết học sinh phải tham dự một kỳ thi quốc gia gọi là "Senta Shiken" (kỳ thi trung tâm) được tổ chức vào khoảng giữa tháng 1 dành cho những SV có nguyện vọng thi vào các trường ĐHCL (của nhà nước và của các tỉnh, thành phố). Gần đây một số trường ĐH tư thục cũng dùng kết quả của kỳ thi này để làm căn cứ xét tuyển nhưng không bắt buộc. Số môn thi của kỳ thi chung này khác nhau tùy theo trường, theo khối thi. Khác với thi ĐH ở Việt Nam, Senta shiken không phải là kỳ thi duy nhất để xét tuyển vào ĐH, ngoài Senta shaken thí sinh còn phải thi thêm kỳ thi riêng của các trường nữa rồi người ta căn cứ vào kết quả của hai kỳ thi này để xét tuyển.

Các trường ĐH tư thục thì ngoài kỳ thi chung (một số trường quy định phải đạt tối thiểu bao nhiêu điểm) thì mới có tư cách dự thi kỳ thi riêng của trường đó. Kỳ thi riêng thường được tổ chức vào đầu tháng 2 (đối với các trường đại học tư thục) và cuối tháng 2 (đối với các trường ĐHCL). Môn thi cũng do các trường tự quy định.

Các trường tư thục lớn thường tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng theo đề của Trường. Các trường ĐHCL thường tổ chức hai đợt thi: đợt một vào tháng 2 và đợt hai vào tháng 3 hàng năm. Ngoài hình thức thi trên còn có hình thức thi đặc biệt gọi là "suisen" (tiến cử). Theo đó trường THPT giới thiệu thẳng vào ĐH những SV đạt tiêu chuẩn do trường ĐH quy định, với một số lượng hạn chế. Những trường ĐH lớn ít dùng hình thức này hơn các trường ĐH nhỏ. Thi "suisen" chủ yếu thông qua phỏng vấn trực tiếp. Ngoài ra còn một hình thức thi nữa gọi là "AO shiken" (A.O (Admissions Office): thi ở văn phòng tuyển sinh), tức là tự mình tiến cử. Thí sinh thường nộp kết quả học tập, viết một bài luận và dự phỏng vấn. Hình thức này thường được các trường ĐH nhỏ áp dụng song song với các hình thức khác[143].

- *Tuyển sinh đại học ở Trung Quốc:*

Trong hai ngày 7 và 8/6/2012, hơn 9 triệu học sinh tại Trung Quốc đã cùng nhau tham gia kì thi tuyển sinh ĐH. Đây được xem là một trong những kì thi có quy mô lớn nhất thế giới. Có tới 7.300 hội đồng thi trên khắp cả nước và tổng cộng 310.000 phòng thi. Cách thức thực hiện thi tuyển sinh ĐH ở Trung Quốc khá giống Việt Nam, mặc dù đã có những cải cách nhưng rất chậm.

Từ năm 2003, Bộ Giáo dục Trung Quốc cho phép các trường ĐH nổi tiếng áp dụng chế độ Tự chủ chiêu sinh. Có thể hiểu một cách đơn giản là các trường ĐH dành thêm cơ hội cho những thí sinh có năng lực thực sự, có khả năng sáng tạo, hoặc có những năng khiếu bẩm sinh... nhưng vì một lý do nào đó không phát huy được hết khả năng vốn có của mình trong kỳ thi ĐH. Năm 2006, trường ĐH Phúc Đán đã áp dụng hình thức tuyển sinh mới: thi vấn đáp, tuyển được 300 học sinh lớp 12 ở Thượng Hải vào trường mà không cần tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH hàng năm do Bộ Giáo dục quy định. Những học sinh thi đỗ vào trường qua kỳ thi vấn đáp này vẫn có thể được tham gia kỳ thi đại học do Bộ Giáo dục Trung Quốc thống nhất tổ chức vào tháng 6 hàng năm. Kết quả kỳ thi đại học tháng 6 này sẽ không ảnh hưởng đến việc thí sinh đã thi đỗ trong kỳ thi vấn đáp vừa qua, nhưng điểm cao hay thấp sẽ ảnh hưởng đến việc xét học bổng và lựa chọn chuyên ngành sau khi nhập trường. Các chuyên gia giáo dục lúc đó nhìn nhận "đây là một trong những đột phá lớn nhất trong

lịch sử giáo dục. Theo một số chuyên gia của Trung Quốc, đây cũng được coi là "hành động phá vỡ băng" trong cải cách giáo dục của Trung Quốc[120].

- *Tuyển sinh đại học ở Anh:*

Hệ thống nhà trường ở Anh chia thành hai nhóm, một bên là một nhóm nhỏ các trường công lập dành cho học sinh xuất sắc và các trường tư thục, số còn lại gồm khoảng 3000 trường có khoảng cách khá lớn so với các trường hàng đầu. Thí dụ trên một nửa số sinh viên hiện đang học ở ĐH Oxford từng theo học phổ thông chỉ ở 200 trường thuộc nước Anh. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ khá lớn, thí dụ 3/5 ngân sách của ĐH Cambridge là do Nhà nước tài trợ[148].

Vương quốc Anh có nền giáo dục trung học khá phức tạp, nhưng có thể nói một cách tóm lược như sau: khi học đến lớp 11 (16 tuổi), học sinh sẽ thi kì thi quốc gia là GCSE (Chứng chỉ giáo dục trung học tổng quát), sau đó, học sinh có thể học tiếp các trường nghề rồi đi làm hoặc học tiếp 2 năm học thứ 12 và 13, chương trình gọi là A-Level (Cấp độ A). Sau 2 năm học Cấp độ A, học sinh sẽ thi để có chứng chỉ tốt nghiệp của mình, tùy theo điểm tốt nghiệp Cấp độ A cao hay thấp, học sinh sẽ nộp đơn xét tuyển vào trường đại học vừa sức. Các trường ĐH ở Anh đều đòi hỏi học sinh Anh phải học qua chương trình Cấp độ A. Chương trình Cấp độ A (Điểm cao nhất trong học bạ tốt nghiệp ở Anh là "A", tương tự với điểm mười) được đánh giá là có trình độ gần như phần nào tương đương với chương trình giáo dục THPT cho các lớp chuyên của nước ta.

Các trường ĐH hàng đầu của nước Anh, ví dụ như ở ĐH Cambridge, quy định, học sinh nào muốn được học ở ĐH Cambridge phải có ít nhất ba điểm - A. Từ năm 2009 quy định ít nhất phải có một "A cộng" hoặc còn gọi là "A sao". Về lâu dài ĐH Cambridge có thể tính đến việc áp dụng tiêu chuẩn tuyển chọn tối thiểu là một A thông thường và hai "A cộng"[104].

Hiện nay đang có nhiều trường ĐH ở Anh tuyên bố sẽ noi gương Cambridge và thắt chặt hơn nữa khâu tuyển sinh thông qua điểm cao hơn, trong số này có các trường như ĐH Bristol và ĐH College London. Trong khi đó Chính phủ Anh đã nhiều lần nhấn mạnh cách cho điểm mới này không phải là thước đo để tuyển sinh ĐH - vì đây là vấn đề còn phải rút kinh nghiệm. Tuy nhiên có thể nói, nhờ cách

tuyển sinh này mà các trường ĐH ở Anh lọc được nhân tài không cần một kì thi tuyển sinh tốn kém.

- Một vài nhận xét và đề xuất về tuyển sinh đại học

Tuyển sinh ĐH nhìn từ cách làm một số nước nêu trên, có thể thấy vấn đề thi tuyển hay xét tuyển đều hướng tới một mục đích cuối cùng là chọn được người tài vào học. Một câu hỏi được nêu ra: "Tại sao các trường ĐH không tự tổ chức các kỳ thi tuyển sinh?". Vì tuyển sinh ĐH và các thủ tục của nó là một dịch vụ khá phức tạp và tốn kém. Ở Mỹ có hai tập đoàn chuyên nghiệp tổ chức đồng thời hai dịch vụ thi để tuyển sinh ĐH là ETS (tổ chức thi SAT) và ACT (tổ chức thi ACT). Riêng ETS có 2.800 nhân viên, 1.100 chuyên gia cao cấp về đánh giá trong giáo dục. Chủ tịch Tập đoàn ACT đã thăm Bộ GD&ĐT nước ta cuối năm 1995. Khi hỏi chi phí làm đề thi cho một kỳ thi ACT là bao nhiêu, ông ta trả lời: khoảng 1 triệu đôla! Do vậy hầu như mọi trường đại học ở Mỹ đều dựa vào kết quả SAT hoặc ACT để xét tuyển, vì không trường nào có đủ chuyên gia và nguồn lực như 2 tập đoàn nêu trên để triển khai tốt các kỳ thi. Ở các nước có nền GDĐH phát triển như Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan... thì dịch vụ thi để cung cấp kết quả xét tuyển ĐH cũng do các cơ quan đặc biệt tổ chức chung chứ không có trường ĐH nào đứng ra tự làm. Trung tâm Thi tuyển ĐH Nhật bản có hơn 100 nhân viên, 30 chuyên gia, mỗi năm tiêu hơn 100 triệu đôla (số liệu năm 2000), chỉ phục vụ cho việc tổ chức một kỳ thi tuyển sinh ĐH chung cả nước. Riêng ở Nga, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nga nhận định rằng tuyển sinh là một công đoạn gây tham nhũng nhiều nhất, và ước tính khoảng 20% sinh viên được tuyển vào ĐH là do hối lộ, nên DUMA quốc gia Nga kiên quyết đòi hỏi tổ chức một "kỳ thi quốc gia hợp nhất" và Tổng thống Putin đã ký sắc lệnh triển khai kỳ thi này từ năm 2009[141].

Nước Pháp đã mắc một sai lầm trong quá khứ tới nay chưa sửa được, đó là "người có bằng tú tài đương nhiên được ghi tên vào học ĐH". Do trình độ đầu vào không đồng đều, giáo dục Pháp lại không chạy theo thành tích, người trình độ thấp bị sàng loại hàng năm rất cao, gây tốn kém về tài chính, kinh tế lớn cho xã hội.

Với Hàn Quốc do chỉ có một kỳ thi chung, áp lực thi cử rất khắc nghiệt, cho nên hằng năm sau khi có kết quả kỳ thi đã có hàng loạt vụ thí sinh tự tử vì thi trượt.

Vấn đề cải cách tuyển sinh của Hàn Quốc đang đi theo hướng làm giảm áp lực thi cử cho thí sinh, một năm tổ chức thi 2 đợt.

Nhật Bản không tổ chức thi tốt nghiệp THPT nhưng ĐH bắt buộc phải tham dự kỳ thi quốc gia, lại còn phải thi thêm kỳ thi riêng của các trường, một số trường còn tổ chức phỏng vấn, cũng khá phức tạp.

Trung Quốc cải cách thi tuyển sinh chậm chạp nhưng dù sao cũng đã có những bước khởi đầu, kết hợp giữa thi tuyển và tổ chức phỏng vấn, thủ tục cũng có những phức tạp nhất định.

Từ kinh nghiệm của thế giới về TTHC tuyển sinh ĐH có thể rút ra được bài học cho việc Việt Nam như sau:

Một là, Cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐH (trên đây là cải cách TTHC tuyển sinh ĐH) là cánh tay kéo dài của CCHC nhà nước, ngay những nước có nền giáo dục tiến tiến cũng không ngừng cải cách để hoàn thiện nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng phục vụ ngày một tốt hơn.

Hai là, Chỉ tính riêng TTHC về tuyển sinh ĐH, nước nào cũng có ưu điểm và hạn chế, Pháp thì ổn định nhưng cứng nhắc, Nhật bản, Anh thì khá phức tạp, Mỹ xem ra ổn định và ưu việt hơn, Trung Quốc, Nga đang trong giai đoạn nhiều thay đổi và cải cách. Việt Nam theo chúng tôi nên học tập cách làm của Mỹ trên cơ sở tham khảo tính ổn định của Pháp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này trên cơ sở nghiên cứu lý luận chung về TTHC và cải cách TTHC tác giả luận án đã đưa ra một số quan niệm bổ sung để làm sáng tỏ nội hàm các khái niệm đang nói đến.

Những vấn đề bổ sung đáng lưu ý là: khái niệm về TTHC và cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học; các loại TTHC trong các trường đại học; nguồn gốc, vai trò, ý nghĩa, đặc điểm, nguyên tắc xây dựng, ban hành, thực hiện TTHC; nội dung cải cách, các quan niệm cải cách; các yếu tố cản trở đến cải cách TTHC nói chung và các trường đại học công lập nói riêng. Trong đó có dẫn ra một số minh chứng từ các trường đại học ở các nước có nền giáo dục phát triển.

Các trường đại học công lập đang đứng trước thời cơ cải cách, mở cửa, hội nhập như một xu hướng tất yếu của giai đoạn hiện nay. Đó cũng là cơ hội tốt để chúng ta có điều kiện học tập nhiều kinh nghiệm quý của các nước phát triển, các trường đại học quốc tế. Tuy nhiên, đứng trước những thời cơ mới, nhiệm vụ đổi mới TTHC trong các trường đại học cũng đặt ra một loạt vấn đề liên quan mà ngành Giáo dục và Đào tạo phải giải quyết tốt để biến thời cơ thành thuận lợi, vượt qua thách thức của thời kỳ mới.

Chương 2:
THỰC TRẠNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM

Trong chương này của luận án chúng tôi muốn tập trung làm rõ thực trạng của TTHC chính đối với hoạt động của các trường ĐHCL liên quan đến SV, cán bộ, giảng viên. Cụ thể là: TTHC trong khâu tuyển sinh ĐH hệ chính quy; TTHC trong khâu đào tạo ĐH hệ chính quy; TTHC về chế độ ưu đãi trong GD&ĐT; TTHC về trợ cấp xã hội đối với SV; TTHC về miễn, giảm học phí cho SV; TTHC về xét cấp học bổng khuyến khích học tập; TTHC về công tác SV nội trú; TTHC về ngoại trú của SV; TTHC về khen thưởng, kỷ luật SV; TTHC về đánh giá kết quả rèn luyện của SV; TTHC về y tế học đường, BHYT, BHTT; TTHC về tín dụng SV. TTHC trong thi tuyển viên chức, công chức và đào tạo, sử dụng cán bộ viên chức, công chức. Cuối chương là sự đánh giá chung thực trạng TTHC một số lĩnh vực trong hoạt động các trường ĐH và tiểu kết của chương.

Tuy nhiên do khuôn khổ luận án, chương này tác giả xin phép không mô tả lặp đi lặp lại các trình tự, quy trình từng loại TTHC mà chủ yếu tập trung vào một số quy định, một số khâu ở những TTHC có vấn đề nhất hoặc ưu điểm nổi trội. Quá trình mô tả cũng không theo trình tự đánh giá ưu điểm, hạn chế cho tất cả các loại TTHC (*[2]).

2.1. Khảo sát các loại hình thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập

2.1.1. Thủ tục tuyển sinh và đào tạo đại học hệ chính quy

2.1.1.1. Thủ tục tuyển sinh

Từ năm 2001 đến năm 2010, trong quá trình cải cách tuyển sinh ĐH, cao đẳng, Bộ GD&ĐT đã 4 lần ban hành Quy chế tuyển sinh ĐH, cao đẳng hệ chính quy vào các năm: 2003, 2005, 2008, 2010. Ngoài ra còn có 3 lần sửa đổi bổ sung vào các

---

(*[2]) *Toàn bộ kết quả khảo sát đều được minh họa bằng các biểu đồ cho từng loại thủ tục. Ngoài ra những ai quan tâm có thể kiểm chứng lại chi tiết ở phần phụ lục của luận án.*

năm: 2004, 2006, 2009. Mới đây nhất lại có sự tiếp theo tiếp tục sửa đổi (năm 2011, năm 2012, 2014 dùng thông tư sửa đổi thay cho dùng quyết định).

Đáng quan tâm trong TTHC về tuyển sinh ĐH là thủ tục Hồ sơ đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển. Bộ GD&ĐT quy định thí sinh không được trực tiếp nộp Hồ sơ tại trường đăng ký dự thi (ĐKDT). Kết quả khảo sát của chúng tôi ở nhiều trường ĐH cho thấy điểm quy định này thiếu tính thực tế, vì có trường hợp thí sinh ở gần trường đăng ký dự thi lại phải đi rất xa để nạp hồ sơ ĐKXT. Hoặc thí sinh đăng ký dự thi muộn thì không biết đăng ký dự thi ở đâu?.vv... Một điểm thay đổi nữa là quy định về nộp lệ phí dự thi. Từ năm 2009 Bộ quy định lệ phí dự thi nộp cùng hồ sơ ĐKDT. Đây là điểm mới quan trọng góp phần đã giải tỏa được sự phiền phức, tiết kiệm được thời gian, công sức cho thí sinh khi đến thi không phải thực hiện việc nộp lệ phí dự thi như trước. Cán bộ coi thi tránh được việc phải thu tiền lệ phí dự thi, nhà trường hạn chế được việc phải bù lỗ do thí sinh ĐKDT ảo.

Về lệ phí đăng ký xét tuyển (ĐKXT) được quy định nộp cùng hồ sơ ĐKXT và thực hiện từ năm 2008. Trước đó, thí sinh khi tới trường nhập học thì đồng thời nộp lệ phí đăng ký xét tuyển. Như vậy nếu thí sinh không đến nhập học thì nhà trường không thực hiện thủ tục thu lệ phí ĐKXT. Về thủ tục nộp hồ sơ Đăng ký xét tuyển trước đây các trường chỉ được nhận qua đường bưu điện. Từ năm 2010 theo quy định mới nhà trường được trực tiếp nhận. Như vậy, dù có muộn nhưng những điểm thiếu tính thực tiễn trong TTHC ở khâu đầu vào ĐH đã có sự thay đổi.

Một thay đổi lớn trong công tác tuyển sinh là từ năm 2012 Bộ GD&ĐT cho phép các trường ĐH tự quyết định về số lượng chỉ tiêu tuyển sinh mà không cần thủ tục phê duyệt của Bộ. Trường đăng ký bao nhiêu thì được tuyển bấy nhiêu, dựa trên các tiêu chí về số lượng giảng viên và diện tích sàn xây dựng của trường do Bộ GD&ĐT tạo quy định. Cụ thể, các trường sau khi xác định chỉ tiêu (trên cơ sở các tiêu chí chuẩn Bộ quy định) thì gửi lên Bộ để Bộ công bố chỉ tiêu của từng trường. Thủ tục này làm cho việc đăng ký chỉ tiêu của các trường đơn giản hơn nữa. Năm 2014 tiếp tục có sự thay đổi, đó là việc bỏ quy định về điểm sàn, cho phép các các trường tổ chức tuyển sinh riêng, thí sinh có thể tham gia nhiều đợt xét tuyển.

Tuyển sinh ĐH hệ chính quy là một trong những điểm Bộ GD&ĐT, các trường ĐH chú trọng, với các TTHC quy định rất chặt chẽ. Tuy nhiên vẫn còn những trường hợp xét sai quy cách. Ví dụ như tại ĐH Lao động - Xã hội báo chí từng đưa tin: "Trước khi thanh tra Bộ LĐ-TB-XH vào cuộc, có thông tin cho rằng, chỉ trong hai đợt tuyển sinh 2009 và 2010, trường Đại học LĐ-XH đã tiếp nhận hàng trăm thí sinh không thi, bỏ thi, khác khối, dưới điểm sàn, dưới điểm chuẩn vào hệ ĐH. Trong quá trình làm việc, thanh tra Bộ đã tìm thấy hơn 300 trường hợp SV đang theo học tại trường có nghi vấn về đầu vào. Kết quả xác minh cho thấy có khoảng hơn 100 trường hợp có đầu vào sai quy chế, số còn lại thuộc diện cử tuyển từ địa phương đưa lên[166]. Như vậy thủ tục cử tuyển là có phần sơ hở.

Chúng tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát về thực hiện thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển ĐH, cao đẳng đến trường, kết quả thu được xem mô tả qua sơ đồ sau *(Hình 2.1)*.

Những người tham gia trả lời câu hỏi khảo sát là Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách Công tác HSSV, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Công tác HSSV, lãnh đạo một số khoa, chuyên viên quản lý công tác HSSV của 175 trường ĐH, cao đẳng dự Hội nghị Công tác HSSV các trường ĐH, cao đẳng năm 2012. Số phiếu đã phát ra là 175 phiếu, thu về được 106 phiếu có câu trả lời (đạt 60,57%). Tỷ lệ cụ thể: Có 80,19% ý kiến cho biết nhà trường đã có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; 18,87% ý kiến cho rõ rằng việc hướng dẫn còn chưa cụ thể, rõ ràng và một tỷ lệ nhỏ (0,94%) cho rằng còn thiếu sự hướng dẫn cần thiết (*[2])

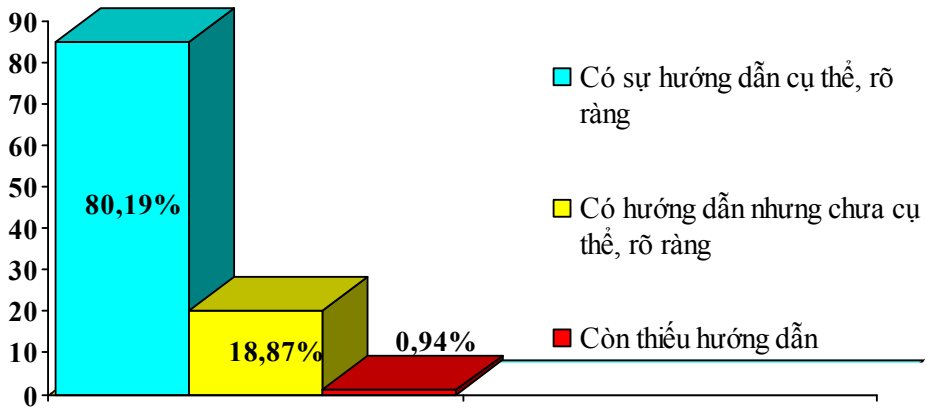

Hình 2.1: Thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển ĐH, cao đẳng đến trường

Khảo sát Giấy báo nhập trường của từng trường hằng năm cho thấy có sự khác nhau rất nhiều về thủ tục giấy tờ và lệ phí nhập học, cụ thể: học phí, tiền tài liệu tư liệu học tập, lệ phí kiểm tra trình độ tiếng Anh ban đầu, bảo hiểm y tế (bắt buộc), bảo hiểm thân thể, phí thay đổi hộ khẩu nhân khẩu, phí khám sức khỏe, sổ y bạ, phí ở ký túc xá, tiền cược đảm bảo tài sản ký túc xá, tiền làm thẻ sinh viên, ATM, thư viện, tiền nhập học, tiền mua sổ tay sinh viên, tiền vệ sinh giảng đường, tiền nước uống giảng đường, tiền giấy thi, giấy nháp, tiền đăng ký tạm trú.v.v... các trường không theo một quy định nào thống nhất.

Các ví dụ trên cho thấy TTHC trong tuyển sinh nhiều trường hợp đã không được tuân thủ nghiêm túc.

2.1.1.2. Các thủ tục liên quan đến quá trình đào tạo đại học hệ chính quy

Trong 10 năm (2001-2010), trước khi chưa có Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ra đời (2007) TTHC trong Đào tạo ĐH hệ chính quy không có thay đổi nhiều. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện TTHC ở các trường ĐH cũng gặp không ít trở ngại.

- Thủ tục hành chính về đào tạo theo niên chế

Theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy* thay thế cho Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 04/1999/QĐ- BGD&ĐT ngày 11/02/1999.

Theo quy chế mới, điểm thi phải được công bố chậm nhất sau một tuần, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn. Đây là điều khó, rất ít trường làm được, chỉ những trường áp dụng nhiều môn thi trắc nghiệm, chấm thi, vào điểm bằng máy như ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên do là giảng viên các trường thường phải giảng dạy nhiều, quá tải; và một nguyên do khác là các nhà trường chưa

thực hiện được ngay khâu tổ chức chấm bài sau khi thi để đạt được tiến độ theo yêu cầu trên.

Cũng theo quy định của Bộ GD&ĐT, sinh viên đã học xong năm học thứ nhất, không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập cả năm từ 6,50 trở lên được phép đăng ký học vượt lớp (học theo tiến độ nhanh). Trên thực tế điều này có rất ít trường thực hiện được vì khâu quản lý chưa sẵn sàng tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện việc này. Thành ra, một quy định hay đã không có thủ tục để thực hiện.

Đối với quy định SV không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập cả năm từ 7,00 trở lên, có nhu cầu, được phép đăng ký học cùng lúc hai chương trình để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng thì nhiều trường làm được. Tuy nhiên cách vận dụng, cách làm thì có khác nhau. Ví dụ, do tính chất ngành học, Trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh vận dụng cho SV Chuyên ngành Thẩm định giá được học bằng hai nếu điểm trung bình chung học tập cả năm đạt từ 6,5 điểm trở lên mà không cần thủ tục thẩm định gì.

Về quy định cho SV chuyển trường, theo quy định của Bộ GD&ĐT, sinh viên không được chuyển trường trong trường hợp nếu đã dự thi tuyển sinh vào trường nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến (trong trường hợp đề thi tuyển sinh chung). Thực tế có trường thực hiện chưa đúng quy định này, bỏ qua một số thủ tục khi chuyển trường.

Kết quả khảo sát thủ tục và hồ sơ chuyển trường có thể thấy qua sơ đồ sau *(Hình 2.2)*.

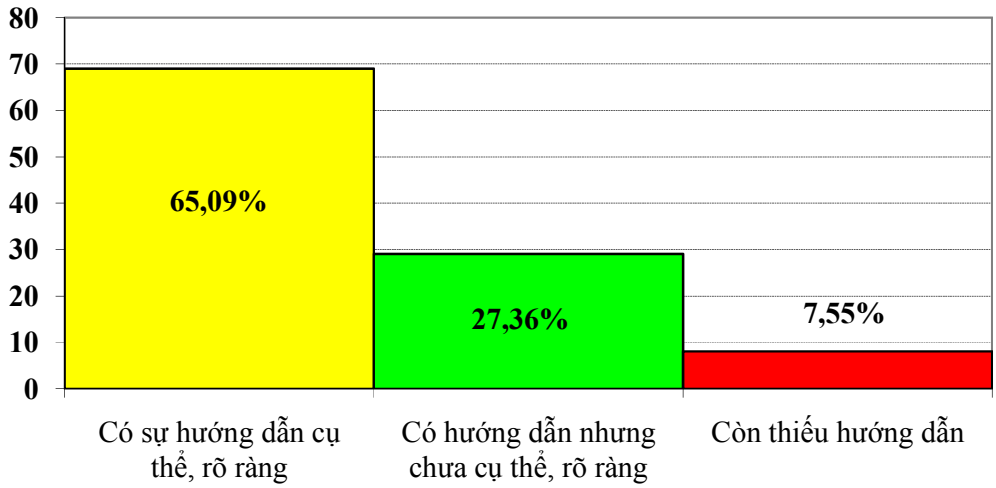

Hình 2.2: Thủ tục và hồ sơ chuyển trường

Có 27,36% ý kiến cho rằng nhà trường có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; 7,55% ý kiến cho rằng còn thiếu hướng dẫn. Đây là một trong những vấn đề nhạy cảm. Việc thiếu hướng dẫn và có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng rất dễ làm nẩy sinh những vấn đề tiêu cực như: không đủ điều kiện chuyển trường vẫn cho chuyển trường, đủ điều kiện chuyển trường nhưng vẫn gây khó khăn, cản trở cho SV bằng TTHC.

Bộ GD&ĐT tạo không có quy định nào nói về kinh phí chuyển trường, chuyển ngành. Tuy nhiên một số trường tự quy định vấn đề này, ví dụ: "Sinh viên học hệ chính quy tại Trường Đại học Cần Thơ muốn dự thi tuyển sinh vào ngành khác, phải làm đơn xin dự thi và nộp tiền bồi hoàn kinh phí đào tạo cho trường 3.500.000 đồng/ năm"[98]. Như vậy là ở đây đã quy định có lệ phí chuyển ngành mới được xem xét.

- *Thủ tục hành chính về đào tạo theo tín chỉ*

Các năm 2008, 2009, 2010 là những năm đầu thực hiện Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Thời gian này việc triển khai thực hiện mới bước đầu do cơ sở vật chất các trường hạn chế, chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý, và cả các giảng viên các

trường chưa bắt kịp nên thủ tục chưa đồng bộ và không tránh khỏi những vướng mắc.

Nhìn chung việc tổ chức lớp học trong từng học kỳ, đặc biệt những kỳ đầu thường các trường tự phân lớp (do một số môn học chung có tính chất bắt buộc). Hình thức tự nguyện đăng ký môn học, lớp học của SV không thực hiện được.

Việc đăng ký khối lượng học tập, rút bớt học phần đã đăng ký, đăng ký học lại, do điều kiện cơ sở vật chất của từng trường khác nhau nên thủ tục thực hiện cũng khác nhau. Ví dụ, tại ĐH Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, SV thực hiện đăng ký qua mạng, trong khi đó nhiều trường khác SV đăng ký trực tiếp tại Phòng Quản lý Đào tạo.

So với cách đào tạo theo niên chế thì đào tạo theo hệ thống tín chỉ giản lược được đáng kể TTHC khi SV học bằng hai. Sinh viên được công nhận chuyển đổi các môn học và phải học ít môn hơn. Việc xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp thuận lợi hơn. Sinh viên không phải thi tốt nghiệp như hình thức đào tạo theo niên chế.

Sau một số lần sửa đổi đến năm 2012 Quy chế về đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã giảm bớt nhiều thủ tục không cần thiết nhằm khuyến khích SV tự giác hơn trong học tập. Đó là điều đáng ghi nhận về TTHC trong vấn đề này.

Thủ tục hành chính trong việc thu nộp, sử dụng lệ phí, học phí, kinh phí đào tạo liên quan đến nhiều khâu trong hoạt động của các trường ĐHCL. Có một số trường đã thực hiện sai các quy định về vấn đề này, Ví dụ: "ĐH Kinh tế Quốc dân thu vượt, thu sai quy định hơn 51,5 tỷ đồng. Trong đó, thu kinh phí đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ không có trong quy định hơn 22,1 tỷ đồng; thu vượt quy định về học phí nâng điểm hệ chính quy hơn ba tỷ đồng (vượt từ 30 đến 33 nghìn đồng/sinh viên/môn), thu vượt quy định lệ phí tuyển sinh các hệ hơn 7,9 tỷ đồng; thu ngoài quy định (11 khoản khác nhau) hơn 18,4 tỷ đồng và thu phí trông xe vượt quy định hơn 229,5 triệu đồng"[128]... Muốn khắc phục được các sai sót tương tự như vậy thì các trường cần phải rà soát, loại bỏ và thực hiện đúng các TTHC về lĩnh vực này.

2.1.2. Thủ tục hành chính trong Công tác học sinh, sinh viên

2.1.2.1. Thủ tục hành chính về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo

Các trường Đại học công lập thực hiện TTHC này với tư cách là chủ thể phối hợp. Sinh viên thuộc diện này theo định kỳ cần xuất trình "Sổ ưu đãi giáo dục" cho Nhà trường (thông qua Phòng hoặc bộ phận Công tác sinh viên) xác nhận, ký, đóng dấu vào sổ để làm căn cứ thực hiện chế độ ưu đãi.

Sinh viên chuyển "Sổ ưu đãi" đã có xác nhận của nhà trường về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện chế độ ưu đãi;

Mỗi năm hai lần sinh viên được nhận chế độ ưu đãi tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú): Học kỳ 1 vào tháng 3 hoặc tháng 4; Học kỳ 2 vào tháng 10 hoặc tháng 11.

Căn cứ vào Đơn xin miễn, giảm học phí, "Sổ ưu đãi giáo dục", các trường đại học lập danh sách, xét, ra quyết định miễn, giảm học phí cho sinh viên. Quy định này đã được thực hiện từ năm 2001 đến năm 2009.

Từ năm học 2010 trở đi, căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015, sinh viên phải nộp đầy đủ học phí tại trường, và nhận lại tiền học phí tại địa phương. Đây là một trong những điểm mới quan trọng trong CCHC và cải cách TTHC được ghi nhận về chế độ ưu đãi này.

2.1.2.2. Thủ tục hành chính về trợ cấp xã hội đối với sinh viên

Đây là thủ tục để triển khai một chính sách rất nhân văn nhưng việc thực hiện còn có khó khăn. Trong quá trình triển khai thực hiện, có trường (Ví dụ, ĐH Huế) đã bỏ qua việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho SV thuộc hộ gia đình nghèo, bởi cho rằng: SV thuộc diện hộ nghèo được trợ cấp theo quy định phải là "vượt khó học tập", nhưng chưa có chuẩn nào để gọi là "vượt khó học tập". Thêm một lý do khiến đối tượng này dễ bị thiệt thòi là tiền trợ cấp xã hội không có một khoản riêng mà được trích từ ngân sách hằng năm nên trường nào có đông SV thuộc gia đình nghèo thì việc cho trợ cấp sẽ làm thâm hụt ngân sách cho các khoản chi khác nên một số trường đã thiếu trách nhiệm, không tích cực thực hiện. Sinh viên nghèo do vậy gặp nhiều khó khăn.

Học viện Ngân hàng cho biết, Bộ GD&ĐT chưa có hướng dẫn cụ thể các tiêu chí như thế nào là "vượt khó học tập" nên chưa triển khai thực hiện trợ cấp xã hội đối với SV thuộc diện hộ nghèo. Học viện Ngân hàng đề nghị Nhà nước sớm ban hành văn bản thực hiện trợ cấp xã hội thay thế cho thông tư số 53/1998/TTLT[125].

Tuy nhiên cũng có nhiều trường ĐH đã thực hiện như trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh đã thực hiện trợ cấp xã hội cho các đối tượng SV: (1) Là người dân tộc ít người ở vùng cao; (2) Mồ côi cả cha lẫn mẹ và không nơi nương tựa; (3) Là người tàn tật; (4) Thuộc Hộ nghèo.

Có thể nói trợ cấp xã hội đối với SV là một trong những chính sách xã hội lớn đối với người học, được chỉ đạo từ cấp cao nhất (Thủ tướng Chính phủ), vì vậy cơ bản phần lớn các trường ĐHCL đều thực hiện đúng theo yêu cầu chung. Tuy nhiên cũng có trường chưa thực hiện và cách thực hiện có sự khác nhau. Có trường cho SV nhận trợ cấp xã hội theo từng tháng, có trường cho SV nhận theo từng học kỳ (6 tháng). Có trường cho SV chưa làm kịp hồ sơ làm hồ sơ bổ sung ngay trong học kỳ, có trường chỉ cho làm hồ sơ bổ sung vào học kỳ kế tiếp. Có trường trực tiếp SV nộp hồ sơ cho Phòng (Bộ phận) Công tác SV, có trường nộp qua lớp trưởng, về khoa rồi mới về Phòng (Bộ phận) Công tác SV, có trường họp xét, có trường không cần tiến hành họp xét.

Ở một số trường, ngoài chính sách này còn có các hình thức trợ cấp khác đối với SV có hoàn cảnh khó khăn, nhà nghèo, sống ở vùng bị lũ lụt, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới, con em các dân tộc thiểu số, gia đình chính sách...như: trợ cấp tiền tàu xe cho SV về nhà vào dịp hè, dịp tết (ĐH Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Sư phạm Huế, ĐH Đà Nẵng...); hỗ trợ SV ở trường không về nhà trong dịp tết (ĐH Nông nghiệp Hà Nội, ĐH Nông lâm TP.HCM, ĐH quốc gia TP.HCM, ĐH Kinh tế TP.HCM, ĐH Sư phạm TP.HCM, ĐH Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, ĐH Ngân hàng TP.HCM...)...vv.

Kết quả khảo sát TTHC về trợ cấp xã hội đối với SV có thể thấy qua sơ đồ sau *(Hình 2.3)*.

Hình 2.3: Thủ tục xét cấp trợ cấp xã hội

Tổng hợp kết quả khảo khảo sát cho thấy có tới 14,25% ý kiến cho rằng các trường có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; 7,55% ý kiến cho rằng còn thiếu sự hướng dẫn cần thiết. Một số trường còn cho biết tới nay chưa triển khai, chưa rõ ý kiến chỉ đạo triển khai, lãnh đạo trường chưa muốn triển khai vì ảnh hưởng tới nguồn thu vốn đã eo hẹp của các trường.

Theo quan điểm của chúng tôi, để tránh phức tạp, phiền hà cho SV việc chi trả trợ cấp xã hội nên chuyển về địa phương cấp trực tiếp giống như việc cấp tiền hỗ trợ miễn giảm học phí... được quy định trong "Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, ngày 14 tháng 05 năm 2010, Quy định về miễm, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015". Như vậy sẽ giảm sức ép về kinh phí cho các nhà trường, đồng thời việc chi trả cũng sẽ chặt chẽ hơn và đúng đối tượng.

2.1.2.3. Thủ tục hành chính về miễn, giảm học phí cho sinh viên

Đây cũng là TTHC mà các trường ĐHCL thực hiện với tư cách là chủ thể phối hợp. Thực tế triển khai thực hiện TTHC này là công việc mất khá nhiều thời gian và công sức đối với các trường ĐH. Nhìn vào hệ thống văn bản hướng dẫn chúng ta đã thấy nó quá đồ sộ, quá nhiều văn bản đan xen do nhiều ngành, nhiều cấp ban hành. Nhìn chung việc thực hiện miễn, giảm học phí cho SV nhiều trường ĐH đã làm tốt. Tuy nhiên, dư luận chung cũng cho rằng "Thực hiện chính sách miễn giảm học phí của các trường trên cả nước có khác nhau dẫn đến thắc mắc từ SV. ĐH Đà Nẵng đưa ra ví dụ: có những trường hợp hai anh em cùng đi học ĐH nhưng

người học ở TP.HCM thì được miễn học phí còn người học ở miền Trung thì không. Nguyên nhân bởi người tham mưu thực hiện chính sách hiểu cụm từ "xã đặc biệt khó khăn" khác nhau dẫn đến việc không thống nhất trong việc thực hiện chính sách miễn giảm học phí. Việc này, nhiều khi đã gây ra những vụ kiện tụng từ SV với nhà trường"[125].

Theo quy định hiện hành, đối tượng được miễn học phí gồm có:

Học sinh, SV là Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh; HSSV là con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; HSSV là con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; HSSV là con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong kháng chiến; HSSV là con liệt sỹ; HSSV là con của thương binh, con của bệnh binh; con bị dị dạng, dị tật của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học (gọi chung là HSSV thuộc diện ưu đãi), đang theo học hệ chính quy tập trung từ 1 năm trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dự bị đại học; HSSV thường trú tại vùng cao miền núi, và vùng sâu, hải đảo; HSSV bị tàn tật có khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 21% trở lên được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền xác nhận; HSSV hệ chính quy tập trung ngành sư phạm; HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; HSSV mà gia đình (cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng) thuộc diện hộ đói, thời gian để tính căn cứ thời gian ghi trên sổ, thời gian được hưởng chế độ miễn học phí kể từ khi hoàn chỉnh hồ sơ nộp trường.

Đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

Học sinh, SV là con cán bộ công nhân viên chức có cha mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên; HSSV có gia đình (cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng) thuộc diện hộ nghèo, thời gian để tính căn cứ thời gian ghi trên sổ, thời gian được hưởng chế độ miễn học phí kể từ khi hoàn chỉnh hồ sơ nộp trường; HSSV là con cán bộ (Một số trường quy định như: ĐH Quốc Gia Hà Nội). Nhìn chung các trường đã bảo đảm thực hiện đúng đối tượng khi xét miễn giảm học phí.

Tuy nhiên, trong thực tế khi triển khai thực hiện vẫn có một số trường sai phạm, không thực hiện đúng quy định TTHC về mức thu, miễm giảm học phí như văn bản nhà nước đã ban hành. Có trường đã tự ban hành các quyết định về mức thu học phí cao hơn rất nhiều.

Kết quả khảo sát TTHC về miễn, giảm học phí cho sinh viên có thể thấy qua sơ đồ sau *(Hình 2.4)*.

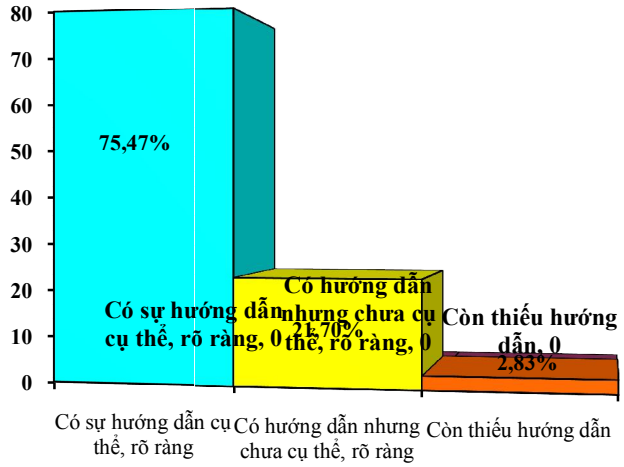

Hình 2.4: Thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí

Hiện nay thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí đã chuyển trả cho Phòng Lao động thương binh và xã hội các huyện thực hiện chi trả hỗ trợ sinh viên, các trường ĐH chỉ phối kết hợp thực hiện việc kiểm tra, xác nhận SV đang học tập tại cơ sở đào tạo nào, khóa học, ngành học, mức đóng học phí... Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ khá lớn người được hỏi (21,70%) cho rằng nhà trường đã có sự hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và vẫn còn 2,83% cho là còn thiếu hướng dẫn.

Theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định thủ tục miễn giảm học phí cho sinh viên (thuộc diện trên), kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, được thực hiện như sau: SV trong diện chính sách phải nộp đủ học phí, sau đó viết đơn đề nghị cấp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí, lấy xác nhận của nhà trường rồi về địa phương nhận

tiền cấp bù. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội địa phương chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện việc cấp bù học phí bằng tiền mặt. Như vậy sẽ có thêm một cấp hành chính nữa tham gia giải quyết thủ tục này.

2.1.2.4. Thủ tục hành chính về xét cấp học bổng khuyến khích học tập

Thực tế khi triển khai phần lớn các trường ĐH đã làm đúng theo nội dung Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo "Về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, SV trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục ĐH và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân". Đối tượng được xét, tiêu chuẩn và mức xét đều bảo đảm yêu cầu do Bộ GD&ĐT đề ra.

Tuy nhiên cách làm thì chưa thống nhất. Có trường căn cứ quỹ học bổng xét theo khoa (Ví dụ: ĐH Văn hóa), có trường xét theo khóa (Ví dụ: ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh), có trường xét theo ngành học (Ví dụ: ĐH Hàng hải Việt Nam), có trường xét theo lớp (Ví dụ: ĐH Kinh tế Đà Nẵng), có trường xét chung cho tất cả các khoa, khóa, ngành trên tổng thể chung quỹ học bổng toàn trường (phần lớn đối với các trường ĐH mới thành lập). Có trường lấy điểm tuyển sinh đầu vào làm căn cứ xét học bổng (Ví dụ: ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh), có trường lấy kết quả học tập học kỳ 7 để xét học bổng cho học kỳ 7 và 8 (Ví dụ: ĐH Kinh tế quốc dân). Nguồn quỹ học bổng khuyến khích học tập các trường cũng thực hiện khác nhau. Có trường nguồn Quỹ khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội trích trong tổng thể 15% nguồn thu học phí (Ví dụ: ĐH Văn hóa), có trường dùng 15% nguồn thu học phí cho quỹ khuyến khích học tập, khen thưởng và chi trả phụ cấp cho cán sự lớp (Ví dụ: ĐH Mở thành phố Hồ Chí Minh). Còn phần lớn các trường ĐH khác lấy 15% nguồn thu học phí làm nguồn Quỹ khuyến khích học tập, còn nguồn trợ cấp xã hội lập thành khoản riêng. Một vấn đề mới nẩy sinh khi chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ là nhiều ngành, khoa, lớp có số SV đủ điều kiện nhận học bổng quá nhỏ, trong khi mức học bổng cho từng loại xuất sắc, giỏi, khá thường được các trường quy định sẵn, do đó dẫn đến nguồn quỹ học bổng dư thừa nhiều.

Kết quả khảo sát TTHC về xét cấp học bổng khuyến khích học tập có thể thấy qua sơ đồ sau *(Hình 2.5)*.

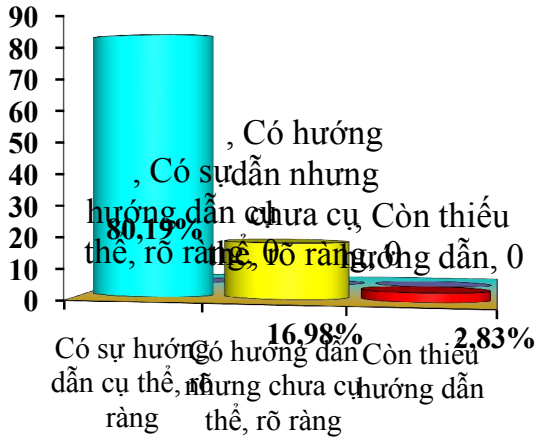

Hình 2.5: Thủ tục xét cấp học bổng khuyến khích học tập

Có tới 16,98% người được hỏi cho rằng nhà trường có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 2,83% ý kiến cho rằng: còn thiếu sự hướng dẫn cần thiết. Như vậy việc xét học bổng khuyến khích học tập còn để khá nhiều ý kiến cho rằng phải hướng dẫn thêm cho cụ thể, nhất là ở các trường mới thành lập.

2.1.2.5. Thủ tục hành chính về sinh viên nội trú

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy hiện còn tồn tại một số điểm khác nhau trong quá trình thực hiện thủ tục này giữa các trường. Ví dụ: Ở ĐH Kinh tế Đà Nẵng, ngoài đối tượng chính sách, SV đạt điểm cao (từ 27 điểm trở lên) trong kỳ thi tuyển sinh ĐH được xét ở ký túc xá (KTX). Tân SV hoàn tất thủ tục nhập học (trên website nhà trường hoặc trong ngày nhập học), có tên trong danh sách xét duyệt mới được đăng ký nội trú KTX. Danh sách SV được xét duyệt đăng ký ở KTX đăng tải trên website của nhà trường cho tân SV biết.

Ở ĐH Nông nghiệp Hà Nội, ngoài các ưu tiên theo quy chế được xét ở KTX còn có ưu tiên hơn đối với Nữ SV.

Còn ĐH quốc gia TP Hồ Chí Minh thì chỉ cho SV ở nội trú năm thứ nhất và năm thứ 2. Từ năm thứ 3 trở đi phải tự tìm chỗ ở, nhường chỗ KTX cho SV khóa mới.

Có trường xem xét hằng năm, thông báo cho SV vi phạm quy chế không được đăng ký ở nội trú năm kế tiếp theo như ĐH Kinh tế quốc dân. Có trường nếu SV vi phạm quy chế, đến mức phải trục xuất thì nhà trường xét, kỷ luật bằng hình thức trục xuất khỏi ký túc xá ngay, không chờ đến hàng năm, như trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh, ĐH Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

Có trường làm thẻ nội trú cho SV ở nội trú, có trường không làm thẻ nội trú, mặc dù có thời điểm Bộ GD&ĐT có in và phát hành phôi thẻ này.

Trong các trường ĐH, cao đẳng, "hiện số lượng HSSV được ở ký túc xá rất hạn chế, chỉ khoảng 20%"[121].

"Dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực áp dụng công nghệ thông tin vào công tác phục vụ SV nội trú tại ký túc xá phải kể đến KTX của Trường ĐH Bách khoa ĐHQG-HCM". "Tại đây, tất cả SV ra vào cổng ký túc xá đều sử dụng thẻ mã vạch, kể cả cán bộ công nhân viên, thẻ xe máy cũng sử dụng thẻ tương tự, tại mỗi phòng ở đều có kết nối Internet, wifi, điện thoại, hệ thống nước nóng lạnh sử dụng năng lượng mặt trời, thẻ ATM, máy bán hàng tự động, đăng ký, bố trí sắp xếp chỗ ở SV trực tuyến qua Internet, đóng tiền phí nội trú qua ngân hàng,vv..."[94].

Đại hoc Công nghiệp TP. HCM, Cơ sở tại Quảng Ngãi quy định, năm đầu tiên tân SV buộc phải ở ký túc xá để rèn luyện nề nếp, sinh hoạt tập thể, cộng đồng, độc lập nghiên cứu, học tập [146].

Kết quả khảo sát TTHC về SV nội trú có thể thấy qua sơ đồ sau (*Hình 2.6*).

Đối với các trường ĐH, cao đẳng công lập gần như trường nào cũng có khu ở nội trú cho SV. Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Chính phủ đều có các văn bản: quy chế, quy định, nghị định quy định về cư trú, nội trú, thu và sử dụng nguồn thu SV ở nội trú; các nhà trường có các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy còn tới 25,47% số ý kiến cho là nhà trường có sự hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và có tới 4,72% ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn. Với nhu cầu bố trí SV ở nội trú tính chung trong cả nước mới chỉ đạt 30% thì việc để tình trạng thiếu

hướng dẫn hoặc có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng chắc chắn sẽ làm nẩy sinh các tệ nạn, tiêu cực khi bố trí SV ở nội trú, gây nhiều khó khăn cho SV.

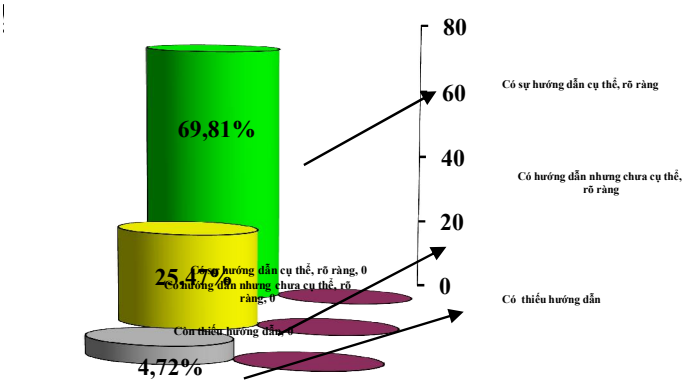

Hình 2.6: Thủ tục quản lý sinh viên nội trú

2.1.2.6. Thủ tục hành chính về quản lý tình hình ngoại trú của sinh viên

Quy chế 27/2009/TT-BGDĐT, khoản 3 Điều 6 quy định, SV ngoại trú: "*Phải đăng ký tạm trú với công an xã (phường, thị trấn) và báo với nhà trường về địa chỉ ngoại trú của mình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhập học*". Sinh viên vi phạm sẽ bị nhà trường xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách. Nếu vi phạm khoản 4 Điều 6 "*Khi có sự thay đổi về nơi cư trú, phải báo địa chỉ cư trú mới của mình với nhà trường trong thời hạn 20 ngày*" thì lần thứ nhất sẽ xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, các lần vi phạm tiếp theo trong năm học xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo; các vi phạm khác xử lý theo khung xử lý kỷ luật của Quy chế HSSV các trường ĐH, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy.

Có thể nói quản lý SV ngoại trú là vấn đề nan giải nhất của Bộ GD&ĐT. Đối với các trường ĐH đây là công việc khó thực hiện, nếu không muốn nói là nhiều trường không thực hiện hoặc không thực hiện được. Đặc biệt từ khi Luật cư trú ra đời, quyền công dân được mở rộng, công tác quản lý SV ngoại trú càng khó thực hiện hơn. Ngay cả những trường có cán bộ chuyên trách làm công tác Quản lý SV ngoại trú như ĐH Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thì cũng chỉ thực hiện được đối với SV học tập tại Cơ sở 1 (Khoái Châu, Hưng Yên), còn ở Cơ sở 2 (Phố Nối, Hưng

Yên) chưa thực hiện được. Các trường ĐH đóng trên địa bàn địa phương như ĐH Sao đỏ, ĐH Tài chính Quản trị kinh doanh, ĐH Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên làm được ít nhiều nội dung công việc theo Quy chế ngoại trú của học sinh, SV các trường ĐH, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy, còn các trường đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và phần lớn các trường ĐH phía Nam không thực hiện được. Một số khó khăn khác là, do SV ngoại trú ở trên địa bàn rộng, SV một trường có thể ở trên nhiều địa phương, đan xen, phức tạp; do quan điểm không ít người cho rằng, công tác tạm trú, tạm vắng là công việc quản lý của công an, chính quyền địa phương chứ không phải công việc chính của nhà trường nên trên thực tế có trường chưa triển khai thực hiện, chưa có biên chế cho cán bộ quản lý SV ngoại trú.

2.1.2.7. Thủ tục hành chính về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

Đây là một trong những quy chế mà khi triển khai thực hiện nhiều nhà quản lý giáo dục cho rằng có sự trùng lắp, chồng chéo vì điểm rèn luyện, điểm chuyên cần đã được tính trong Quy chế Đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Những SV vi phạm nội quy, quy chế đã được xử lý theo Quy chế HSSV các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)... Vì thế, khi triển khai thực hiện thủ tục về đánh giá kết quả rèn luyện của SV, các trường ĐH đã có nhiều cách làm khác nhau không thống nhất.

Trong quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, có trường để cho từng SV căn cứ vào kết quả rèn luyện, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết (do trường hướng dẫn) trước khi thực hiện các bước tiếp theo; có trường không thực hiện bước này. Có trường thông qua cấp khoa (Ví dụ: ĐH Nông nghiệp Hà Nội, ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên), có trường không thông qua cấp khoa như (ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh). Có trường Phòng Công tác SV thường trực tổng hợp, báo cáo hội đồng trường xét, trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận (có trường có Hội đồng cấp khoa, có trường chỉ có Hội đồng cấp trường).

Kết quả điểm rèn luyện các trường đều dùng để xét học bổng khuyến khích học tập cho SV, tuy nhiên để ghi vào điểm học tập của SV thì một số trường chưa thực hiện như: ĐH Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh..., chưa ghi điểm rèn luyện SV vào Bảng điểm kết quả học tập từng học kỳ và toàn khóa học. Tình hình đó cho thấy dù một chủ trương chung thống nhất nhưng lại có nhiều cách làm với kết quả không thống nhất.

Kết quả khảo sát TTHC về đánh giá kết quả rèn luyện của SV có thể thấy qua sơ đồ sau (*Hình 2.7*).

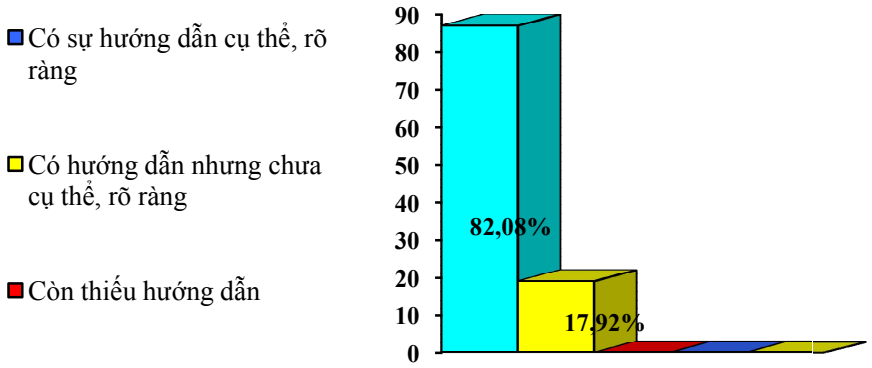

Hình 2.7: Thủ tục đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên

Đánh giá kết quả rèn luyện HSSV được Bộ GD&ĐT quy định từ năm 2002, cho nên có tới 82,08% số người được hỏi cho rằng nhà trường có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Song vẫn còn 17,92% cho rằng tuy có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng "còn mang tính hình thức, tính trùng, hướng dẫn khó thực hiện, nhiều điểm còn chung chung".

2.1.2.8. Thủ tục hành chính về khen thưởng, kỷ luật sinh viên

Trong quá trình triển khai, thực hiện giữa các trường cũng có những cách xử lý khác nhau.

Ví dụ, trường ĐH Nông Lâm (Đại học Thái Nguyên), năm 2010 kỷ luật SV vi phạm quy chế vẫn áp dụng Quy chế Công tác HSSV trong các trường đào tạo (Ban hành theo Quyết định số 1584/GĐ - ĐT ngày 27 tháng 7 năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2000) mà chưa thực hiện theo Quy chế HSSV các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số

42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007). Cụ thể như sau: Nhà trường đã quyết định đình chỉ học tập đối với những SV nghỉ học không lý do 61 tiết trong học kỳ, thuê người học hộ, sử dụng tai nghe Điện thoại di động để làm bài thi; Cảnh cáo trước toàn trường đối với các SV nghỉ học không lý do 34 - 35 tiết trong học kỳ 1, SV vi phạm An toàn giao thông bị công an lập biên bản và xử lý; Khiển trách đối với những SV nghỉ học không lý do 25 tiết trong học kỳ"[158].

Trong khi theo quy chế mới, từ năm 2007 trở đi, SV nghỉ học không phải xét kỷ luật mà dựa theo Quy chế đào tạo, phần tính điểm rèn luyện - chuyên cần để điều chỉnh hành vi này.

Trường ĐH Tài nguyên Môi trường Hà Nội, yêu cầu trong hồ sơ xét khen thưởng SV phải có Biên bản họp lớp, Báo cáo tổng kết, Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện, Danh sách SV đề nghị khen thưởng. Toàn bộ hồ sơ trên GVCN nộp về khoa, trợ lý khoa tổng hợp thông qua Hội đồng khoa (Danh sách đề nghị khen thưởng toàn khoa; Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện các lớp), nộp về phòng Công tác HSSV.. .Trường hợp khen thưởng đột xuất SV hoặc tập thể phải có báo cáo thành tích có xác nhận của GVCN, Khoa, Phòng Công tác HSSV. Đó là những thủ tục rất tỷ mỉ.

Viện ĐH Mở Hà Nội Quy định Khen thưởng cho những SV có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác của tập thể được Nhà trường khen thưởng tại Đại hội SV tiên tiến và hội nghị Khoa học SV. Những SV tham gia Ban đại diện lớp, được tập thể và Trung tâm địa phương đề nghị sẽ được hội đồng thi đua của Viện xem xét khen thưởng và cộng điểm ưu tiên vào kết quả xếp loại tốt nghiệp cuối khoá như sau: Lớp trưởng: 0.4 điểm; Lớp phó: 0.2 điểm. Thủ tục ở đây không phức tạp lắm.

Về kỷ luật: SV vi phạm quy định của nhà trường, quy chế học tập, quy chế thi, bị xử lý tuỳ theo mức độ vi phạm: Đình chỉ thi; Cảnh cáo; Khiển trách; Huỷ bỏ kết quả học tập thông báo về cơ quan hoặc địa phương. Nếu trường hợp khai man lý lịch, sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp sẽ bị xoá tên, huỷ bỏ kết quả học tập, thu hồi văn bằng và có thể bị truy tố trước pháp luật[170].

Tuy có một số hạn chế và cách làm khác nhau nhưng nhìn một cách tổng thể, TTHC về công tác khen thưởng, kỷ luật SV theo quy định của Luật Giáo dục đại học đã được quan tâm đổi mới, làm cho công tác GD&ĐT được thực hiện nghiêm, đúng

pháp luật. Điều đó đã tạo được sự thi đua trong học tập, lao động, sáng tạo và chấp hành nội quy, quy chế, các quy định của pháp luật về GD&ĐT. Hiện nay ở các trường ĐHCL lập đều thực hiện tốt, nghiêm túc các quy trình TTHC về công việc này nên ít có sự khiếu nại, khiếu kiện của SV.

Kết quả khảo sát TTHC về kỷ luật SV có thể thấy qua sơ đồ sau (*Hình 2.8*).

Có 83,02% ý kiến cho rằng thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật HSSV đã có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn 14,15% cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và 2,83% cho là còn thiếu hướng dẫn.

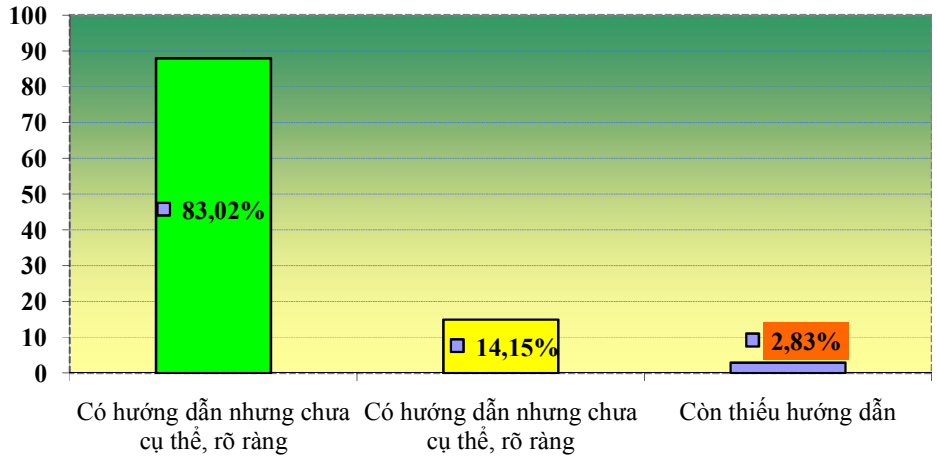

Hình 2.8: Thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật học sinh, sinh viên

Đây cũng được cho là những hạn chế chủ yếu của các trường mới thành lập.

2.1.2.9. Thủ tục hành chính về Y tế học đường, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể

Từ năm 2001-2009, Nhà nước chưa quy định bắt buộc sinh viên mua BHYT. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 trở đi, loại hình BHYT tự nguyện đã chuyển thành có trách nhiệm, bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật BHYT.

Sinh viên tham gia BHYT tại các trường ĐH, cao đẳng, thủ tục hướng dẫn thực hiện là đóng BHYT tự nguyện một hai lần trong một năm hoặc một lần cho cả khoá học (khi SV nhập trường). Khi khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh mà cơ quan bảo hiểm không ký hợp đồng, SV phải thanh toán các phí khám chữa bệnh với cơ sở khám, chữa bệnh, đồng thời lưu giữ toàn bộ chứng từ hợp lệ làm cơ sở để cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán lại một phần chi khám chữa bệnh; trường

hợp, SV bị tử vong Bảo hiểm xã hội thanh toán trợ cấp tử vong cho thân nhân SV. Trường hợp vượt tuyến từ bệnh viện quận, huyện lên tuyến bệnh viện thành phố, tỉnh thì đóng chênh lệch 70% tổng chi phí khám chữa bệnh; còn nếu vượt từ bệnh viện quận này qua bệnh viện quận khác thì được BHYT chi trả 70%. Trước đây, nếu vượt tuyến từ quận, huyện lên thành phố thì SV phải tự trả toàn bộ chi phí (Năm 2014, hướng điều chỉnh còn tốt hơn cho người dân và SV).

Nhà trường tổ chức tuyên truyền, thực hiện đăng ký, kê khai, thu tiền đóng Bảo hiểm y tế của SV; sử dụng đúng mục đích phần kinh phí cơ quan bảo hiểm y tế trích lại cho cơ sở (từ năm 2010 trở đi) để nhà trường làm công tác y tế học đường chỉ còn 12% (trước đây là 20% trên tổng số doanh thu BHYT ở từng trường) và khoảng 8% mà trước đây BHYT dành ra để các trường chi vào các công việc tuyên truyền, lập danh sách, thu phát thẻ thì nay không còn nữa.

Theo Thông tư số 10/2009/TT-BYT ngày 14 tháng 8 năm 2009 một số trường ĐH có Bệnh xá đáp ứng đủ điều kiện đã đăng ký khám chữa bệnh ban đầu cho SV, và theo Thông tư số 17/1998/TT-BYT về việc phân bổ quỹ khám, chữa bệnh BHYT phần lớn các trường ĐH đều tổ chức khám sức khỏe cho SV khi vào nhập học. Tuy nhiên vì có trường có trạm xá, có trường chỉ có tổ (bộ phận) y tế nên thủ tục khám chữa bệnh cho SV khi vào nhập học có khác nhau. Phần lớn các trường chỉ thực hiện được việc khám sức khỏe khi SV nhập học, còn các học kỳ và năm học kế tiếp không thực hiện được. Chỉ một số ít trường, như ĐH Bách khoa (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh) có Quy định và triển khai thực hiện công tác y tế học đường đối với SV tương đối cụ thể, đầy đủ, trong đó có điểm sau: KSK đầu vào cho SV năm nhất (tháng 9); KSK định kỳ một lần/năm học cho SV từ năm thứ hai đến năm thứ tư (tổ chức vào tháng 4); KSK cuối khóa cho SV chuẩn bị tốt nghiệp (tổ chức vào tháng 12)[101]. Các trường ĐH khác hầu như không có quy định gì. Đây có thể xem là một thiếu sót trong việc quy định thủ tục chăm sóc SV trong quá trình học tập tại trường.

Triển khai thủ tục mua BHYT, BHTT cũng có nhiều điểm khác nhau và khá phong phú về cách thức thực hiện. Một số trường hướng dẫn thực hiện khá đơn giản, ví dụ, trường ĐH Kinh tế quốc dân hướng dẫn: SV xuống Trạm y tế làm thủ tục đăng ký (1)

Ghi rõ các thông tin Mã SV, Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, Giới tính, Số tiền đóng; (2) Địa điểm nộp ; (3) Mức thu; (4) Thời gian nộp cuối cùng[155].

Trong khi một số trường khác, ví dụ, trường ĐH Bách khoa (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh), ban hành hẳn Quy định Công tác BHYT và Bảo hiểm tai nạn cho SV, có các chế tài bảo đảm cho việc thực hiện như sau:

Tất cả SV tham gia bảo hiểm y tế theo luật BHYT (tổ chức tháng 9). Nhà trường bắt buộc SV tham gia bảo hiểm tai nạn (thực chất của bảo hiểm tai nạn là BHTT).

Sinh viên không tham gia BHYT và bảo hiểm tai nạn sẽ tạm dừng học 01 học kỳ kế tiếp"[151].

Phần lớn, các trường ĐH thực hiện đăng ký mua BHYT, BHTT đối với SV năm thứ nhất từ khi SV đến làm thủ tục nhập học. Các năm học tiếp theo có trường thực hiện được, có trường chưa thực hiện được, hay nói đúng hơn, nhiều trường có tổ chức thực hiện nhưng số SV tham gia đăng ký mua BHYT, BHTT không đáng kể, trừ một số trường có quy định gần như bắt buộc chứ không phải tự nguyện tham gia, như trường ĐH Bách khoa (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh). BHYT có thẻ, BHTT không có Thẻ mà chỉ lập danh sách. Danh sách các SV đã nộp phí BHTT được lưu tại Công ty Bảo hiểm và Nhà trường, khi có yêu cầu Công ty bảo hiểm chi trả thì đến Bộ phận Công tác SV đề nghị làm thủ tục thanh toán.

Thủ tục thực hiện khám, thanh toán BHYT, trường ĐH Công nghệ (ĐH Quốc gia Hà Nội) có hướng dẫn tương đối cụ thể theo các bước như sau:

Khám chữa bệnh ban đầu ở Trạm Y tế (trừ trường hợp cấp cứu tại một cơ sở khám chữa bệnh khác) tại một trong hai địa điểm: (1) Tầng 1 nhà 14C, Ký túc xá Ngoại ngữ; (2) KTX Mễ Trì.

Đề nghị Trạm Y tế làm thủ tục chuyển nơi khám chữa bệnh khác, nếu Trạm Y tế không đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của mình.

Sau khi sức khỏe đã hồi phục, đem đầy đủ các giấy tờ khám chữa bệnh và điều trị liên quan đến Bảo hiểm xã hội quận Cầu Giấy (số 6, đường Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy) để làm thủ tục thanh toán[153].

Nhìn chung công tác tổ chức khám sức khỏe đầu vào, khám sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh BHYT, BHTT, thanh quyết toán qua BHYT, BHTT cho SV, trường ĐHCL nào cũng triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do có trường có trạm xá, có trường chỉ có tổ (bộ phận) y tế nên cơ sở khám chữa bệnh ban đầu khi khám bệnh, chữa bệnh theo chế độ BHYT, BHTT, thanh quyết toán qua BHYT, BHTT có khác nhau. Cách làm, cách triển khai một số trường cũng khác nhau. Có trường áp dụng thủ tục thu qua hệ thống Nhà trường - Ngân hàng - BHYT, BHTT, có trường trực tiếp thu. Có trường thu BHTT như bắt buộc, có trường thực hiện đúng như Bảo hiểm tự nguyện. Tuy nhiên hình thức bảo hiểm của BHTT có tính linh hoạt cao hơn BHYT ở chỗ, SV có thể khám chữa bệnh tại bất cứ bệnh viện nào mà không cần đăng ký tuyến khám chữa bệnh ban đầu, thủ tục thanh toán khá đơn giản, tuy nhiên số tiền bảo hiểm không cao. Còn BHYT thì phải đúng tuyến, trừ trường hợp cấp cứu. Đây là điểm yếu nhất của BHYT học đường làm bó hẹp quyền của người mua BHYT, đặc biệt vào dịp SV nghỉ hè, nghỉ tết, tham gia hoạt động tình nguyện lưu động khi ốm đau chưa đến mức phải cấp cứu, vẫn phải về đúng tuyến bệnh viện để điều trị là xa rời thực tế. Điểm bế tắc này của BHYT đề nghị cần sớm được tháo gỡ.

2.1.2.10. Thủ tục hành chính về tín dụng trong giáo dục và đào tạo

Tính từ thời điểm Chính phủ ban hành Quyết định số 51/1998/QĐ-TTg "thành lập Quỹ tín dụng đào tạo", tới nay chính sách tín dụng đối với HSSV đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, phù hợp với thực tế, với nhu cầu vay vốn của SV nghèo, mức tiền vay từng bước cũng được điều chỉnh tăng lên.

Ngày 27/9/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg thay thế Quyết định số 107/2006/QĐ-TTg, theo quyết định này, đối tượng thụ hưởng chương trình được mở rộng hơn, gồm: HSSV có hoàn cảnh khó khăn thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo (thu nhập bằng 150% so với hộ nghèo), hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai hỏa hoạn, dịch bệnh,... được vay vốn để theo học tại các trường ĐH, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề, không phân biệt loại hình đào tạo công lập hay dân lập và thời gian đào tạo trên một năm hay dưới một năm.

Đến thời điểm 30/9/2010, sau hơn 03 năm thực hiện Quyết định 157/2007/QĐ-TTg, chương trình đã có 1.895 nghìn HSSV được vay vốn; so với thời điểm tháng 9/2007, doanh số cho vay tăng 79 lần, số HSSV được vay vốn tăng 19 lần. Số tiền giải ngân của chương trình này tăng trưởng cao qua các năm, cụ thể: năm 2007 tăng 300% so với năm 2006, năm 2008 tăng 247% so với năm 2007, năm 2009 tăng 87% so với năm 2008[127].

Từ tháng 9/2007 đến 2010, mức cho vay tối đa đối với HSSV đã 03 lần được điều chỉnh tăng từ mức 800.000 đồng/tháng lên 860.000 đồng/tháng và 900.000 đồng/tháng. Quyết định tăng mức cho vay tối đa lên 900.000đ/tháng được Thủ tướng Chính phủ quyết định ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

Mức lãi suất cho vay đối với đối tượng HSSV thấp hơn so với mức lãi suất cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác (0,5% so với 0,65%). Trong thời gian đang theo học tại trường, cộng với một năm sau khi ra trường, HSSV chưa phải trả nợ, trả lãi tiền vay; trường hợp trả nợ trước hạn được giảm 50% lãi suất cho vay.

Quy trình, thủ tục cho vay đã được cải tiến theo hướng đơn giản hóa. Các trường ĐH chỉ thực hiện việc xác nhận lên mẫu Giấy xác nhận (Mẫu 01/XNSV do HSSV lập). Ngân hàng chính sách xã hội cũng đã chuyển hình thức từ cho vay trực tiếp HSSV sang cho vay qua hộ gia đình, giải ngân qua thẻ ATM, giải ngân hoặc thu nợ tại các điểm giao dịch xã, tạo điều kiện thuận lợi cho người vay không phải đến ngân hàng để giao dịch.

2.1.3. Thủ tục hành chính trong công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức

Tuỳ theo đặc điểm của ngành nghề đào tạo, các trường đại học đưa ra quy trình thực hiện TTHC có những điểm khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung quy trình TTHC trong công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức có những điểm cơ bản như sau:

2.1.3.1. Đăng ký dự tuyển và thực hiện việc tuyển dụng

- Đăng ký dự tuyển (ĐKDT):

Từ năm 2001 đến năm 2006, người ĐKDT phải nộp các văn bằng, chứng chỉ và bản chụp các giấy tờ liên quan khác trong hồ sơ dự tuyển (qua công chứng). Đến năm 2007, thực hiện Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21/6/2006 của Bộ Nội vụ, Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006, người ĐKDT chỉ nộp các bản chụp văn bằng, chứng chỉ và bản chụp các giấy tờ liên quan khác trong hồ sơ dự tuyển không phải công chứng hoặc chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền. Người ĐKDT chỉ phải cam kết trong đơn đăng ký dự tuyển về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành đã được thông báo công khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các bản chụp văn bằng, chứng chỉ và giấy tờ liên quan khác nộp trong hồ sơ ĐKDT. Khi trúng tuyển họ sẽ hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Đây là một bước cải cách rất tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân - Người ĐKDT.

Đại học Huế, còn có hướng dẫn cụ thể cho người ĐKDT nộp hồ sơ theo mẫu, gồm có:

Đơn đăng ký dự tuyển viên chức Đại học Huế, năm...(mẫu số 1);

Sơ yếu lý lịch dự tuyển viên chức (mẫu số 2);

Đơn đăng ký thi ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga ,Trung) (mẫu số 3);

Đơn đề nghị miễn thi môn thi ngoại ngữ (mẫu số 4);

Đơn đề nghị miễn thi môn thi tin học (mẫu số 5);

Đơn xin miễn thực hiện chế độ tập sự (mẫu số 6);

Bản sao các bản hợp đồng làm việc;

Giấy chứng nhận sức khoẻ của Bệnh viện huyện trở lên (còn giá trị);

Bản sao giấy chứng minh nhân dân;

Bản sao giấy khai sinh;

Bản sao văn bằng, bảng điểm học đại học;

Bản sao các chứng chỉ theo yêu cầu của đơn vị tuyển dụng;

Bản sao văn bằng Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ (nếu có)

Bản sao giấy xác nhận thủ khoa loại giỏi (nếu có);

Một bì đựng hồ sơ, kích cỡ: 250 mm x 340 mm.

Phiếu nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (mẫu số 7)

(Tất cả bản sao đều sao trên cỡ giấy A4)[99].

- *Tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển:*

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển là người đạt yêu cầu, tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch dự tuyển và có kết quả học tập trung bình toàn khoá, (được quy đổi theo thang điểm 100) nhân hệ số 2, sau đó được cộng với chính sách ưu tiên theo quy định tính từ người có kết quả xét cao nhất cho đến hết chỉ tiêu được tuyển. Trường hợp nhiều người có kết quả xét bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì Hội đồng tuyển dụng bổ sung nội dung phỏng vấn để lựa chọn người có kết quả cao nhất trúng tuyển[17].

- *Trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ tuyển dụng:*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng tuyển, người trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ tuyển dụng theo quy định của cơ quan, đơn vị tuyển dụng. Trường hợp vì lý do đặc biệt như ốm đau, tai nạn... được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì có thể được kéo dài thêm thời gian hoàn chỉnh hồ sơ nhưng không quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng tuyển (theo dấu bưu điện).

Khi kiểm tra hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển, nếu cơ quan, đơn vị tuyển dụng phát hiện thấy văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ liên quan không hợp pháp hoặc khai man trong hồ sơ dự tuyển thì báo cáo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét huỷ bỏ kết quả trúng tuyển.

Sau khi cơ quan, đơn vị tuyển dụng xác nhận người trúng tuyển đã hoàn chỉnh hồ sơ tuyển dụng theo quy định thì thông báo cho đơn vị sự nghiệp để người đứng đầu đơn vị sự nghiệp hoặc người được uỷ quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thực hiện ký hợp đồng làm việc theo quy định[16].

- *Sơ tuyển hồ sơ và xét duyệt người được dự tuyển.*

Trường ĐH Thủy lợi đưa ra Quy định về tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên tương đối cầu toàn và khắt khe như sau:

Việc xét duyệt hồ sơ và sơ duyệt người được dự tuyển được tiến hành theo các tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau đây:

Người tốt nghiệp ĐH chính quy loại xuất sắc, giỏi, có trình độ Tiến sĩ (ưu tiên tốt nghiệp tiến sĩ ở các nước tiên tiến, phát triển).

Người tốt nghiệp ĐH chính quy loại khá, có trình độ Tiến sĩ (ưu tiên tốt nghiệp tiến sĩ ở các nước tiên tiến, phát triển).

Người tốt nghiệp ĐH chính quy loại xuất sắc, giỏi, hoặc loại khá nhưng phải có điểm học tập trung bình toàn khoá ≥ 7.5 có trình độ thạc sĩ (ưu tiên tốt nghiệp thạc sĩ ở các nước tiên tiến, phát triển).

Người tốt nghiệp ĐH chính quy loại xuất sắc, giỏi, hoặc loại khá nhưng phải có điểm học tập trung bình toàn khoá ≥ 7.5 (ưu tiên những người đạt giải Olympic cấp Quốc gia, giải nghiên cứu khoa học SV) được dự tuyển nhưng ứng viên phải có cam kết tự học tập để đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong thời gian sớm nhất.

Người dự tuyển phải có chuyên môn đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí tuyển dụng; có phẩm chất đạo đức tốt, có ngoại hình cân đối, không nói lắp, nói ngọng, sức khoẻ tốt, có khả năng làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tốt.

Tuỳ theo số lượng thí sinh xin dự tuyển và chỉ tiêu tuyển dụng, Trường sẽ xét duyệt quyết định số lượng các thí sinh được tham gia dự tuyển.

- *Thi tuyển và xét tuyển.*

Các ứng viên được xét duyệt ở mục 1), 2), 3), 4) phải dự kỳ thi tuyển dụng theo quy định về thi tuyển ngạch giảng viên của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

Việc xét duyệt người trúng tuyển được căn cứ trên kết quả điểm thi tuyển và các ưu tiên (nếu có) theo quy định bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, thi hành theo Luật Viên chức số 58/2010/QH12 của Quốc hội).

Thí sinh có điểm các môn thi đạt từ 50 điểm (thang điểm 100) trở lên sẽ được xem xét. Căn cứ vào tổng điểm xét tuyển, người trúng tuyển lấy từ người có số điểm cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng. Nếu có nhiều thí sinh cùng

điểm xét tuyển, thì xem xét thêm các thành tích học tập, nghiên cứu khoa học và các thành tích phấn đấu khác.

- *Hợp đồng tuyển dụng giảng viên.*

Những người được xét duyệt tuyển dụng, sẽ được Trường ký hợp đồng làm việc theo quy định của Nghị định 116/2003 của Chính phủ theo các hình thức và thứ tự sau đây:

+ Hợp đồng làm việc lần đầu (Hợp đồng thử việc), viên chức loại **A** (những người tốt nghiệp ĐH, cao đẳng trở lên), thời gian thử việc có thời hạn 12 tháng.

Sau khi hết thời gian thực hiện hợp đồng làm việc lần đầu, có trường đưa ra bộ mẫu hồ sơ yêu cầu (xét hết tập sự), bao gồm:

Đơn xin xét hết tập sự;

Đề cương tập sự (có ý kiến cán bộ hướng dẫn);

Bản tự kiểm điểm cá nhân (có xác nhận của bộ môn);

Lý lịch cán bộ (theo mẫu do nhà trường phát hành)

Phiếu khám sức khỏe (có xác nhận của Bệnh viện tỉnh, TP);

Phiếu thẩm tra lý lịch có xác nhận của địa phương (theo mẫu);

Các văn bằng, chứng chỉ bổ sung (nếu có)

Biên bản họp xét của bộ môn[97].

Người đạt yêu cầu thử việc được tiếp tục ký hợp đồng làm việc cụ thể như sau:

+ Hợp đồng làm việc có thời hạn 12 đến 36 tháng lần thứ nhất.

Người được hợp đồng làm việc lần đầu, sau khi hết thời hạn (thử việc) 12 tháng, hoàn thành tốt nhiệm vụ và có đầy đủ các điều kiện quy định, sẽ được xem xét ký tiếp hợp đồng làm việc có thời hạn 1 đến 3 năm lần thứ nhất. Những người không hoàn thành đầy đủ các điều kiện quy định sẽ phải chấm dứt hợp đồng làm.

+ Hợp đồng làm việc có thời hạn 3 năm (36 tháng) lần thứ hai.

Người được hợp đồng có thời hạn lần thứ nhất (36 tháng), sau khi hết thời hạn hợp đồng, nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đầy đủ các điều kiện đã được quy định theo hợp đồng, sẽ được xem xét ký tiếp hợp đồng làm việc có thời hạn 3 năm lần thứ hai. Những người không hoàn thành đầy đủ các điều kiện qui định trên sẽ phải chấm

dứt hợp đồng làm việc. Tuy nhiên một số trường, Ví dụ: ĐH Thủy lợi, cho chuyển làm công việc khác[161].

+ Hợp đồng làm việc không có thời hạn.

Người được hợp đồng làm việc có thời hạn lần thứ hai, sau khi hết thời hạn hợp đồng, hoàn thành tốt nhiệm vụ và đầy đủ các điều kiện quy định theo hợp đồng, sẽ được xem xét để ký tiếp hợp đồng làm việc có hoặc không thời hạn.

Đối với những người là tiến sĩ có thành tích xuất sắc hoặc những cán bộ khoa học đã có kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu, giảng dạy tốt thường các trường có những xem xét riêng và đề nghị cấp trên cho đặc cách tuyển dụng hoặc ký hợp đồng làm việc.

Các trường đại học như: ĐH Bách khoa Đà Nẵng[152], ĐH Thủy lợi[161], ĐH Kinh tế quốc dân[156]..., thường cụ thể hóa các quy định, theo các yêu cầu sau:

- Hợp đồng làm việc lần đầu:

Người được trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng được ký hợp đồng làm việc lần đầu (thử việc trong 12 tháng).

Trong thời gian thử việc, người thử việc phải xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác theo chức năng, nhiệm vụ của giảng viên dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của đơn vị và của cán bộ được phân công hướng dẫn. Những nhiệm vụ chính và kết quả phải đạt được đối với người thử việc là:

Nghiên cứu tài liệu, sách, giáo trình, thí nghiệm, thực hành, thực tập, ...thuộc chuyên môn phụ trách và liên quan. Chuẩn bị và tập sự công tác giảng dạy (dự giờ, làm đáp án các đề thi, ...) và công việc liên quan.

Học tập, nắm vững các quy chế về giáo dục đào tạo, lý luận GDĐH và sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại.

Nghiên cứu khoa học, học tập chuyên môn và ngoại ngữ. Đối với người chưa đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, phải phấn đấu chuẩn bị tốt kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ, để đi học trên ĐH trong thời gian sớm nhất.

Đơn vị sử dụng phân công một số cán bộ giảng dạy có trình độ và kinh nghiệm hướng dẫn người thử việc. Trong thời gian hướng dẫn, cán bộ hướng dẫn thử việc được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành của nhà nước và của nhà trường.

Hết thời gian thử việc, người thử việc phải làm báo cáo tự đánh giá chi tiết kết quả thực hiện công tác trong thời gian thử việc. Cán bộ hướng dẫn lập báo cáo đánh giá chi tiết kết quả thực hiện các mặt công tác và rèn luyện của người thử việc (phẩm chất đạo đức; năng lực, trình độ, kết quả làm việc và học tập; ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy, quy chế của cơ quan; chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của đảng và nhà nước; tinh thần hợp tác và phối hợp với đồng nghiệp trong công việc). Đơn vị sử dụng họp đánh giá kết quả và mức độ hoàn thành công tác thử việc và làm văn bản đề nghị trường xét công nhận hoặc không công nhận hoàn thành thử việc của người hợp đồng làm việc lần đầu.

Hội đồng tuyển dụng trường xét duyệt và kiến nghị với Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm vào ngạch giảng viên và ký tiếp hợp đồng làm việc có thời hạn lần thứ nhất đối với những người hoàn thành đạt yêu cầu thử việc, quyết định chấm dứt tuyển dụng đối với những người không đạt yêu cầu thử việc.

- Hợp đồng làm việc có thời hạn lần thứ nhất.

Trong thời gian hợp đồng làm việc có thời hạn 3 năm lần thứ nhất, giảng viên phải xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác theo chức năng, nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của đơn vị. Những nhiệm vụ chính và kết quả phải đạt được trong thời gian này là:

+ Đối với người có trình độ tiến sĩ:

Nghiên cứu tài liệu, sách, giáo trình, thí nghiệm, thực hành, thực tập... thuộc chuyên môn phụ trách. Thực hiện công tác trợ giảng hoặc giảng dạy và công việc liên quan.

Tích cực nghiên cứu khoa học, học tập chuyên môn và ngoại ngữ để nâng cao trình độ.

Chậm nhất, sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ nhất, phải đảm nhiệm tốt công tác giảng dạy sau đại học; có công trình bài báo khoa học hoặc sách được công bố.

+ Đối với người có trình độ thạc sĩ:

Nghiên cứu tài liệu, sách, giáo trình, thí nghiệm, thực hành, thực tập...thuộc chuyên môn phụ trách. Thực hiện công tác giảng dạy và các công việc liên quan.

Tích cực nghiên cứu khoa học, học tập chuyên môn và ngoại ngữ để nâng cao trình độ.

Sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ nhất, phải đảm nhiệm được công tác giảng dạy đại học; tối thiểu đủ điều kiện (bài báo khoa học, chuyên môn và tiếng anh IELTS ≥ 5.5 hoặc TOEFL ≥ 500, hoặc có trình độ tương đương với các ngoại ngữ khác) và chuẩn bị dự tuyển nghiên cứu sinh.

+ Đối với người có trình độ đại học:

Nghiên cứu tài liệu, sách, giáo trình, thí nghiệm, thực hành, thực tập...thuộc chuyên môn phụ trách. Thực hiện công tác trợ giảng hoặc giảng dạy và công việc liên quan.

Tích cực nghiên cứu khoa học, học tập chuyên môn và ngoại ngữ để nâng cao trình độ.

Sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ nhất, tối thiểu phải đảm nhiệm được công tác trợ giảng bậc đại học; tối thiểu đủ điều kiện (chuyên môn và tiếng anh IELTS ≥ 5.0 hoặc TOEFL ≥ 450, hoặc có trình độ tương đương với các ngoại ngữ khác) và chuẩn bị dự tuyển cao học hoặc nghiên cứu sinh.

Ngoài ra, sau 4 năm làm việc, các giảng viên tối thiểu phải nắm vững toàn bộ nội dung của môn học bậc ĐH (lý thuyết, bài tập, thí nghiệm, thực hành, thực tập, tham quan,...) và phương pháp giảng dạy. Trường sẽ tiến hành kiểm tra đánh giá định kỳ hoặc đột xuất trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy.

+ Đối với giáo viên giảng dạy ngoại ngữ:

Sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ nhất, phải đảm nhiệm được công tác dịch thuật cả nói và văn bản các tài liệu thông thường ở mức độ khó kể cả diễn văn hoặc hội thảo; có thể hướng dẫn chuyên gia tham gia các hoạt động chung của trường; tối thiểu đủ điều kiện tiếng anh IELTS ≥ 7.0 hoặc TOEFL ≥ 650 và thi đỗ cao học hoặc nghiên cứu sinh.

Ngoài ra, sau 4 năm làm việc, các giảng viên tối thiểu phải nắm vững toàn bộ nội dung của môn học bậc đại học và phương pháp giảng dạy. Trường sẽ tiến hành kiểm tra đánh giá định kỳ hoặc đột xuất về trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy.

Hết thời hạn hợp đồng 3 năm, các giảng viên phải làm kiểm điểm tự đánh giá chi tiết kết quả thực hiện công tác theo các tiêu chí đã nêu trên để - *Hợp đồng làm việc có thời hạn lần thứ hai*

Trong thời gian hợp đồng làm việc có thời hạn 3 năm lần thứ hai, giảng viên phải xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác nâng cao của ngạch giảng viên dưới sự lãnh đạo, hướng dẫn của đơn vị. Những nhiệm vụ chính và kết quả phải đạt được trong giai đoạn này là:

+ Đối với người có trình độ Tiến sĩ:

Thực hiện tốt công tác giảng dạy đại học và sau đại học.

Tích cực nghiên cứu khoa học, không ngừng học tập chuyên môn và ngoại ngữ để nâng cao trình độ.

Sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ hai, phải đảm nhiệm tốt công tác giảng dạy đại học và sau đại học trong nước; có công trình, bài báo khoa học hoặc sách được công bố. Có hoạt động giảng dạy, hội thảo khoa học, trao đổi học thuật hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trực tiếp bằng ngoại ngữ.

+ Đối với người có trình độ thạc sĩ:

Thực hiện tốt công tác giảng dạy ĐH;

Tích cực nghiên cứu khoa học, không ngừng học tập chuyên môn, ngoại ngữ đạt trình độ đi học sau ĐH ở nước ngoài (Tiếng anh IELTS ≥ 6.0 hoặc TOEFL ≥ 550, hoặc có trình độ tương đương với các ngoại ngữ khác);

Chậm nhất, sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ hai, phải đảm nhiệm tốt công tác giảng dạy đại học; công trình hoặc bài báo khoa học được công bố; chậm nhất phải là nghiên cứu sinh.

+ Đối với người có trình độ đại học:

Tham gia công tác giảng dạy đại học;

Tích cực nghiên cứu khoa học, không ngừng học tập chuyên môn, ngoại ngữ đạt trình độ đi học sau ĐH ở nước ngoài (tiếng anh IELTS ≥ 6.0 hoặc TOEFL ≥ 550 hoặc trình độ tương đương với ngoại ngữ khác);

Chậm nhất, sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ hai, phải đảm nhiệm tốt công tác giảng dạy đại học; có công trình hoặc bài báo khoa học được công bố; phải có bằng thạc sĩ hoặc nghiên cứu sinh.

+ Đối với giáo viên giảng dạy ngoại ngữ:

Chậm nhất, sau 3 năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc lần thứ hai, phải đảm nhiệm tốt công tác giảng dạy đại học; có thể đọc, dịch các tài liệu chuyên ngành; phải có bằng thạc sĩ hoặc nghiên cứu sinh.

Những giảng viên được trường cử đi học tập đào tạo phải có cam kết phục vụ cho trường sau khi trở về, nếu tự ý đi nơi khác mà không được sự cho phép của trường thì phải bồi hoàn kinh phí đào tạo và các chi phí liên quan[161].

Mô tả trên đây cho thấy những quy trình thủ tục tuyển viên chức trong một thời gian dài là khá rắc rối và phức tạp. Vì vậy việc ra đời Luật Viên chức số 58/2010/QH12 của Quốc hội) và các nghị định, thông tư tiếp theo đó như: Nghị định số 29/2012/NĐ-CP Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 27/2012/NĐ-CP Quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNVcủa Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ Ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức có thể xem là đã có nhiều bước tiến về cải cách TTHC. Ví dụ: căn cứ nhu cầu công việc Hiệu trưởng các trường có quyền tuyển dụng viên chức theo hình thức xét tuyển đặc cách, áp dụng cho người đã có thời gian làm việc 36 tháng (không kể thời gian thử việc); người tốt nghiệp ĐH loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ, có chuyên môn đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí cần tuyển dụng; trong thời gian công tác không vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đây là một trong những điểm đổi mới mạnh mẽ, tăng quyền tự chủ cho Hiệu trưởng các trường ĐH. Về Hợp đồng tuyển dụng cũng thu gọn lại chỉ còn hai loại là: Hợp đồng làm việc xác định thời hạn (trong đó có thời gian thực hiện chế độ tập sự, nếu có) và Hợp đồng làm việc xác định không thời hạn.

2.1.3.2. Xét chuyển loại viên chức

Viên chức nếu đạt yêu cầu và trình độ đào tạo theo quy định của ngạch lương tương ứng loại viên chức đề nghị xét chuyển; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không trong thời gian đang thi hành kỷ luật thì được xem xét chuyển loại và được bổ nhiệm, xếp lương vào ngạch viên chức phù hợp với vị trí công tác, yêu cầu tiêu chuẩn nghiệp vụ và trình độ đào tạo.

Trình tự xét chuyển loại viên chức:

Từ khi có Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn các trường đại học đều thực hiện theo quy định chung cụ thể, theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21/6/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định 116/2003/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP thì các trường đại học với tư cách là đơn vị sự nghiệp đều thành lập Hội đồng xét chuyển loại viên chức có từ 5 đến 7 thành viên do Hiệu trưởng đứng đầu.

Căn cứ kết quả của Hội đồng xét chuyển loại viên chức, hiệu trưởng có văn bản (kèm danh sách trích ngang viên chức đề nghị xét chuyển) đề nghị cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp xem xét và gửi danh sách xét chuyển loại viên chức về Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt trước khi ra quyết định bổ nhiệm ngạch.

2.1.3.3. Quy trình, thủ tục cử viên chức tham gia thi nâng ngạch

Quy trình, thủ tục cử viên chức tham gia thi nâng ngạch đều được các trường thực hiện theo quy định tại khoản 2 mục III Thông tư số 04/2007/TT-BNV.

Kết quả khảo sát quy trình, thủ tục cử viên chức tham gia thi nâng ngạch có thể thấy qua sơ đồ sau (*Hình 2.9*).

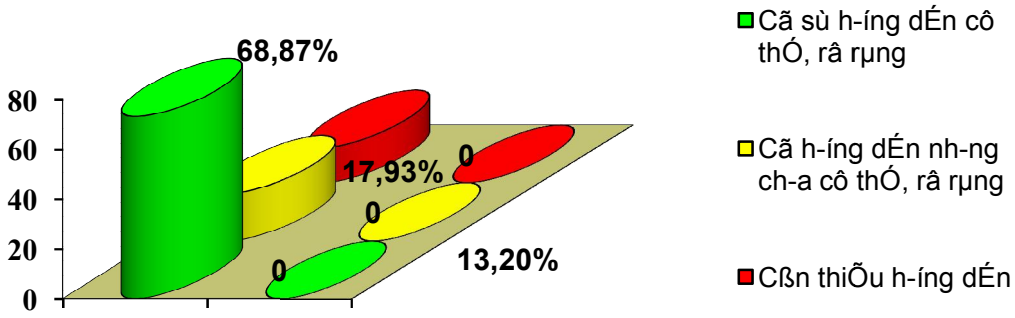

Hình 2.9: Thủ tục cử viên chức tham gia thi nâng ngạch

Tổ chức các kỳ thi nâng ngạch giảng viên lên giảng viên chính, giảng viên chính lên giảng viên cao cấp, chuyên viên lên chuyên viên chính, chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp là công việc của Bộ GD&ĐT và cấp chủ quản của các trường ĐH, cao đẳng công lập. Nhà trường có nhiệm vụ hướng dẫn, phối hợp thực hiện qua các bước: thông báo, hồ sơ, sơ tuyển ban đầu và cử đi dự thi; tiếp nhận kết quả và thực hiện các chế độ, chính sách sau khi có kết quả thi. Về Thủ tục thực hiện các kỳ thi có 68,87% ý kiến từ khảo sát cho rằng Bộ và nhà trường có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, vẫn còn 17,93% số ý kiến cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và còn tới 13,20% số ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn.

Đây chính là điều thực chất các trường ĐH, cao đẳng thừa nhận là còn những hạn chế trong chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức GD&ĐT vì thủ tục chưa công khai rõ ràng, minh bạch, chưa cụ thể hóa hướng dẫn rõ hơn cách thức thực hiện của từng đơn vị. Điểm yếu này phần lớn thuộc về các trường cao đẳng và những trường ĐH mới thành lập.

2.1.3.4. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn khác

Các trường ĐH, Bộ GD&ĐT và các chủ thể quản lý đã làm khá tốt công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ chuyên môn một số lĩnh vực như: công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, công tác quản trị thiết bị, công tác tài chính kế toán, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giảng viên... định kỳ và đột xuất hàng

năm nhưng tới nay phần lớn cán bộ đảm trách giải quyết các công việc hành chính, liên quan đến TTHC trong các trường ĐH lại chưa được quan tâm chú trọng. Nhiều cán bộ nguyên là giảng viên khi chuyển sang làm công tác quản lý cũng không được bồi dưỡng, đào tạo về nghiệp vụ quản lý nhà nước. Ngay trong giai đoạn CCHC, cải cách TTHC (2001-2010) và những năm đầu giai đoạn (2011-2020) phần lớn cán bộ liên quan đến việc giải quyết TTHC ở cấp trường gần như chưa được tập huấn, truyền đạt lần nào. Bất cứ một nhiệm vụ nào cũng cần phải có con người thực thi. Người thực thi phải hiểu được nội dung công việc phải làm, mục đích, ý nghĩa, hiệu quả, thời gian, không gian... tiến hành công việc đó; xử lý các tình huống (nếu có). Con người đó phải được đào tạo, bồi dưỡng vững về chuyên môn nghiệp vụ, về đạo đức công vụ... Rất đáng tiếc đây là một hạn chế đang tồn tại.

2.1.3.5. Một số tồn tại

Việc tuyển dụng và công tác tổ chức cán bộ là những vấn đề nhạy cảm, không tránh khỏi những sai sót và đã có một số vấn đề thực tế đã xảy ra. Ví dụ, "Trường ĐH Lao động - Xã hội phát hiện mắc nhiều sai phạm trong công tác tổ chức cán bộ như bổ nhiệm các phó giám đốc cơ sở Sơn Tây, các trưởng, phó khoa, thiếu nhiều quy trình, thủ tục. Hiệu trưởng trường còn tự ý thành lập khoa Sau ĐH không đúng thẩm quyền. Trong quy chế tuyển dụng, ký hợp đồng đối với cán bộ giảng viên, trường đề ra tiêu chuẩn rất lý tưởng "tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi, xuất sắc hoặc có văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp. Trường hợp bằng trung bình khá, bằng khá thì yêu cầu đã đỗ cao học". Tuy nhiên, trên thực tế, từ 1/1/2009 đến 15/8/2011, trường tuyển mới 48 người về làm công tác giảng dạy và có đến 19 trường hợp bằng trung bình, trung bình khá, khá, không đúng với chính quy định do nhà trường ban hành"[105].

Về bổ nhiệm các cán bộ phụ trách các đơn vị trong nhà trường, theo Điều lệ trường Đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ), Khoản 2, Điều 41 ghi: "Lãnh đạo khoa là Trưởng khoa, lãnh đạo viện là Viện trưởng (sau đây gọi chung là Trưởng khoa). Giúp việc Trưởng khoa có không quá 2 Phó trưởng khoa (đối với viện, là Phó viện trưởng). Nhiệm kỳ của Trưởng khoa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng khoa theo nhiệm kỳ của

Trưởng khoa và có thể được bổ nhiệm lại". Ngoài ra, theo khoản 5 của Điều lệ này thì "Độ tuổi khi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa trong các trường ĐHCL không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ; độ tuổi khi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa của trường ĐH tư thục được quy định trong "Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐH tư thục". Tuy nhiên có trường đã không thực hiện đúng theo quy định này, ví dụ: "Quy định của pháp luật rõ ràng như vậy nhưng ĐH sư phạm kỹ thuật Hưng Yên bổ nhiệm các chức danh chủ chốt chỉ có nhiệm kỳ 02 năm. Mặt khác, dù là trường công lập, nhưng hiệu trưởng cũng tự ý ký quyết định bổ nhiệm cho những người nghỉ hưu ở các trường khác giữ các chức danh chủ chốt như Phó trưởng khoa, Phụ trách khoa, Trưởng bộ môn" [139]...

Nếu nói về văn bản hướng dẫn thì trường ĐH Kinh tế quốc dân là một trong số ít trường ban hành "Quy chế tuyển dụng, thử việc và bổ nhiệm vào ngạch viên chức" [156]... khá rõ ràng, đầy đủ (gồm 26 trang) và được công khai rất minh bạch. Tuy nhiên ở khâu thực hiện lại có vấn đề. Thực tế là trong các năm 2011-2012, một loạt bài báo đăng trên các báo như: Báo người cao tuổi: Trường ĐH Kinh tế Quốc dân: Ông Hiệu trưởng độc đoán khiến nhiều người "dứt áo ra đi"; Thêm nhiều sai phạm ở trường ĐH Kinh tế Quốc dân; Báo Petro Times: ĐH Kinh tế quốc dân: Bất ổn lắm, sai phạm nhiều...

Các ví dụ này cho thấy TTHC trong công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức chưa được tuân thủ nghiêm túc.

Tóm lại, việc nghiên cứu TTHC một số lĩnh vực (chủ yếu liên quan đến sinh viên) trong hoạt động các trường đại học cho thấy trong thực tế cách triển khai TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL thường rất khác nhau. Nguyên nhân là do tình trạng nhiều văn bản quy phạm pháp luật không đề cập đến TTHC hoặc thiếu hướng dẫn thực hiện TTHC hoặc có nhưng chưa đầy đủ, chưa cụ thể, rõ ràng. Thực tế đó đòi hỏi phải có các giải pháp cải cách TTHC để đổi mới. Đặc biệt, qua khảo sát thực chúng tôi nhận thấy có nhiều vấn đề mang tính hệ thống từ bộ máy quản lý nhà nước, bộ máy quản lý của các trường, sự phân công, phân quyền, liên quan đến trách nhiệm và địa chỉ chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mỗi công việc, mỗi loại TTHC. Vấn đề cấp thiết đặt ra là cần xây dựng một bộ TTHC khoa học, cụ thể, rõ ràng trong

các trường đại học và các chế tài liên quan để chấm dứt tình trạng tự đề ra và giải quyết không đúng quy trình TTHC theo yêu cầu chung.

2.2. Đánh giá chung thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập - những vấn đề đặt ra cần đổi mới

Dưới đây là những đánh giá tổng quan mà chúng tôi rút ra được qua việc nghiên cứu TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở nước ta thời gian qua.

2.2.1. Ưu điểm

- Về thủ tục tuyển sinh

Trong 10 năm (2001 - 2010) TTHC trong khâu tuyển sinh ĐH hệ chính quy, nhiều văn bản đã được ban hành mới. Phương thức thi tuyển sinh "3 chung" (chung đợt, chung đề và chung kết quả thi) đã được áp dụng khá ổn định, góp phần tránh được tiêu cực, bất cập trong khâu tổ chức thi, ra đề thi, chấm thi và xét tuyển... Thí sinh thi một trường nhưng có thể dự xét tuyển được nhiều trường. Việc thực hiện thi theo vùng, cụm, miền đã hạn chế sự đi lại và tốn kém cho người thi. Số trường xét tuyển, không tổ chức thi ngày một tăng hơn "46 trường ĐH và 87 trường CĐ không tổ chức thi tuyển sinh năm 2010"[106].

Đó là những tiến bộ cần ghi nhận vì nó đỡ được rất nhiều thủ tục cho SV.

- *Các thủ tục liên quan đến quá trình đào tạo đại học hệ chính quy*

Trong 10 năm (2001-2004), TTHC trong đào tạo ĐH hệ chính quy đã có nhiều đổi mới. Các quy chế như Quy chế Đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (2007), Quy chế Đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy nhìn chung có tính ổn định, ít có sự thay đổi. Chương trình đào tạo, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo… bước đầu đã tiếp cận được với mô hình giáo dục đào tạo của các nước phát triển.

- *Các TTHC liên quan đến quyền lợi của HSSV như: TTHC về chế độ Ưu đãi trong giáo dục và đào tạo; TTHC về trợ cấp xã hội đối với sinh viên; TTHC về miễn, giảm học phí cho sinh viên; TTHC về xét cấp học bổng khuyến khích học tập; TTHC về sinh viên nội trú, TTHC về quản lý tình hình ngoại trú của sinh viên; TTHC về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; TTHC về khen thưởng, kỷ luật sinh viên; TTHC về Y tế học đường, BHYT, BHTT; TTHC về tín dụng trong Giáo dục và Đào*

tạo.v.v... đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Các chiều hướng tích cực có thể tổng kết lại như sau: 1) Đơn giản hơn. 2) Dễ áp dụng cho SV. 3) Đảm bảo công bằng cho SV. 4) Đỡ tốn kém cho các trường khi áp dụng. 5) Cho phép áp dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh việc theo dõi thực hiện TTHC.

Các TTHC về thi tuyển viên chức, công chức;đào tạo, sử dụng cán bộ viên chức, công chức có tính ổn định cao, ít thay đổi và tương đối chặt chẽ. Bước đầu cũng ghi nhận một số trường ĐH đã xây dựng được các bộ quy trình thủ tục công bố công khai trên website nội bộ và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2.2. Hạn chế

2.2.2.1. Thủ tục hành chính hay thay đổi, triển khai chậm, gây khó khăn cho hoạt động của các trường đại học

Như đã nói ở trên, thời gian qua nhiều lần Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành mới Quy chế tuyển sinh ĐH, cao đẳng. Tuy nhiên những thay đổi mới chưa nhiều, tính ổn định của các văn bản do Bộ GD&ĐT ban hành về lĩnh vực này chưa cao. Nó cho thấy vẫn tồn tại kiểu tư duy theo nhiệm kỳ, trong quản lý mỗi nhiệm kỳ lại đưa ra những thay đổi, sửa đổi, bổ sung. Điều đó đã gây ra những hệ quả không tốt trong đào tạo. Việc triển khai thực hiện TTHC trong Đào tạo đại học hệ chính quy còn gặp không ít trở ngại và nhiều trường hợp rất chậm, không kịp thời. Ví dụ: Điểm thi công bố chậm. Ít trường tạo điều kiện cho SV thực hiện việc đăng ký học vượt (học theo tiến độ nhanh). Vấn đề chuyển trường, học bằng hai còn những bất cập, chưa thống nhất. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ gần như đang trong giai đoạn "thử nghiệm" còn nhiều bỡ ngỡ. Thủ tục hành chính trong thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi cho SV tuy giảm khi giải quyết ở cấp trường, nhưng SV nhận tiền hỗ trợ từ phía địa phương giải quyết chậm hơn, gây những khó khăn nhất định cho SV.

2.2.2.2. Quy định còn chồng chéo

Về văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo chúng tôi cho rằng có sự chồng chéo ở "cách tính điểm rèn luyện". Cụ thể, tại Điểm 1, Điều 19, Quy chế Đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007) có quy định "đánh giá điểm

chuyên cần". Trong Quy chế HSSV các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007) có nhiều điểm quy định rèn luyện của SV. Trong khi Bộ GD& ĐT lại ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV các cơ sở GDĐH và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (ban hành kèm theo Quyết định 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007). Điểm này chúng tôi cho rằng có sự chồng chéo. Vì thế, khi triển khai thực hiện TTHC về đánh giá kết quả rèn luyện của SV, các trường ĐH đã có nhiều cách làm khác nhau, không thống nhất. Có trường chỉ là làm cho có thủ tục theo quy định. Thủ tục quy định miễn, giảm học phí cho SV thì có quá nhiều văn bản, chồng chéo đan xen trong một hệ thống nhiều ngành, nhiều cấp ban hành. Chúng làm cho việc hiểu, thực hiện các chính sách nhà nước ở các trường trên cả nước có sự khác nhau gây ra thắc mắc từ phía SV.

Tại các trường ĐH, sự chồng chéo thường bắt đầu từ việc phân quyền "chức năng, nhiệm vụ". Ví dụ, năm 2011, Trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh, chức năng Thanh tra giáo dục giao cho Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Thanh tra giảng đường giao cho Phòng Công tác HSSV.

2.2.2.3. Hướng dẫn thực hiện chưa rõ ràng, thiếu thống nhất

Chưa rõ ràng, thiếu thống nhất ngay từ văn bản của Bộ GD&ĐT (văn bản gốc), dẫn đến văn bản hướng dẫn của các trường cũng theo chiều hướng như trên. Ví dụ: (1) Về xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV có trường xét ngay từ đầu năm học thứ nhất, có trường sau một thời gian mới xét; (2) Về trợ cấp xã hội đối với SV có trường thực hiện chưa tốt, có trường chưa thực hiện, khi thực hiện lại có sự khác nhau về quan niệm "SV nghèo vượt khó"; (3) Tại Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện, Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV các cơ sở GDĐH và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy *(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), ghi:* "Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học của từng HSSV được …ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng HSSV khi ra trường". Nhưng tại Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương

trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo, Quy chế Đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ *(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* không nói gì tới điểm rèn luyện nên các trường lúng túng trong việc thực hiện (Phải theo văn bản nào).

2.2.2.4. Chưa nghiên cứu để thay đổi những thủ tục mà thực tế cho thấy đã lạc hậu

Chúng ta biết rằng, những TTHC tốt, khoa học sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc CCHC nước nhà; cải cách nền giáo dục và đào tạo. Những TTHC lỗi thời, lạc hậu sẽ kìm hãm sự phát triển. Trong hoạt động của các trường đại học hiện nay chúng ta thấy tồn tại khá nhiều TTHC lạc hậu, lỗi thời, như: xin đất mở trường, mở ngành, quyết định chỉ tiêu tuyển sinh... và cách thức thực hiện các TTHC này. Giáo sư Trần Phương, có lần phải thốt lên rằng: "Khi trường tôi (ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội) "xin" một héc-ta đất để xây trường (đây là một khoảnh đất trồng rau muống, những người trồng rau sẵn sàng nhường lại cho trường, tiền đền bù giải phóng mặt bằng thì do trường bỏ ra) vậy mà phải mất 7 năm, qua hơn 100 con dấu và chữ ký mới nhận được cái giấy phép"[132].

Còn nhà báo Kim Dung, trong bài *Đừng điều hành giáo dục hiện tại bằng tư duy quá khứ, đã viết:* "Tư duy quản lý GD rất cứng nhắc, kiểu "giáo viên chỉ được đào tạo ở các trường sư phạm, và trường sư phạm chỉ đào tạo giáo viên"...Thực chất, những quy định đó còn thể hiện tư duy muốn "độc quyền đào tạo", vẫn mang tính cửa quyền, ban phát kiểu xin- cho"[132].

2.2.2.5. Một số trường ban hành thủ tục trái thẩm quyền cho phép

Điều tệ hại nhưng không ít trường vấp phải là ban hành thủ tục trái thẩm quyền. Từ tuyển sinh, đào tạo, mức thu học phí, lệ phí, tuyển dụng cán bộ, viên chức... , mảng nào cũng có những sai sót nhất định.

Ví dụ (1): Năm 2006, Trường Cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh (nay là Trường ĐH Tài chính Quản trị kinh doanh) ban hành Quy định "*Về đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng*" (theo Quyết định số 724 QĐ/TC-QTKD/QLĐT ngày 02/11/2006), trong đó ghi: "*Sinh viên nghỉ học quá 20% thời*

gian quy định cho mỗi học phần mà không có lý do chính đáng thì không được dự thi kết thúc học phần...". Tại thời điểm đó, Quy chế "*Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy*", ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, không có quy định nào quy định về việc nghỉ học mà không được dự thi.

Ví dụ (2): Theo Điều 13, điểm 2 a và b, Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ thì "*Công chức, viên chức đang trong thời gian cử đi đào tạo mà tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc trở về cơ quan, đơn vị mà tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc ngay thì phải bồi thường kinh phí đào tạo của khoá học đó*".

Đối với các trường hợp khác thì chi phí bồi thường được tính như sau: "*Căn cứ vào thời gian yêu cầu phục vụ và thời gian công chức, viên chức làm việc liên tục tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành khoá đào tạo và tổng chi phí của khoá đào tạo để tính mức bồi thường như sau:*

$$\textit{Chi phí đào tạo phải bồi thường} = \frac{\textit{Thời gian yêu cầu phục vụ - Thời gian làm việc sau khi đào tạo}}{\textit{Thời gian yêu cầu phục vụ}} \times \textit{Tổng chi phí của khoá đào tạo}$$

Văn bản cấp trên đã quy định rõ nhưng tại Quyết định số 339/QĐ-TCQTKD, ngày 08 tháng 5 năm 2008 của Trường Cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh lại đưa ra bồi thường chi phí chung lớn gấp nhiều lần học phí mà không có sự giải thích rõ "Chi phí chung là cái gì". Văn bản cấp trên không quy định loại chi phí chung. Mức học phí văn bản nêu trên cũng tự trường quy định mức chung là sai, vì mỗi trường có mức học phí khác nhau. Trong khi đó, tại Điều 17 Nghị định nêu trên quy định "*Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này*". Và sau đó Bộ Nội vụ đã có Thông tư số 130/2005/TT-BNV, ngày 07 tháng 12 năm 2005 "Hướng dẫn việc thi hành một số điều của Nghị định số 54/2005/NĐ-CP "Về việc chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức. Khi soạn thảo văn bản hướng dẫn thực hiện nhà trường chưa bám sát hai văn bản này,

nên 1 là bỏ sót chế tài, hai là đưa ra các chế tài trái với văn bản cấp trên dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện và gây mất đoàn kết nội bộ.

Trong việc ban hành thủ tục trái thẩm quyền thường các trường có những sai phạm khi thủ tục đó liên quan đến tài chính. Ví dụ: "Trường ĐH Kinh tế Quốc dân đã thực hiện thu vượt, thu sai quy định hơn 51 tỷ đồng. Trong đó thu kinh phí đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ không có trong quy định hơn 22,1 tỷ đồng, thu vượt quy định về học phí nâng điểm hệ chính quy hơn 3 tỷ đồng (vượt từ 30 đến 33.000 đồng/sinh viên/môn), thu vượt quy định lệ phí tuyển sinh các hệ hơn 7,9 tỷ đồng, thu ngoài quy định (11 khoản khác nhau) số tiền hơn 18,4 tỷ đồng và thu phí trông xe vượt quy định hơn 229,5 triệu đồng"[78].

Một số TTHC khác cũng còn nhiều tồn tại do thiếu quy định về cách thức triển khai cụ thể hoặc có quy định nhưng không chặt chẽ.

Một số không ít cán bộ giải quyết TTHC lại tự quy định thêm những thủ tục khác với quy định chung. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy có gần một nữa số trường (45,28%) có hiện tượng này. Tình hình đó trên thực tế đã gây khó khăn cho cho việc chấp hành pháp luật, gây những nhiễu đối với sinh viên.

Tất cả những hạn chế TTHC nói trên đều có những tác động nhất định đến quá trình cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ, phục vụ trong nhà trường. Do vậy nó đòi hỏi phải có sự đổi mới và đó chính là yêu cầu có tính cấp bách đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay để các trường đại học công lập nước ta hoạt động tốt hơn.

2.2.3. Nguyên nhân của tình trạng trên

- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Một trong những nguyên nhân chủ yếu đó là do nhận thức chưa đúng về mặt lý luận về TTHC nói chung và TTHC trong hoạt động của các trường đại học nói riêng, chưa coi trọng cải cách TTHC như là một trong những mắt xích quan trọng của quá trình CCHC như Chính phủ đã chỉ ra trong nhiều văn bản.

- Trong thời kỳ đổi mới, tư duy, cách làm cách nghĩ của một số cán bộ vẫn tồn tại tư duy kiểu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, chậm khắc phục cơ chế (xin, cho, chờ chỉ thị, nắm tay, chỉ việc). Một cơ chế có thể tốt cho việc tiến hành

chiến tranh, nhưng lạc hậu, tạo lực cản lớn đối với công cuộc xây dựng đất nước trong thời bình.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chỉ đạo cao nhất về lĩnh vực GD&ĐT, chưa tham mưu cho Chính phủ một cách đầy đủ về TTHC, quy trình giải quyết các công việc liên quan đến ngành quản lý về GDĐH, dẫn đến nhiều thông tư ban hành không có quy trình giải quyết công việc, những thông tư đã có quy trình giải quyết công việc thì phần nhiều trong số đó không rõ địa chỉ, thời gian, không gian, đối tượng giải quyết, gây khó khăn cho các trường khi triển khai thực hiện.

- Trong một số trường ĐH vẫn tồn tại những văn bản hướng dẫn quy trình thủ tục hành chính thực hiện các văn bản đã được bãi bỏ, thay thế, lỗi thời; thậm chí có tình trạng cố tình kéo dài thời gian thực hiện của các văn bản này.

- Cho tới nay, Bộ GD&ĐT cũng như các trường ĐH chưa có tổ chức chuyến đi khảo sát, có tổng kết báo cáo mô hình giải quyết và phối hợp giải quyết TTHC ở một trường ĐH nào ở nước ngoài hay trong nước thực hiện tốt vấn đề này.

- Còn nhiều trường ĐH chưa đầu tư, chưa sử dụng mạng nội bộ và các phần mềm quản lý trường học hiệu quả, chưa sử dụng mạng tham gia vào quá trình giải quyết TTHC.

- Nhiều trường ĐH chưa xây dựng bộ quy định quản lý trường ĐH, trong đó quy định tổ chức, hoạt động của đầy đủ các mảng công việc của một trường ĐH, dẫn đến có hiện tượng có việc bị chồng chéo, trùng lắp, có việc lại bỏ trống.

- Phần lớn các trường ĐH chưa xây dựng Bộ quy trình, thủ tục giải quyết các công việc trong hoạt động nhà trường, đây là điều khó cho công tác tổ chức thực hiện TTHC có địa chỉ, đúng đối tượng, đúng thời gian, không gian giải quyết mỗi công việc.

- Việc tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công chức, viên chức GD&ĐT có những khó khăn nhất định do tính đặc thù ngành, trong thời gian dài chưa có đào tạo chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học riêng, cán bộ quản lý GD&ĐT phần lớn chưa được đào tạo về nghiệp vụ quản lý trường ĐH, giải quyết và phối hợp giải quyết các TTHC liên quan đến nhà trường.

- Thực tế, trong giai đoạn (2001-2010) Bộ GD&ĐT chưa có chỉ đạo, kiểm tra, chưa đưa ra các chế tài nào cụ thể xử lý các vụ việc liên quan đến vi phạm TTHC đối với các cơ sở đào tạo.

- Một vấn đề không thể không nói đến là trong cải cách TTHC, không phải lúc nào và ở đâu mọi cá nhân, tổ chức liên quan đều có thể được hưởng lợi. Trên bình diện chung, khi cải cách TTHC thì phần lớn SV sẽ có lợi, song chính việc cải cách này có thể ảnh hưởng đến lợi ích của một số không ít người đang thực thi công vụ, thực thi các TTHC. Do đó, có thể xuất hiện những sự chống đối, cản trở quá trình cải cách này.

2.2.4. Những vấn đề đặt ra cần đổi mới

Từ những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân nêu trên đã đặt ra một số vấn cần đổi mới sau đây:

- Trước hết phải đổi mới nhận thức về vai trò của TTHC, về tầm quan trọng của cải cách TTHC trong hoạt động của các trường đại học hiện nay.

- Cần khảo sát, đánh giá lại các TTHC hiện hành trong hoạt động các trường ĐHCL hiện nay một cách toàn diện để tìm ra mặt yếu.

- Thực hiện hướng dẫn TTHC thật chi tiết và thống nhất.

- Cần thiết điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thực hiện nội bộ cho thống nhất, rõ hơn về địa chỉ, áp dụng TTHC như thế nào?

- Các trường ĐH cần đề xuất xây dựng lại các TTHC mới cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay như thế nào?

Những vấn đề trên liên quan đến:

1) Bộ GD&ĐT cùng với các trường ĐH cần làm rõ: khi thực hiện TTHC Bộ chịu trách nhiệm về vấn đề gì, Trường phải làm gì, làm như thế nào để thực hiện đúng quy định về TTHC.

2) Về tổ chức thực hiện cần phân định rõ cấp (cơ quan, đơn vị) thực hiện TTHC, cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời gian thực hiện, địa chỉ thực hiện TTHC...

3) Về trách nhiệm cần làm rõ trách nhiệm của Bộ GD&ĐT trong việc ban hành các văn bản quy định về TTHC, hướng dẫn thực hiện TTHC, trao đổi kinh nghiệm, tổng kết đánh giá và kiểm tra TTHC, xử lý sai phạm về TTHC ở cấp Bộ.

Trách nhiệm của cấp chủ quản các trường ĐH trong việc thực hiện và phối hợp thực hiện TTHC; đầu tư máy móc, trang thiết bị liên quan đến việc thực hiện TTHC; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan đến việc giải quyết TTHC; xử lý sai phạm TTHC ở cấp chủ quản.

Trách nhiệm của các trường ĐH trong việc thực hiện và phối hợp thực hiện TTHC, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan đến việc giải quyết TTHC, xử lý sai phạm TTHC ở cấp trường.

4) Cần nêu lên cơ chế phối hợp với các cơ quan, tổ chức ngoài ngành giáo dục và đào tạo trong việc ban hành các văn bản liên quan và tổ chức thực hiện TTHC.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Khảo sát, đánh giá thực trạng TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam đang đứng trước yêu cầu phải cải cách, mở cửa, đổi mới và hội nhập để làm cho các TTHC lỗi thời cần loại bỏ. Để thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC chúng tôi cũng đề nghị cần học tập những kinh nghiệm tốt của các nước phát triển, của các trường ĐH quốc tế. Trong quá trình thực hiện chúng ta cũng cần nắm vững chương trình CCHC Nhà nước trong giai đoạn (2011-2020), trong đó cải cách thể chế, cải cách TTHC vẫn tiếp tục được coi là khâu quan trọng. Đây là cơ sở để các trường ĐHCL ở Việt Nam tiến hành cải cách TTHC trong hoạt động GD&ĐT.

Từ nghiên cứu tài liệu, văn bản và khảo sát thực tế trong nước và quốc tế, Luận án cũng đã làm rõ thực trạng các TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL hiện nay đang có nhiều vấn đề đặt ra cần nghiên cứu giải quyết. Bên cạnh các ưu điểm như một số trường đã ban hành được Bộ Quy định TTHC trong hoạt động của nhà trường, sử dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện TTHC, giảm bớt các thủ tục, giảm phiền hà cho SV, đơn giản hóa TTHC, giải quyết TTHC nhanh hơn... thì TTHC trong thực tế vẫn còn những hạn chế nhất định như: vẫn còn nhiều trường thiếu những hướng dẫn thực hiện TTHC cụ thể; khi thực hiện TTHC, cán bộ nhà trường tự quy định thêm những yêu cầu khác với quy định chung; cùng một thủ tục nhưng cách thức thực hiện ở nhiều trường lại khác nhau...

Chúng tôi quan niệm rằng yêu cầu và giải quyết vấn đề trên là thách thức lớn, bởi lẽ các TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở nước ta rất nhiều và khá phức tạp. Hơn nữa, hiện nay tình hình các trường đang có nhiều biến động, nhận thức xã hội còn nhiều hạn chế, đòi hỏi phải có thời gian để thay đổi. Một vướng mắc nữa là quy chế quản lý các trường ĐH cũng đang trong quá trình hoàn thiện nên TTHC theo đó cũng có sự thay đổi.

Chương 3:
GIẢI PHÁP CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP HIỆN NAY

Trên cơ sở lý luận (trình bày tại Chương I) và thực trạng (trình bày tại chương II), chương này luận án sẽ trình bày các giải pháp cần thiết để cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL hiện nay theo hướng nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động quản lý của nhà trường trên các mặt: xây dựng các quy định thủ tục, quy trình, quy chế thực hiện TTHC; tổ chức bộ máy và giải quyết các công việc cụ thể, vấn đề tuyển chọn, bồi dưỡng cán bộ, ứng dụng ISO trong việc xây dựng ban hành, thực hiện TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL; kiến nghị với nhà nước, các bộ ngành những nội dung cần nhằm làm để các trường ĐH ở nước ta hoạt động tốt hơn góp phần thúc đẩy cải cách nền giáo dục nước nhà.

3.1. Yêu cầu chung đối với việc cải cách thủ tục hành chính và yêu cầu vận dụng vào hoạt động của các trường đại học

Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, cải cách TTHC cần được đẩy mạnh, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, các ngành với các yêu cầu sau đây:

- Đổi mới nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, điều chỉnh tổ chức và hoạt động của các trường ĐHCL;

- Đảm bảo tính thống nhất của TTHC (thống nhất trong một TTHC, thống nhất trong cả hệ thống TTHC);

- Đảm bảo tính chặt chẽ của TTHC (để TTHC được tuân thủ, được thực thi đúng pháp luật);

- Đảm bảo tính hợp lý của TTHC (ngoài thực thi đúng pháp luật TTHC phải được xây dựng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, môi trường, điều kiện cụ thể);

- Bảo đảm tính khoa học của TTHC (khoa học trong quy trình cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ TTHC thấp nhất);

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, rõ ràng của TTHC (công khai minh bạch để dân biết, rõ ràng để dân thực hiện);

- Bảo đảm tính đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp cận của TTHC (tức tránh việc phức tạp hóa, quan trọng hóa, gây khó khăn cho việc tiếp cận TTHC);

- Bảo đảm tính khả thi của TTHC (tức đảm bảo các các điều kiện để TTHC được thực thi);

- Bảo đảm tính ổn định của TTHC (nên có sự ổn định lâu dài, tránh việc thay đổi nhiều, gây sự bất ổn nhất định trong đời sống xã hội).

Đối với hoạt động của các trường ĐH, các yêu cầu trên cũng phải được quan tâm. Thực tế cho thấy TTHC trong hoạt động các trường ĐH đã được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chủ yếu do Bộ GD&ĐTvà liên bộ (Bộ tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Giáo dục và đào tạo) ban hành. Trong Điều lệ của các trường ĐH và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản luật (Luật Giáo dục; Luật Ngân sách; Luật Lao động; Pháp lệnh cán bộ, công chức...), nhiều quy định mang tính thủ tục cho các trường ĐH dựa theo đó để hoạt động cũng đã được nêu rõ.

Thủ tục hành chính và thực hiện TTHC liên quan đến hàng triệu SV và hàng vạn cán bộ, giảng viên đang học tập, giảng dạy, quản lý trong các trường ĐH hiện nay. Điều này cũng liên quan đến chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn (2001-2010) và giai đoạn (2011-2020) của Chính phủ, liên quan đến cải cách, hiện đại hoá chương trình đào tạo, đến mở cửa hội nhập và giao lưu quốc tế...

Vì những lý do trên, cải cách TTHC đối với hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam cần được xem là vấn đề hệ trọng.

Các yêu cầu cải cách TTHC trong các trường ĐH có thể nêu lên như sau:

- Phải bảo đảm tính rõ ràng, công khai, minh bạch. Rõ ràng ở tất cả các bước thực hiện, rõ ràng về địa chỉ, thời gian, không gian, đối tượng, lệ phí. Công khai để sinh viên biết phải làm cái gì, làm như thế nào, thời gian bao lâu, bắt đầu từ đâu. Nếu các TTHC không được công khai, minh bạch, sinh viên, cán bộ không biết,

không biết thì coi như không hiểu các TTHC, không hiểu thì ngay cán bộ thực thi mỗi người hướng dẫn một kiểu, không nhất quán, người thực hiện TTHC sẽ rất vất vả.

- Phải thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn về TTHC mà các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, còn hiệu lực. Tăng cường tính kỷ cương phép nước, tôn trọng pháp luật. Chú trọng và thực hiện đúng TTHC trong các khâu: tuyển sinh, đào tạo, thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, SV, quản lý nguồn ngân sách Nhà nước cấp, sử dụng các nguồn thu từ học phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. Các trường không tự ý đặt ra, các khoản phí, lệ phí mà pháp luật không cho phép. Cán bộ quản lý giáo dục phải thay đổi nhận thức "mình có quyền, ban cho SV cái gì thì họ được cái ấy" sang quan niệm đúng là "phục vụ tốt, hỗ trợ tốt" công tác giáo dục và đào tạo và SV của mình.

- Căn cứ vào đặc điểm, tình hình, điều kiện cụ thể, các trường có thể triển khai thực hiện TTHC theo nhiều hình thức khác nhau. Nhưng yêu cầu triển khai thực hiện không chỉ phải đúng với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, mà còn phải phù hợp với đặc điểm, tình hình, điều kiện cụ thể của từng trường như: (quy mô, phương tiện, trang thiết bị hiện có...), và yêu cầu khách quan hiện nay. Ngày nay Việt Nam đã chủ động và tích cực hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế, thị trường đào tạo không còn chỉ là địa hạt của các trường công lập, các trường trong nước mà đã có các yếu tố nước ngoài hoặc hướng tới sự tham gia liên kết, hợp tác đào tạo với các trường ĐH nước ngoài tại Việt Nam thì việc quản lý hoạt động của các trường phải có sự thay đổi cho phù hợp.

- Rà soát và yêu cầu loại bỏ các văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC lỗi thời, lạc hậu hoặc gây cản trở cho sinh viên. Những văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC nội bộ các trường nếu phù hợp với điều kiện thực tế khách quan làm cho TTHC được thực hiện tốt hơn, hướng tới nền hành chính phục vụ hơn là cần thiết nhưng phải đúng pháp luật. Tuy nhiên có một số văn bản hướng dẫn thực hiện loại này không đúng, gây hậu quả kinh tế, xã hội và cản trở cho sinh viên vẫn tồn tại nhiều năm qua cần thiết phải được rà soát và loại bỏ.

- Việc xây dựng hướng dẫn các bước thực hiện TTHC phải theo hướng khoa học, đơn giản, dễ hiểu, thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, SV thực hiện. Tránh xây dựng các bước và trình tự thực hiện TTHC vòng vèo, gây khó khăn, không hạn định thời gian, địa điểm, "phức tạp hoá" trong quá trình thực hiện. Một ví dụ điển hình về "phức tạp hóa" TTHC nêu sau đây không ít trường đã làm: "Sinh viên trước khi tốt nghiệp của trường KTQD phải qua một loạt công đoạn thủ tục rườm rà chưa từng có. Khoảng 4.000 sinh viên cùng một lúc phải chạy khắp nơi: từ thư viện, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, tài vụ, văn phòng Đoàn, văn phòng Hội... để xin xác nhận "tôi không nợ gì" trước khi ra trường"[138].

Việc nợ nần này chỉ số ít sinh viên, tại sao quy trình TTHC không hướng dẫn các đơn vị, bộ phận nêu trên chuyển dữ liệu về cho Phòng quản lý Đào tạo để tổng hợp và hướng dẫn chỉ cho riêng số SV chưa hoàn thành nghĩa vụ này, thực hiện nghĩa vụ của mình trước khi cấp bằng tốt nghiệp thay cho việc "hành" hàng ngàn SV "vô tội" khác phải thực hiện vòng vèo?

- Triển khai, thực hiện TTHC phải thực hiện theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Tiết kiệm, bao gồm tiết kiệm cả thời gian, công sức, tiền của, vật chất của nhân dân. Muốn vậy, các nhà trường nên theo hướng một nền hành chính hiện đại, nền hành chính phục nhân dân, phục vụ SV. Lấy kết quả và hiệu quả là trên hết. Tuy nhiên, tiết kiệm và hiệu quả không có nghĩa là bỏ qua các bước TTHC cơ bản mà văn bản quy phạm pháp luật đã quy định mà phải thực hiện đúng, thực hiện đầy đủ và thực hiện không trái với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3.1.1. Nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường Đại học công lập Việt Nam

Trên cơ sở nhận thức như vừa trình bày ở mục trên, cải cách TTHC trong các trường ĐHCL được hướng tới các nhiệm vụ cụ thể như sau.

1) Nghiên cứu và triển khai đầy đủ các TTHC liên quan đến hoạt động của nhà trường do Bộ GD&ĐT và các cơ quan liên quan quy định. Tìm các giải pháp trong khuôn khổ quyền hạn của nhà trường để thực hiện có hiệu quả các TTHC đã

được Nhà nước ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của trường. Công khai hóa để cán bộ SV được biết.

2) Trong quá trình triển khai các TTHC do cấp trên quy định, các trường ĐH có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những TTHC không phù hợp và đề nghị sửa đổi hay bãi bỏ việc không áp dụng các thủ tục đó phải có sự thỏa thuận của cấp trên. Không tự hướng dẫn sai các TTHC đã có.

3) Một số hoạt động mà nhà trường được phép thực hiện theo quy định riêng phải có sự báo cáo với cơ quan quản lý cấp trên, luôn luôn chú ý đổi mới với mục tiêu nâng cao chất lượng của nhà trường, làm thuận lợi cho cán bộ và SV trong quá trình thực hiện các quy định đó.

4) Thường xuyên tổ chức tiếp nhận các đề nghị của cán bộ và SV về các vấn đề liên quan đến TTHC, đến các quy định nội bộ được phép của nhà trường, tổng hợp và báo cáo các cấp có thẩm quyền những đề nghị hợp lý để bổ sung, sữa chữa hoặc thay thế theo quy định.

3.1.2. Những thách thức đặt ra đối với việc cải cách thủ tục hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động các trường đại học công lập hiện nay

1) Chúng ta hiện chưa ban hành được Luật thủ tục hành chính. Dự thảo Luật thủ tục hành chính, cơ sở pháp lý cao nhất cho việc xây dựng, ban hành, thực hiện các TTHC đã đăng trên website của Chính phủ - http://www.chinhphu.vn từ ngày 10/10/2007 xin ý kiến góp ý nhưng tới nay vẫn chưa ban hành thành Luật được, điều đó chứng tỏ việc để ban hành luật TTHC cũng là một thách thức. Mặc dù gần đây Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 *Về kiểm soát thủ tục hành chính* nhưng rõ ràng chúng ta vẫn cần Luật TTHC hơn là Nghị định về vấn đề này. Thiếu luật là một thách thức rất cơ bản mà các văn bản dưới luật không thay thế được. Vì vậy, phải hết sức thận trọng khi đề ra TTHC cho các ngành.

2) Vấn đề kiểm soát thực hiện TTHC. Cơ quan cao nhất tham mưu, chỉ đạo kiểm soát TTHC là Cục Kiểm soát thủ tục hành chính trước đây được thành lập

theo Quyết định số 74/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc Văn phòng Chính phủ, nay theo Quyết định số 1668/QĐ-TTg, chuyển nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính từ Văn phòng Chính phủ sang Bộ Tư pháp. Dù đặt ở đâu thì chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tham mưu vẫn cần được thực hiên tốt. Đây là vấn đề không đơn giản vì có nhiều khi giữa đề xuất và thực hiện là rất khác nhau. Kiểm soát việc thực hiện TTHC rất cần có hỗ trợ của nhiều cơ quan, trong khi đó cơ quan chỉ đạo chung của chúng ta lại hay thay đổi làm cho việc theo dõi khó khăn. Đó là một thách thức lớn cho các ngành nói chung và cho ngành GDĐT nói riêng.

3) Phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung thì cải cách TTHC mới thuận lợi. Một trong những đánh giá từ cơ quan pháp luật của chúng ta cho rằng: "Hệ thống pháp luật nước ta còn phức tạp, cồng kềnh, nhiều tầng nấc. Nhiều VBQPPL mâu thuẫn, chồng chéo, thậm chí trái với văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên, những quy phạm lỗi thời chưa được kịp thời phát hiện, loại bỏ hoặc có những lĩnh vực cần điều chỉnh thì lại chưa có quy định[169].

Đó là một trong những lý do làm chúng ta khó có thể yên tâm. Một khi các văn bản gốc "có vấn đề" thì văn bản phát sinh từ văn bản gốc là các TTHC sẽ trở thành thách thức lớn trước yêu cầu thực hiện đúng TTHC, để không gây cản trở cho sinh viên, người dân và doanh nghiệp thực sự là một khó khăn.

4) Kết quả thực tế của cải cách TTHC chưa mấy khả quan, nhiều yêu cầu vẫn chưa thực hiện được. "Kết thúc đề án 30, Chính phủ ban hành 25 Nghị quyết, đơn giản hóa được 88% các quy định về TTHC". Báo cáo là vậy nhưng trên thực tế: "Xếp hạng về môi trường kinh doanh, về năng lực cạnh tranh của Việt Nam liên tục giảm trong 02 năm qua, trong đó có nội dung liên quan đến thể chế, TTHC (Báo cáo Môi trường Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (WB): giảm 21 bậc từ vị trí 78 năm 2010 xuống vị trí 99 năm 2012. Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF): giảm 16 bậc từ vị trí 59 năm 2010 xuống vị trí 75 năm 2012)"[130]. Muốn thực hiện tốt các yêu cầu về cải cách TTHC thì các ngành, các cấp cần phải có một sự nổ lực lớn. Ngành Giáo dục và Đào tạo không phải là ngoại lệ.

5) Mở cửa, hội nhập tuy có nhiều thuận lợi cũng là một thách thức đối với chúng ta. Một số quan niệm ví von rằng: "Không mở cửa thì thiếu không khí, sẽ chết; mở cửa thì ruồi, muỗi cũng bay vào". "Chống" cũng có nghĩa là để "xây". "Nước lũ có thể mang lại nhiều phù sa và nguồn lợi nhưng cũng có thể phá hoại nhiều nhà cửa, mùa màng".

Tại Hội thảo quốc tế "Giáo dục trong toàn cầu hóa: Cơ hội, thách thức và ý nghĩa đối với Việt Nam và khu vực", diễn ra ngày 14 tháng 8 năm 2007, GS. TS Nguyễn Thiện Nhân cho rằng: "Toàn cầu hóa nền giáo dục Việt Nam đứng trước một số thách thức lớn: Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung còn thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, mới chỉ đạt 30%. Thách thức lớn nhất hiện nay là việc vừa phải nâng cao chất lượng GD&ĐT hướng tới các chuẩn mực quốc tế, vừa phải tăng nhanh quy mô đào tạo nghề nghiệp cho toàn xã hội (đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo từ dưới 30% lên 50% trong vòng 3 đến 5 năm tới), trong điều kiện kinh phí dành cho giáo dục bình quân mỗi người chỉ khoảng 3 USD/tháng. Việc đào tạo ra đội ngũ nhân lực có đủ phẩm chất và năng lực cạnh tranh trong môi trường toàn cầu là điều kiện mang tính tiên quyết giúp Việt Nam hội nhập nhanh chóng với thế giới"[88]. Tình hình này vừa được nhắc lại tại Hội thảo về "Cải cách giáo dục đại học" tổ chức ở TP Hồ Chí Minh từ ngày 31/7 đến 1/8/2014.

Vấn đề cải cách TTHC như thế nào để thu hút đầu tư nước ngoài về giáo dục, để các trường ĐHCL cạnh tranh được ngay với các trường ĐH quốc tế ngay tại Việt Nam là điều không đơn giản.

6) Sự sẵn sàng phục vụ, thực hiện cải cách TTHC trong các nhà trường cần phải rất cao. Bởi phần lớn cán bộ, giảng viên sống trong thời bao cấp hoặc trong thời kỳ đầu của đổi mới nên vẫn quen với nếp nghĩ, cách làm "cấp dưới phải phục tùng cấp trên, cấp dưới phải đề nghị, trình bẩm, xin xỏ cấp trên còn có được hay không thì tùy cấp trên ban phát" quen rồi, khó có chuyện "thầy phải chạy theo trò", "kế hoạch nhà trường lại chạy theo kế hoạch của từng SV". Với cách nghĩ đơn giản: không làm thì cũng chẳng "chết ai", chẳng ảnh hưởng tới ai nên càng tạo thêm sức ỳ, chậm đổi

mới về tư duy, cách nghĩ, cách làm. Đây là thách thức không nhỏ và luôn luôn tiềm ẩn, có cơ hội là ngăn cản cái mới.

*7) C*ơ sở vật chất của các trường nói chung và phục vụ cho cải cách TTHC nói riêng nhìn chung còn yếu, chưa đạt điều kiện theo quy chuẩn một trường đại học; sự đầu tư chậm chạp, không đồng bộ, chất lượng kém làm hạn chế nhiều đến chất lượng giáo dục và đào tạo, làm tăng thêm chi phí sau đầu tư. Ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết TTHC khi đào tạo chuyển sang mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện còn nhiều bất cập.

8) Vì lợi ích cục bộ các ngành, các cấp, các đơn vị nhiều trường hợp không muốn công khai thông tin. Có thể nói đây là một cản trở và là cản trở lớn nhất hiện nay. Lợi ích cục bộ khiến cho các cấp, từ cấp chỉ đạo đến cấp thực thi đều muốn "khoanh vùng", nắm lấy thông tin, hạn chế chia sẻ thông tin, hạn chế công khai thông tin. Mà bản thân một trong những nội dung cải cách TTHC là phải công khai hóa thông tin, tạo điều kiện cho người dân, sinh viên tiếp cận thông tin, nắm biết thông tin một cách nhanh chóng.

9) Cải cách giáo dục đang đang có những vấn đề nổi cộm mà Nghị quyết Trung ương 8 đã chỉ rõ. Ví dụ, Đội ngũ giảng viên cơ hữu phần lớn đã đạt chuẩn nhưng đang đứng trước nguy cơ, giảng viên có trình độ cao (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ) xin chuyển công tác, vì: đối diện với mức lương thấp là sự mời chào của các trường đại học dân lập, các tập đoàn, công ty hứa trả với mức lương và cơ hội thăng tiến cao hơn.

Đất đai để xây dựng trường do điều kiện lịch sử để lại, phần lớn đất đai các trường đại học công lập hiện nay không đạt chuẩn, việc xin đất mở rộng trường gặp nhiều khó khăn về thủ tục.

Chi phí đào tạo thấp, chất lượng đào tạo chưa như mong đợi.

Và một số mâu thuẫn như: Mối quan hệ giữa quy mô với chất lượng trong điều kiện giới hạn về nguồn lực; Yêu cầu đa dạng hóa các loại hình đào tạo đối đầu với những yêu cầu về chuẩn mực, liên thông, hội nhập và sự chấp nhận của xã hội; Yêu cầu phát huy tính tự chủ của các nhà trường giằng co với nề nếp quản lý tập

trung tồn tại nhiều năm nay; Vấn đề quản lý các trường đại học có chủ quản, một chủ hay nhiều chủ hay không có chủ quản. Đó là những vấn đề cấp bách đặt ra từ thực tiễn và chắc chắn sẽ gây khó khăn cho việc cải cách TTHC.

3.2. Một số giải pháp chung cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập

3.2.1. Nhận thức đúng về vai trò của thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học

Về nhận thức chúng ta biết rằng, TTHC là thể chế ấn định của mỗi một quốc gia, có thông thoáng thì mới thu hút nhà đầu tư, tạo mối quan hệ xã hội lành mạnh, nền hành chính mới có hiệu lực, hiệu quả. Trong nhà trường, TTHC là những quy tắc, quy định được luật hoá, có phù hợp, cụ thể, khoa học, thực hiện nghiêm thì mới tạo nên "Trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò". Thủ tục hành chính và thực hiện TTHC muốn đơn giản, gọn nhẹ, giảm phiền hà, đương nhiên cần những hướng dẫn cụ thể, chính xác, khoa học. Tuy nhiên, con người vẫn là vấn đề cốt lõi để giải quyết vấn đề trên. Nói một cách ngắn gọn, TTHC thường gắn liền với đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức giáo dục, với mỗi bộ phận, đơn vị trong nhà trường. Thủ tục có hợp lý đến mấy nhưng cán bộ, viên chức "đuối tầm" thì vẫn phát sinh những hiện tượng tiêu cực "bẻ cong" pháp luật. Do vậy, về nhận thức ở đây là nhận thức đúng về vai trò, chức năng, ý nghĩa, tầm quan trọng của TTHC, đặc biệt là tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện TTHC. Sự nhận thức này phải xuất phát từ cán bộ cao nhất của ngành giáo dục và đào tạo, cao nhất của trường đại học thì mới chuyển nhận thức đúng này xuống cán bộ cấp dưới, cấp thực thi nhiệm vụ (giải quyết TTHC). Nhận thức đúng thí mới quan tâm đến việc sử dụng cán bộ, đào tạo cán bộ, xây dựng văn bản hướng dẫn đúng và tuân thủ pháp luật. Nhận thức không đúng thì sẽ làm sai, sai từ khâu sử dụng cán bộ; sai từ việc không quan tâm đến việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC đến việc chỉ đạo thực thi nhiệm vụ: bỏ qua, nhảy cóc, thực hiện mỗi thời điểm, mỗi lúc, mỗi nơi một kiểu, làm trái pháp luật; mầm mống của tệ quan liêu, tham nhũng. Cho nên việc nhận thức đúng về vai trò của TTHC đối với hoạt động của các trường đại học công lập là một trong những

nhiệm vụ đầu tiên. Có nhận thức đúng mới có chỉ đạo đúng, tiến tới thực hiện đúng được.

Thực tế cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện đúng TTHC thời gian qua là do một số bộ phận lãnh đạo, công chức, viên chức chưa nhận thức đầy đủ, ý nghĩa và tầm quan trọng của TTHC, công tác cải cách TTHC. Có những thời điểm lãnh đạo bộ, lãnh đạo một số trường chưa dành sự quan tâm cần thiết để chỉ đạo triển khai thực hiện đúng TTHC, cải cách TTHC. Một số bộ phận cán bộ trực tiếp thực hiện TTHC lại không muốn cải tiến quy trình TTHC vì sợ mất quyền lợi, dẫn đến cách làm việc gây nhiều phiền nhiễu cho SV, cho cán bộ, giảng viên khi đến làm thủ tục. Do vậy, biện pháp quan trọng để đẩy mạnh cải cách TTHC là tiếp tục nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân; cùng với đó, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cũng như nâng cao trình độ cán bộ, công chức, viên chức cho bộ phận trực tiếp giải quyết TTHC.

Để nâng cao được nhận thức cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền làm cho cán bộ, giảng viên, sinh viên hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc cải cách và thực hiện thủ tục hành chính trong nhà trường.

Công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức, làm cho mọi cán bộ, viên chức, sinh viên hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc cải cách TTHC trong hoạt động nhà trường là vấn đề quan trọng. Mục đích của việc cải cách và thực hiện TTHC trong nhà trường không có gì khác là nhằm làm cho SV, cán bộ hiểu rõ hơn về TTHC, tham gia thực hiện tốt TTHC vì lợi ích của chính mình.

Cải cách TTHC cần gắn liền với các cuộc vận động của Bộ GD&ĐT như "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục"; “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”; “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao thương hiệu cho mỗi nhà trường và đội ngũ các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở mỗi trường.

Công tác tuyên truyền có thể thực hiện trên nhiều góc độ: ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC đối với mỗi công việc; tập huấn công tác triển khai thực hiện TTHC, vấn đề đạo đức công vụ; dùng hình thức sân khấu hoá để phê phán các biểu hiện tiêu cực, thiếu lành mạnh, vô cảm; ca ngợi các tấm gương đơn vị, cá

nhân thực hiện tốt TTHC; biểu dương, khen thưởng kịp thời cách thức, phương thức thực hiện TTHC hiệu quả, hợp lòng dân, giảm tối thiểu phiền hà đối với người dân và SV. Có thể qua các cuộc thi như: chung tay cải cách TTHC, thi tìm hiểu về Điều lệ nhà trường v.v...hoặc lập các hòm thư phản ánh tình hình thực hiện TTHC, phản ánh các biểu hiện tiêu cực liên quan đến TTHC trong nhà trường. Tóm lại là phải có nhiều hình thức phong phú.

Cán bộ, giảng viên, SV là tai mắt góp cho nhà trường lắng nghe, kiểm tra, phản ánh việc thực hiện TTHC. Cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo các trường ĐH là người đi đầu, cần có quyết tâm cao, là tấm gương để các đơn vị và người thừa hành thực hiện TTHC. Họ cần sáng tạo, đề xuất cách thức thực hiện và những vấn đề liên quan đến cải cách TTHC đối với hoạt động các trường ĐH ngày một hiệu quả hơn.

Như vậy, để cải cách TTHC tiếp tục có được những kết quả, chúng tôi cho rằng có nhiều yếu tố nhưng vấn đề nhận thức đúng vẫn là yếu tố rất quan trọng, nó bao gồm nhận thức của lãnh đạo cơ quan hành chính các cấp từ Bộ tới cấp trường ĐH, nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên cũng như nhận thức của SV trong mỗi nhà trường về công tác này.

3.2.2. Khảo sát và đánh giá lại các thủ tục hành chính hiện hành trong hoạt động của các trường đại học công lập

Thực hiện TTHC thường theo một quy trình, trình tự, khuôn mẫu nhưng không phải là bất biến mà nó phải thay đổi khi các văn bản pháp luật được thay thế, sửa đổi hoặc bãi bỏ. Ngay cả khi các văn bản pháp luật quy định về TTHC không thay đổi thì việc thực hiện TTHC có thể thay đổi do cải cách việc thực hiện TTHC đặt ra. Mặt khác, các hướng dẫn thực hiện TTHC trong các trường đại học không phải một lúc một chiều đã hoàn hảo. Trong quá trình thực hiện tác nghiệp sẽ có thể làm xuất hiện và bộc lộ những kẽ hở, sự rườm rà, thiếu khoa học, xuất hiện những tình tiết "hành dân" cần chấn chỉnh.

Đặc biệt, các quy định, hướng dẫn thực hiện những TTHC nội bộ do các trường hướng dẫn thực hiện nhiều khi rất tuỳ tiện, tự sáng chế, xem thường quy luật khách quan. GS. TS. Bùi Thế Vĩnh, trong bài giảng của mình từng cảnh báo rất hay

rằng *"Đừng xem thường các thông báo, nội quy, quy định nội bộ, nó là Bố của Bố thủ tục hành chính*". Cho nên phải xem "các ông bố" này ra sao.

Một ví dụ cụ thể: Nhà trường quy định thủ tục trước khi tốt nghiệp, SV phải đi xin xác nhận rằng mình không nợ gì từ Thư viện, Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Giáo dục quốc phòng, Phòng Tài vụ, Văn phòng Đoàn, Văn phòng Hội sinh viên.... Đó là quy định quá là rườm rà và không cần thiết. Tại sao các đơn vị đó không tổng hợp rồi thông báo cho Phòng Quản lý Đào tạo và Phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp và chỉ thông báo cho những SV liên quan biết thực hiện các thủ tục trên thôi, bởi phần lớn SV không nợ gì, bắt họ đi xin xác nhận tức là làm cho lòng tự trọng của họ bị xúc phạm.

Do vậy phải thực hiện việc khảo sát, rà soát và đánh giá lại các TTHC hiện hành đối với hoạt động của các trường ĐHCL theo các tiêu chí rõ ràng về tính hợp pháp, tính hiệu quả, không bị chồng chéo và có thể đơn giản được.

Khảo sát TTHC trong hoạt động các trường ĐH, theo định hướng chỉ đạo của Bộ GD&ĐT trọng tâm gồm: Thủ tục, quy định có liên quan về mở ngành đào tạo; Thủ tục, quy định có liên quan về cho phép hoạt động đào tạo ĐH; Thủ tục, quy định có liên quan về phê duyệt nội dung chương trình sách giáo khoa; Thủ tục, quy định có liên quan về cấp phép dạy thêm, học thêm.

3.2.3. Các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu để loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không còn phù hợp ở tất cả các khâu

3.2.3.1. Trong khâu tuyển sinh và đào tạo

Trong tình hình hiện nay, để nâng cao chất lượng của các trường ĐH cần phải giải quyết nhiều vấn đề. Một trong những vấn đề đó là khâu tuyển sinh. Đây là một dịch vụ phức tạp và tốn kém. Mặc dù "kỳ thi 3 chung" bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất và chỉ đạo thực hiện đã được một số năm với một số ưu điểm cơ bản, nhưng rõ ràng vẫn còn nhiều điều chưa giải quyết được. Phức tạp và tốn kém cho xã hội, cho các nhà trường và tốn kém cho người đi thi.

Hiện nay phần lớn các nhà khoa học và giáo dục đều cho rằng, tuyển sinh ĐH là cần thiết. Cho dù có nhiều khó khăn và áp lực, nơi này, nơi kia, ở nhiều nước tuyển sinh ĐH vẫn tồn tại. Người ta quan niệm ĐH không phải là nơi để ai muốn vào cũng được.

Chỉ tính riêng trong 10 nước khu vực Đông Nam á thì có ít nhất đến 6 kiểu tuyển sinh đại học khác nhau, mỗi nước lại có nét đặc thù riêng và nước nào cũng gặp những khó khăn, nan giải về kỳ thi tuyển sinh này[107].

Bộ GD&ĐT nước ta đã từng đưa ra đề án gộp hai kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH làm một (Dự định thực hiện từ năm 2010 nhưng tới nay vẫn chưa thực hiện được). Nếu thực hiện được thì thực chất gần như bỏ kỳ thi đại học. Như thế chúng ta sẽ mắc ngay sai lầm của nước Pháp hoặc gần như trở lại sai lầm của chính chúng ta "bỏ kỳ thi ĐH xét những người tốt nghiệp PTTH vào ĐH trong giai đoạn những năm 1966 - 1969"[150]. Đó là thời kỳ của những năm chiến tranh ác liệt, tình hình rất khác bây giờ. Bởi vậy đây là vấn đề cần xem xét kỹ.

PGS. Văn Như Cương đã rất đúng khi cho rằng: Các tác giả của dự án "hai trong một" có một động cơ rất tốt đẹp: đó là lòng mong muốn tiết kiệm tiền của cho Nhà nước và cho nhân dân. Nhưng có lẽ họ chưa tính toán đến cái giá phải trả (có thể rất cao) cho việc tiết kiệm đó[93].

Chúng ta có thể học tập kinh nghiệm của các nước để đưa ra thủ tục hợp lý cho một kỳ thi ĐH mà mục tiêu chính là tuyển được học sinh giỏi để đào tạo nhân tài cho đất nước, đồng thời tránh gây ra tốn kém, phiền hà cho người dân, cho các em học sinh dự thi.

Để thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết 14/2005/NQ-CP, ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ Về đổi mới cơ bản và toàn diện Giáo dục Đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 trong đó yêu cầy "Cải tiến thi tuyển sinh ĐH theo hướng áp dụng công nghệ đo lường giáo dục hiện đại", từ kinh nghiệm và cách thức thực hiện của các nước, chúng tôi cho rằng: 1) Ở Việt Nam nếu bỏ kỳ thi ĐH, lấy điểm thi của 6 học kỳ của ba năm học THPT làm cơ sở chính để các trường ĐH tự chủ xét tuyển thì việc xét tuyển phải đồng thời dựa trên trên cơ sở một số tiêu chí khác như các trường ĐH của Mỹ, Nhật đã làm (ví dụ như viết bài tự luận, có thư giới thiệu, xem xét hồ sơ thành tích học tập rèn luyện, phỏng vấn trực tiếp...).

2) Còn nếu vẫn tiếp tục thực hiện kỳ thi ĐH thì chúng ta nên tổ chức thi một năm làm 2 đợt, có giãn cách thời gian đủ lớn trong năm (như nước Mỹ, Hàn Quốc

đang triển khai thực hiện), giao cho công ty thực hiện. Tuy nhiên, trước mắt nên thí điểm. Nếu tốt sẽ mở rộng.

Như vậy, nếu thực hiện theo cách thứ nhất, nhiệm vụ Quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT sẽ tập trung tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát mạnh hơn ở các kỳ thi học kỳ THPT, không trực tiếp tham gia vào những vụ việc cụ thể sự vụ của các kỳ thi tuyển sinh ĐH.

Nếu thực hiện theo cách thứ hai, chúng ta vẫn giữ được kỳ thi tuyển sinh ĐH nhưng nhẹ nhàng hơn. Điểm thi của thí sinh là một trong những "tiêu chí cứng" cho các trường ĐH khác xét tuyển đầu vào theo nguyện vọng của thí sinh. Nhiệm vụ quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT sẽ tập trung tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát mạnh tại các kỳ thi này, cũng không trực tiếp tham gia vào những vụ việc, sự vụ cụ thể của kỳ thi. Tất cả các kết quả được công khai qua Internet.

3.2.3.2. Đối với công tác học sinh, sinh viên

- Thủ tục hành chính về trợ cấp xã hội đối với sinh viên:

Cần nghiên cứu bỏ phần xét và trực tiếp xét, cấp trợ cấp xã hội đối với SV ở cấp trường, chuyển về cho địa phương thực hiện. Cấp trường chỉ thực hiện việc xác nhận SV đang học tập tại cơ sở đào tạo nào? ngành gì? học kỳ? khóa học? làm cơ sở cho địa phương (Phòng Lao động Thương binh và xã hội) xét, cấp trực tiếp. Nếu thực hiện theo cách này quyền lợi của SV sẽ đảm bảo được thực hiện tốt hơn, chấm dứt được tình trạng mỗi trường thực hiện mỗi kiểu, tạo sự công bằng hơn cho SV thuộc diện được trợ cấp dù học ở trường công lập hay dân lập đều được hưởng quyền lợi như nhau, không làm giảm nguồn thu của nhà trường dù có nhiều SV diện được trợ cấp xã hội theo học.

- Thủ tục hành chính về sinh viên nội trú:

Đề nghị bỏ việc làm thẻ nội trú. Theo Quy chế công tác HSSV nội trú trong các trường ĐH, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, ban hành theo Quyết định số 2137/GD-ĐT ngày 28 tháng 6 năm 1997 và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 41/2002-QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều trường ĐH tới nay vẫn làm Thẻ ra vào khu nội trú. Có thời kỳ Bộ GD&ĐT còn bán phôi Thẻ nội trú gây rất nhiều bức xúc. Mới đây Bộ GD&ĐT ban hành Quy

chế công tác HSSV nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, kèm theo Thông tư 27/2011/TT-BGDĐT, ngày 27 tháng 06 năm 2011. Thực tế triển khai tại các trường hiện nay đều có Sổ theo dõi SV ở nội trú, Bảng (sơ đồ) bố trí SV ở nội trú, biên lai thu tiền ở nội trú... Vì vậy việc làm thẻ SV nội trú là không thiết thực. Nếu thực hiện bỏ thẻ nội trú thì SV giảm được các chi phí TTHC như: chụp ảnh, đóng tiền làm thẻ nội trú; chi phí thời gian và công sức kê khai và thủ tục làm thẻ nội trú. Không có thẻ thì SV nội trú vẫn có thể theo dõi được.

- Thủ tục hành chính về ngoại trú của sinh viên:

Thủ tục về SV ngoại trú cũng nên bỏ. Theo đó nhà trường phải trực tiếp làm một số việc như: hướng dẫn SV khai báo, đăng ký chỗ ở ngoại trú, thu phí, nhận xét của chính quyền địa phương... Các trường đại học chỉ nên phối hợp (chứ không phải thường trực) với cơ quan công an trong việc thực hiện chức năng này. Sinh viên có trách nhiệm tự khai báo qua mạng nội bộ, qua cố vấn học tập để Nhà trường nắm biết được địa chỉ chỗ ở của SV ngoại trú. Chủ trọ có trách nhiệm khai báo với công an, chính quyền địa phương về người tạm trú trong khu nhà trọ của mình, không buộc SV phải làm như hiện nay.

- Thủ tục hành chính về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên:

Đề nghị bỏ thủ tục họp đánh giá kết quả rèn luyện của SV. Vì thực tế việc rèn luyện của SV đã được đánh giá trong Quy chế Công tác HSSV (thủ tục khen thưởng, kỷ luật SV); trong Quy chế đào tạo (tính điểm chuyên cần trong điểm từng môn học), vì thế nên việc tổ chức họp đánh giá kết quả rèn luyện của SV thì đó là một sự đánh giá trùng.

Chú ý rằng, việc dùng kết quả điểm rèn luyện để xét học bổng khuyến khích học tập cho SV sẽ kéo lùi 6 tháng học kỳ đầu tiên khi SV chưa có điểm rèn luyện để xét học bổng khuyến khích học tập.

Hơn nữa, theo quy định thì kết quả điểm rèn luyện dùng để ghi vào điểm học tập của SV, hiện nay nhiều trường không thực hiện nữa vì muốn tạo điều kiện cho SV ra trường xin việc làm thuận tiện hơn.

3.2.3.3. Về công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức

Trong thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức, theo quan điểm của chúng tôi nên bỏ những thủ tục mà một số trường, một số địa phương tự "bổ sung" thêm vào ngoài các quy định TTHC do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định, ví dụ như: quy định chỉ tuyển dụng cán bộ, giáo viên có hộ khẩu ở địa phương của mình. Điểm này vô tình gắn thêm tấm biển rào chắn khiến cho nhiều cán bộ, giáo viên dù có trình độ chuyên môn giỏi đến mấy cũng không được tuyển dụng vào nơi mình không có hộ khẩu nhưng lại có nguyện vọng đến đó công tác.

Hoặc thủ tục cử cán bộ đi học tập ở nước ngoài, phải có sự cho phép của Bộ và khi học xong, quay lại trường, cũng phải có sự cho phép tiếp nhận từ Bộ. Muốn được trở về trường cũ người học phải trình tất cả các giấy tờ lên Bộ. Khi được nhà trường ký hợp đồng làm việc, vẫn phải có quyết định từ Bộ để hoàn thành thủ tục. Đấy là những thủ tục đã gây khó khăn cho các trường và cho cán bộ sau khi hoàn thành nhiệm vụ học tập về nước.

Thủ tục trong việc thi tuyển và xét tuyển phải thực tạo ra sự công bằng. Bỏ quy định điều kiện chỉ tuyển dụng SV tốt nghiệp các trường ĐHCL, hoặc ở nước ngoài, còn các ứng việc học tại các trường ngoài công lập coi như không đủ điều kiện, kể cả tốt nghiệp loại xuất sắc.

3.2.4. Điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thực hiện nội bộ còn tản mản, chưa thống nhất, chưa rõ địa chỉ về thủ tục hành chính

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy hiện nay trong quá trình quản lý các trường đại học nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC còn tản mản, chưa thống nhất, chưa rõ địa chỉ thực hiện. Điều đó đã dẫn đến tình trạng cùng một nội dung nhưng khi triển khai thực hiện mỗi trường lại có cách làm khác nhau, ảnh hưởng đến quyền lợi của cán bộ, giảng viên, SV. Đó thuộc về nhiệm vụ của bộ chủ quản, đơn vị chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo và đơn vị ban hành ra các văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC đối với các trường.

Sự chưa thống nhất giữa các văn bản hướng dẫn hoặc tản mạn, chưa rõ địa chỉ thực hiện ngay trong nội bộ một trường ĐH là do trách nhiệm kiểm tra của hiệu trưởng các trường ĐH chưa được đề cao.

Sự tản mạn trong văn bản hướng dẫn đã dẫn đến tình trạng, khi giải quyết một TTHC nào đó cán bộ trực tiếp giải quyết TTHC lại phải đọc nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện ở nhiều văn bản khác nhau, thậm chí do nhiều bộ phận và đơn vị khác nhau ban hành, làm chậm thời gian giải quyết công việc và phá vỡ tính hệ thống của TTHC.

Hơn thế nữa việc thiếu thống nhất trong văn bản hướng dẫn còn dẫn đến tình trạng khiếu nại, khiếu kiện ngày càng nhiều làm mất lòng tin, ảnh hưởng đến chất lượng GD&ĐT. Trách nhiệm cụ thể của từng người, từng đơn vị liên quan hay trực tiếp giải quyết TTHC cũng không xác định được khi có sự kiện pháp lý xảy ra trong nhà trường.

Do vậy, yêu cầu cần điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC để đảm bảo sự thống nhất, rõ ràng về địa chỉ thực hiện là điều rất cần thiết. Phải quy định rõ trách nhiệm của Hiệu trưởng các trường về vấn đề này.

3.2.5. Xây dựng các thủ tục hành chính mới cần đảm bảo tính khoa học, sát thực tiễn đơn giản, dễ thực thi

Bộ Giáo dục và đào tạo đã có nhiều văn bản hướng dẫn trình tự thực hiện TTHC, đặc biệt trong lĩnh vực tuyển sinh, đào tạo, công tác HSSV. Từ năm 2001-2010 nhiều văn bản mới được ban hành, nhiều văn bản đã được sửa đổi, bổ sung. Một số trường ĐH, căn cứ văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng các văn bản hướng dẫn trình tự thực hiện TTHC đối với một số lĩnh vực cụ thể liên quan đến SV, giảng viên và công tác cán bộ.

Vấn đề đặt ra là, cho đến nay các TTHC mới, các văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện TTHC vẫn chưa thực sự đơn giản, cụ thể, thuận tiện, chưa kịp thời, công khai. Vẫn còn sự chồng chéo, trùng lắp.

Bộ giáo dục và Đào tạo, các bộ ngành liên quan, khi xây dựng TTHC liên quan đến người dân, liên quan đến cơ sở giáo dục phải xây dựng theo hướng gọn nhẹ, đơn giản để giảm chi phí cho người dân, giảm chi phí cho các cơ sở giáo dục khi giải quyết các TTHC. Tất cả các TTHC phải được công khai bằng các hình thức thiết thực và thích hợp; thực hiện cách tính chi phí một cách thống nhất, chống lạm

quyền, nhũng nhiễu. Cần có một bộ phận rà soát TTHC có đủ năng lực, thực quyền, tránh hình thức, chung chung.

3.3. Một số giải pháp cụ thể nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập

Đổi mới TTHC cần làm song song với đổi mới về tổ chức các trường ĐH. Có như vậy TTHC mới hy vọng được thực hiện thuận lợi. Để làm được điều này chúng tôi đề nghị như sau:

3.3.1. Thực hiện phân quyền trong quản lý trường học, quy định rõ chức năng nhiệm vụ các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường

Gần đây, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2011 Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp mà thực chất là giao quyền tự chủ trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường. Trước đây Bộ quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường dựa vào các số liệu các trường kê khai. Nay dựa vào những tiêu chí qui định, các trường tự xác định chỉ tiêu, báo cáo về Bộ để theo dõi, kiểm tra. Các trường tự chịu trách nhiệm về độ chính xác của dữ liệu. Đây là một điểm mới trong việc phân quyền quản lý trường học. Tuy nhiên, việc phân quyền đổi mới trong quản lý trường học chưa thực hiện được nhiều. Vấn đề đổi mới cơ chế tài chính, phân cấp, phân quyền, xây dựng chuẩn đầu ra và cam kết thực hiện chất lượng theo tinh thần của Đề án "Thí điểm đổi mới quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại một số trường ĐHCL" trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập chỉ mới dừng lại ở bước thí điểm tại năm trường đại học công lập. Nội dung tự chủ, tự chịu trách nhiệm mới tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức biên chế và tài chính, nhân sự. Tới nay nội dung tự chủ cũng đang là một vấn đề phải bàn. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần làm rõ những nội dung phân quyền trong quản lý trường học, quy định chức năng nhiệm vụ các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường. Các câu hỏi như: Phân quyền gì? tự chủ về vấn đề gì? Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị

sau khi được phân quyền quy định ra sao? Các khâu như đào tạo, tuyển sinh; liên kết trong đào tạo, tuyển sinh; hợp tác quốc tế trong đào tạo, tuyển sinh; học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi; tín dụng SV và những chế độ, chính sách liên quan đến SV; tuyển dụng, đãi ngộ cán bộ, viên chức... các trường được tự chủ khâu nào? về vấn đề này rất nên tham khảo quan điểm của Lalit Johri Đại học Oxford rằng: "Phân quyền là một quá trình, không phải là một giải pháp. Phân quyền không phải là sự thay thế mà là sự bổ sung sự can thiệp của nhà nước. Phân quyền không phải là sự chuyển giao quyền lực hay giao nhiều quyền tự chủ hơn cho các cơ sở giáo dục, đó chính là sự lãnh đạo"[188].

GS. Phạm Phụ, trong bài "*Các kiểu phân phối thẩm quyền*" đăng trên http://www.voer.edu.vn có dẫn chứng:

Cho đến những năm 60, 70 của thế kỷ trước, có 3 kiểu phân phối thẩm quyền ra - quyết - định trong GDĐH ở các nước phát triển, nếu xét theo 3 mức: a) Chính phủ/ Bộ quản lý, b) Trường ĐH, Hội đồng trường/ Ban giám hiệu và c) Bộ môn, thầy cô giáo, như ở sơ đồ sau (*Sơ đồ 3.1*).

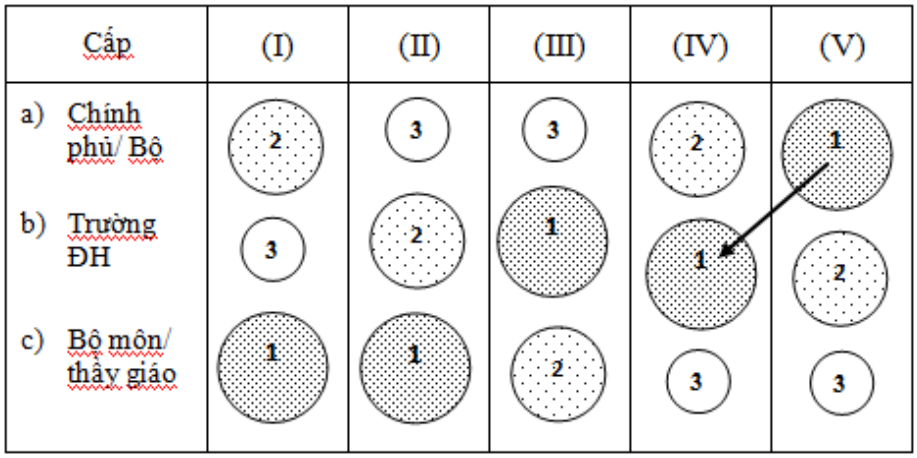

Nguồn: Phạm Phụ, Các kiểu phân phối thẩm quyền, http://www.voer.edu.vn

Sơ đồ 3.1: Các kiểu phân phối thẩm quyền

Kiểu (I) là kiểu điển hình ở Châu Âu lục địa, ở đó thẩm quyền được ủy thác chủ yếu cho (c) Bộ môn / thầy giáo, tiếp theo là bộ máy hành chính cấp Chính phủ (a) và bộ máy hành chính ở cấp trường ĐH (b) có rất ít thẩm quyền. Kiểu (II) với nước Anh là một điển hình, ở đó, thẩm quyền cũng được uỷ thác chủ yếu cho cấp (c)

Bộ môn/ thầy giáo, tiếp theo là ảnh hưởng của cấp trường ĐH (b) và cấp Chính phủ (a) lại có rất ít ảnh hưởng. Kiểu (III) với nước Mỹ là một điển hình, ở đó thẩm quyền được uỷ thác chủ yếu cho các trường ĐH (b), tiếp theo là cấp Bộ môn/thầy giáo (c) và cấp Chính phủ (a) cũng có rất ít ảnh hưởng.

Từ xem xét các quan điểm trên chúng tôi đề xuất:

Một là, Phân quyền và việc giao quyền tự chủ là để các trường hoạt động trong một hành lang pháp lý, chứ không phải để các trường muốn làm gì thì làm.

Hai là, để tách bạch rõ quản lý nhà nước với quản lý chuyên môn của các cơ sở đào tạo, phân quyền, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đào tạo phải đi kèm với việc tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước, hạn chế các biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trong đào tạo.

Ba là, tiếp tục nghiên cứu phân cấp mạnh hơn cho các trường. Trong đó quyền hạn, quyền lợi luôn phải đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ; các trường Đại học đảm bảo sự tự chủ phần lớn về tài chính và tuyển dụng cán bộ viên chức, nhằm làm giảm gáng nặng cho Nhà nước.

Bốn là, phân quyền phải rõ ràng mới quy định rõ được chức năng nhiệm vụ của các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường; mới làm rõ được thực quyền, trách nhiệm trong hàng loạt vấn đề liên quan đến TTHC thuộc phạm vi ngành GD&ĐT, TTHC thuộc phạm vi của các trường ĐH, thậm chí của các bộ phận chức năng, con người cụ thể trong nhà trường. Nói cách khác, mới chỉ rõ được địa chỉ chịu trách nhiệm (chủ thể) giải quyết TTHC.

3.3.2. Xây dựng Bộ quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường đại học

Các trường ĐH khi thành lập đều có Quyết đinh Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường. Tuy nhiên, theo thời gian quá trình hoạt động của các trường đều có sự thay đổi ít nhiều về tổ chức bộ máy theo 3 khuynh hướng là sát nhập, 2 là thành lập thêm các đơn vị, 3 là thay đổi lãnh đạo trường. Cũng có trường hợp thay đổi chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ một số đơn vị, dẫn đến tình trạng chung là chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường có lúc có sự chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót một hoặc một số nhiệm vụ nào đó.

Để lúc nào cũng có thể duy trì một hệ thống thống nhất, hoạt động đồng bộ, khoa học, không chắp vá, manh mún, các trường ĐH cần ra quyết định ban hành Bộ quy định về quản lý hoạt động của trường ĐH. Nếu làm theo cách này, nằm trong một quyết định sẽ có nhiều quy định, cách nhìn nhận đánh giá sẽ tổng thể hơn, tránh được sự chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót một hoặc một số nhiệm nào đó. Đây được ghi nhận là cách làm hay của trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội nên mở rộng ra cho các trường khác.

Trong quyết định ban hành Bộ quy định về quản lý hoạt động của trường ĐH có các Quy định sau:

- Quy định về Tổ chức và Quản lý (nhà trường). Đây là quy định chung nhất quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính trị, nhà trường, người học, giảng viên, cán bộ viên chức và hợp đồng làm việc, hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các hội đồng tư vấn, hội đồng khoa học, các phòng ban, khoa, viện, tổ bộ môn, trung tâm, trạm y tế; mối quan hệ công tác của các đơn vị trong trường; quy trình bổ nhiệm hiệu trưởng, quy trình bổ nhiệm phó hiệu trưởng... đều được quy định rõ trong quy định này.

- Quy định tuyển dụng và sử dụng cán bộ, viên chức, quy định rõ điều kiện, hình thức, ưu tiên tuyển dụng, môn thi, cách chấm điểm, tuyển dụng, hợp đồng.

- Quy định về cán bộ, viên chức, trong đó có quy định về điều động, thuyên chuyển công tác cán bộ viên chức; về thực hiện chế độ hưu trí; về cán bộ viên chức, hợp đồng làm việc, đi công tác, học tập trong nước và nước ngoài; về dạy và học đại học, sau đại học;

- Quy định về Quản lý hoạt động Khoa học - Công nghệ;

- Quy định về Công tác Hợp tác quốc tế;

- Quy định về Quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ;

- Quy định về Văn hóa công sở;

- Quy định về Công tác hành chính;

- Quy định về Quản lý đất và công sở;

- Quy định về Quản lý các hoạt động liên kết, dịch vụ;

- Quy định về Quản lý tài sản;

- Quy định về Quản lý Ký túc xá;

- Quy định về Quản lý và sử dụng mạng máy tính của trường;
- Quy định về Công tác y tế học đường;
- Quy định về Bảo vệ cơ quan;
- Quy định về tổ chức hoạt động thanh tra đào tạo;
- Quy định về Sở hữu trí tuệ.

Bộ quy định này nên được đóng thành cuốn tài liệu, bao quát hết toàn bộ công việc của một nhà trường, khi đối chiếu, so sánh có thể dễ dàng nhận thấy tính đồng nhất, lôgic, khoa học hay còn thiếu khoa học, giúp nhìn nhận một cách tổng thể, đồng bộ hoạt động của nhà trường, khi cần tra cứu, sử dụng không phải mất nhiều thời gian để tìm kiếm các quyết định riêng lẻ đã ban hành qua nhiều năm, phân tán, thất lạc. Bộ quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường ĐH cũng là văn bản chỉ định rõ đơn vị thường trực giải quyết TTHC đối với các mảng công việc liên quan.

3.3.3. Xây dựng bộ quy trình xử lý các thủ tục hành chính để giải quyết các công việc của trường đại học

Chúng tôi quan niệm rằng bộ quy trình xử lý các TTHC để giải quyết các công việc của trường đại học là một giải pháp mang tính thực tế. Các quy định về quy trình nếu được xây dựng tốt sẽ cho phép hệ thống hóa được trình tự các công việc, các loại biểu mẫu, xác định rõ trách nhiệm của mỗi cán bộ, viên chức và bộ phận có liên quan khi tham gia giải quyết hồ sơ, công việc đối với tổ chức, cán bộ, giáo viên và sinh viên. Khi xây dựng bộ quy trình có thể tham khảo biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số: 5527/QĐ-BGDĐT, ngày 07 tháng 11 năm 2011, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Quy chế phối hợp trong việc thống kê, cập nhật, công bố TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Biểu mẫu cụ thể như sau (*Biểu 3.1*):

Biểu 3.1: Biểu mẫu thống kê cập nhật, công bố TTHC

Tên thủ tục hành chính :
Tên đơn vị kê khai :
Lĩnh vực :

1	Trình tự thực hiện	- Bước 1: - Bước 2: - Bước n:
2	Cách thức thực hiện	- Trực tiếp - Qua đường bưu điện - Qua mạng internet
3	Hồ sơ	a) Hồ sơ gồm: 1. 2. ... b) Số lượng:
4	Thời hạn giải quyết	
5	Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC ; d) Cơ quan phối hợp.
6	Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân: - Tổ chức:
7	Mẫu đơn, tờ khai	- Có (Nếu có ghi rõ và đính kèm) - Không
8	Phí, lệ phí	
9	Kết quả thực hiện TTHC	- Kết quả 1: Thời hiệu của kết quả - Kết quả 2: Thời hiệu của kết quả
10	Điều kiện thực hiện TTHC	
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	
12	Liên hệ	

(***Nguồn:*** *Biểu mẫu thống kê, Ban hành kèm theo Quyết định số 5527 /QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Bộ quy trình gốc để xử lý các TTHC trong quá trình giải quyết các công việc của trường đại học nên xây dựng cho các thủ tục sau: Thủ tục hành chính trong khâu tuyển sinh ĐH hệ chính quy; Thủ tục hành chính trong khâu đào tạo ĐH hệ chính quy; Thủ tục hành chính về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo; Thủ tục hành chính về trợ cấp xã hội đối với SV; Thủ tục hành chính về miễn, giảm học phí cho SV; Thủ tục hành chính về xét cấp học bổng khuyến khích học tập; Thủ tục hành chính về SV nội trú; Thủ tục hành chính về ngoại trú của SV; Thủ tục hành chính về đánh giá kết quả rèn luyện của SV; Thủ tục hành chính về khen thưởng, kỷ luật SV; Thủ tục hành chính về Y tế học đường, BHYT, BHTT; Thủ tục hành chính về tín dụng trong GD&ĐT; Thủ tục hành chính trong công tác thi tuyển, xét tuyển và đào tạo cán bộ, viên chức... Trong đó Nhà trường thực hiện TTHC với tư cách là cơ quan có thẩm quyền quyết định, có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện; trực tiếp thực hiện hay phối hợp thực hiện TTHC thì cũng nên có các hướng dẫn cụ thể trong bộ quy trình xử lý các TTHC để giải quyết các công việc của trường ĐH vì nó liên quan tới sinh viên, cán bộ, giảng viên, những người đang có nhu cầu được hướng dẫn để thực hiện các công việc này.

Nếu bộ quy trình này được xây dựng tốt chúng ta có thể thấy mọi hoạt động trong nhà trường đều được hướng dẫn quy trình thực hiện từ trình tự, cách thức, hồ sơ cần có, thời gian và bộ phận chịu trách nhiệm giải quyết đến đối tượng (cá nhân, tập thể) thực hiện cụ thể. SV, cán bộ sẽ không phải mất nhiều thời gian tìm hiểu, chống được việc bưng bít thông tin gây phiền nhiễu cho mọi người, hạn chế được nhưng biểu hiện về tiêu cực, tham ô và lãng phí. Vì vậy, đây là công việc rất cần có sự quan tâm đầu tư để thực hiện tốt.

Qua tham khảo Bộ quy trình giải quyết các công việc của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội và trường Đại học Kinh tế quốc dân, dưới đây chúng tôi xin đề xuất Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên và Quy trình xét cấp học bổng (có thể áp dụng cho các hệ đào tạo, cả chính quy, không chính quy) trong các

trường đại học công lập ở Việt Nam như sau (*Sơ đồ 3.2*). Cũng có thể học tập cách xây dựng quy trình thủ tục như ĐH Huế, (*Biểu 3.2*).

Sơ đồ 3.2: Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên

(1) Sơ đồ quy trình

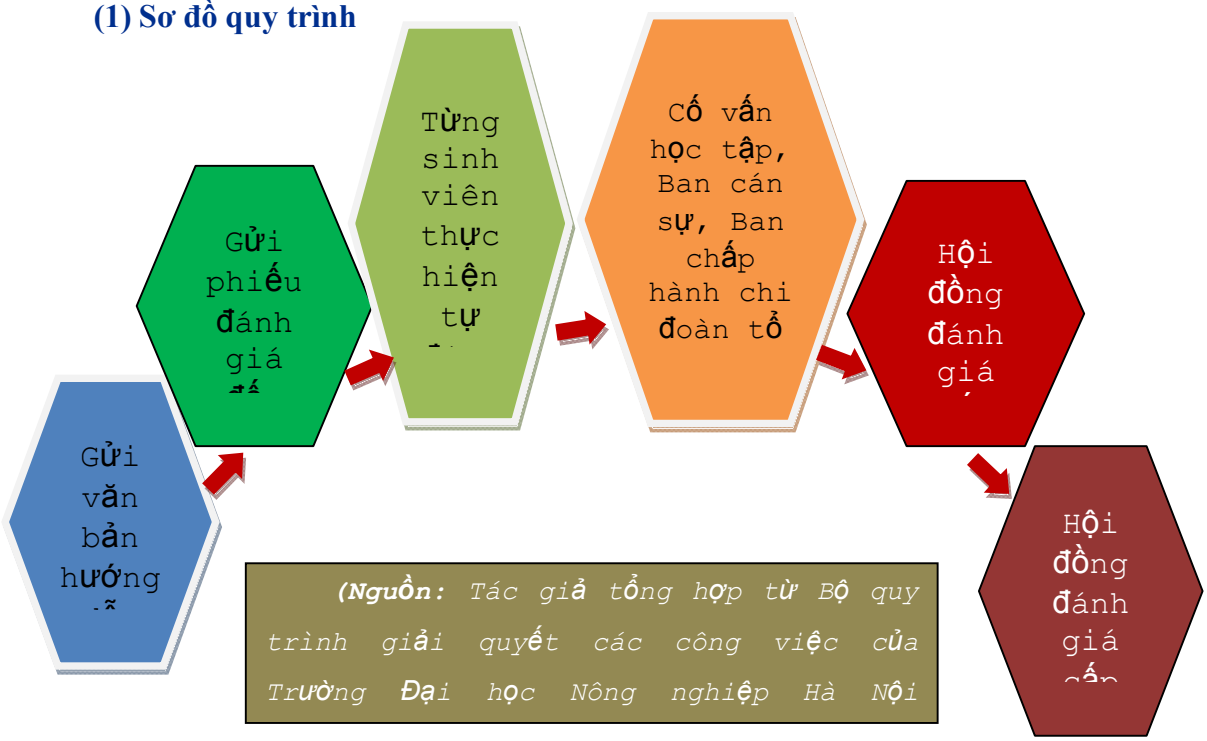

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Bộ quy trình giải quyết các công việc của Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

(2)Diễn giải quy trình

Bước 1: Phòng Công tác sinh viên thừa ủy quyền của Ban giám hiệu gửi văn bản hướng dẫn và mẫu phiếu đánh giá cho các khoa, các phòng ban liên quan.

Bước 2: Các khoa gửi mẫu phiếu đánh giá đến từng lớp, Ban cán sự các lớp chuyển phiếu đánh giá đến từng sinh viên.

Bước 3: Từng sinh viên thực hiện tự đánh giá vào phiếu đánh giá, Ban cán sự lớp tập hợp phiếu đánh giá và báo cáo với Cố vấn học tập.

Bước 4: Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn họp để đánh giá điểm rèn luyện cho từng sinh viên.

Bước 5: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa họp để rà soát, tổng hợp kết quả. Phòng Công tác sinh viên gửi bảng tổng hợp chung toàn khoa về thường trực Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường.

Bước 6: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường họp xét kết quả đánh giá của từng khoa. Phòng Công tác sinh viên tổng hợp kết quả trình Hiệu trưởng ra quyết định.

Biểu 3.2: Quy trình xét cấp học bổng (cho các loại học bổng)

Quy trình xét cấp học bổng (Đại học Huế)	
Nơi tiếp nhận hồ sơ:	Tên đơn vị: Phòng Công tác sinh viên Đại chỉ: 01 Điện Biên Phủ, Huế Điện thoại liên hệ: 054.3831182
Thời gian tiếp nhận:	Giờ hành chính - tất cả các ngày làm việc trong tuần
Thời hạn giải quyết:	4 ngày
Trình tự thực hiện:	***1. Học bổng khuyến khích học tập*** a) Chậm nhất 1 tháng sau khi kết thúc mỗi học kỳ, các trường tiến hành việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên theo quy định chung và gửi báo cáo tổng hợp xếp loại cho Đại học Huế; b) Ban CTSV xem xét, yêu cầu điều chỉnh (nếu có) và trình Giám đốc Đại học Huế xét duyệt phương án xếp loại học bổng theo đề nghị của các đơn vị; c) Các trường tiến hành chi trả tiền học bổng hàng tháng cho học sinh, sinh viên theo mức đã xét, duyệt. ***2. Học bổng tài trợ*** a) Trên cơ sở số suất học bổng do các tổ chức hay cá nhân tài trợ, Đại học Huế phân chỉ tiêu học bổng cho các trường; b) Các trường xét chọn và gửi danh sách đề nghị cấp học bổng tài trợ về Đại học Huế theo thời gian quy định; c) Giám đốc Đại học Huế xét duyệt và gửi văn bản đề nghị cho phía nhà tài trợ; d) Đại học Huế phối hợp với nhà tài trợ tổ chức trao học bổng cho sinh viên.
Thành phần hồ sơ:	* Đối với học bổng khuyến khích học tập: - Bảng tổng hợp xếp loại; - Dữ liệu xếp loại * Đối với học bổng tài trợ: - Danh sách đề nghị kèm theo kết quả học tập của học kỳ (hoặc năm học) trước - Các giấy tờ có liên quan theo yêu cầu của nhà tài trợ (đơn xin cấp học bổng, giấy xác nhận hộ nghèo,…)
Số lượng bộ hồ sơ:	01
Lệ phí:	
Căn cứ pháp lý:	- Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. - Quyết định của Giám dốc Đại học Huế quy định về học bổng khuyến khích học tập

	đối với sinh viên hệ chính quy trong các trường, phân hiệu và khoa trực thuộc Đại học Huế (có thể thay đổi hàng năm do mức học phí thay đổi theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ).
Các yêu cầu điều kiện:	* Đối với học bổng khuyến khích học tập: Có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập trong phạm vi quỹ học bổng khuyến khích học tập của trường. * Đối với học bổng tài trợ: - Theo yêu cầu của nhà tài trợ
File đính kèm:	

*(**Nguồn:** Quy trình xét cấp học bổng, Đại học Huế, http://hueuni.edu.vn/cchc)*

3.3.4. Quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin và chú trọng khâu thực hiện các thủ tục hành chính

Trong thời đại công nghệ thông tin, các cơ quan, tổ chức nói chung và nhà trường nói riêng nếu không được trang bị thiết bị cần thiết để áp dụng kỹ thuật thông tin hiện đại cho việc thực hiện TTHC thì không thể có một nền hành chính hiện đại, phục vụ kịp thời, nhanh chóng cho yêu cầu của người dân. Cho nên cải cách việc thực hiện TTHC trong các trường ĐH phải được hỗ trợ bằng các phương tiện cần thiết để áp dụng công nghệ thông tin vào thực tế. Các đơn vị trong trường như Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác SV, Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, các khoa, bộ môn... cần được trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in, photocoppy, điện thoại, ... và đặc biệt việc kết nối Internet và mạng nội bộ, đầu tư trang bị phần mềm thích hợp cho việc quản lý các loại công việc. Phần mềm và kết nối Internet sẽ giảm tải đáng kể việc thực hiện các TTHC trong nhà trường. Việc tiếp nhận thông tin nhanh hơn, nhiều chiều hơn, xử lý cũng nhanh hơn, chính xác hơn. Các thông tin sẽ theo dõi về TTHC nhờ có sự trợ giúp của công nghệ thông tin sẽ công khai các TTHC cho SV để thực hiện. Nhiều công việc có thể được giải quyết thông qua mạng nội bộ, giảm tải phiền hà, tốn kém thời gian, giấy tờ cho cán bộ, giảng viên, SV, như: cung cấp văn bản, các mẫu đơn từ qua mạng, việc công bố điểm, đăng ký dự thi, giải quyết các đơn thư, kiểm tra, giám sát, họp, trao đổi, góp ý, khảo sát, lấy ý kiến đều có thể thông qua mạng, qua trang website của nhà trường, của Bộ. Để đạt được hiệu quả, việc đầu tư máy móc, thiết bị cho tin học hóa phải được thực hiện đồng bộ. Không nên và không thể đầu tư ở nơi này có, nơi

kia không có, nơi này thực hiện thủ công còn để nơi kia dùng máy móc và các trang bị hiện đại. Sự thiếu đồng bộ (ít nhất trong việc giải quyết một công việc) sẽ tiếp tục làm cho việc thực hiện TTHC thêm cớ tạo sức ỳ, chậm ở khâu này, tắc ở khâu kia. Máy móc, trang thiết bị khi mua sắm, đầu tư cũng phải đồng bộ đảm bảo chất lượng, tương thích, đạt chuẩn cần thiết. Để thực hiện được các nội dung trên thì quy trình thủ tục phối hợp phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và hạ tầng công nghệ thông tin là quy trình phải đi tiên phong. Quy trình này ở một số trường (Ví dụ ĐH Huế) đã làm khá hiệu quả.

3.3.5. Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính

Cán bộ là yếu tố quyết định đến sự thành công hay thất bại của việc áp dụng TTHC trong thực tế. Nếu cán bộ không có năng lực thì mọi công việc đều có thể bê trễ. Việc đào tạo bồi dưỡng là cơ sở để nâng cao năng lực thực thi công vụ của công chức, viên chức; là cơ sở để xây dựng và nâng cao năng lực cho tổng thể chương trình cải cách TTHC; góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí trong công việc. Vì vậy phải coi trọng việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác TTHC trong nhà trường. Bài học thực tế và kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đều cho thấy không bồi dưỡng cán bộ tốt thì không thể mong đợi kết quả tốt trong mọi công việc. Bác Hồ từng nói: Cán bộ là cái gốc của mọi thắng lợi. Có cán bộ tốt việc gì cũng xong.

Từ trước đến nay chúng ta cũng đã nói nhiều đến bồi dưỡng cán bộ nhưng còn chung chung. Chúng tôi đề nghị đối với các trường đại học ở Việt Nam cần tổ chức tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức trực tiếp làm việc ở các bộ phận liên quan đến TTHC một cách thiết thực. Trước hết Bộ GD&ĐT cần triển khai tập huấn cho cán bộ chủ chốt của các trường ĐH. Sau đó cán bộ chủ chốt của các trường lại về triển khai tập huấn cho các viên chức hành chính và giảng viên liên quan của trường. Nội dung tập huấn cần có sự chuẩn bị cụ thể, phù hợp với yêu cầu nhà trường. Phải có chế tài ràng buộc chặt chẽ việc học tập của cán bộ. Trong thủ tục đánh

giá hoạt động của nhà trường cần xem kết quả bồi dưỡng cán bộ, giảng viên là một tiêu chuẩn.

Chú trọng một số vị trí TTHC quan trọng, hướng dẫn triển khai những văn bản pháp luật có sự thay đổi. Về hình thức có thể tổ chức tập huấn định kỳ hàng năm hoặc đột xuất cho viên chức hành chính đang đảm nhiệm để thực hiện các công việc về TTHC kịp thời và chính xác các TTHC mới.

Có thể bồi dưỡng tại chỗ hoặc cử cán bộ đến nơi cơ sở bồi dưỡng, đào tạo chuyên về TTHC.

Một số vị trí lãnh đạo trong các trường đại học nên xét tuyển, thi tuyển, tuyển dụng có nội dung nghiệp vụ quản lý hành chính hoặc cho đi đào tạo bài bản nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước như Trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng Tổ chức hành chính, Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Công tác SV, Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo... thủ tục tổ chức kỳ thi cần minh bạch.

Chú ý bồi dưỡng công chức, viên chức về đạo đức công vụ. Bởi chúng ta biết rằng xây dựng TTHC và thực hiện TTHC là hai việc mặc dù có liên quan nhưng khác nhau. Phần lớn các văn bản pháp luật, các Thông tư hướng dẫn đều đã quy định TTHC, tuy nhiên việc thực hiện nó là do con người, với thời gian, không gian, hoàn cảnh, đối tượng hoàn toàn khác nhau, quan niệm cũng khác nhau do con người thực hiện TTHC ở các cơ sở có nhận thức khác nhau. Mỗi TTHC nhất định có thể được giải quyết nhanh hơn, chậm hơn, cẩn thận hơn, đơn giản hơn, đúng trình tự các bước hoặc ngược lại bỏ qua một số bước, thêm vào một số bước... Cái khác nhau, không giống nhau đó phần lớn là do cán bộ thủ lý giải quyết TTHC quyết định. Đây là khâu hiện đang "có vấn đề nhất" trong toàn bộ quy trình giải quyết TTHC. Do vậy, đào tạo cán bộ là quan trọng, đặc biệt phải chú ý nâng cao đạo đức công vụ.

3.3.6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội trong trường học

Cải cách việc thực hiện TTHC là công việc không phải chỉ riêng các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, tuy phần lớn chính thuộc về các cơ quan này. Như chúng ta đã biết, thực hiện đường lối đổi mới, Đảng đã có nhiều chủ trương về CCHC và tập trung chỉ đạo cải cách TTHC, coi cải cách TTHC là khâu đột phá của

quá trình CCHC Nhà nước. Các cơ quan hành chính Nhà nước, nhất là Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch để thực hiện CCHC theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, trong đó quyết liệt nhất là Chương trình Tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn (2001-2010) và (2011-2020).

Cải cách TTHC trong hoạt động của các trường đại học là thực hiện các Nghị quyết của Đảng, là hành động theo Chương trình Tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ; hành động vì "Giáo dục là quốc sách hàng đầu" với các chức năng "nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài" cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, để thực hiện thành công việc cải cách này, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp của các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội sinh viên... trong trường học nhằm tạo sự lãnh đạo thống nhất, đồng thuận về quyết tâm , ý chí, cách làm, tạo sự đồng bộ khi thực hiện.

Nghị quyết của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường phải phù hợp và không được trái với sự lãnh đạo của Đảng và cơ quan Nhà nước cấp trên. Quan điểm về cải cách TTHC trong hoạt động của nhà trường phải làm sao cho đúng với yêu cầu phát triển nền giáo dục và đào tạo của nước nhà.

Các đơn vị, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công phải rà soát hướng dẫn thực hiện TTHC và phối hợp giải quyết các công việc liên quan đến tổ chức mình.

Các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động, tích cực trong vai trò giám sát việc thực hiện TTHC, kịp thời phản ánh với Đảng ủy, Ban giám hiệu về những vướng mắc, khó khăn trong thực hiện TTHC. Mỗi cán bộ, giáo viên cần phát huy vai trò "thanh tra công vụ nhân dân" mà Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 20/2008/NĐ-CP đã trao vì lợi ích của mỗi cá nhân, đơn vị cũng như của nhà trường.

3.3.7. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính

Kiểm tra, kiểm soát là một khâu quan trọng của quá trình lãnh đạo cải cách TTHC, là một trong những chức năng lãnh đạo, một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Bộ GD&ĐT và Hiệu trưởng các trường ĐH. Kiểm tra nhằm đánh giá

đúng ưu điểm, khuyết điểm của quá trình tổ chức thực hiện và các nhiệm vụ công tác để kịp thời có biện pháp củng cố, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, thực hiện đơn giản hóa TTHC; thực hiện nghiêm các TTHC đã được công bố công khai, đầy đủ, rõ ràng và thực hiện đúng nội dung, đúng quy trình TTHC đã được công bố. Thống kê, cập nhật thường xuyên đối với các TTHC còn thiếu, TTHC mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc các văn bản hướng dẫn thuộc phạm vi chức năng quản lý của trường; kịp thời điều chỉnh các TTHC do Bộ GD&ĐT, các bộ ngành liên quan ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế để tiến hành niêm yết công khai, minh bạch, chính xác, tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên biết, thực hiện; không để phát sinh các TTHC ngoài quy định, gây khó khăn cho hoạt động của nhà trường, cán bộ, giảng viên và SV.

Kiểm tra, kiểm soát việc thường xuyên duy trì và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giải quyết TTHC, khuyến khích việc thực hiện theo cơ chế "Một cửa", "Một cửa liên thông", thống nhất đầu mối trong việc thực hiện TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại một Bộ phận nhằm tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ.

Về nội dung cần kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện niêm yết tại trụ sở cơ quan, công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử; thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức tại cơ quan, đơn vị theo quy định.

Kiểm tra, kiểm soát và kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể có sáng kiến, có thành tích xuất sắc, kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, viên chức tùy tiện quy định nhũng thủ tục, cố tình gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu, hách dịch, cửa quyền, lợi dụng các vướng mắc về TTHC để trục lợi, không thực hiện đúng các quy

định pháp luật về TTHC; thực hiện công khai, minh bạch hóa hình thức và các quy trình giải quyết công việc.

Ngoài việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên; định kỳ hàng năm hoặc từng học kỳ Nhà trường nên lấy ý kiến HSSV, cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ hài lòng dịch vụ hành chính, trong đó có việc triển khai thực hiện các TTHC trong hoạt động trường ĐH (*Hình 3.1*).

Hình 3.1: Mô hình đánh giá mức độ hài lòng dịch vụ hành chính

*(**Nguồn:** Tác giả có tham khảo Phương án đánh giá sự hài lòng về dịch vụ hành chính của công dân và tổ chức của Lê Dân, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng -Số 3(44).2011)*

3.3.8. Áp dụng ISO vào quản lý công việc trong nhà trường

Tại sao cần giải pháp dụng ISO? ISO có tác dụng gì với cách thức thực hiện TTHC trong nhà trường?

Áp dụng ISO vì ISO có Bộ hệ thống tiêu chuẩn áp dụng gồm có tài liệu, sổ tay chất lượng *bộ thủ tục* bao quát tất cả các hoạt động liên quan đến quản lý đào tạo hệ đại học chính qui và cả sau đại học, bao gồm: Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng; Số tay chất lượng; Quy định thiết kế chương trình đào tạo; Quy định công tác lập - triển khai kế hoạch đào tạo; Quy định công tác tuyển sinh; Quy định công tác quản lý Bộ môn; Quy định công tác quản lý giảng viên thỉnh giảng; Quy định công tác tuyển dụng- đào tạo giảng viên; Quy định công tác tuyển dụng - đào tạo cán bộ; Quy định quan hệ với khách hàng; Quy định kiểm soát tài liệu; Quy định kiểm soát hồ sơ; Quy định kiểm soát sự không phù hợp; Quy định hành động khắc

phục - phòng ngừa; Hướng dẫn công tác thi học kỳ; Hướng dẫn công tác tốt nghiệp; Hướng dẫn công tác cấp bằng tốt nghiệp; Hướng dẫn công tác quản lý phòng thực hành; Hướng dẫn công tác thanh tra đào tạo; Hướng dẫn công tác quản lý sinh viên; Hướng dẫn công tác thư viện; Hướng dẫn công tác văn thư - hành chính; Hướng dẫn công tác phục vụ cơ sở vật chất; Hướng dẫn công tác nâng lương; Hướng dẫn công tác chăm sóc sức khỏe; Hướng dẫn công tác cải tiến hệ thống. Mọi cán bộ giáo viên bất kể mới hay cũ đều có thể nắm bắt ngay các công việc và biết rõ cách thức, quy trình triển khai các công việc này nhờ tài liệu ISO.

Như vậy ISO ở đây được hiểu như là tiêu chuẩn chuẩn, trong đó có cả yêu cầu cải cách TTHC, đối với nhà trường chủ yếu là cách thức thực hiện TTHC được công nhận và chuẩn hóa.

Ngoài ra chúng tôi cũng cho rằng nên đưa tiêu chí kiểm định TTHC vào kiểm định chất lượng các trường đại học. Các trường đại học triển khai hoạt động kiểm định chất lượng theo sự chỉ đạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào các tiêu chuẩn, tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng nhà trường rà soát lại toàn bộ các mặt hoạt động của nhà trường, đánh giá hiện trạng và đề ra được kế hoạch hoàn thiện những gì còn yếu, còn thiếu so với tiêu chuẩn quy định của Bộ. Ví dụ, quy định, quy trình, trình tự về TTHC đã được công bố, hướng dẫn thực hiện rõ ràng chưa, giải quyết có đúng luật không? là một trong những nội dung cần kiểm định.

Để có giải pháp mạnh hơn nên đưa tiêu chí kiểm định TTHC vào kiểm định chất lượng các trường đại học và khuyến khích tăng chỉ tiêu đào tạo hay trừ chỉ tiêu đào tạo hằng năm đối với các trường không đạt hay không đạt chuẩn TTHC được đề cập trong chỉ tiêu này.

Cả ISO và Kiểm định đều có chung mục đích nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường. ISO làm cho công tác quản lý hoàn thiện hơn (trong đó có các TTHC), tập trung vào quản lý chất lượng; còn kiểm định tập trung vào việc đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường qua việc so sánh thực tế nhà trường với tiêu chuẩn, chuẩn mực chung. ISO chuẩn hóa các hoạt động của nhà

trường nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất cụ thể của nhà trường cần kiểm định chất lượng đưa hoạt động của các trường vào một chuẩn mực chung. Cả ISO và Kiểm định đều có quá trình đánh giá trong và đánh giá ngoài, đều góp phần quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu của nhà trường. Tuy nhiên ISO không có sự so sánh giữa trường này với trường khác, trong khi kiểm định lại luôn luôn có sự so sánh qua việc phân cấp hạng trường: cấp 1, cấp 2 hay cấp ba[123]..

Để cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học cần sự chỉ đạo thống nhất các trường đại học đăng ký tham gia ISO cũng như kiểm định chất lượng, vì nó có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện TTHC, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng giáo dục và đào tạo.

3.3.9. Học tập kinh nghiệm quốc tế

Chúng ta đang sống trong thời kỳ hội nhập, quan hệ quốc tế của Việt Nam đang ngày càng mở rộng. Đó là điều kiện thuận lợi cho các trường ĐH nước ta nói riêng và ngành GDĐT nói chung tiếp xúc với các trường ĐH trên thế giới để học tập kinh nghiệm của họ về xây dựng một nền ĐH tiên tiến đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ trước đến nay chúng ta đã cử nhiều đoàn cán bộ trực tiếp đến nhiều nước trên thế giới để khảo sát kinh nghiệm quản lý giáo dục, nghiên cứu kinh nghiệm về CCHC, cải cách TTHC. Nhiều chuyên gia nước ngoài cũng đã được mời đến nước ta để trao đổi với các chuyên gia, các nhà quản lý trong nước. Nhiều kinh nghiệm đã được nhắc đến nhưng chúng ta chưa ứng dụng được nhiều. Đó là điều đáng tiếc vì rõ ràng nhiều nước trên thế giới có kinh nghiệm quản lý ĐH rất tốt, TTHC của họ đơn giản, thiết thực.

Chẳng hạn, TTHC trong tuyển sinh ĐH như ở chương 1 đã có nhắc đến, nhiều nước không do Bộ quản lý quy định. Họ xem đó là công việc của các trường. Các ĐH có quyền đề ra cách tuyển sinh, miễn là có được SV theo đúng yêu cầu của mình. Chính vì vậy như đã nêu ở chương 1, các ĐH trên thế giới đã áp dụng nhiều cách tuyển sinh khác nhau, đa dạng mà hiệu quả. Tại sao chúng ta không thể quy

định như họ và Bộ GD&ĐT chỉ cần theo dõi việc các trường ĐH do mình quản lý tổ chức tuyển sinh có kết quả ra sao?

Cách quản lý với nhiều thủ tục nặng nề, ôm đồm như chúng ta gần như không tạo ra các ĐH quyền gì đáng kể? Rõ ràng từ nhiều năm nay đã không có hiệu quả, đã đến lúc nên quyết tâm thay đổi. Thủ tuc hành chính quan trọng nhất mà Bộ GD&ĐT nước ta nên làm theo các nước, đó là thủ tục đánh giá các hoạt động của trường liên quan đến chủ trương, chính sách của nhà nước, đánh giá vai trò của nhà trường trong đời sống xã hội.

Một bài học cũng quan trọng xét về mặt TTHC, đó là việc mở rộng liên thông liên kết đào tạo để nâng cao chất lượng cho các trường ĐH. Trong khi thủ tục xin phép liên kết đào tạo với nước ngoài của chúng ta còn khá nhiêu khê thì trái lại, ở các nước là đơn giản, miễn là nhà trường thấy có khả năng liên kết và có lợi. Ngay cả các bậc đào tạo tiến sĩ ở một số nước như Úc, Hà Lan... được biết hội đồng bảo vệ luận án nhiều trường hợp có sự tham gia của các chuyên gia nước khác với thủ tục rất đơn giản là một thư mời do nhà trường gửi đi và được nhận lời với tư cách cá nhân.

Một bài học nữa đáng quan tâm là bồi dưỡng cán bộ về tác phong giải quyết TTHC, thực thi công vụ. Bài học này chúng ta có thể thấy ở Đại học Chulalongkon (Thái Lan). Ở trường ĐH này trong các ngày SV nhập trường và bế giảng khóa học, Ban giám hiệu dành sự đón tiếp đặc biệt, luôn cùng với cán bộ các phòng ban khác tiếp đón, hướng dẫn tân SV làm thủ tục nhập trường và SV tốt nghiệp làm thủ tục ra trường. Đây không chỉ là thể hiện sự tôn trọng người học mà những khúc mắc từ SV luôn được giải quyết và hướng dẫn giải đáp kịp thời, không bao giờ chậm trễ.

3.3.10. Giao quyền giải quyết các công việc cụ thể trong hoạt động các trường dưới sự giám sát chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Từ quan niệm TTHC trong hoạt động của trường Đại học Oslo - Na Uy và các trường đại học Mỹ, Canada như trình bày trên chúng tôi cho rằng TTHC trong hoạt động các trường ĐH nên giao cho các trường tự quy định và thực hiện. Bộ GD&ĐT chỉ quy định những vấn đề chung nhất như phí, lệ phí... còn quy trình thủ

tục nên giao cho các trường tự xây dựng và thực hiện. Vì quy trình, thủ tục luôn gắn liền với thể chế (cơ cấu tổ chức bộ máy) của từng trường khác nhau, điều kiện cơ sở vật chất của từng trường cũng khác nhau trong khi TTHC có yếu tố linh hoạt, thay đổi theo yêu cầu cuộc sống. Nếu làm như vậy về mặt quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT chỉ ban hành văn bản quy định chung nhất và kiểm tra xử lý những trường không có quy định TTHC cụ thể rõ ràng để giải quyết các công việc thuộc trường và những trường ban hành các TTHC sai quy định. Các trường ĐH sẽ chủ động hơn, tích cực hơn, và phải tính toán khoa học hơn để tạo nên những quy định TTHC nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tế và điều phối các công việc của mình.

3.3.11. Thí điểm và tiến tới triển khai cơ chế TTHC "một cửa" cho học sinh, sinh viên

Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong trường đại học cũng nhằm mục đích thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, cơ chế quản lý, cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm chất lượng giáo dục; công khai kết quả đo lường mức độ hài lòng của người dân, của SV đối với sự nghiệp phục vụ của các cơ sở giáo dục.

Cơ chế một cửa liên thông sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc giải quyết các TTHC một cách chính xác, nhanh gọn, đúng quy định được xem là việc làm cần thiết trong nhà trường hiện nay. Vấn đề này kinh nghiệm của ĐH Vinh rất đáng để các trường ĐHCL khác học tập. Với nguyên tắc thực TTHC được công khai, giải quyết kịp thời đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng pháp luật; nhận yêu cầu và trả kết quả tại bộ phận một cửa, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng. ĐH Vinh đã chọn 24 nội dung công việc cơ bản làm thí điểm tại bộ phận một cửa gồm: HSSV xin thôi học; HSSV xin nghỉ học tạm thời; HSSV xin trở lại học tập; HSSV xin chuyển trường; HSSV xin đền bù bảo hiểm thân thể; xác nhận cho HSSV vay vốn tín dụng; xin xác nhận HSSV cấp các loại giấy giới thiệu; nhận

hồ sơ HSSV; gia hạn Hộ chiếu cho HSSV; HSSV chưa có điểm thi hoặc đề nghị xem lại kết quả chấm thi học phần; xin xác nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo; sửa thông tin sinh viên trên phần mềm quản lý. Những đầu việc được giải quyết tại bộ phận một cửa sẽ được cán bộ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết và trả kết quả cho HSSV. Bộ phận một cửa do Phòng Công tác chính trị - HSSV trực tiếp quản lý, điều hành. Phòng Công tác chính trị - HSSV cũng đã bố trí các cán bộ có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đạo đức, tận tâm với công việc và có tinh thần trách nhiệm cao để giải quyết các công việc đối với HSSV.

Nếu các trường ĐH đều triển khai thực hiện được mô hình này thì vai trò QLHC trong nhà trường sẽ được nâng cao, HSSV được tôn trọng và có nhiều thời gian hơn dành cho học tập, nghiên cứu. Nó sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng phục vụ trong các trường ĐH hiện nay.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu TTHC tìm ra các giải pháp để thúc đẩy cải cách TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam là một trong những yêu cầu cần thiết góp phần cải cách nền hành chính Nhà nước. Đây cũng là điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo hiện nay của các trường ĐH ở nước ta. Qua nghiên cứu luận án, có thể rút ra một số kết luận quan trọng sau đây:

- Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường ĐHCL được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, phần lớn do Bộ GD&ĐT ban hành. Cải cách TTHC ở đây về cơ bản là cải cách cách thức, quy trình, trình tự, hướng dẫn thực hiện cụ thể của các trường. Điều này liên quan tới nội dung các quy phạm thủ tục để đảm bảo sự tuân thủ, kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện khi phục vụ SV, cán bộ, giảng viên những người có nhu cầu giải quyết TTHC.

- Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường ĐH phần lớn có chủ thể thực hiện là trường ĐH. Tuy nhiên, cũng có khá nhiều TTHC mà trường ĐH chỉ là chủ thể phối hợp. Vì nó liên quan đến SV, cán bộ, giảng viên nên luận án đã nghiên cứu và từ đó đề xuất các giải pháp liên quan đến công việc cụ thể trong đó có cả các Bộ, ngành khác ngoài Bộ GD&ĐT.

- Luận án nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện một số vấn đề về lý luận và thực tiễn TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp chung và giải pháp cụ thể nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý công, quản lý nhà nước trong lĩnh vực đào tạo ở các trường ĐHCL trong thời gian tới. Những đóng góp mới về mặt lý luận và thực tiễn của luận án có thể tóm tắt như sau:

+ Củng cố bổ sung thêm về mặt lý luận TTHC, đặc biệt lý luận TTHC đối với hoạt động của các trường đại học công lập; tập hợp, Hệ thống hóa các TTHC trong hoạt động của nhà trường, làm rõ, bổ sung thêm phần lý luận về vị trí, vai trò, đặc điểm, ý nghĩa, cách phân loại, nguyên tắc xây dựng, ban hành TTHC. Đối chiếu, phân tích làm rõ hơn các nội dung trên, đặc biệt từ khi Nghị định số 63/2010/NĐ-CP "Về kiểm soát Thủ tục hành chính" ra đời. Khái quát đặc điểm của TTHC đối với

hoạt động của trường ĐH, sự cần thiết điều chỉnh các TTHC này trong lĩnh vực quản lý hành chính công về GD&ĐT, đồng thời đưa ra nhận định bước đầu về vấn đề cải cách TTHC đối với hoạt động của các trường ĐH. Trên cơ sở đó luận án đề xuất một số giải pháp chung và giải pháp cụ thể về tổ chức nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC trong hoạt động của các trường ĐHCL, trong đó trọng tâm được đặt vào vấn đề nhận thức, yếu tố con người, các chế tài và đề xuất việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc triển khai thực hiện TTHC.

+ Luận án đã tổng hợp, so sánh, đánh giá và đưa ra được những nhận định bước đầu về thực hiện TTHC trong các trường ĐHCL hiện nay, chỉ ra được ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân việc cải cách TTHC trong các trường ĐH chưa đạt kết quả như mong muốn. Trong quá trình nghiên cứu một cuộc khảo sát đầu tiên về cải cách TTHC trong các trường ĐH đã được thực hiện làm cơ sở quan trọng để tác giả đề xuất các giải pháp cải cách TTHC trong nhà trường hiện nay. Một số mô hình áp dụng công nghệ thông tin vào việc thực hiện TTHC trong trường ĐH có hiệu quả đã được giới thiệu và đề nghị áp dụng. Qua nghiên cứu một số mô hình tuyển sinh ĐH của các nước có nền giáo dục phát triển luận án đã đề xuất mô hình tuyển sinh ĐH ở Việt Nam với các thủ tục mới. Tác giả cũng đề xuất với Bộ GD&ĐT loại bỏ những TTHC không cần thiết, không còn phù hợp trong một số khâu tuyển sinh và đào tạo ĐH hiện nay, đặc biệt là trong công tác SV; trong thi tuyển, xét tuyển và bồi dưỡng cán bộ, viên chức.

- Để thực hiện được việc cải cách TTHC trong hoạt động các trường ĐHCL Việt Nam chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề sau:

1) Kiến nghị với Đảng, Nhà nước

Khi coi GD&ĐT là quốc sách thì việc đầu tư phải tương thích vì sản phẩm GDĐT là sản phẩm đặc biệt. Ở đâu có người tốt, cách thức quản lý tốt, mô hình giáo dục đào tạo tốt, giảng viên tốt, điều kiện sinh hoạt, phục vụ giảng dạy và học tập tốt, môi trường tốt thì ở đó giáo dục sẽ phát triển và phát triển đạt đến đẳng cấp quốc tế.

Trong các trường ĐH và cao đẳng, những ách tắc, chậm trễ, lực cản sự phát triển... không gì khác, đó là do những TTHC rườm rà, không chỉ có "hành dân" mà "hành" ngay cả người quản lý, người thi hành và thực hiện nó. Vì vậy, cải cách

TTHC và việc thực hiện TTHC trong các trường ĐH có ý nghĩa quan trọng, là tâm điểm để đi sâu thực hiện các cuộc cải cách khác trong nhà trường như: cải cách chương trình đào tạo; cải cách việc ra đề thi và chấm thi, cải cách việc biên soạn giáo trình, cải cách việc đánh giá chất lượng đào tạo... Vì thế, Đảng, nhà nước cần sớm chỉ đạo ban hành Luật Thủ tục hành chính làm căn cứ pháp lý, là chỗ dựa vững chắc để các cơ quan, tổ chức xây dựng ban hành các văn bản quy định về TTHC đúng luật, thống nhất. Cần có các điều khoản hướng dẫn trình tự thực hiện TTHC, thời gian, địa điểm...thực hiện TTHC để các cơ quan, tổ chức và cá nhân khi triển khai thực hiện, thực hiện đúng, không bỏ sót hoặc tuỳ tiện thêm, bớt, đặt ra các quy định trái luật; có chế tài xử lý các trường hợp "ngang trái", vi phạm pháp luật.

Cương quyết chỉ đạo thực hiện TTHC ở một số khâu, một số thời điểm "một cửa, một khoá", coi đây là quan điểm hướng tới người dân, người được phục vụ. Trong các trường học ĐH việc thực hiện TTHC "một cửa, một khoá" sẽ tiết kiệm được đáng kể thời gian, công sức, tiền bạc của SV, cán bộ, công chức, viên chức.

Nhà nước cần quan tâm hơn nữa đầu từ cơ sở vật chất cho ngành GD&ĐT, đặc biệt là cơ sở vật chất cho việc giảng dạy, học tập và thực hiện TTHC theo hướng áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa, chống phiền hà, tiêu cực và tham nhũng. Chuyển mạnh hơn việc giao quyền tự chủ cho các trường trong việc xét tuyển, thi tuyển, tuyển dụng cán bộ, viên chức để các trường có điều kiện thu hút và giữ được người tài, các nhà khoa học ở lại với trường, với ngành GD&ĐT. Đặc biệt phải quan tâm đến việc đổi mới thủ tục tuyển chọn cán bộ để có thể nhanh chóng xây dựng được một đội ngũ giảng viên giỏi cho các trường ĐH nước ta. Vì xét cho cùng đội ngũ giảng viên là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng GDĐT. Các chính sách ưu tiên cho giảng viên phải được hướng dẫn thực hiện nghiêm túc, tránh hình thức.

2) Kiến nghị với các Bộ, ngành có liên quan: Bộ Nội vụ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính

Về cơ chế, chính sách: chỉ đạo kiểm tra, rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm cho các trường; trên cơ sở quyền hạn giao đầy đủ,

gắn liền với quyền hạn là trách nhiệm. Tránh việc cứng nhắc, ôm đồm, giao quyền hạn nhưng nhỏ giọt và thiếu đồng bộ.

Về tổ chức, bộ máy, biên chế: giao cho các trường quyền được tự sắp xếp bộ máy, thành lập các phòng, khoa, bộ môn; được toàn quyền điều động giảng viên, cán bộ trong nội bộ trường; được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm người lãnh đạo các cấp từ phó hiệu trưởng trở xuống; tạo cơ chế, chính sách thu hút người tài.

Về công tác tuyển sinh, đào tạo: cho phép các trường tự xây dựng các chuyên ngành mới; được tuyển sinh theo cách riêng; được tổ chức quá trình dạy và học theo tín chỉ, học phần hoặc kết hợp tín chỉ với niên chế.

Về học bổng và các chính sách xã hội: đề nghị thống nhất các văn bản hướng dẫn thực hiện, tạo điều kiện bình đẳng về học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp đột xuất... cho SV học bất kể loại hình trường nào trong hệ thống giáo dục quốc dân đều được hưởng quyền lợi như nhau về chính sách xã hội.

Về tài chính: có văn bản hướng dẫn đầy đủ hơn các khoản thu, khoản chi trong các trường ĐH và cao đẳng; đặc biệt cần thống nhất các khoản phí, lệ phí; không nên để mỗi trường tự quy định mỗi cách làm, mức thu, chi khác nhau, tạo nên sự thiếu thống nhất và khó kiểm soát các khoản thu và phí trong nhà trường.

3) Kiến nghị với Bộ Giáo dục và đào tạo

Bộ GD&ĐT, các Bộ liên quan cần tổ chức rà soát lại các TTHC, tiến hành khảo sát các trường ĐH và cao đẳng - cơ quan tiến hành và phối hợp thực hiện nhiều TTHC về lĩnh vực GD&ĐT, xác định rõ các loại giấy tờ, tài liệu khi thực hiện TTHC cần có (cái gì cần thiết giữ lại, các gì không cần thiết loại bỏ); quy định thời gian tối đa để hoàn tất các thủ tục liên quan đến SV, liên quan đến cán bộ, giảng viên; xác định rõ đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp của từng loại thủ tục; lệ phí; cơ chế giám sát, khiếu nại (miễn giảm học phí, trợ cấp, đăng ký học vượt, đăng ký thi lại...); bãi bỏ hoặc sửa đổi các thủ tục sai trái; đề nghị xây dựng pháp lệnh hoặc luật về TTHC.

Nên nghiên cứu tiến tới hợp nhất Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV vào Quy chế đào tạo. Vì thực chất rèn luyện hay đào tạo đều nhằm mục đích hoàn thiện con người qua quá trình đào tạo. Nếu để như hiện nay có nhiều bước đánh giá trùng lắp,

đánh giá không sát thực tiễn và đánh giá còn mang nặng tính hình thức. Đưa điểm rèn luyện, điểm chuyên cần vào quy chế đào tạo sẽ phù hợp hơn.

Đưa các chế tài đủ mạnh vào trong các văn bản quy phạm pháp luật mà Bộ GD&ĐT ban hành, đặc biệt là các chế tài quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị cố tình thực hiện sai các quy định về TTHC. Một ví dụ cụ thể dưới đây cho thấy chúng ta không thể xử lý được vấn đề vì đang thiếu những chế tài mạnh và cụ thể. "Tại cuộc họp báo ngày 28/12/2012 ông Nguyễn Huy Bằng, Chánh thanh tra Bộ GD&ĐT, cho biết: "Đây là năm đầu tiên các trường được tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo Thông tư 57 của Bộ. Để thực hiện nghiêm, Bộ đã tiến hành thanh tra và phát hiện nhiều trường chỉ tiêu đào tạo xác định không đúng. Ngoài việc xử phạt hành chính như mọi năm, Bộ sẽ đề nghị các giải pháp xử lý cá nhân người đứng đầu cơ sở vi phạm. Một danh sách dài các hiệu trưởng bị đề nghị kỷ luật[144]. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hiệu trưởng nào nằm trong số các trường có trong danh sách đó bị thi hành kỷ luật. Vì đối chiếu với Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chúng ta thấy không có điểm nào quy định xử lý cá nhân người đứng đầu cơ sở vi phạm. Đó là điểm khó cho công tác quản lý nhà nước trong việc xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ sở vi phạm.

Chuyển hẳn việc in, cấp văn bằng chứng chỉ từ Bộ về cho các trường ĐH quản lý (thay cho cách làm hiện nay Bộ mới chỉ giao cho các trường ĐH quốc gia thực hiện), vì đây không phải là việc khó, khó đến mức các trường ĐH không thực hiện được. Bộ chỉ nên làm công tác kiểm tra, giám sát thực hiện.

Bộ GD&ĐT tiếp tục thực hiện TTHC "một cửa" về hợp tác đào tạo của các trường ĐH và cao đẳng với các cơ sở đào tạo trong nước, hợp tác đào tạo của các trường ĐH và cao đẳng với các trường ĐH và cao đẳng nước ngoài.

Xây dựng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có các chế tài đủ mạnh, quy định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi và có quy trình thực hiện TTHC cụ thể, rõ ràng. Các văn bản ban hành không được để "vênh nhau".

Tăng cường việc quản lý vĩ mô, thanh tra, kiểm soát của GD&ĐT. Những việc nào các trường làm được và làm tốt hơn Bộ giao hẳn cho các trường thực hiện. Bộ tập trung mạnh vào việc hoạch định chiến lược, chính sách, và quản lý Nhà nước, quản lý vĩ mô về GD&ĐT. Để kiểm soát được hoạt động của các trường Bộ tăng cường nhiều hơn việc thanh tra, kiểm soát: độc lập hoặc uỷ quyền như việc uỷ quyền thanh tra kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và bổ túc trung học phổ thông cho cán bộ, giảng viên các trường ĐH và cao đẳng thực hiện năm 2007. Có kiểm tra, thanh tra mới phát hiện ra các kiếm khuyết, thiếu sót, để bổ sung kịp thời hoặc ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực có thể xẩy ra; xử lý các thủ tục mà các trường tự ý đặt ra bất hợp pháp; khuyến khích cách thực hiện TTHC đơn giản, thuận lợi, ít tốn kém về thời gian và công sức từ cơ sở để tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định, quyết định, thông tư hướng dẫn của mình.

Yêu cầu thực hiện kiểm định và triển khai áp dụng ISO ở các trường ĐH. Chỉ đạo các trường thực hiện cơ chế giải quyết TTHC một cửa. Đề nghị giao quyền ban hành TTHC để giải quyết các công việc cụ thể trong hoạt động các trường ĐH cho các trường thực hiện.

4) Kiến nghị với các trường đại học

Hiệu trưởng các trường ĐH cần trực tiếp phụ trách chỉ đạo cải cách việc thực hiện TTHC trong nhà trường; kiên quyết chỉ đạo việc thực hiện TTHC "một cửa" tại các thời điểm nhất định như: SV nhập trường, SV tốt nghiệp ra trường, vì nếu hiệu trưởng không quyết tâm và trực tiếp chỉ đạo thì việc này không thể thực hiện được. Mọi việc có thể làm từ dưới làm lên nhưng cải cách việc thực hiện TTHC thì không thể, nó phải được xuất phát và làm từ trên làm xuống.

Chỉ đạo, xây dựng Bộ quy định về quản lý các hoạt động của trường ĐH, Bộ quy trình thủ tục giải quyết các công việc của nhà trường. Thực hiện chuẩn hoá, công khai hoá các văn bản hướng dẫn trình tự thực hiện TTHC; niêm yết tại nơi trực tiếp giải quyết công việc và trên mạng nội bộ trường cho cán bộ, giảng viên, SV biết.

Chỉ đạo thành lập bộ phận làm công tác pháp chế, bố trí cán bộ làm công tác pháp chế, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý các văn bản do nhà trường ban hành,

tránh để tình trạng văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC ban hành trái luật, hoặc chồng chéo, không thống nhất với những văn bản cùng cấp đã ban hành.

Đầu tư máy móc, thiết bị như máy vi tính, cài đặt phần mền quản lý, kết nối internet, điện thoại, camera, máy sao, in, chụp, photocopy, xây dựng trang website, mạng nội bộ đủ mạnh để hiện đại hóa công tác quản lý trường học nhằm cải cách việc thực hiện TTHC theo hướng giải quyết thông qua mạng, hạn chế sự không cần thiết phải tiếp xúc giữa con người với con người trong việc giải quyết TTHC.

Tôn trọng các kiến nghị liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của SV. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, đơn vị về cơ chế, chính sách, TTHC bằng các hình thức đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của trường, trên bảng tin, trên đài phát thanh nội bộ và các hình thức khác.

Kịp thời kiến nghị những vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách không phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế trường ĐH với cấp trên. Xử lý nhanh chóng, dứt điểm những TTHC do các đơn vị, bộ phận và cán bộ, viên chức tự ý đặt ra, không hợp pháp.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện TTHC trong nhà trường. Xử lý nghiêm những cán bộ, viên chức cố tình, dây dưa, kéo dài việc thực hiện, không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng quy trình, trình tự TTHC, gây khó khăn hoặc cản trở nhu cầu giải quyết TTHC của cán bộ, SV.

Khuyến khích biểu dương khen thưởng các sáng kiến mới về cải cách TTHC trong hoạt động nhà trường nhằm đạt được sự thuận tiện, đơn giản hóa, giảm phiền hà cho cán bộ, SV, thể hiện tính khoa học và hiệu quả.

Đăng ký kiểm định và thực hiện công tác ISO ở cấp trường.

Chúng tôi tin rằng nếu các kiến nghị trên đây được thực hiện thì việc thực hiện TTHC trong các trường ĐHCL ở nước ta sẽ có những bước tiến mới, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng đào tạo ĐH hiện nay. Đó là đóng góp thiết thực để đưa nền giáo dục nói chung và GDĐH nói riêng của Việt Nam tiến lên theo kịp các đòi hỏi mới./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

I. CÁC BÀI VIẾT CỦA NCS LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐĂNG TRÊN CÁC TẠP CHÍ

1) *Cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính trong các trường đại học và cao đẳng*, Tạp chí Thị trường Giá cả, Số tháng 5/2009, tr.41-42.

2) *Thực hiện TTHC ở các trường đại học, cao đẳng mỗi nơi một kiểu!*, Tạp chí Tài chính Ngày nay, Số 11 (52) 2009, tr.31.

3) *Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam - nhìn từ một cuộc khảo sát,* Tạp chí Tổ chức Nhà nước, Số 2/2013, tr.49-51.

4) *Thủ tục tuyển sinh đại học - kinh nghiệm một số nước và gợi ý ở Việt Nam,* Tạp chí Quản lý giáo dục, Số 3/2013, tr.45-49.

II. THAM GIA CÁC ĐỀ TÀI KHOA HỌC

1) Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp trường: "*Đánh giá tình hình soạn thảo, ban hành văn bản của trường Cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh từ năm 2006 đến năm 2008, những giải pháp đề xuất và kiến nghị*", tháng 12/2009.

2) Ban biên soạn cuốn *Tài liệu học tập Tuần giáo dục công dân đầu khoá của trường Cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh (*nay là trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh) *năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*.

3) Ban chỉ đạo và biên tập cuốn *Tài liệu học tập Tuần giáo dục công dân cuối khoá của trường Cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh (*nay là trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh) *năm 2010, 2011, 2012, 2013*.

4) Ban xây dựng *Dự án nâng cấp Trường đại học* của trường Cao đẳng Tài chính Quản trị kinh doanh, năm 2011.

5) Ban Chủ nhiệm *Đề án Phần mềm quản lý nhà trường* của trường Cao đẳng Tài chính Quản trị kinh doanh, năm 2011.

6) Ban chỉ đạo *Đề án Đào tạo tín chỉ* của Trường Cao đẳng Tài chính Quản trị kinh doanh, năm 2012.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

A. Văn kiện Đảng

1. Ban chấp hành Trung ương khoá X (2007), *Nghị quyết* số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007, *Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (1996), Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996, *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.*
3. Ban Bí thư khóa IX (2004), Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 15/6/2004, *Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.*
4. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, http://www.google.com.vn/.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng cộng sản Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng cộng sản Việt Nam (2007), *Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu quả quản lý nhà nước,* Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 1 tháng 8 năm 2007 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

B. Văn bản của Nhà nước

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Quy chế tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hệ chính quy; sửa đổi, bổ sung năm 2000, 2001, 2002,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Các văn bản Pháp luật hiện hành về Giáo dục - Đào tạo,* tập 1, tập 2, tập 3, tập 4. Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy; sửa đổi, bổ sung năm 2004,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ*

chính quy; sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2007, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) *Tài liệu tập huấn công tác pháp chế.*
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy; sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Quyết định số 795/QĐ-BGDĐT, ngày 27-02-2010, *Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, quy trình đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, kiểm tra và xử lý việc thực hiện các quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh.*
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*, Ban hành kèm theo Thông tư số Quyết định số 57/2011/TT-BGDĐT, ngày 02-12-2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
15. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính (2006), Thông tư liên tịch, số: 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC, ngày 20 tháng 11 năm 2006, *Hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.*
16. Bộ nội vụ (2007), Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007, *Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước.*

17. Bộ nội vụ (2008), Thông tư số 02/2008/TT-BNV ngày 03/3/2008 *Sửa đổi điểm b khoản 1 mục I Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.*

18. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Tài chính (2006), Thông tư liên bộ số 16/2006/TTLB/BLĐTBXH - BGDDT - BTC, ngày 20 tháng 11 năm 2006 "*Hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ* (thay thế Thông tư số 26/1999/TTLB/BLĐTB&XH-BTC-BGD&ĐT ban hành ngày 02 tháng 11 năm 1999 và Thông tư số 23/2001/TTLB/BTC-BLĐTB&XH ban hành ngày 6 tháng 4 năm 2001).

19a. Chính phủ (2005), *Nghị quyết về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức*, số: 38 - CP ngày 04 tháng 5 năm 1994.

19. Chính phủ (2005), *Nghị quyết về đổi mới cơ bản và toàn diện Giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, số 14/2005/NQ-CP, ngày 02 tháng 11 năm 2005.

20. Chính phủ (2010), Nghị định *Về Kiểm soát Thủ tục hành chính*, số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010.

21. Chính phủ (2011), *Nghị quyết Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chínhnhà nước giai đoạn 2011- 2020,* số: 30c/NQ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2011.

22. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Phê duyệt chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010,* Ban hành kèm theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001.

23. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Về việc phê duyệt đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010*, Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QDD-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007.

24. Quốc hội, *Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (2005)*.

25. Quốc hội, *Luật phòng chống tham nhũng (2005), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống tham nhũng (2007)*.

26. Quốc hội, *Luật giáo dục (2005*, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục (2009)*.

27. Quốc hội, *Luật cư trú (2006)*.

29. Quốc hội, *Luật cán bộ, công chức (2008).*

30. Quốc hội, *Luật viên chức (2010).*

31. Quốc hội, *Luật khám bệnh, chữa bệnh (2009)*.

32. Quốc hội, *Luật bảo hiểm xã hội (2006)*.

33. Quốc hội, *Luật bảo hiểm y tế (2008)*.

34. Quốc hội, *Luật giáo dục đại học (2012)*.

C. Sách, luận án, luận văn, tạp chí

36. Cận Nhị Bân (2001), *Kinh tế giáo dục*. Nxb Giáo dục nhân dân Bắc Kinh, Trung Quốc.

37. Tất Tiểu Bình (2003) *Thiết kế đánh giá công tác sinh viên* của - Đại học Trung Sơn, Trung Quốc (Tài liệu lưu hành nội bộ).

38. Trần Văn Bình (2000), *Cải cách thủ tục hành chính trong cải cách nền hành chính nhà nước Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ hành chính công, Học viện hành chính quốc gia, Hà Nội.

39. Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Viện chiến lược Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - NIPTS (2003), *Chính phủ điện tử*, Tài liệu tham khảo.

40. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh, Lưu Lập Đức, Chu Hải Yến (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển - Cải cách giáo dục ở Mỹ*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

41. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh, Lưu Lập Đức, Chu Hải Yến (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển - Cải cách giáo dục ở Anh*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

42. Hoàng Quang Đạt (2011) *Bàn về tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính*, Kỷ yếu hội thảo cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam từ góc nhìn của các nhà khoa học Học viện hành chính, NXB Lao động, Hà Nội.

43. Nguyễn Minh Đoan, Bùi Thị Đào, Trần Ngọc Định, Trần Thị Hiền, Lê Vương Long, Nguyễn Văn Năm, Bùi Xuân Phái (2009) *Một số vấn đề về tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

44. Tuấn Đức (2006), *Cẩm nang thanh tra, kiểm tra Giáo dục*. Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

45. Trần Khánh Đức,Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Giáo dục đại học và quản trị đại học*. NXB Đại học quúc gia, Hà Nội.

46. Lê Tuy Hòa, Trưởng Ban biên tập (2000), *Bách khoa tri thức phổ thông*, Nxb Văn hóa thông tin.

47. Phan Huy Hùng (2009) *Quản lý nhà nước theo hướng đảm bảo sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học ở Việt Nam* - Luận án tiến sĩ quản lý hành chính công, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội (Thư viện Học viện hành chính, LA - 24).

48. Mai Hữu Khuê, Bùi Văn Nhơn (1995), *Một số vấn đề cải cách thủ tục hành chính*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

49. Trần Công Lý (2009) *Giáo dục ý thức pháp luật cho cán bộ, công chức ở Việt Nam* - Luận án Tiến sĩ quản lý hành chính công, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội (Thư viện Học viện hành chính, LA - 11).

50. Nông Đức Mạnh (*2008*), "*Mậu tý 2008 phải là năm tạo sức bật mới cho một giai đoạn phát triển cao hơn*", Tạp chí cộng sản, số 794, tr. 9.

51. Hoàng Mai (2010) *Phân cấp quản lý nhân sự hành chính Nhà nước ở Việt Nam* - Luận án Tiến sĩ quản lý hành chính công, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội (Thư viện Học viện hành chính, LA - 17).

52. Lương Thanh Nghị (2004), *Một số giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sĩ quản lý hành chính công, Học viện hành chính quốc gia, Hà Nội.

53. Nguyễn Thị Ngọc Phượng (2000), *Cải cách thủ tục hành chính - khảo sát mô hình một cửa tại UBND thị xã Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ quản lý nhà nước, Học viện hành chính quốc gia, Hà Nội.

54. Lê Quỳnh (2005), *Cẩm nang Nghiệp vụ quản lý trường học*. Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

55. Võ Kim Sơn (2004) *Phân cấp quản lý nhà nước lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Lê Đình Sơn (2010), *Cải cách hành chính và vấn đề cải tiến các dịch vụ hành chính trong trường đại học,* Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nặng, số 2(37) 2010, tr 124.
57. S. Chiavo-Campo và P.S.A.Sundaram (2003), *Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*, sách tham khảo của Ngân hàng phát triển Châu á, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Lưu Kiếm Thanh (2003), *Hướng dẫn Kỹ thuật nghiệp vụ hành chính* (Chủ biên). Nxb Thống kê, Hà Nội.
59. Nguyễn Đăng Thành (Chủ biên), Lưu Kiếm Thanh, Nguyễn Hoàng Quy, Nguyễn Thị Thu Vân, Dương Dạch Long, Đoàn Văn Dũng (2012), *Đo lường và đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước những thành tựu trên thế giới và ứng dụng ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
60. Nguyễn Đăng Thành, Lê thị Vân Hạnh, Đinh Văn Tiến, Phạm Quang Huy, chỉ đạo biên soạn (2011), *Kỷ yếu Hội thảo Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam từ góc nhìn của các nhà khoa học*, NXB Lao động, Hà Nội.
61. Nguyễn Văn Thâm, chủ biên (2002), *Thủ tục hành chính*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
62. Nguyễn Văn Thâm, Võ Kim Sơn (2002), *Giáo trình Thủ tục hành chính*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
63. Nguyễn Văn Thâm (2011), *Một số vấn đề về văn bản quản lý nhà nước, lưu trữ - Lịch sử và Quản lý hành chính*. Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
64. Vương Hoàng Tuấn (2000), *Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của Uỷ ban nhân dân quận 5 thành phố Hồ Chí Minh,* Luận văn Thạc sĩ, HVHCQG.
65. Trần Văn Tuấn (2010), *Cải cách hành chính và "cơ chế một cửa", "một cửa liên thông*", http://www.tapchicongsan.org.vn/
66. Đoàn Trọng Tuyến (2000), *Hành chính phát triển và Cải cách hành chính*

(Đề tài nghiên cứu khoa học mã số: 96-98.152), Hà Nội.

67. Đậu Thế Tụng (2009), *Cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính trong các trường đại học và cao đẳng*, Tạp chí Thị trường Giá cả, Số tháng 5/2009, Tr.41-42.
68. Đậu Thế Tụng (2009), *Thực hiện TTHC ở các trường đại học, cao đẳng mỗi nơi một kiểu!*, Tạp chí Tài chính Ngày nay, Số 11 (52) 2009, Tr.31.
69. Đậu Thế Tụng (2013), *Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam - nhìn từ một cuộc khảo sát,* Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số 2/2013, Tr.49.
70. Đậu Thế Tụng (2013), *Thủ tục tuyển sinh đại học - kinh nghiệm một số nước và gợi ý ở Việt Nam,* Tạp chí Quản lý giáo dục, Số 3/2013, Tr.45-49.
71. *Từ điển bách khoa Việt Nam (2005), Tập 4.* NXB. Từ điển bách khoa Hà Nội.
72. Điển Từ (2001), *Cải cách hành chính và cải cách kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, Nguyên bản từ Đại học Michigan.
73. Nguyễn Minh Tường (1994), *Công cuộc cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)* - Luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Viện sử học, Hà Nội (Thư viện Quốc gia LA94.0173.1).
74. Xuân Trung (2013) "Các bà mẹ VN anh hùng đã 'gần đất xa trời', còn sức đâu mà đi học"?! http://giaoduc.net.vn
75. Bùi Thế Vĩnh, Đinh Ngọc Hiện (2002) *Thuật ngữ hành chính*, Viện nghiên cứu hành chính, Học viện Hành chính quốc gia, Công ty in và Văn hoá phẩm - Bộ VHTT.
76. Bùi Thế Vĩnh (2007), *Đổi mới tư duy hành chính - Nền tảng vững chắc cho khâu đột phá cải cách hành chính,* Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 2/2007, tr.35-36.
77. Trần Trí Trinh (2008) *Nghiên cứu các giải pháp cải cách quản lý tài chính công nhằm thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam* - Luận án tiến sĩ quản lý hành chính công, Học viện hành chính, Hà Nội (Thư viện Quốc gia, LAO 04.13362).

D. Báo cáo, bài báo, bài tham luận

78. Ngọc Anh (2012), *Nhiều sai phạm tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*, http://www.vietnamplus.vn/
79. Ban tổ chức cán bộ chính phủ (1999), *Báo cáo về đợt nghiên cứu khảo sát tháng 3/1999 tại Trung Quốc,* số 01/TCCP-CCHC ngày 14/4/1999.
80. Baomoi.com (2009), *Mở rộng chương trình tín dụng ưu đãi đối với sinh viên,* http://www.baomoi.com/
81. Bộ Nội vụ (1999), *Báo cáo số 01/TCCP-CCHC ngày 14/4/1999 của Ban tổ chức cán bộ chính phủ "Về đợt nghiên cứu khảo sát tháng 3/1999 tại Trung Quốc".*
82. Bộ Nội vụ (2002), *Báo cáo về đợt công tác của đoàn Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Anh và Thụy Sĩ từ 14-26/9/2002,* số 527/BC-BNV, ngày 21/10/2002.
83. Bộ Nội vụ (2004), *Báo cáo của đoàn công tác của Bộ Nội vụ Khảo sát, nghiên cứu hành chính công, dịch vụ công ở Vương quôc Anh và Ai - Len từ 27/1/2004 đến 11/2/2004,* http://thongtinphapluatdansu.
84. Bộ Nội vụ (2004), *Đường lối, chủ trương của Đảng về Cải cách hành chính trong tiến trình đổi mới*, http://caicachhanhchinh.gov.vn/
85. Bộ Nội vụ (2005), *Báo cáo kết quả công tác của Đoàn Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Hàn Quốc từ ngày 23/5/2005 - 3/6/2005.*
86. Bộ Nội Vụ (2005), *Báo cáo* "*Tổng kết thực hiện Chương trình nghiên cứu xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn (2001-2005) và Chương trình hành động giai đoạn II (2006-2010)*", số 3023/BC-BNV, ngày 12/10/2005.
87. Bộ Nội vụ (2011), *Cải cách hành chính - Không thể chậm trễ,* http://caicachhanhchinh.gov.vn/
88. BTK-TTX - TTTT&CTGD *Cơ hội và thách thức đối với giáo dục Việt Nam,* (2007) http://vov.vn/Home/
89. BT, namthaibinhduong *Đại học Harvard tuyển sinh như thế nào?* http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?
90. cphud.danang, *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại một số nước* (2012), www.cphud.danang.gov.vn/
91. Cục kiểm soát thủ tục hành chính (2011), *Thông điệp của Thủ tướng Chính*

phủ, http://thutuchanhchinh.vn/

92. Cục kiểm soát thủ tục hành chính (2011), *Lời giới thiệu của Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP về Trang tin Cục Kiểm soát thủ tục hành chính,* http://thutuchanhchinh.vn/
93. Văn Như Cương, *Về dự án "kỳ thi sau trung học phổ thông"* http://thnt.vn/modules.php?
94. CLB Lý luận trẻ KTX (2010), "*Hội thảo công tác sinh viên ở Ký túc xá - Giá trị thực tiễn và bài học kinh nghiệm*", http://www.vnuhcm.edu.vn/
95. Kim Dung (2010), *Đừng điều hành giáo dục hiện tại bằng tư duy quá khứ,* http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/
96. Trần Thị Tâm Đan, Chủ nhiệm Uỷ ban Văn hoá Giáo dục Thanh thiếu niên Nhi đồng của Quốc hội (2006), *Báo cáo Giám sát về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề,* VietNamNet, ngày 7.11.2006.
97. Đại học Cần thơ, Quy trình tuyển dụng lao động, www.thuvientructuyen.vn/
98. Đại học Cần Thơ. Thông báo số 133/TB-ĐHCT, ngày 29/01/2008 *Một số vấn đề về tuyển sinh vào Trường Đại học Cần Thơ.*
99. Đại học Huế, *Mẫu hồ sơ tuyển dụng viên chức* http://hueuni.edu.vn/
100. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (2010), *Hội thảo công tác sinh viên ở Ký túc xá - Giá trị thực tiễn và bài học kinh nghiệm*, http://www.vnuhcm.edu.vn/
101. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (2010), *Quy định về y tế học đường*, http://www.google.com.vn/
102. Giaoduc.edu.vn (2011), "*Cuối năm 2011, hơn 300.000 HSSV sẽ được ở ký túc xá*" http://giaoduc.edu.vn/
103. Giaodục.net.vn (2012), *Nâng cao chất lượng GDĐH: Cần giao quyền tự chủ và phân tầng đại học*; http://giaoduc.net.vn/
104. Đoàn Lê Giang (2011), *Tuyển sinh đại học ở Mỹ, Anh, Pháp*, Tuổi trẻ ngày 6/7/2011
105. Hồng Hạnh (2011), *Sai phạm tại ĐH Lao động-Xã hội: Thiếu điểm vẫn được tuyển vào trường*, http://dantri.com.vn/
106. Hồng Hạnh (2012), *Thêm nhiều trường đại học lớn vi phạm liên kết đào tạo*, http://dantri.com.vn/

107. Đặng Trần Hiệp (2010), *Nên tổ chức tuyển sinh đại học như thế nào?,* http://www.baomoi.com/
108. Quỳnh Hoa (2010), *Cải cách thủ tục hành chính: Đột phá từ khâu cán bộ,* http://vpcp.chinhphu.vn/
109. Đỗ Hợp (2013), *Đại học Kinh tế Quốc dân thu sai hơn 50 tỷ đồng*, http://hssv.tienphong.vn/
110. Hồng Khánh (2010), *Đại biểu quốc hội "tố" khổ khi đi làm thủ tục hành chính,* http://vnexpress.net/
111. Hồng Khánh (2010), *Phát hiện cán bộ sách nhiễu đề nghị thay thế ngay,* http://vnexpress.net/
112. Hồng Khánh (2010), *Tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính còn phổ biến,* http://vnexpress.net/
113. Kênh tuyển sinh (2012), Đại học Nông nghiệp Hà Nội tự ý nâng điểm học viên, http://kenhtuyensinh.vn/
114. Nguyễn Hữu Khiển (2010), *Luận về thủ tục hành chính hiện nay*. http://www.hanhchinh.com.vn/
115. Nguyễn An Ly, Cải cách thủ tục hành chính để chống cửa quyền, nhũng nhiễu, http://pda.vietbao.vn/
116. Ngô Tự Lập (2010), *Sự phá sản trên thực tế của kỳ thi đại học*, http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/
117. Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Ninh Bình (2012), *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại một số nước*; http://khoahockythuat.ninhbinh.gov.vn/
118. Bùi Trọng Liễu (2007), nguyên GS Đại học Pari, Pháp: *Tuyển sinh theo nhóm ngành*; http://vietbao.vn/Giao-duc/
119. Trúc Linh, *Thư của Bí thư Hà Nội cũng bị "ngâm" tới 30 ngày*, http://dantri.com.vn/
120. Thành Lợi (2006), *Đột phá tuyển sinh đại học ở Trung Quốc*, http://dantri.com.vn/
121. H. Mỹ (2011), "*Cuối năm 2011, hơn 300.000 HSSV sẽ được ở ký túc xá"*, http://giaoduc.edu.vn/
122. H. Minh (2013), "*Cộng điểm cho bà mẹ VN anh hùng thi ĐH: Người ký không thèm đọc?"*, http://www.tinmoi.vn/

123. Trần Hữu Nghị, Nguyễn Tiến Thanh, Trịnh Thị Vũ Lê (2012), Kinh nghiệm thực tế triển khai áp dụng ISO 9001: 2000 và kiểm định chất lượng tại trường Đại học dân lập Hải Phòng; http://www.dlu.edu.vn/

124. Cao Nguyên (2008) *Thêm một "sáng kiến" làm khổ sinh viên!* http://www.thanhnien.com.vn

125. Hiếu Nguyễn (2010), *Trợ cấp xã hội HS,SV "đứng im" bất chấp trượt giá,* http://gdtd.vn/channel/

126. Nguyễn Thiện Nhân (2010), *Con đường đổi mới giáo dục đại học*; http://gdtd.vn/channel/

127. Nhân dân (2009), *Mở rộng chương trình tín dụng ưu đãi đối với sinh viên*, http://www.baomoi.com/.

128. Nhóm P.V Báo Thanh tra điện tử (2012), *Vi phạm của Đại học Quốc gia Hà Nội*, http://thanhtra.com.vn/

129. Võ Văn Nhơn (2011), *tuyển sinh đại học ở Hàn Quốc,* http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/

130. Ngô Hải Phan (2012) *Đánh giá tác động và chất lượng thể chế nhìn từ kiểm soát thủ tục hành chính*, tài liệu Hội thảo khoa học "Đánh giá tác động Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất)", Bộ Tư pháp, Hà Nội ngày 21/12/2012.

131. Phòng Thông tin phản ánh của tổ chức, công dân (2012), *Những vướng mắc về miễn, giảm học phí cho HSSV*, http://nhcsxh.chinhphu.vn/

132. Trần Phương (2010), Bàn về "cơ chế xin - cho", http://www.baomoi.com/

133. Nguyễn Xuân Phúc (2010), *Tiết kiệm 6.000 tỷ đồng nếu cắt giảm thủ tục hành chính,* http://vnexpress.net/

134. Nguyễn Xuân Phúc (2010), *Cơ sở khẳng định tính đúng đắn của việc nhân dân tham gia giám sát thực hiện TTHC*, http://vpcp.chinhphu.vn/

135. Nguyễn Xuân Phúc (2011), *Cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay*, http://baodientu.chinhphu.vn/

136. Diệp Văn Sơn (2005), *Trong cải cách hành chính chưa có anh hùng,* Báo Pháp luật TP. HCM ngày 01/7/2005.

137. Diệp Văn Sơn (2012), "Hành chính cai trị hay hành chính phục vụ?", http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/

138. SVVN (2005), *Mệt mỏi chạy theo các thầy*, http://vnn.vietnamnet.vn

139. Công Tâm (2012), *Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên: Nhiều dấu hiệu vi phạm cần được làm rõ,* http://www.baomoi.com/

140. Tuấn Đạo Thanh (2011), *Mấy bình luận về đề án cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực công chứng*, http://www.nclp.org.vn/

141. Lâm Quang Thiệp (2012), *Giải pháp cho tuyển sinh đại học năm 2015*; http://hcth.hcmussh.edu.

142. Phú Thọ (2012), *Công khai, minh bạch thủ tục hành chính* http://www.qdnd.vn/

143. Nguyễn Thị Ngọc Thơ (2011), *Tuyển sinh đại học ở Nhật Bản*, http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/

144. Vũ Thơ (2013) Kỷ luật hàng loạt hiệu trưởng, http://www.baomoi.com/

145. Hoàng Thùy (2010), *Quy định miễn giảm học phí bị Bộ Tư pháp 'thổi còi'*, http://vnexpress.net/

146. Trí Tín (2010), *Ép tân sinh viên ở ký túc xá*, http://vnexpress.net/

147. Trần Khánh Trang (2010), *Quan trọng là yếu tố con người*, Báo Điện Biên Phủ ngày 23/6/2010.

148. Hoài Trang (2009), *Tuyển sinh ở các trường đại học hàng đầu của nước Anh*, *http://tiasang.com.vn*/

149. Ngọc Trác (2009), *Mở rộng chương trình tín dụng ưu đãi đối với sinh viên* (2009), *http://www.vbsp.org.vn/*

150. Nguyễn Trọng (2009), *Suy nghĩ về giai đoạn 1966 - 1969 trong lịch sử ngành đại học của ta,* http://www.cesti.gov.vn/

151. Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (2010), *Quy định về Y tế học đường cho sinh viên hệ chính quy trường Đại học Bách Khoa,* http://www.ctct.hcmut.edu.vn/

152. Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng (2007), *Quy trình tuyển dụng*, http://www.google.com.vn/

153. Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), V/v: *Nhận và sử dụng Thẻ bảo hiểm Y tế*, http://www.coltech.vnu.edu.vn/

154. Trường Đại học Đà Lạt (2006), *Kinh nghiệm thực tế triển khai áp dụng ISO 9001: 2000 và kiểm định chất lượng tại trường Đại học dân lập Hải Phòng*, http://mic.gov.vn/

155. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2010), *Thông báo mua bảo hiểm y tế sinh viên đợt 3,* http://www.neu2.neu.edu.vn/

156. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2010), *Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, thử việc và bổ nhiệm vào ngạch viên chức*, http://tccb.neu.edu.vn/

157. Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh (2011), *Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên*, http://www.ou.edu.vn/

158. Trường đại học Nông Lâm Thái Nguyên (2012), *Thông báo kết luận kỷ luật sinh viên*, *http://www.tnu.edu.vn/*

159. Trường đại học Sư phạm - Đại học Huế (2007), *Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên*, http://www.dhsphue.edu.vn/

160. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh (2012), *Quyết định, Ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên*, http://www.tcqtkd.edu.vn/

161. Trường Đại học Thủy lợi (2006), *Quy định về tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên của trường Đại học Thủy lợi*, (Ban hành kèm theo Quyết định số 953/ QĐ-ĐHTL-TCCB, ngày 11/8/2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi), http://www.wru.edu.vn/

162. Trường Đại học Văn hóa (2008), *Quyết định về việc ban hành hướng dẫn thực hiện xét cấp học bổng và trợ cấp xã hội cho sinh viên tại trường Đại học Văn hóa*", http://huc.edu.vn/

163. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (2011), *Quy định Về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy diện trong ngân sách nhà nước năm học 2010 - 2011*, http://www.google.com.vn/

164. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Quyết định Về việc ban hành "*Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước, ngoài nước đối với viên chức và hợp đồng lao động Trường Đại học Y Hà Nội*" http://www.google.com.vn/

165. Trung học phổ thông Bắc Lý, *133 trường ĐH- CĐ không tổ chức tuyển sinh năm 2010*, http://thpt-bacly-hanam.edu.vn/

166. Thủy Trúc (2011), "*ĐH Lao động Xã hội "sai phạm nghiêm trọng"*, http://hn.24h.com.vn/

167. TTXVN (2009), Bộ Nội vụ công bố Bộ Thủ tục hành chính, http://www.baomoi.com/

168. Trần Văn Tuấn (2010), Cải cách hành chính và "cơ chế một cửa", "một cửa liên thông", http://www.tapchicongsan.org.vn/

169. Nguyễn Hồng Tuyến (2012) *Định hướng xác định vấn đề đánh giá tác động Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hợp nhất,* tài liệu Hội thảo khoa học "Đánh giá tác động Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất)", Bộ Tư pháp, Hà Nội ngày 21/12/2012.

170. Viện Đại học mở Hà Nội (2008), *Quy định về khen thưởng, kỷ luật*, http://khoatuxa.hou.edu.vn/

171. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011), *Quy trình tuyển dụng,* mã số VAWR/QT620-01/KHTL, ngày 2/8/2011.

172. Vnexpress (2013), Bí thư Hà Nội bức xúc vì 'phí bôi trơn', http://phaply.net.vn

II. Tiếng Anh

173. Administrative procedures and appeals, University of Oslo, http://www.uio.no/english/studies/about/regulations/procedures/

174. http://www.apiu.edu

175. http://www.chuala.ac.th/apis

176. http://www.hawaii.edu/apis
177. http://www.mut.ac.th/apis
178. http://www.ucsi.edu.my/
179. http://www.uio.no/english/studies/about/regulations/procedures
180. http://www.virginia.edu/vpr/adminproc.htmn
181. http://www.138.com
182. PAR, by Gerald E. Caiden. Chicago: Aldine Publishing Company, 1969.
183. The University of Hawaii'I System - http://www.hawaii.edu/apis
184. Tony lavender associales 1999 - 196 Upper Street Islington, London N1 1RQ, *Reform of government in the United Kingdom,* Email: tonylavender@easynet.co.uk.

III. Tiếng Trung

185. 法律?168, http://www.fl168.com/ReadText-5858
186. 到?百科?首ů页, http://baike.baidu.com/view/1854505.htm.

IV. Tiếg Pháp

187. Le Petit Larousse (1994), NXB. Larousse.
188. Lalit Johri (2010), *Decentralization in higher education,* http://www.vnseameo.org/bblam/forum/EMD/Lalit%20Johri_VN.pdf

PHỤ LỤC

KHẢO SÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

(Kết quả khảo sát này đã được tác giả sử trích đăng trong bài Thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam - nhìn từ một cuộc khảo sát, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, Số 2/2013, Tr. 49 - 51)

I. GIỚI THIỆU VỀ ĐỢT KHẢO SÁT

1.1. Mục đích đợt khảo sát

Đợt khảo sát được thực hiện với mục đích chung là làm rõ hơn các quy định về thủ tục hành chính (TTHC), tình hình thực hiện TTHC, tính phức tạp của TTHC, những vấn đề đặt ra từ thực tế và yêu cầu cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học ở Việt Nam. Qua khảo sát chúng tôi muốn thu thập thêm những minh chứng, ý kiến đóng góp khách quan cho việc nghiên cứu vấn đề cải cách TTHC đối với hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam trong giai đoạn tới nhằm làm cho các trường đại học có thể hoạt động thuận lợi hơn.

1.2. Phương pháp khảo sát

Cuộc khảo sát được thực hiện theo phương pháp phát phiếu khảo sát trực tiếp đến các đối tượng tham gia. Địa điểm chọn để thực hiện là các trường đại học tham gia Hội nghị Công tác học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng năm 2012 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Có 175 bộ câu hỏi đã được chuẩn bị và phát ra cho đại biểu của các trường đại học. Các câu hỏi liên quan đến: (1) Thể chế (tổ chức bộ máy nhà trường); (2) Thủ tục hành chính (các thủ tục và TTHC trong hoạt động các trường đại học, cao đẳng); (3) Đánh giá thủ tục hành chính (đối tượng tự đánh giá TTHC và thực hiện TTHC tại trường mình; (4) Các giải pháp đề xuất để cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học, cao đẳng). Để trả lời, các đối tượng điều tra được đề nghị lựa chọn một phương án thích hợp trong số các phương án được dự kiến sẵn.

1.3. Thông tin chung về địa điểm, đối tượng tham gia khảo sát

Đối tượng được mời tham gia trả lời câu hỏi là Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng (Phụ trách Công tác HSSV); Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Công tác HSSV; Lãnh đạo một số khoa; các đồng chí là Chuyên viên quản lý công tác HSSV của 175 trường đại học, cao đẳng, như: Đại học Sao Đỏ, Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng, Cao đẳng Sư phạm Bắc Kạn, Cao đẳng Sư phạm Yên Bái, Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh, Cao đẳng Y tế Quảng Ninh, Cao đẳng Công nghiệp Cẩm Phả, Đại học Dân lập Hải Phòng, Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Học viện Quản lý Giáo dục, Đại học Thủy lợi, Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Đại học Dân lập Phương Đông, Viện Đại học Mở Hà Nội, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng yên, Đại học Y Thái Bình, Cao đẳng Sư phạm Hà Nam, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lao động, Đại học Y khoa Vinh, Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế, Đại học Sư phạm (Đại học Đà Nẵng), Cao đẳng Công nghệ thông tin (Đại học Đà Nẵng), Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, …

Người có chức vụ cao nhất đã tham gia trả lời câu hỏi là hiệu trưởng, phó hiệu trưởng một số trường đại học như: Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Hải Phòng (GS. TS Trần Hữu Nghị), Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Kạn (Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh), Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng (Bà Hoàng Minh Loan), Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cẩm Phả (Ông Đỗ Quang Khải), Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh (Ông Bùi Đức Thành) …

Có 175 phiếu khảo sát đã được phát ra và 106 phiếu có câu trả lời (đạt 60,57%).

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Dưới đây là kết quả tổng hợp từ cuộc khảo sát.

2.1 Thể chế

Câu hỏi 1: Thiết kế bộ máy nhà trường phù hợp có ảnh hưởng như thế nào đối với hoạt động của nhà trường?

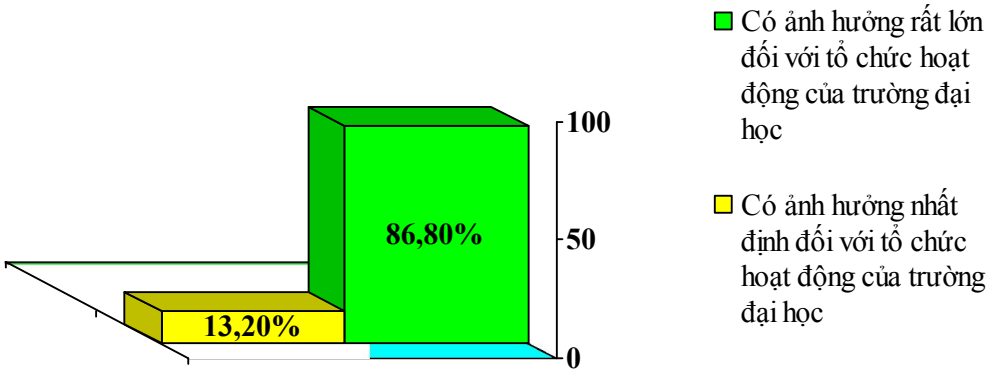

Có 86,80% ý kiến cho rằng: thiết kế bộ máy phù hợp có ảnh hưởng rất lớn đối với tổ chức hoạt động của trường đại học; 13,20% số ý kiến cho rằng: thiết kế bộ máy phù hợp có ảnh hưởng nhất định đối với tổ chức hoạt động của trường đại học; không có ý kiến nào cho rằng thiết kế bộ máy phù hợp không quan trọng đối với tổ chức hoạt động của trường đại học. Như vậy từ thực tế có thể thấy công việc muốn được giải quyết nhanh chóng, kịp thời, khoa học và hiệu quả thì công tác tổ chức, trong đó có "thể chế" thiết kế tổ chức bộ máy nhà trường phải phù hợp.

Câu hỏi 2: Theo nhận xét của cá nhân anh (chị), tổ chức bộ máy của trường mình đã được thiết kế phù hợp chưa?

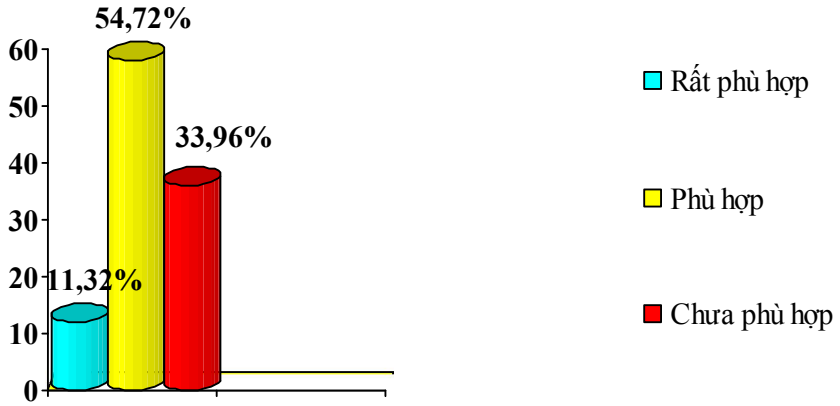

Có 11,32% cho rằng rất phù hợp; 54,72% cho rằng phù hợp và có tới 33,96% cho là chưa phù hợp. Đây là một tỷ lệ đáng lo ngại. Trong tổng số 33,96% cho là chưa phù hợp trả lời câu hỏi phụ:

Câu hỏi phụ: Vì sao anh (chị) đánh giá là tổ chức trường mình chưa phù hợp.

Có 11,32% cho là còn cồng kềnh, 16,04% cho là do chồng chéo, 8,49% cho là chưa rõ ràng. Thiết kế tổ chức bộ máy nhà trường chồng chéo và chưa rõ ràng không những cản trở thực hiện TTHC mà nó còn là nguyên nhân của việc mất đoàn kết nội bộ, thiếu trách nhiệm trong công việc.

Câu hỏi 3: Chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong trường của anh (chị) đã được quy định như thế nào.

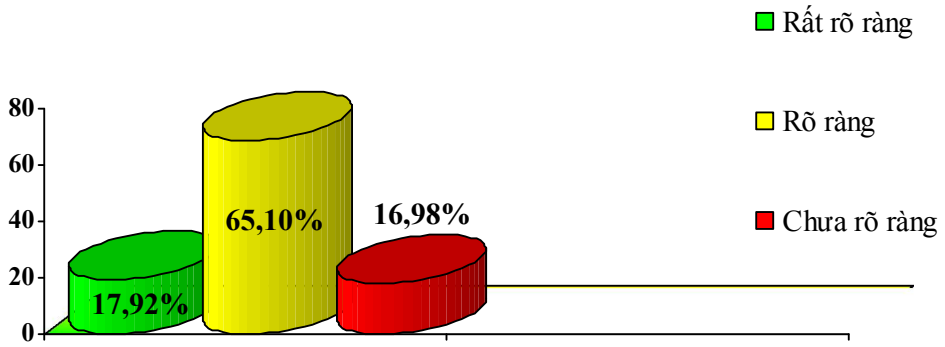

Có 17,92% ý kiến cho rằng chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong trường đã được quy định rất rõ ràng; 65,10% rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn tỷ lệ lớn: 16,98% cho rằng chưa rõ ràng.

Như vậy, về cơ bản, chức năng, nhiệm vụ được quy định trong các trường đại học ở Việt Nam là tương đối hợp lý, rõ ràng.

Câu hỏi 4: Các quy định về thủ tục hành chính của trường anh, chị đã được quy định rõ ràng chưa?

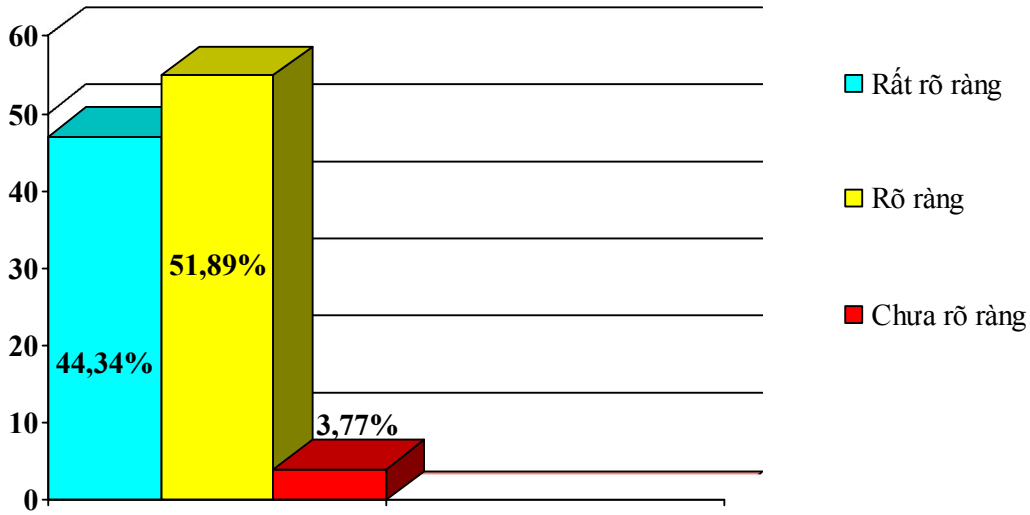

Các câu trả lời cho they quy định về thủ tục hành chính của trường đã được quy định cơ bản là rõ ràng (96,23%). Có tỷ lệ không lớn cho là chưa rõ ràng (3,77%).

Tóm lại (2.1): Thể chế (Thiết kế tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, các quy định TTHC) là một trong những vấn đề quan trọng và là tiền đề cho việc vận hành một bộ máy thống nhất, phục vụ, dịch vụ và quản lý hiệu quả, được các nhà trường quan tâm chú trọng.

Phần lớn các ý kiến khảo sát (86,60%) cho rằng: việc thiết kế bộ máy nhà trường phù hợp có ảnh hưởng rất lớn đối với tổ chức hoạt động của trường đại học; và tổ chức bộ máy trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay đã được thiết kế phù hợp; chức năng, nhiệm vụ các đơn vị cũng như các quy định về thủ tục hành chính trong nhà trường đã được quy định rõ ràng. Tuy nhiên còn một tỷ lệ ý kiến đáng kể chưa hài lòng với việc thiết kế tổ chức bộ máy cho rằng: chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong trường chưa rõ ràng (16,98%), các quy định về TTHC trong trường chưa rõ ràng (3,77%). Một số ý kiến khác (33,96%) cho rằng tổ chức bộ máy trong

trường thiết kế chưa phù hợp. Lý do chưa phù hợp do còn cồng kềnh (11,32%), chồng chéo (16,04%) và thiết kế chưa rõ ràng (8,49%). Đây là những vấn đề mà Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lãnh đạo một số các trường đại học, cao đẳng (đặc biệt các trường mới thành lập) cần quan tâm chỉ đạo để hoàn thiện ngay phần thể chế, tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các đơn vị của trường mình, phù hợp với điều kiện, phù hợp tình hình thực tế, là cơ sở quan trọng và bước đầu để hoàn thiện cải cách TTHC trong nhà trường.

2.2 Về các thủ tục hành chính cụ thể

Câu hỏi 1: Thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đến trường.

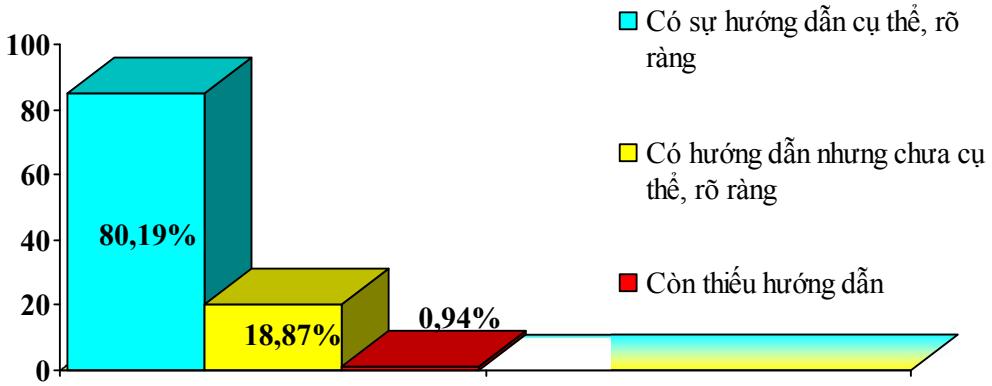

Thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đến trường đã được ghi trong Quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường chỉ cụ thể hóa, hướng dẫn rõ ràng hơn mà thôi. Có 80,19% ý kiến đồng ý là đã có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên còn tới 18,87% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và một tỷ lệ nhỏ: 0,94% cho rằng còn thiếu hướng dẫn. Thực tế nhìn vào Giấy báo nhập trường của từng trường hằng năm chúng ta thấy có sự khác nhau rất nhiều về các khoản thu: học phí, tiền tài liệu tư liệu học tập, lệ phí kiểm tra trình độ tiếng anh ban đầu, bảo hiểm y tế (bắt buộc), bảo hiểm thân thể, phí thay đổi hộ khẩu nhân khẩu, phí khám sức khỏe, sổ y bạ, phí ở ký túc xá, tiền cược

đảm bảo tài sản ký túc xá, tiền làm thẻ sinh viên, ATM, thư viện, tiền nhập học, tiền mua sổ tay sinh viên, tiền vệ sinh giảng đường, tiền nước uống giảng đường, tiền giấy thi, giấy nháp, tiền đăng ký tạm trú ... của các trường có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; không thống nhất.

Câu hỏi 2:Thủ tục đăng ký đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học đã được hướng dẫn rõ ràng chưa? có sự thống nhất không?

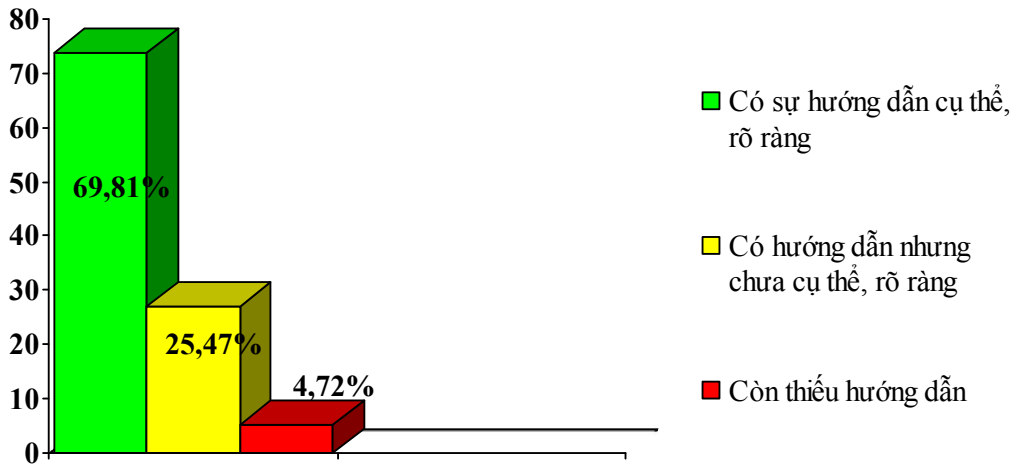

Có kết quả trả lời: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng 69,81%; có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng 25,47%. Qua tìm hiểu của tác giả, sở dĩ có một số ý kiến cho rằng chưa cụ thể, rõ ràng là vì: một số trường cho vượt rào cả những trường hợp tốt nghiệp cao đẳng không đạt loại khá vẫn được dự thi liên thông lên đại học ngay năm thứ nhất; một số khác học không đúng ngành vẫn được thi; có khi được chuyển đổi một số môn trước khi thi, khi thì không được chuyển đổi. Còn 4,72% xác nhận rằng nhà trường chưa có văn bản hướng dẫn. Đây là điều rất đáng lo ngại: còn thiếu hướng dẫn hay có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể rõ ràng đều rất dễ dẫn đến việc thực không có sự thống nhất, tùy tiện, mập mờ, dễ vi phạm pháp luật. Lĩnh vực đào tạo, trong đó có đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học cũng là những lĩnh vực nhạy cảm cần chú trọng hơn về thủ tục.

Câu hỏi 3: Thủ tục và hồ sơ chuyển trường.

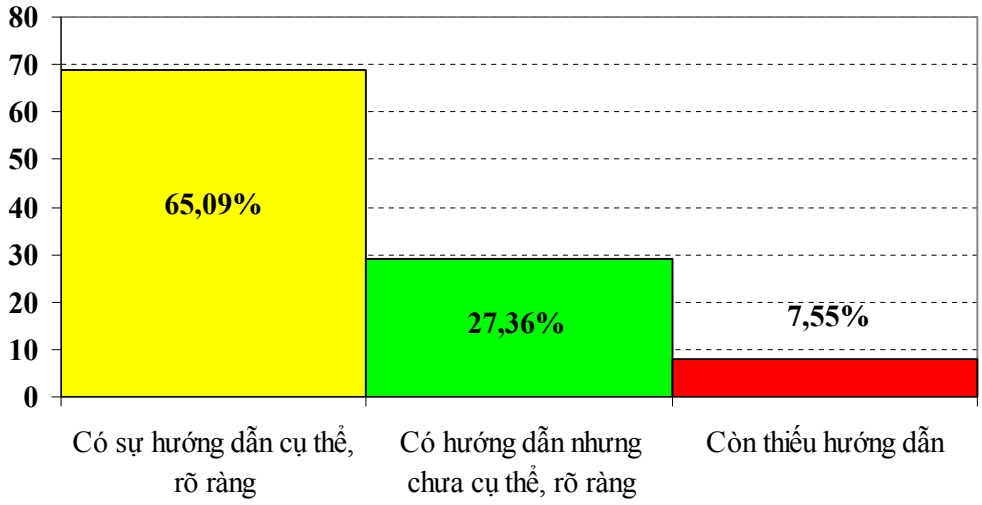

Kết quả khảo sát về thủ tục và hồ sơ chuyển trường cho thấy: có 27,36% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 7,55% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn. Đây là một trong những vấn đề nhạy cảm. Việc thiếu hướng dẫn và có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng rất dễ nẩy sinh những vấn đề tiêu cực như: không đủ điều kiện chuyển trường vẫn cho chuyển trường, đủ điều kiện chuyển trường nhưng vẫn gây khó khăn, cản trở cho sinh viên.

Câu hỏi 4: Thủ tục xét dừng học, thôi học do học lực yếu.

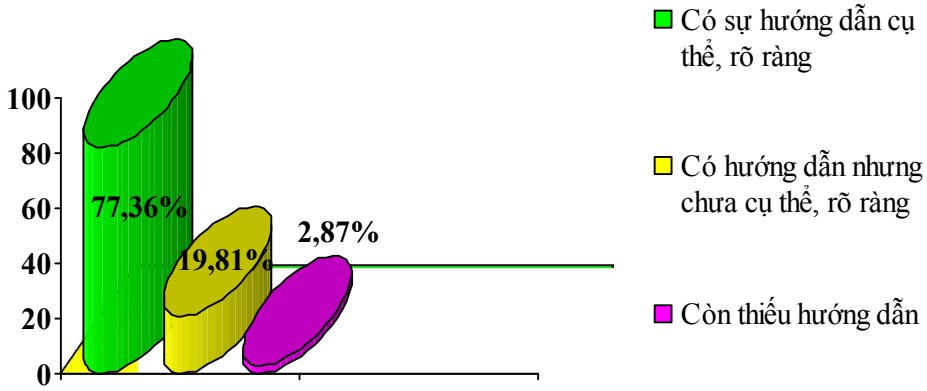

Kết quả khảo sát cho thấy số ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng chiếm tới 19,81%; số cho rằng: còn thiếu hướng dẫn cũng có tỷ lệ 2,83%. Số này chủ yếu rơi vào những trường mới bước đầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ, còn bỡ ngỡ, chưa quen với hệ thống đào tạo mới nên việc xét dừng học, thôi học do học lực yếu và kém có những điểm chưa rõ ràng. Xét đúng thì số sinh viên trượt nhiều; xét mềm thì không đúng với quy chế nên mỗi năm các trường đang vận dụng một kiểu khác nhau.

Câu hỏi 5: Thủ tục xét nghỉ học, thôi học và học tiếp do nguyện vọng cá nhân.

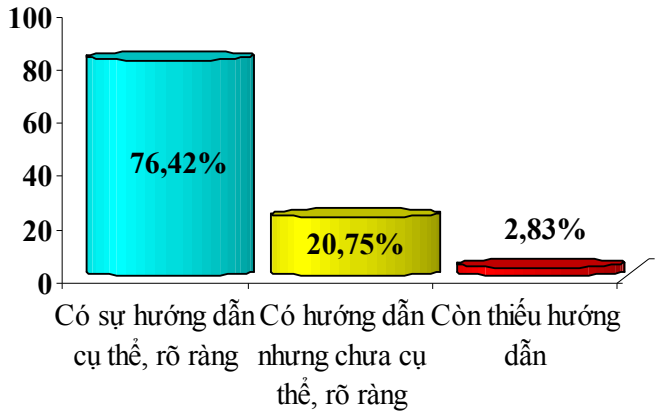

Kết quả khảo sát cho thấy có 20,75% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có 2,83% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn. Tỷ lệ ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và còn thiếu hướng dẫn. Như vậy chứng tỏ có nhiều trường còn thiếu sót trong việc này. Do nguyện vọng cá nhân sinh viên bị ốm đau hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài; gia đình gặp khó khăn...(thiên tai, sự cố bất thường đưa đến); hoặc sinh viên được động viên vào lực lượng vũ trang. Nếu các hướng dẫn, quy định trên không được công khai, làm rõ sinh viên muốn xin nghỉ học sẽ mất rất nhiều thời gian, công sức để thực hiện nguyện vọng chính đáng của mình.

Câu hỏi 6: Thủ tục xét nghỉ học, thôi học và học tiếp.

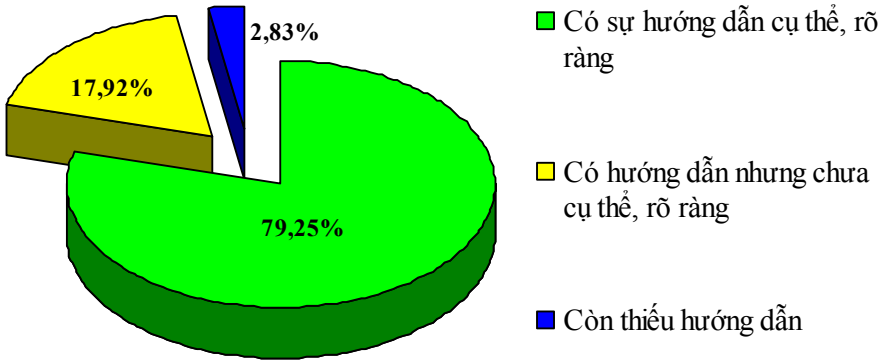

Nghỉ học, thôi học và học tiếp là một trong những nội dung của quy chế đào tạo, đây là nội dung bắt buộc sinh viên phải thực hiện chứ không phải do nguyện vọng sinh viên. Tuy nhiên, trả lời câu hỏi: thủ tục xét nghỉ học, thôi học và học tiếp. Có 79,25% ý kiến cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; vẫn còn tới 17,92% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 2,83% ý kiến phản hồi là: còn thiếu hướng dẫn. Đây chủ yếu là do văn bản hướng dẫn và hình thức công khai của một số trường chưa cụ thể rõ ràng hoặc còn thiếu. Hạn chế này sẽ dẫn đến sinh viên không biết đâu là đích mình cần đến, phải vượt qua, rất dễ bị nghỉ học, thôi học (như là một điều bất ngờ) và thậm chí khi được học tiếp mà mình không biết.

Câu hỏi 7: Thủ tục chuyển chuyên ngành đào tạo.

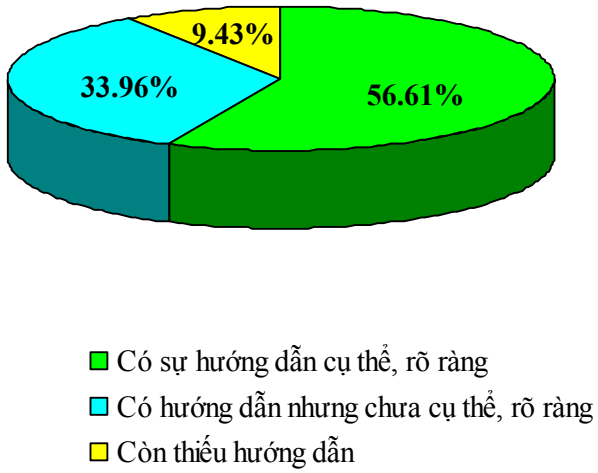

Chuyển chuyên ngành đào tạo cũng là thủ tục nhảy cảm. Câu trả lời có tỷ lệnhư sau: Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng (33,96%) và còn thiếu hướng dẫn (9,43%). Hướng dẫn như vậy có thể xem là chưa đạt yêu cầu.

Câu hỏi 8: Thủ tục chuyển khóa học.

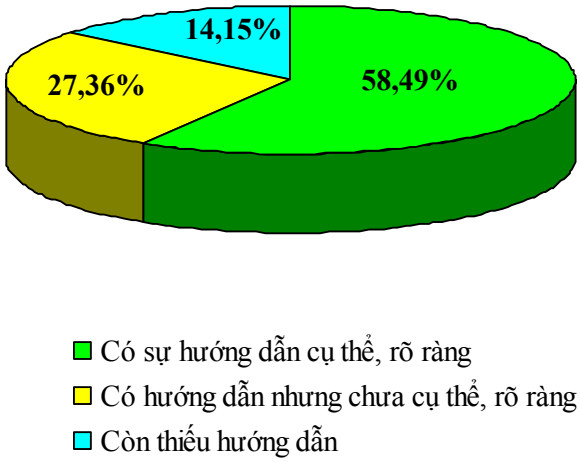

Chuyển khóa học xẩy ra trong trường hợp lớp đã đăng ký học nhưng không khai giảng hoặc một số trường hợp đặc biệt như sinh viên: tai nạn, ốm đau bệnh tật; sinh viên có nhu cầu đi thực tập với khóa học khác; sinh viên muốn chuyển xuống khoá, chuyển sang khóa học (không chính quy; đào tạo ngoài giờ hành chính). Với câu hỏi về thủ tục chuyển khóa học, có tới 27,36% ý kiến trả lời là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có tới 14,15% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn. Đây rõ ràng là vấn đề nhiều trường chưa quan tâm.

Câu hỏi 9: Thủ tục chuyển cơ sở đào tạo.

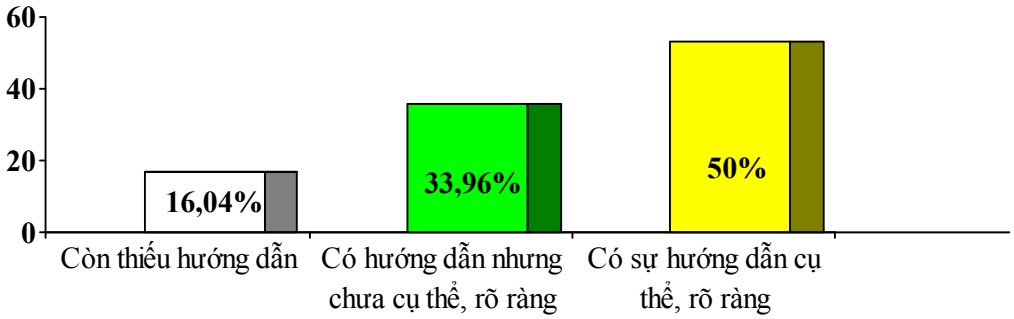

Tương tự như trên, trong các câu trả lời về thủ tục chuyển cơ sở đào tạo có tới 33,96% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 16,04% cho rằng: còn thiếu hướng dẫn. Đây là vấn đề nhiều nhảy cảm, rất dễ nẩy sinh tiêu cực.

Câu hỏi 10: Thủ tục cấp và chứng nhận bản sao chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp .

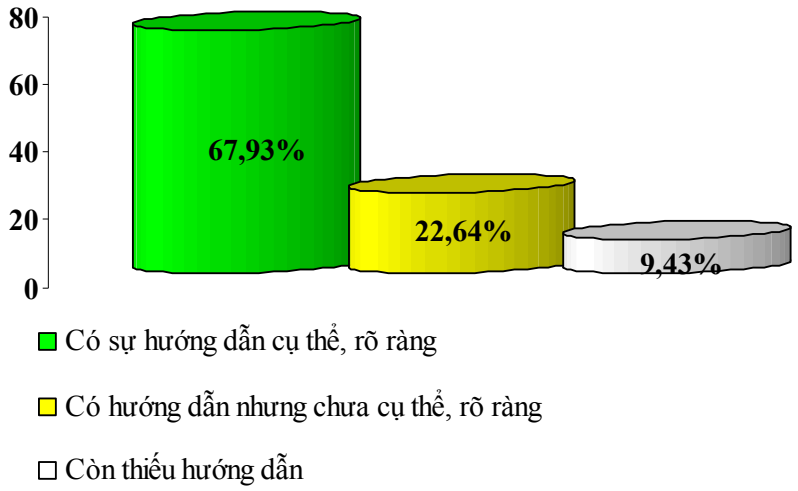

Trả lời về thủ tục cấp và chứng nhận bản sao chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp có 67,93% trả lời: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; có 22,64% trả lời: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có tới 9,43% cho rằng: còn thiếu hướng dẫn. Đây là một thực tế của không ít trường gây nhiều khó khăn cho "thượng đế" người học, trong những năm cuối của quá trình đào tạo.

Thủ tục cấp lại, điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ cũng tương tự như trên, và cho thấy còn yếu kém hơn. Chỉ có 62,26% ý kiến cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; số ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng chiếm 27,36%; số ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn chiếm tới 10,38%. Việc cấp lại, điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ nguyên do có sự sơ xuất, sai sót có thể từ phía sinh viên nhưng nhiều trường hợp là do sự sơ suất, sai sót từ phía cán bộ quản lý của nhà

trường. Do vậy sự chờ đợi quá lâu, không biết nơi nào thụ lý đơn, giải quyết vấn đề là điều các nhà trường không nên có.

Câu hỏi 12: Thủ tục đăng ký học vượt chương trình.

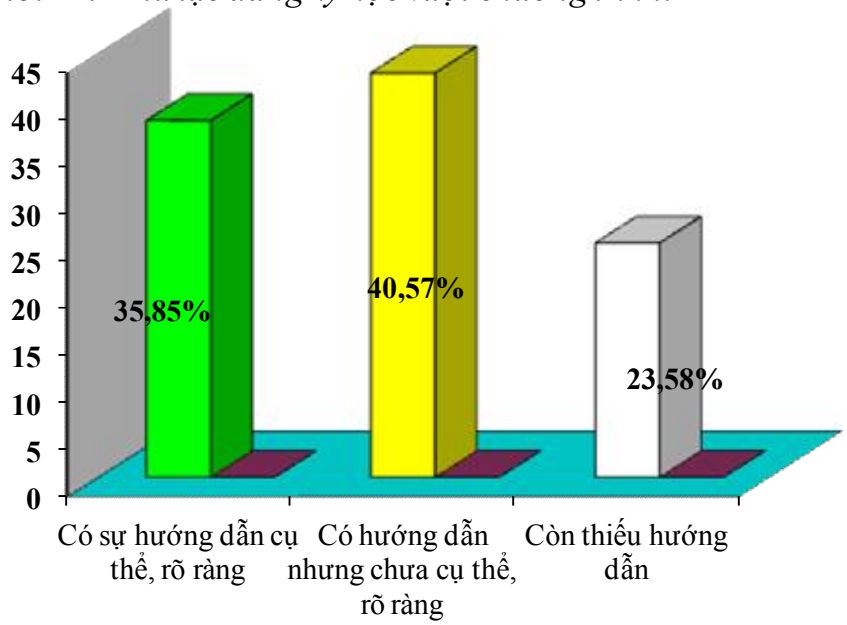

Đăng ký học vượt chương trình là điều có trong quy chế đào tạo nhưng qua khảo sát cho thấy nhiều trường không thực hiện. Có 23,58% cho rằng: còn thiếu hướng dẫn; 40,57% cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng. Chỉ có 35,85% cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, đây mới là những trường triển khai thực hiện.

Câu hỏi 13: Thủ tục đăng ký học bằng hai.

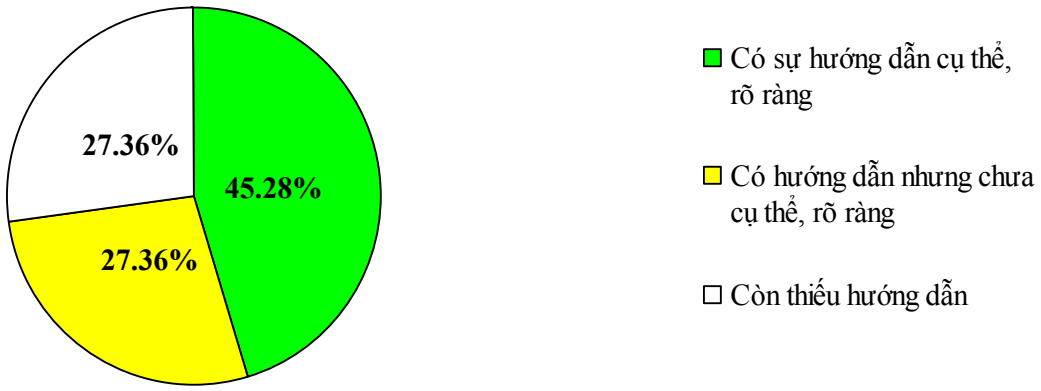

Về thủ tục đăng ký học bằng hai, số người trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng là 45,28%; có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng là 27,36%; còn thiếu hướng dẫn: 27,36%. Thực tế số cho rằng chưa cụ thể, rõ ràng và còn thiếu hướng dẫn là do nhiều trường không thực hiện Quy chế số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001, Quy định về đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

Câu hỏi 14: Thủ tục mời giảng viên thỉnh giảng.

Cho tới ngày 24 tháng 9 năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới có Quyết định số: 54/2008/QĐ-BGDĐT Ban hành Quy định về chế độ thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học, nên ở nhiều trường đại học thủ tục mời giảng viên thỉnh giảng đã được áp dụng tốt. Kết quả khảo sát cho thấy có 73,59% cho rằng đã có sự hướng dẫn cụ

thể, rõ ràng. Đây cũng là điều đáng ghi nhận. Tuy vẫn còn tới 20,75% ý kiến cho rằng các hướng dẫn còn chưa cụ thể, rõ ràng và 5,66% ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn.

Câu hỏi 15: Thủ tục thanh toán thỉnh giảng.

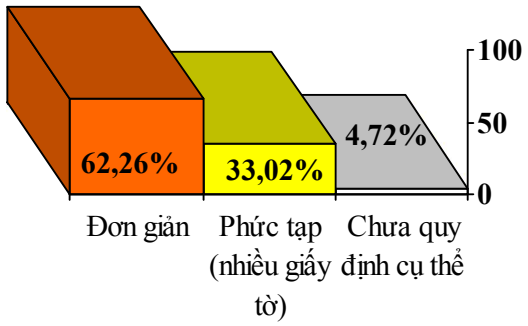

Về câu hỏi này, theo kết quả khảo sát có tới 33,02% cho là còn phức tạp (nhiều giấy tờ); 4,72% cho là chưa quy định cụ thể. Đây là điều đáng ái ngại, vì nó sẽ gây phiền phức cho chính giảng viên thỉnh giảng. Chỉ có 62,26% số ý kiến cho là: thủ tục thanh toán thỉnh giảng đơn giản.

Câu hỏi 16: Thủ tục thanh toán vượt giờ giảng.

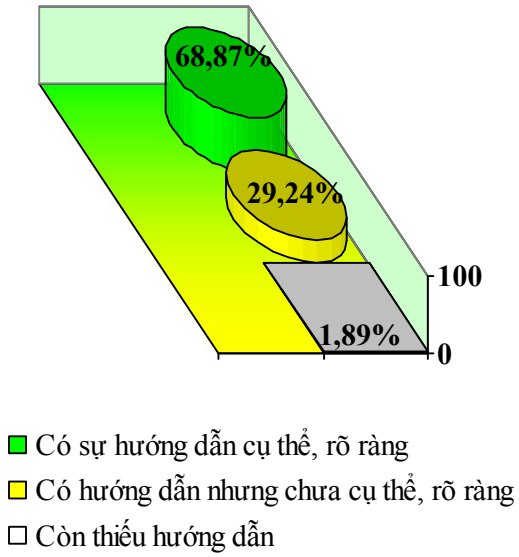

Thủ tục thanh toán vượt giờ giảng đã được quy định tại Quyết định số 64/2008/QĐ- BGDĐT ngày 20/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên"; Thông tư số 50/2008/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 9/9/2008 "về việc hướng dẫn chế độ trả lương dạy thêm đối với Giảng viên trong các cơ sở giáo dục công lập"; Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT, ngày 15/12/2010 "về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo". Tuy nhiên khi khảo sát vẫn còn 19,24% ý kiến cho rằng tại các trường tuy đã có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và có 1,89% cho rằng nhà trường còn thiếu hướng dẫn. Đây là vấn đề các trường cần nên xem xét lại.

Câu hỏi 17 : Thủ tục khảo sát chất lượng đào tạo.

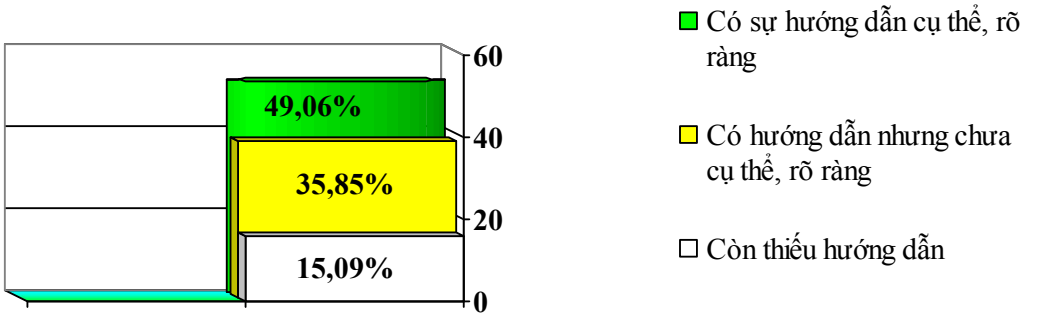

Cục khảo sát chất lượng đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo khuyến khích các trường thực hiện tuy thực tế chưa có văn bản quy định và hướng dẫn cách làm cụ thể. Vì vậy một số trường (49,06%) đã tự đưa ra quy định của trường mình một cách cụ thể. Đó là điều rất tốt. Tuy nhiên có tới 35,85% cho biết trường có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng, 15,09% cho biết trường còn thiếu hướng dẫn. Vì vậy Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có hướng dẫn cụ thể về việc khảo sát này.

Câu hỏi 18: Thủ tục tổ chức thi, chấm thi, quản lý thi.

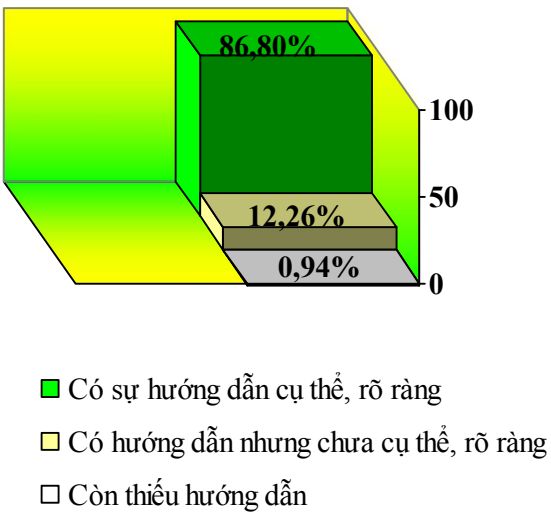

Tổ chức thi, chấm thi, quản lý thi là việc làm thường xuyên của các trường đại học, cao đẳng. Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều văn bản hướng dẫn thủ tục tổ chức thi, chấm thi, quản lý thi (tuyển sinh, thi hết từng môn học, học kỳ, thi tốt nghiệp). Với câu hỏi: Thủ tục tổ chức thi, chấm thi, quản lý thi có 86,8% ý kiến cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể rõ ràng nhưng vẫn còn 12,26% ý kiến cho là: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và 0,94% cho là: còn thiếu hướng dẫn là việc làm một số trường cần nên xem xét lại, cần hoàn chỉnh, bổ sung ngay hướng dẫn thực hiện thủ tục này, không để tình trạng "có trường để giảng viên đưa bài về nhà chấm, có trường khi chấm không cần rọc phách, có trường để giảng viên chấm xong mới làm đáp án".

Câu hỏi 19: Thủ tục xét khen thưởng học sinh, sinh viên.

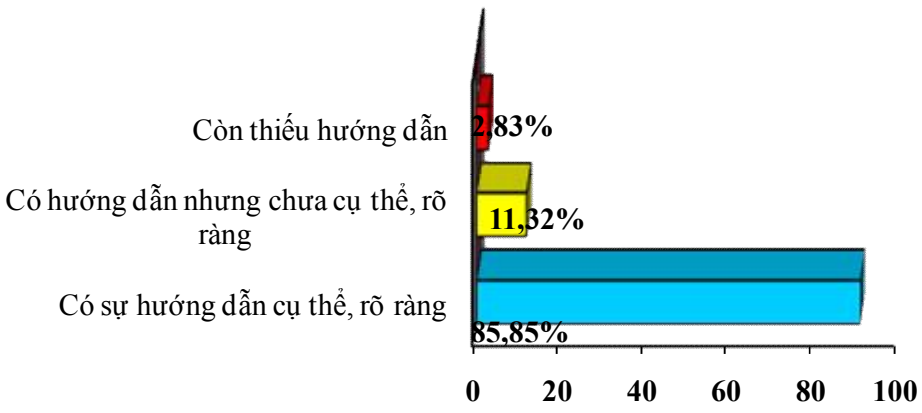

Thủ tục xét khen thưởng học sinh, sinh viên, đã được quy định trong quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế đào tạo; quy chế tuyển sinh... nên có 85,85% ý kiến từ khảo sát cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng là hiển nhiên. Tuy vậy vẫn còn 11,32% cho là: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và 2,83% cho là: còn thiếu hướng dẫn. Thực tế số này phần lớn rơi vào những trường mới thành lập, những trường đại học, cao đẳng ngoài công lập, không bố trí đủ khoản kinh phí dành cho Công tác thi đua khen thưởng; chưa chú trọng đến công tác thi đua khen thưởng.

Câu hỏi 20: Thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật học sinh, sinh viên.

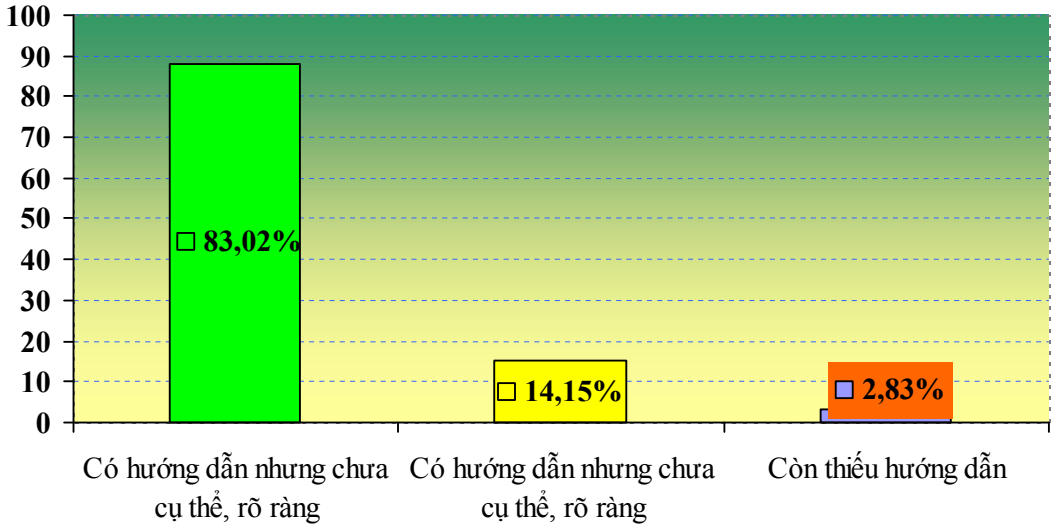

Có 83,02% ý kiến cho rằng thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật học sinh, sinh viên đã có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn 14,15% cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và 2,83% cho là còn thiếu hướng dẫn. Đây cũng được cho là những hạn chế chủ yếu của các trường mới thành lập.

Câu hỏi 21: Thủ tục, xử lý người học nghiện ma túy.

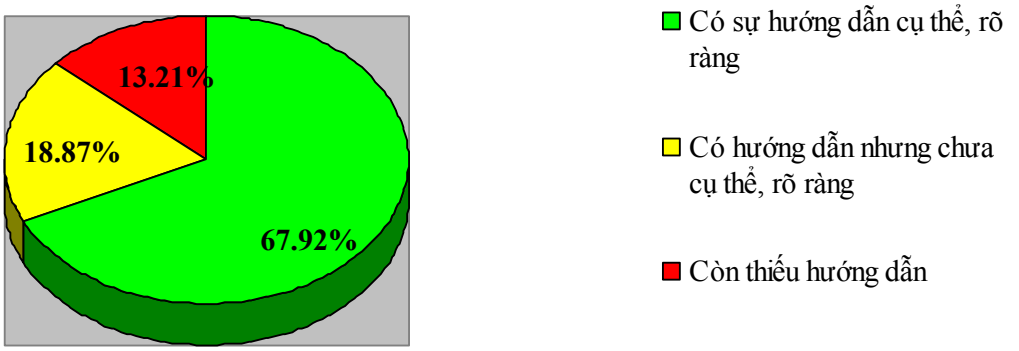

Quy định về việc xử lý người học có liên quan đến tệ nạn Ma túy, ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Quy chế Công tác học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghệp hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều nói về việc xử lý người học nghiện ma túy. Tuy nhiên với câu hỏi: Thủ tục, xử lý người học nghiện ma túy. 67,92% số người được hỏi trả lời: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn tới 18,87% trả lời: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng. Tệ hơn có 13,21% số người cho rằng còn thiếu hướng dẫn (Hay nói đúng hơn chưa có biện pháp xử lý, chưa thực hiện).

Câu hỏi 22:Thủ tục đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên.

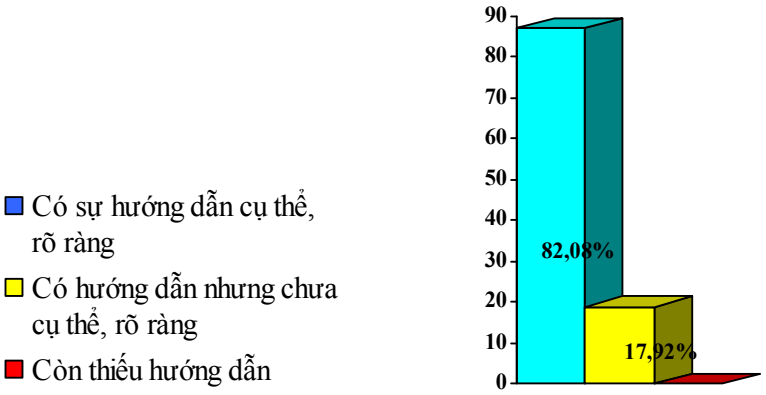

Đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định từ năm 2002, cho nên có tới 82,08% số người được hỏi cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Song vẫn còn 17,92% cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng "còn mang tính hình thức, tính trùng, hướng dẫn khó thực hiện, nhiều điểm còn chung chung".

Câu hỏi 23: Thủ tục xét cấp học bổng khuyến khích học tập.

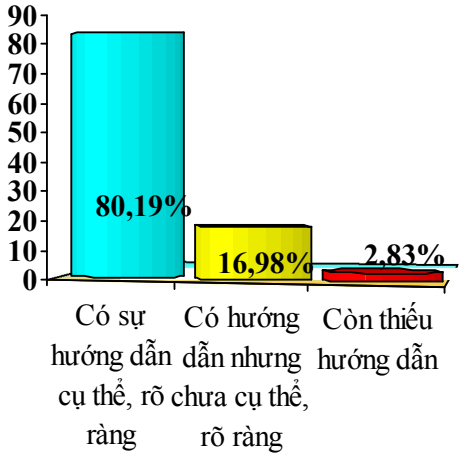

Về câu hỏi này có 80,19% số người được hỏi trả lời: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn 16,98% cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; đặc biệt còn 2,83% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn, phần lớn số có ý kiến này thuộc về các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập và những trường mới thành lập.

Câu hỏi 24: Thủ tục xét cấp học bổng chính sách.

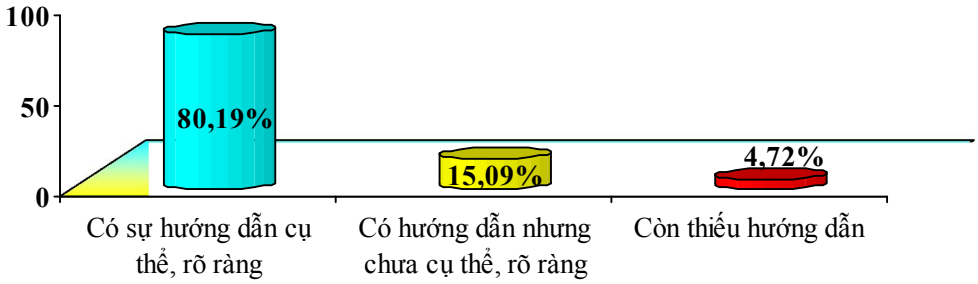

Trả lời câu hỏi thủ tục xét cấp học bổng chính sách có 80,19% số người được hỏi cho rằng có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên còn 15,09% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 4,72% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn. Nhà nước đã có các văn bản hướng dẫn: Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Nhưng thực tế nhiều trường không có đối tượng này học tập nên chưa đưa ra văn bản hướng dẫn cụ thể.

Câu hỏi 25: Thủ tục xét cấp trợ cấp xã hội.

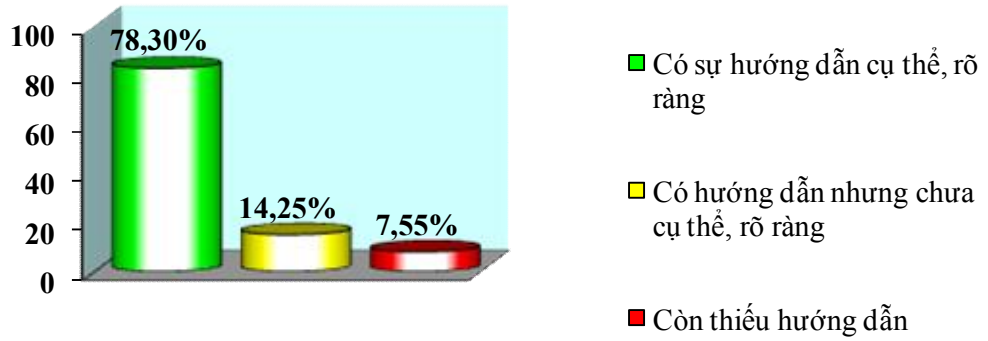

Thực tế trả lời cho thấy có 14,25% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; 7,55% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn (khi được hỏi về thủ tục xét cấp trợ cấp xã hội). Một số trường còn có hẳn ý kiến tới nay chưa triển khai, chưa rõ ý kiến chỉ đạo triển khai, lãnh đạo trường chưa muốn triển khai vì ảnh

hưởng tới nguồn thu vốn đã eo hẹp của các trường. Tuy nhiên phần lớn, có 78,30% ý kiến cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng.

Câu hỏi 26: Thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí.

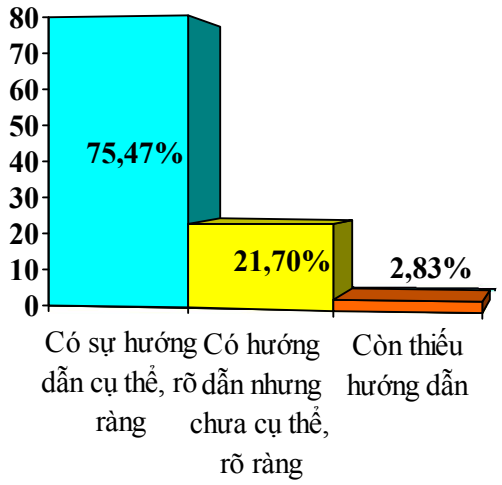

Hiện nay thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí đã chuyển trả cho Phòng Lao động thương binh và xã hội các huyện thực hiện chi trả hỗ trợ sinh viên, các trường đại học chỉ phối kết hợp thực hiện việc kiểm tra, xác nhận sinh viên đang học tập tại cơ sở đào tạo nào, khóa học, ngành học, mức đóng học phí... Tuy nhiên khi được hỏi về thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí, có 75,47% ý kiến được hỏi đã trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Vẫn còn một tỷ lệ khá lớn 21,70% cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có tới 2,83% cho là còn thiếu hướng dẫn.

Câu hỏi 27: Thủ tục thực hiện tín dụng đối với sinh viên.

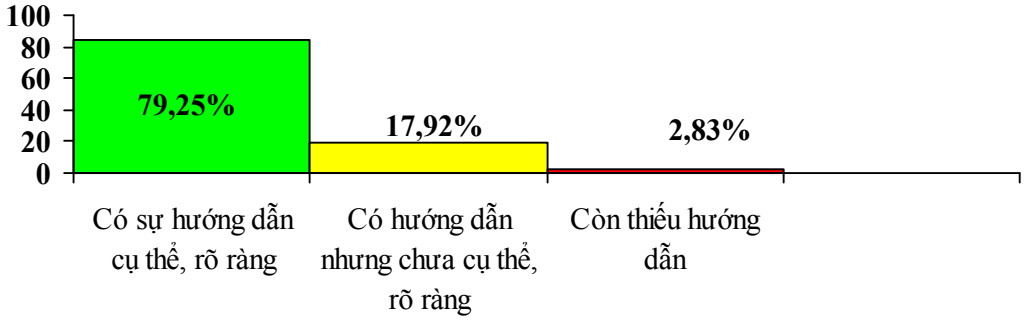

Thủ tục thực hiện tín dụng đối với sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng là việc phối hợp hướng dẫn, thực hiện một số công việc. Với câu hỏi thủ tục thực hiện tín dụng đối với sinh viên. Có 79,25% ý kiến khảo sát trả lời có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể; 17,92% trả lời có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; 2,83% cho rằng còn thiếu hướng dẫn.

Câu hỏi 28: Thủ tục quản lý sinh viên ở nội trú.

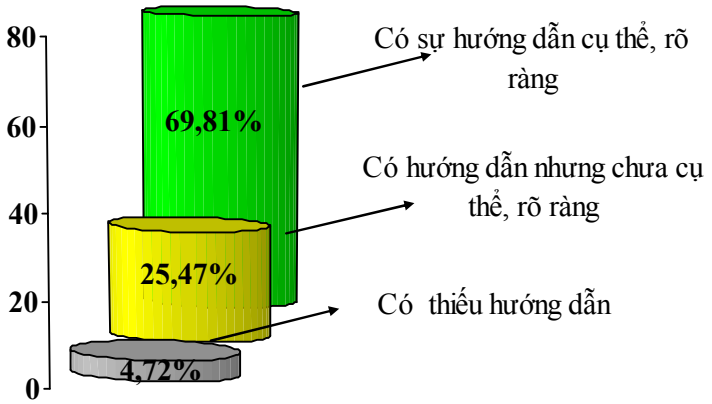

Đối với các trường đại học, cao đẳng công lập gần như trường nào cũng có khu ở nội trú cho sinh viên. Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính, Chính phủ đều có các văn bản: quy chế, quy định, nghị định quy định về cư trú, nội trú, thu và sử dụng nguồn thu sinh viên ở nội trú; các nhà trường có các văn bản hướng dẫn thực

hiện. Tuy nhiên với câu hỏi: thủ tục quản lý sinh viên ở nội trú. Chỉ có 69,81% ý kiến từ khảo sát trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; còn tới 25,47% số ý kiến cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và có tới 4,72% ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn. Với nhu cầu bố trí sinh viên ở nội trú tính chung trong cả nước mới chỉ đạt 30% thì việc để tình trạng thiếu hướng dẫn hoặc có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng chắc chắn sẽ nẩy sinh các tệ nạn, tiêu cực khi bố trí sinh viên ở nội trú, gây nhiều khó khăn cho sinh viên.

Câu hỏi 29: Thủ tục thực hiện quản lý sinh viên ở ngoại trú.

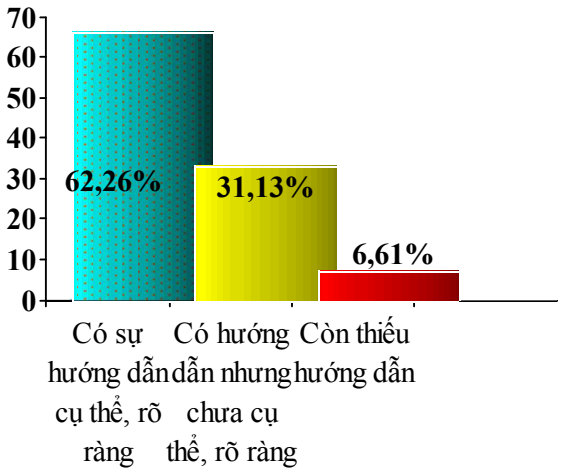

Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quy chế Công tác học sinh, sinh viên ngoại trú trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp - hướng dẫn thực hiện quản lý sinh viên ở ngoại trú? Nhưng khi được hỏi về thủ tục thực hiện quản lý sinh viên ở ngoại trú. Chỉ có 62,26% ý kiến cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; còn tới gần 40% (37,74%) cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng (31,13%) và còn thiếu hướng dẫn (6,61%). Thực tế đây là công việc khó, một số trường thừa nhận chưa thực hiện được, một số trường thực hiện cho có, nửa vời; một số khác cho rằng đây là nhiệm vụ của công an, chính quyền địa phương, nhà trường chỉ nên phối hợp thôi chứ không phải chủ trì chính. Vấn đề đang có nhiều ý kiến khác nhau.

Câu hỏi 30: Thủ tục Tư vấn Hỗ trợ sinh viên.

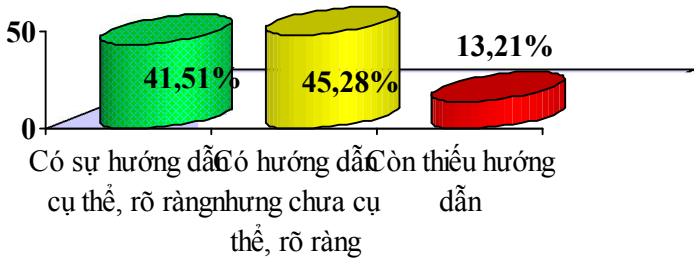

Tư vấn Hỗ trợ sinh viên là công việc khá mới mẻ đối với các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam. Vì thế khi được hỏi: thủ tục tư vấn hỗ trợ sinh viên thì chỉ có 41,51% ý kiến cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; tới gần 60% (58,49%) cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng (45,28%) và (13,21%) cho rằng: còn thiếu hướng dẫn.

Câu hỏi 31: Thủ tục cấp thẻ học sinh, sinh viên.

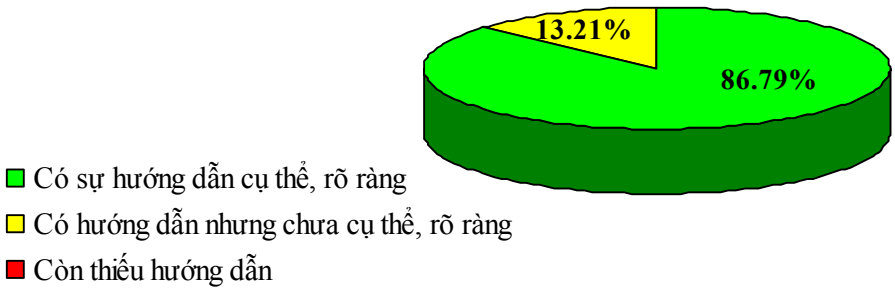

Thực hiện việc cấp thẻ cho sinh viên là công việc trường nào cũng thực hiện ngay từ học kỳ đầu tiên khi sinh viên vào trường học tập. Tuy nhiên công việc tưởng như nhỏ nhặt này khá phiền phức khi sinh viên nhập học muộn, sinh viên mất thẻ phải làm lại thẻ. Thủ tục cấp thẻ học sinh, sinh viên có 13,21% ý kiến cho rằng: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng. Số cho rằng: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng là 86,79%.

Câu hỏi 32: Thủ tục thực hiện Bảo hiểm y tế cho sinh viên.

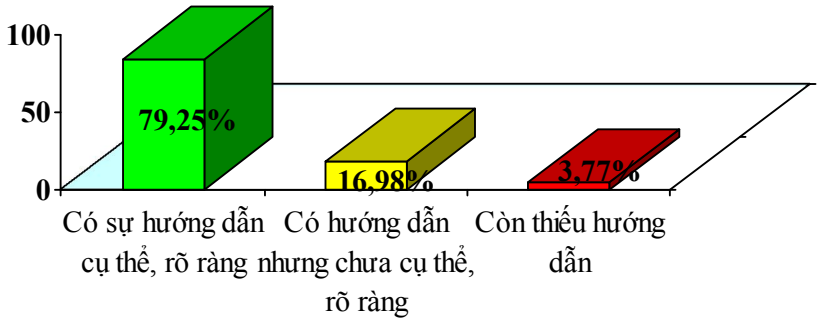

Luật Bảo hiểm y tế có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009; HSSV thực hiện Bảo hiểm y tế bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Tuy nhiên Bảo hiểm y tế nhiều địa phương phối hợp với trường triển khai rất chậm, cho nên với câu hỏi thủ tục thực hiện bảo hiểm y tế cho sinh viên có 79,25% số ý kiến trả lời khảo sát cho là: có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; vẫn còn tới 16,98% cho là: có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và 3,77% cho là: còn thiếu hướng dẫn.

Câu hỏi 33: Thủ tục giải quyết các vụ việc về An ninh trật tự.

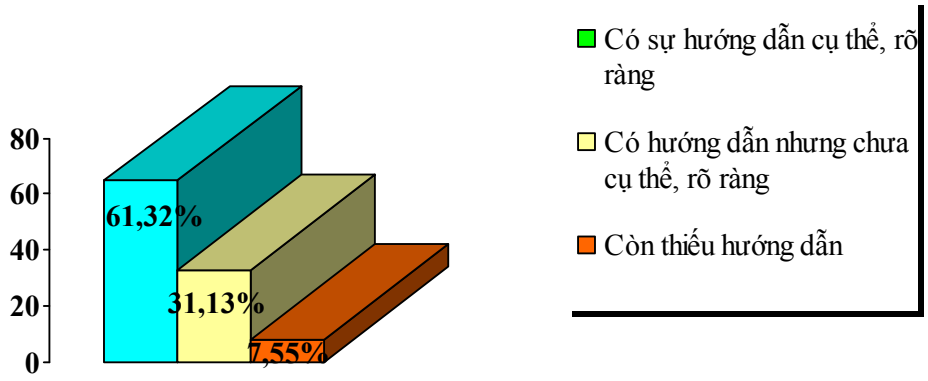

Trong các trường đại học, việc xẩy ra các vụ việc liên quan đến về An ninh trật tự như: trộm cắp tài sản, hỏa hoạn, cướp dật, đánh nhau, tụ tập gây rối, khiếu kiện tập thể .v.v... dù phòng bị thế nào cũng không thể tránh khỏi (vì nhà trường như là một xã hội thu nhỏ). Tuy nhiên có trình tự thủ tục giải quyết khi vụ việc xẩy ra không phải trường nào cũng đã xây dựng được. Vì thế với câu hỏi trên chỉ có 61,32% ý kiến trả lời khảo sát cho rằng có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; nhưng vẫn còn tới 31,13% ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có tới 7,55% ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn. Đây thực tế rõ ràng là nhiều trường, lãnh đạo trường chưa quan tâm chỉ đạo tới lĩnh vực này. Điều hiển nhiên khi xẩy ra vụ việc, việc chỉ đạo, triển khai, thực hiện sẽ khó có sự thống nhất, chặt chẽ, bài bản và cũng khó cho cấp thực thi khi giải quyết các vụ việc có tính chất tương tự.

Câu hỏi 34: Thủ tục thực hiện các kỳ thi nâng ngạch: giảng viên lên giảng viên chính, giảng viên chính lên giảng viên cao cấp, chuyên viên lên chuyên viên chính, chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp.

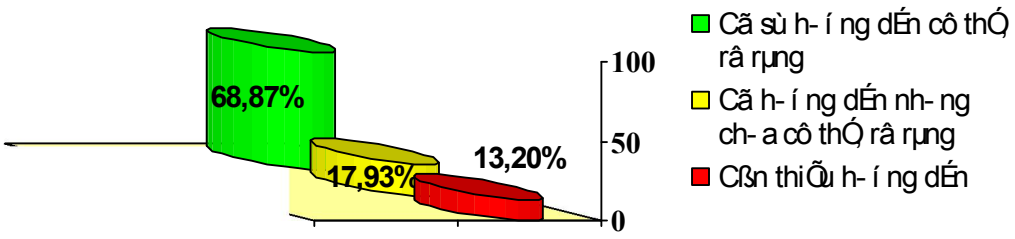

Thi nâng ngạch giảng viên lên giảng viên chính, giảng viên chính lên giảng viên cao cấp, chuyên viên lên chuyên viên chính, chuyên viên chính lên chuyên

viên cao cấp là công việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp chủ quản của các trường đại học, cao đẳng công lập. Nhà trường có nhiệm vụ hướng dẫn, phối hợp thực hiện qua các bước: thông báo, hồ sơ, sơ tuyển ban đầu và cử đi dự thi; tiếp nhận kết quả và thực hiện các chế độ, chính sách sau khi có kết quả thi. Với câu hỏi về Thủ tục thực hiện các kỳ thi có 68,87% ý kiến từ khảo sát cho rằng có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn 17,93% số ý kiến cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và còn tới 13,20% số ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn. Đây chính là điều thực chất các trường đại học, cao đẳng thừa nhận là còn những hạn chế trong chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức giáo dục và đào tạo; chưa công khai rõ ràng, minh bạch một TTHC đã có hướng dẫn cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chưa cụ thể hóa hướng dẫn rõ hơn cách thức thực hiện của từng đơn vị. Điểm yếu này cũng thuộc về các trường cao đẳng và những trường đại học mới thành lập nhiều hơn.

Câu hỏi 35: Thủ tục thực hiện cử cán bộ đi công tác nước ngoài?

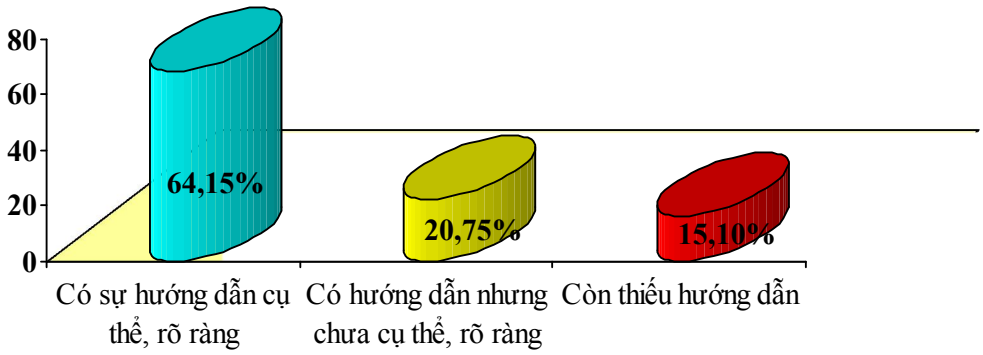

Thủ tục thẩm quyền cử cán bộ đi công tác ở nước ngoài là cấp chủ quản của trường như: cấp Bộ, cấp UBND các tỉnh (một số tỉnh ủy quyền cho Sở ngoại vụ). Nhà trường có nhiệm vụ thực hiện. Với câu hỏi thủ tục thực hiện cử cán bộ đi công tác nước ngoài có 64,15% ý kiến khảo sát trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; tuy nhiên có đến 20,75% ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng

và có tới 15,10% ý kiến cho rằng còn thiếu hướng dẫn; số này phần lớn rơi vào những trường ít có sự hợp tác, liên kết đào tạo với đối tác là nước ngoài.

Câu hỏi 36: Thủ tục thực hiện cử cán bộ đi học cao học, NCS, thực tập sinh nước ngoài?

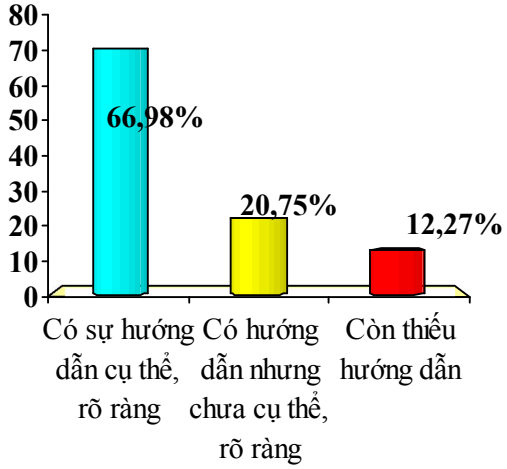

Năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới ban hành Quyết định số 2368/QĐ-BGDĐT ngày 9 tháng 5 năm 2007 nói về lĩnh vực trên nhưng chỉ riêng cho cán bộ thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; tới tháng 9/2001 Thủ tướng Chính phủ mới có bản dự thảo Quyết định Quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập. Với câu hỏi thủ tục cử cán bộ đi học cao học, NCS, thực tập sinh nước ngoài có 66,98% ý kiến trả lời từ cuộc khảo sát cho rằng đã có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Chúng tôi cho rằng như thế cũng có thể coi như khá tốt. Tuy nhiên có đến 20,75% ý kiến cho rằng nhà trường đã có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng, và 12,27% ý kiến cho rằng: còn thiếu hướng dẫn.

Như vậy, về thủ tục này các trường cần tuân thủ tốt hơn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Câu hỏi 37: Thủ tục thực hiện tiếp nhận cán bộ đi học cao học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh nước ngoài trở về trường?

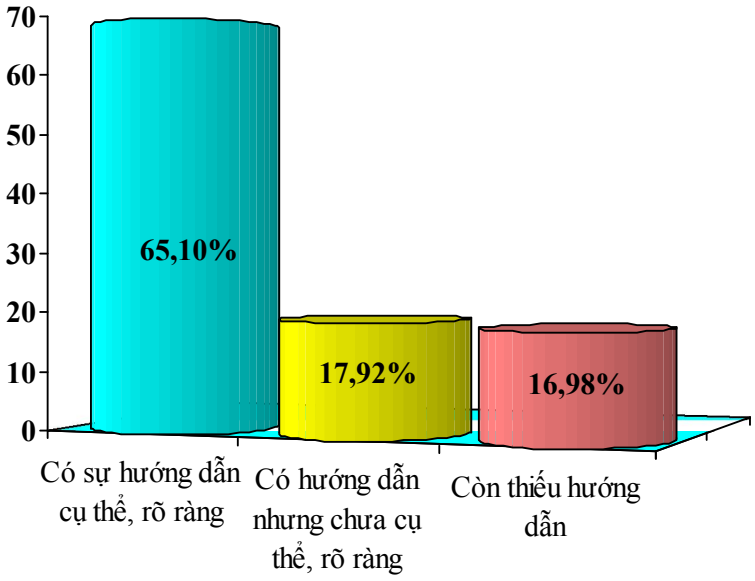

Trả lời câu hỏi về thủ tục thực hiện tiếp nhận cán bộ đi học cao học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh nước ngoài trở về trường. Có 65,10% trả lời đã có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; 17,92% trả lời có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có 16,98% cho rằng còn thiếu hướng dẫn. Đây chủ yếu là thiếu các văn bản hướng dẫn cấp trường, đặc biệt đối với những trường ít có đối đối tượng được cử đi và tiếp nhận về khi đi đi học cao học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh từ nước ngoài trở về trường.

Câu hỏi 38: Thủ tục đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm?

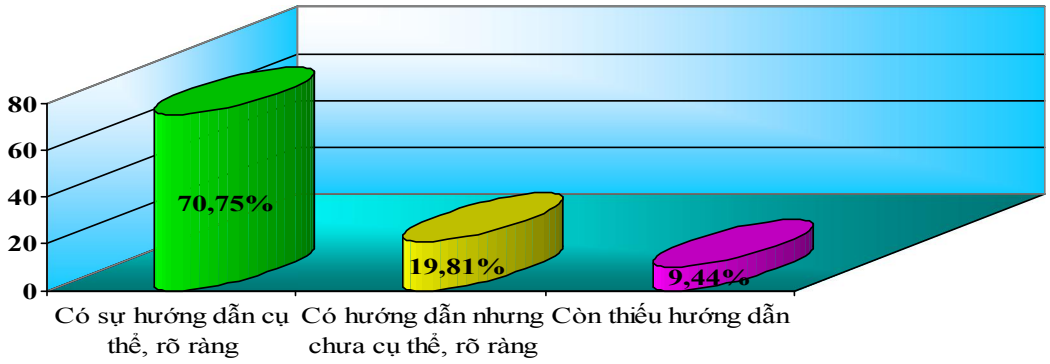

Với câu hỏi: Thủ tục đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có 70,75% ý kiến trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên còn tới 9,81% ý kiến trả lời có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có 9,44% cho rằng còn thiếu hướng dẫn. Số trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng chủ yếu là các trường có chức năng trực tiếp bồi dưỡng sư phạm và những trường có bề dày truyền thống. Số cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và còn thiếu hướng dẫn chủ yếu là các trường đại học và cao đẳng mới thành lập và số trường không có chức năng trực tiếp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; số khác là một số trường chưa thực sự chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho các đối tượng là giảng viên mới và bồi dưỡng sư phạm thường xuyên trong nhiệm vụ, công tác giảng viên, công tác tổ chức cán bộ.

Câu hỏi 39: Thủ tục thực hiện xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân.

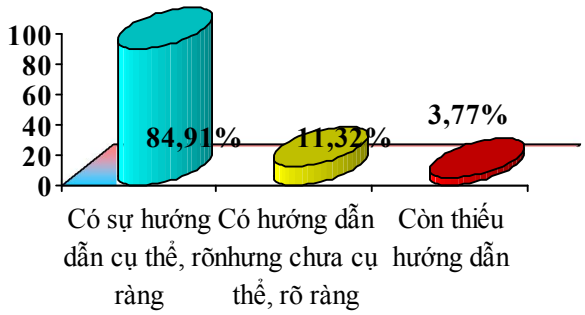

Việc xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân là công việc mà các trường đại học, cao đẳng công lập hay ngoài công lập đều quan tâm, vì đây không chỉ cá nhân mà còn là sự vinh danh (thương hiệu) nhà trường. Vì thế với câu hỏi Thủ tục thực hiện xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân. Có 84,91% ý kiến trả lời có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Chỉ có 11,32% ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 3,77% ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn.

Câu hỏi 40: Thủ tục xin phép mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

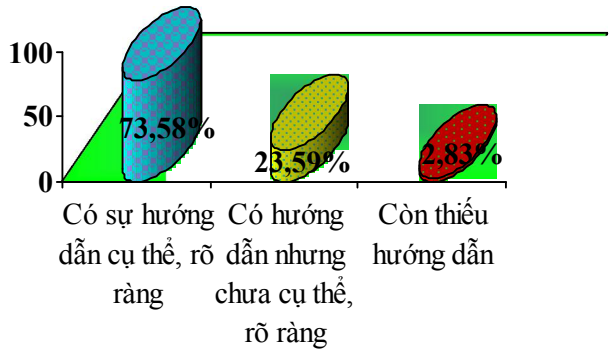

Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản hướng dẫn thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng. Tuy nhiên việc thực hiện ở cấp trường cũng cần có hướng dẫn cụ thể: để biết, định hướng, thực hiện theo lộ trình nhằm đạt đến mục tiêu. Nên với câu hỏi thủ tục xin phép mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng. Có 73,58% ý kiến cho rằng có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, đây là điều rất tốt. Mặc dù có 23,59% ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có 2,83% ý kiến cho là còn thiếu hướng dẫn. Thực ra với những trường ổn định như các trường sư phạm, nghệ thuật không quan tâm nhiều đến thủ tục này; chỉ các trường kinh tế, kỹ thuật, có sự biến động bổ sung nhanh về ngành nghề mới thì có nhiều quan tâm hơn.

Câu hỏi 41: Thủ tục đăng ký và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

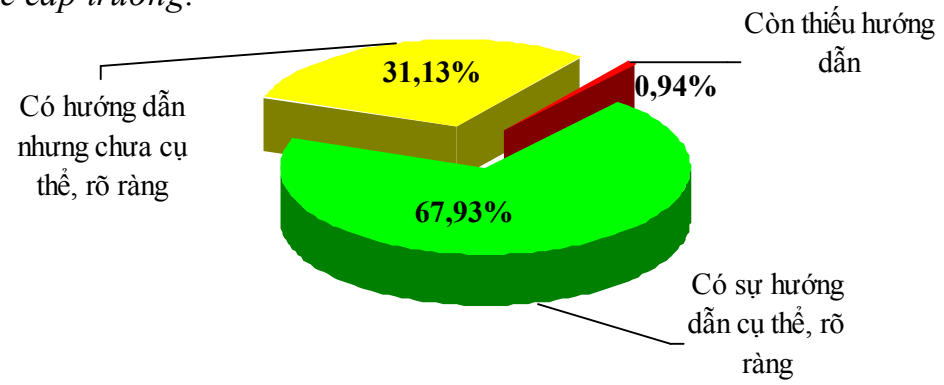

Đăng ký và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của trường đại học, cao đẳng. Với câu hỏi Thủ tục đăng ký và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Có tới 31,13% ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng. Đây là vấn đề những trường chưa hoàn chỉnh cần chấn chỉnh bổ sung kịp thời ngay.

Câu hỏi 42: Thủ tục đăng ký và biên soạn giáo trình?

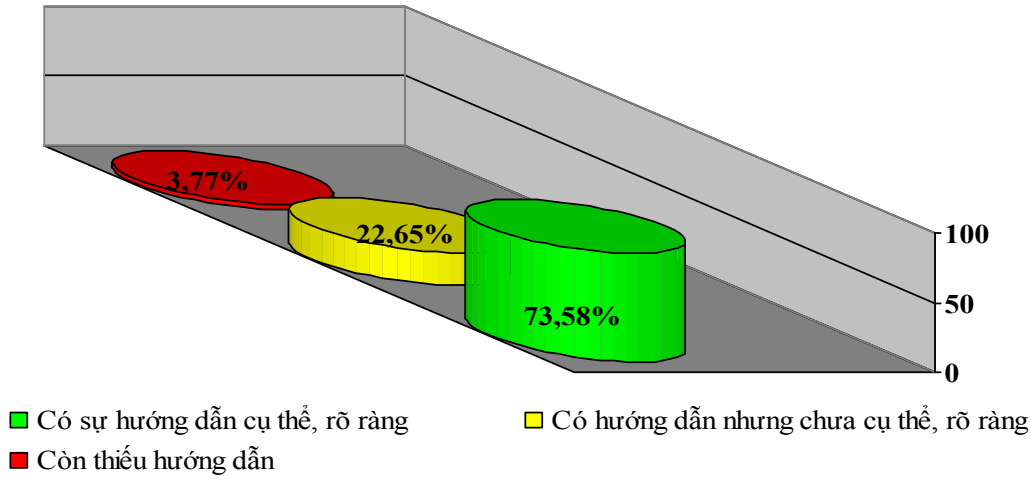

Mãi tới năm 2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới có Thông tư số 04/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/01/2011 "*về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học*". Cho nên với câu hỏi về Thủ tục đăng ký và biên soạn giáo trình. Có tới gần 30% (26,43%) ý kiến từ khảo sát cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng (22,65%) và 3,77% ý kiến cho rằng còn thiếu hướng dẫn. Mặc dù biên soạn giáo trình là công việc thường xuyên của một nhà trường.

Câu hỏi 43: Thủ tục mua sắm bổ sung tài sản thường xuyên.

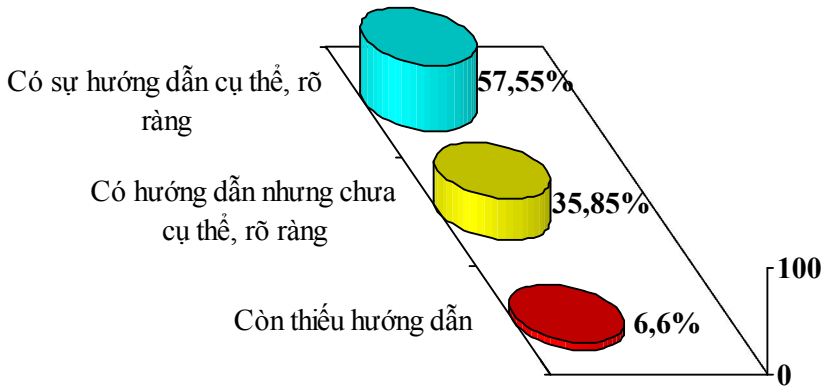

Cho tới năm 2012, Bộ Tài chính ban hành mới Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012, "*Quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân*". Trước đó cũng có các văn bản hướng dẫn thực hiện khác. Tuy nhiên đây vẫn là một trong nhưng lĩnh vực nhảy cảm. Khi được hỏi thủ tục mua sắm bổ sung tài sản thường xuyên. Có tới 35,85% ý kiến cho rằng có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và có tới 6,6% ý kiến cho rằng còn thiếu hướng dẫn. Rất tiếc một số trường lãnh đạo chưa muốn công khai, hướng dẫn, cụ thể hóa các thủ tục này.

Câu hỏi 44: Thủ tục xin phép sữa chữa duy tu công sở.

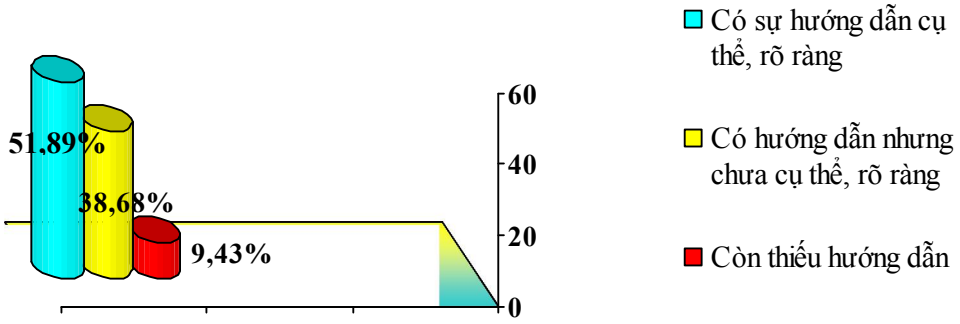

Tương tự, thủ tục xin phép sữa chữa duy tu công sở. Chỉ có 51,89% ý kiến cho rằng có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Số khác cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng (38,68%); số còn lại cho là còn thiếu hướng dẫn cũng lên tới 9,43%.

Câu hỏi 45: Thủ tục xin phép thanh lý, điều chuyển trang thiết bị.

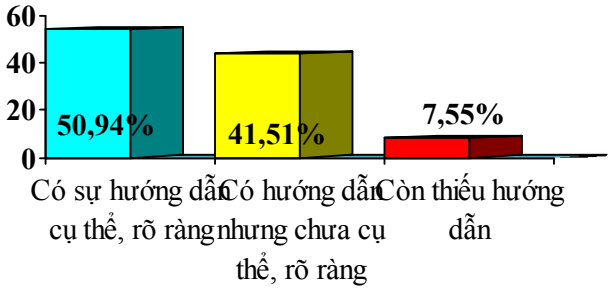

Việc thanh lý, điều chuyển trang thiết bị trong trường đại học và cao đẳng là việc làm có tính chu kỳ năm học, học kỳ và có cả trường hợp đột xuất. Tuy nhiên với câu hỏi thủ tục xin phép thanh lý, điều chuyển trang thiết bị. Có tới gần 50% (49,06%) trả lời có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng (41,51%); và ý kiến cho rằng còn thiếu hướng dẫn (7,55%). Rõ ràng lĩnh vực này đối với nhiều trường, kể cả trường đại học lớn vẫn còn có nhiều hạn chế, chưa cụ thể rõ ràng.

Câu hỏi 46: Thủ tục quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản của trường?

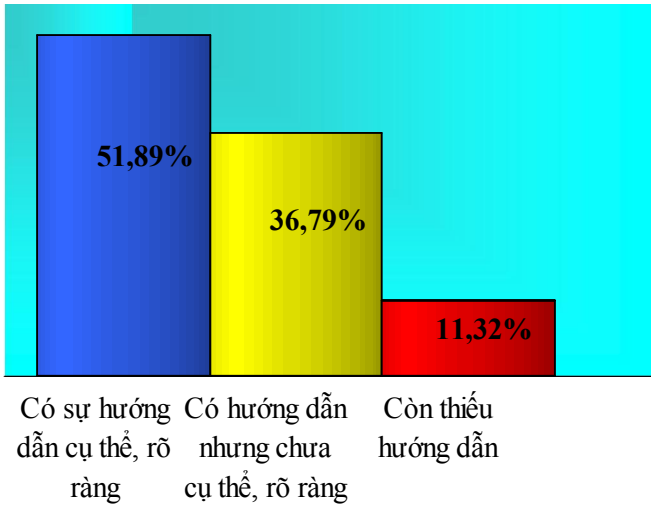

Đâu tư xây dựng cơ bản của trường là công việc lớn, sử dụng nguôn kinh phí lớn, đã có nhiều văn bản hướn dẫn như: Thông tư *Hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình*; *Thông tư Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng*; Thông tư *Hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 1 năm 2008 của Thủ tướng chính phủ "về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại"*. Cấp trường nên ban hành các văn bản, các Quyết định: Quy định về phân cấp và chức năng nhiệm vụ trong Quản lý dự án đầu tư xây dựng của trường; thành lập tổ chuyên gia đấu thầu xây lắp công trình; thành lập tổ chuyên gia chọn thầu các gói thầu có hình thức chỉ định thầu; Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung thuộc Dự án xây dựng; thành lập tổ chuyên gia chọn thầu các gói thầu xây lắp và thiết bị. Tuy nhiên với câu hỏi trên có 36,79% cho là có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng; và 11,32% cho là còn thiếu hướng dẫn. Số liệu cho thấy Ban giám hiệu các trường chưa quan tâm chú trọng "sự rõ ràng, công khai" vấn đề này.

Tóm lại (2.2): Thủ tục hành chính và thực hiện TTHC liên quan đến quản lý học sinh, sinh viên là những câu hỏi phần lớn được số người khảo sát quan tâm, trả lời, và đều xác nhận rằng các thủ tục đó đều có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên có khá nhiều ý kiến cho rằng Bộ giáo dục và Đào tạo và nhà trường tuy có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và còn nhiều trường hợp thiếu hướng dẫn. Ví

dụ: Thủ tục đăng ký đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học (30,19%); Thủ tục và hồ sơ chuyển trường (34,91%); Thủ tục chuyển chuyên ngành đào tạo (43,39%); Thủ tục chuyển khóa học (41,51%); Thủ tục chuyển cơ sở đào tạo (50%); Thủ tục cấp và chứng nhận bản sao chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp (32,07%); Thủ tục cấp lại, điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ (37,74%); Thủ tục đăng ký học vượt chương trình (64,15%); Thủ tục đăng ký học bằng hai (54,72%); Thủ tục thanh toán thỉnh giảng (37,74%); Thủ tục thực hiện quản lý sinh viên ở ngoại trú (37,74%); Thủ tục giải quyết các vụ việc về An ninh trật tự (38,68%). Một số thủ tục khác cho rằng Bộ giáo dục và Đào tạo và nhà trường tuy có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng và còn nhiều trường hợp thiếu hướng dẫn như: Thủ tục thực hiện cử cán bộ đi công tác nước ngoài (35,85%); Thủ tục mua sắm bổ sung tài sản thường xuyên (42,45%); Thủ tục xin phép sữa chữa duy tu công sở (48,11%); Thủ tục xin phép thanh lý, điều chuyển trang thiết bị (49,06%); Thủ tục quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản của trường (49,11%). Rõ ràng ở đây chúng ta thấy tập trung chủ yếu và nhiều lĩnh vực ”nhạy cảm” và một số lĩnh vực các trường không triển khai thực hiện hoặc triển khai thực hiện không đầy đủ. Đây là những ý kiến rất tốt cho lãnh đạo các trường đại học biết, quan tâm, chỉ đạo nhằm khắc phục ngay những mảng công việc còn bỏ ngỏ, chưa hoàn thiện hoặc còn thiếu sót của trường mình; Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp chủ quản các trường đại học, cao đẳng biết để tăng cường công tác kiểm tra.

2.3. Đánh giá thủ tục hành chính

Câu hỏi 1: Theo anh chị, đối với các thủ tục (nêu trên) Nhà trường có cần phải ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể không?

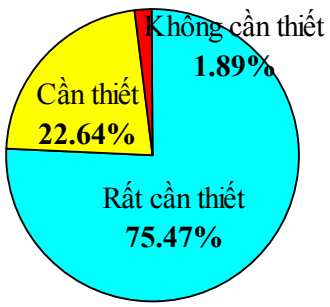

Có tới 98,11% ý kiến cho rằng các thủ tục (nêu trên) Nhà trường cần phải ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể; trong đó 75,47%, cho là rất cần thiết, 22,64% cho là cần thiết. Vì các quy định TTHC Nhà nước ban hành là quy định chung nhất, tuy nhiên khi triển khai thực hiện TTHC yêu cầu đặt ra là phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, phù hợp với tình hình thực tế của từng trường, không nhằm mục đích gì hơn là để mọi công việc được thực thi nhanh chóng, hiệu quả, có địa chỉ chịu trách nhiệm, tránh máy móc. Đây là một ý kiến có tính thống nhất cao.

Câu hỏi 2: Thủ tục hành chính và việc thực hiện hiện thủ tục hành chính ở trường anh chị được đánh giá như thế nào?

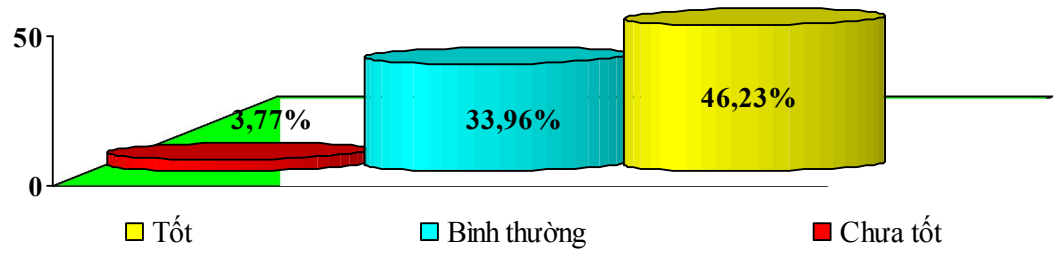

Về câu hỏi này, 16,04% trả lời rất tốt, 46,23% trả lời tốt. Số này chủ yếu tập trung vào các trường đại học lớn, có truyền thống. Còn 33,96% cho rằng bình thường và 3,77% đánh giá chưa tốt, chủ yếu rơi vào những trường cao đẳng, phần lớn là những trường vừa được nâng cấp từ trung học lên và những trường mới thành lập.

Câu hỏi 3: Đánh giá chung về các quy định liên quan đến thủ tục hành chính ở trường anh (chị) như thế nào?

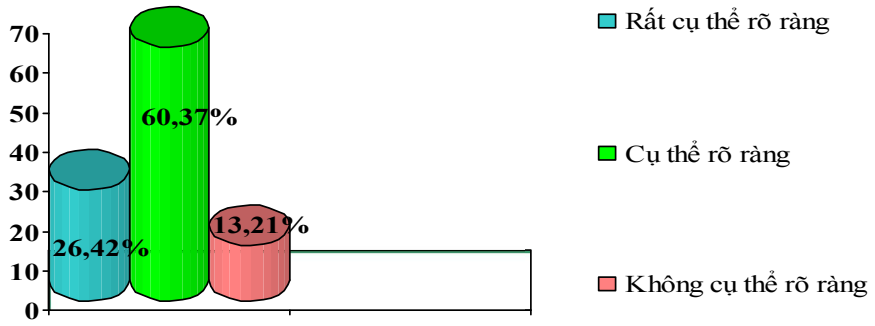

Phần lớn ý kiến cho rằng đánh giá chung về các quy định liên quan đến TTHC ở trường đại học và cao đẳng là: rất cụ thể rõ ràng 26,42% và cụ thể rõ ràng là 60,37%. Tuy nhiên vấn đề là còn tới 13,21% ý kiến cho rằng không cụ thể rõ ràng. Cái không cụ thể rõ ràng này chính là một trong những nguyên nhân của của tình trạng thiếu minh bạch, thiếu nhất quán, sẽ dẫn đến hành động tùy tiện, TTHC sẽ được thực hiện không thống nhất, không rõ địa chỉ thực hiện TTHC và địa chỉ chịu trách nhiệm giải quyết TTHC. Không rõ ràng sẽ khiến sinh viên mất nhiều công sức, thời gian, vòng vo cho những việc không đáng có để tìm địa chỉ thực hiện, yêu cầu TTHC và ngay cả cán bộ thực hiện TTHC sẽ rất vất vả khi triển khai thực hiện những TTHC khi không rõ quy trình, không thống nhất và không rõ ràng này.

Câu hỏi 4: Khâu Thủ tục nào ở trường anh chị, được cho là yếu kém nhất?

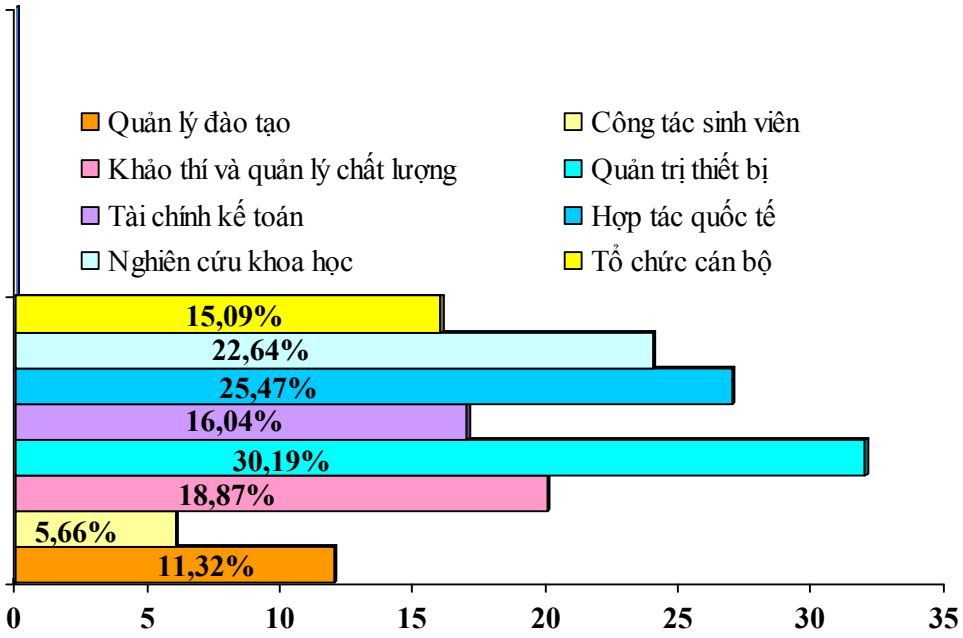

Với câu hỏi này chúng tôi nhận được câu trả lời khá phong phú. Khi tổng hợp chung lại, khâu yếu kém nhất từ trên xuống dưới được đánh giá là các khâu: Quản trị thiết bị (30,19%), Hợp tác quốc tế (25,47%), Nghiên cứu khoa học (22,64%), Khảo thí và quản lý chất lượng (18,87%), Tài chính kế toán (16,04%), Tổ chức cán bộ (15,09%), Quản lý đào tạo (11,32%), Công tác sinh viên (5,66%).

Nhiều ý kiến đánh giá khâu yếu kém nhất liên quan đến 2, 3 thậm chí 4 khâu chứ không phải chỉ 1 khâu. Kết quả và thực tế cũng cho thấy nhiều trường chưa quan tâm hay chưa muốn quan tâm đến việc công khai rõ các thủ tục liên quan đến mảng quản trị thiết bị, hợp tác quốc tế...những mảng liên quan đến đầu tư mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất và sử dụng nguồn kinh phí, nguồn thu - chi lớn trong trường đại học, cao đẳng.

Câu hỏi 5: Khi thực hiện thủ tục hành chính, cán bộ trường anh chị có tự quy định thêm những yêu cầu khác với quy định chung không?

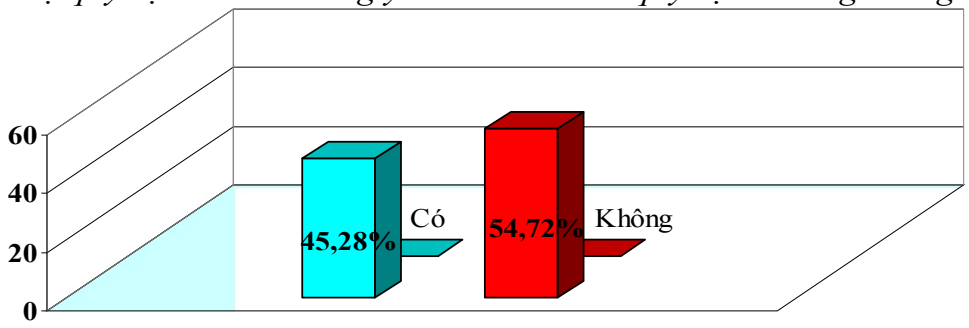

Với câu hỏi trên có tới 45,28% trả lời: có. Đây là điểm đáng buồn cho việc chấp pháp, thực thi TTHC ở các trường đại học, cao đẳng nói riêng và nền hành chính Việt Nam nói chung. Nó cho thấy sự tùy tiện trong thực hiện TTHC. Tự mỗi cán bộ thực thi nhiệm vụ lại quy định thêm những nội dung, giấy tờ, yêu cầu bổ sung, gây khó khăn cho cho việc chấp hành pháp luật; gây những nhiễu cho sinh viên. Đây chính là nguyên cớ dễ nảy sinh các hành vi tiêu cực, tham nhũng.

Câu hỏi 6: Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thủ tục hành chính cho việc quản lý các hoạt động của trường đại học, cao đẳng hiện nay?

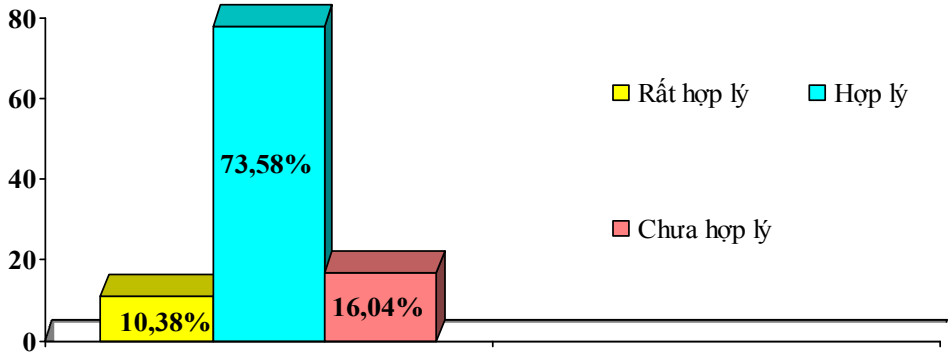

Tổng hợp đánh giá chung về câu hỏi số 6 này có 10,38% cho rằng rất hợp lý, 73,58% cho là hợp lý. Tuy nhiên vẫn còn 16,04% cho rằng chưa hợp lý. Những ý kiến cho rằng chưa hợp lý với các ý kiến nêu cụ thể như sau: Đôi lúc còn chồng chéo trong việc phân quyền quản lý; Việc giám sát CCHC của Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tăng cường hơn nữa; Chưa sát với cơ sở đào tạo đặc thù (năng khiếu); Quản

lý chất lượng đào tạo các trường còn nhiều bất cập; Cần giới hạn vùng tuyển cho các trường; Còn quá chung chung, chưa có chế tài, chưa có hướng dẫn cụ thể, kịp thời (VD: Ban hành văn bản còn chậm chưa rõ ràng); Cần mạnh dạn giao quyền tự chủ cho các trường đại học; Trong quy chế tuyển sinh 2011 ghi thí sinh trúng tuyển không cần hồ sơ trúng tuyển (nhập học) là chưa hợp lý (vì hồ sơ sinh viên cần xác nhận địa phương chứ không phải tự khai); Kinh phí cho hoạt động ngoại khóa Văn hóa - Văn nghệ - Thể thao yếu; Thanh toán vượt giờ định mức cho giảng viên không đầy đủ.

Tóm lại (2.3): Việc đánh giá khách quan TTHC và việc thực hiện TTHC là để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, thiết kế, xây dựng, ban hành TTHC và đề xuất cách thức thực hiện TTHC hiệu quả.

Phần lớn các ý kiến khảo sát (98,11%) cho rằng: Nhà trường cần thiết phải ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện TTHC cụ thể, bởi mỗi trường, mỗi cơ sở đào tạo đều có tính đặc thù riêng (về vị trí địa lý, về đặc điểm, chuyên ngành đào tạo, về đối tượng đào tạo...). Đây là một ý kiến thống nhất cao, cho thấy sự cần thiết của việc làm này.

Thủ tục hành chính và việc thực hiện TTHC ở các trường đại học, cao đẳng được đánh giá thực hiện tốt và rất tốt khá cao (62,27%). Tuy nhiên ngoài số ý kiến đánh giá cho là bình thường (33,96%) thì còn một tỷ lệ thấp nhưng đáng chú ý (3,77%) cho rằng TTHC và việc thực hiện hiện TTHC chưa tốt; đánh giá chung về các quy định liên quan đến TTHC có tới 13,21% cho rằng không cụ thể rõ ràng. Khâu thủ tục được cho là yếu kém nhất là: Quản trị thiết bị (30,19%); Hợp tác quốc tế (25,47%), Nghiên cứu khoa học (22,64%), Khảo thí và quản lý chất lượng (18,87%), Tài chính kế toán 16,04% (Tổ chức cán bộ (15,09%), Quản lý đào tạo (11,32%), Công tác sinh viên (5,66%).

Một vấn đề đặt ra là, khi thực hiện TTHC có tới 45,28% ý kiến khảo sát trả lời cho rằng cán bộ trường đã tự quy định thêm những yêu cầu khác với quy định chung. Đây là một trong những điều đáng lo ngại. Nó cho thấy một thực tế là: có 1 tỷ lệ khá lớn cán bộ của chúng ta còn tùy tiện, làm việc không tuân theo các quy định của pháp luật, tự ý đưa thêm các điều kiện thủ tục khác làm khó cho sinh viên, cho người có nhu cầu giải quyết TTHC, gây cản trở lớn cho việc cải cách TTHC.

Nhiều ý kiến cũng cho rằng Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thủ tục hành chính cho việc quản lý các hoạt động của trường đại học, cao đẳng hiện nay chưa hợp lý (16,04%). Ví dụ như: còn chồng chéo trong việc phân quyền quản lý; chưa sát với cơ sở đào tạo đặc thù (năng khiếu); quản lý chất lượng đào tạo các trường còn nhiều bất cập; việc giám sát cải cách hành chính của Bộ cần tăng cường hơn nữa; cần giới hạn vùng tuyển cho các trường; còn chung chung, chưa có chế tài, chưa có hướng dẫn cụ thể, kịp thời. Ví dụ: việc ban hành văn bản có lúc còn chậm và chưa rõ ràng; trong quy chế tuyển sinh 2011 ghi thí sinh trúng tuyển không cần hồ sơ trúng tuyển (nhập học) là chưa hợp lý (vì hồ sơ sinh viên cần xác nhận địa phương chứ không phải tự khai); cải cách TTHC cần mạnh dạn giao quyền tự chủ cho các trường đại học...

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Câu hỏi 1: Để cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học, các giải pháp sau đây giải pháp nào được cho là quan trọng?

Câu hỏi	Trả lời	Người trả lời	Tỷ lệ %
1) Phân quyền đổi mới trong quản lý trường học, quy định rõ chức năng nhiệm vụ các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường:	Quan trọng	96	90,57%
	Không quan trọng	10	9,43%
2) Xây dựng Bộ quy định quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường đại học:	Quan trọng	105	99,06%
	Không quan trọng	1	0,94%
3) Nghiên cứu khoa học và tổ chức học tập kinh nghiệm của các ngành, địa phương, các trường đại học nước ngoài:	Quan trọng	83	78,30%
	Không quan trọng	23	21,70%
4) Xây dựng bộ quy trình xử lý các thủ tục	Quan trọng	104	98,11%

hành chính để giải quyết các công việc thuộc trường đại học:	Không quan trọng	2	1,89%
5) Đầu tư máy móc, thiết bị để đảm bảo cho việc tin học hóa, công khai hóa và thực hiện TTHC hiệu quả:	Quan trọng	103	97,17%
	Không quan trọng	3	2,83%
6) áp dụng tin học triển khai thực hiện TTHC thông qua mạng và các phần mền quản lý:	Quan trọng	105	99,06%
	Không quan trọng	1	0,94%
7) Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức liên quan đến giải quyết TTHC:	Quan trọng	89	83,96%
	Không quan trọng	17	16,04%
8) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội trong trường học:	Quan trọng	90	84,91%
	Không quan trọng	16	15,09%
9) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính:	Quan trọng	88	83,02%
	Không quan trọng	18	16,98%
10) Đưa tiêu chí áp dụng ISO 9001: 2000 và kiểm định thủ tục hành chính vào kiểm định chất lượng các trường đại học:	Quan trọng	74	69,81%
	Không quan trọng	32	30,19%

Cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các nhà trường nhằm thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2012-2015 trên cơ sở cụ thể hoá các nội dung của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Mười giải pháp cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học được người khảo sát cho là quan trọng, với tỷ lệ ý kiến đồng ý cao cho thấy đây là những giải pháp lãnh

đạo các trường đại học và Bộ Giáo dục và Đào tạo nên tham khảo để cho ý kiến chỉ đạo và thực hiện.

Câu hỏi 2: Anh chi có đề xuất bãi bỏ thủ tục hành chính nào không?

Không có ý kiến đề xuất bãi bỏ TTHC nào nhưng các đề xuất được ghi trong mục này như sau:

- Tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc;
- Thủ tục nghiệm thu mã ngành còn phức tạp nên cải tiến;
- Thủ tục cấp phôi bằng cũng cần cải tiến cùng với việc phân quyền cho các trường đại học (Bỏ TTHC cấp phôi bằng từ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Câu hỏi 3: Để cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động các trường đại học Anh chị có đề xuất gì thêm?

Các ý kiến tham gia góp ý như sau:

- Có văn bản quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các bộ phận phòng, khoa;
- Cần giảm tối đa TTHC và tạo điều kiện tốt cho sinh viên;
- Mọi quy định, quy trình cần rõ ràng, minh bạch, công khai và thực hiện theo đúng quy định đã công bố;
- Đảm bảo chặt chẽ, đúng nguyến tắc nhưng gọn và đơn giản;
- Tăng cường giao quyền tự chủ cho các trường đại học;
- Cần có những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn TTHC cụ thể rõ ràng;
- Đưa ngay tiêu chí ISO 9001-2000 việc thực hiện các quy định hành chính trong làm việc giữa các phòng ban;
- Cần quy định rõ ràng các quy định cụ thể hóa các nội dung của nhà trường, tránh trường hợp chồng chéo không thống nhất;
- Tinh giản gọn nhẹ các TTHC;
- Hệ thống lại các văn bản cho thống nhất, tránh chồng chéo;
- Cần cụ thể hóa nhiệm vụ của các tổ chức chính trị trong trường học trong việc phối hợp trong việc thực hiện TTHC là những nội dung công tác;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng;
- Tiêu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu công tác; giải quyết cán bộ nghỉ chế độ theo nguyện vọng, tuyển cán bộ mới có năng lực.

Tóm lại (III): Qua khảo sát thực tế, 10 giải pháp cải cách TTHC trong hoạt động các trường đại học nhận được ý kiến người khảo sát cho là quan trọng, với tỷ lệ đồng ý cao:

(1) Phân quyền đổi mới trong quản lý trường học, quy định rõ chức năng nhiệm vụ các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường (90,57%);

(2) Xây dựng Bộ quy định quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường đại học (99,06%);

(3) Nghiên cứu khoa học và tổ chức học tập kinh nghiệm của các ngành, địa phương, các trường đại học nước ngoài (78,30%);

(4) Xây dựng bộ quy trình xử lý các thủ tục hành chính để giải quyết các công việc thuộc trường đại học (98,11%);

(5) Đầu tư máy móc, thiết bị để đảm bảo cho việc tin học hóa, công khai hóa và thực hiện TTHC hiệu quả (97,17%);

(6) áp dụng tin học triển khai thực hiện TTHC thông qua mạng và các phần mền quản lý (99,06%);

(7) Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức liên quan đến giải quyết TTHC (83,96%);

(8) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội trong trường học (84,91%);

(9) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính (83,02%);

(10) Đưa tiêu chí áp dụng ISO 9001: 2000 và kiểm định thủ tục hành chính vào kiểm định chất lượng các trường đại học (69,81%).

Đây là những giải pháp cơ bản, được đánh giá là quan trọng và nhận được sự đồng thuận cao, những giải pháp trên rất cần thiết để các Lãnh đạo các trường đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến chỉ đạo và định hướng triển khai thực hiện.

Ý kiến đề xuất bãi bỏ thủ tục hành chính, có ý kiến cho rằng nên bãi bỏ TTHC cấp phôi bằng từ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuyển cho các trường (phân quyền tự chủ).

Ngoài ra các ý kiến góp ý bổ sung để cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động các trường đại học: cần giảm tối đa TTHC và tạo điều kiện tốt cho sinh viên học tập; mọi quy định, quy trình cần rõ ràng, công khai, minh bạch và thực hiện theo đúng quy định đã công bố; chặt chẽ, đúng nguyên tắc nhưng phải gọn và đơn giản; cần cụ thể hóa nhiệm vụ của các tổ chức chính trị trong trường học trong việc phối hợp thực hiện TTHC; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chất lượng cao; tiêu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu công tác; giải quyết cán bộ không đủ năng lực công tác trong điều kiện mới (có nguyện vọng nghỉ chế độ), tuyển cán bộ mới có năng lực.

(MẪU) PHIẾU KHẢO SÁT
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Nhằm thu thập ý kiến đóng góp cho việc nghiên cứu và đề xuất *Cải cách thủ tục hành chính đối với hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam,* xin anh, chị vui lòng đóng góp một số ý kiến theo các câu hỏi sau đây:

I. THỂ CHẾ

1. Thiết kế bộ máy nhà trường phự hợp có ảnh hưởng như thế nào đối với hoạt động của nhà trường?	Có ảnh hưởng rất lớn đối với tổ chức hoạt động của trường đại học ☐	Có ảnh hưởng nhất định đối với tổ chức hoạt động của trường đại học ☐	Không quan trọng đối với tổ chức hoạt động của trường đại học ☐
2. Theo nhận xét của cá nhân anh (chị) tổ chức bộ máy của trường anh, chị đã được thiết kế phù hợp chưa?	Rất phự hợp ☐	Phù hợp ☐	Chưa phù hợp ☐
Vì sao đánh giá là Tổ chức trường mình chưa phù hợp ?	Cồng kềnh ☐	Chồng chéo ☐	Chưa rõ ràng ☐
3. Chức năng, nhiệm vụ cục đơn vị trong trường của anh (chị) đã được quy định như thế nào?	Rất rõ ràng ☐	Rõ ràng ☐	Chưa rõ ràng ☐
4. Các quy định về thủ tục hành chinh của trường anh (chị) đã được quy định rõ ràng chưa?	Đầy đủ ☐	Còn thiếu ☐	Chưa rõ ràng ☐

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Đề nghị cho ý kiến một số thủ tục trong trường đại học, cao đẳng của các anh chị:

(1) Thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đến trường.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng ☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng ☐	Còn thiếu hướng dẫn ☐
(2) Thủ tục đăng ký đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học đó được hướng dẫn rừ ràng chưa? Có sự thống nhất không?	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng ☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng ☐	Còn thiếu hướng dẫn ☐

(3) Thủ tục và hồ sơ chuyển trường.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(4) Thủ tục xét dừng học, thôi học do học lực yếu.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(5) Thủ tục xét nghỉ học, thôi học và học tiếp do nguyện vọng cá nhân.		☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(6) Thủ tục xét nghỉ học, thôi học và học tiếp.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(7) Thủ tục chuyển chuyên ngành đào tạo.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(8) Thủ tục chuyển khóa học.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(9) Thủ tục chuyển cơ sở đào tạo.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(10) Thủ tục cấp và chứng nhận bản sao chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(11) Thủ tục cấp lại, điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(12) Thủ tục đăng ký học vượt chương trình.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐

(13) Thủ tục đăng ký học bằng hai.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(14) Thủ tục mời giảng viên thỉnh giảng.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(15) Thủ tục thanh toán thỉnh giảng.	Đơn giản	☐	Phức tạp, (nhiều giấy tờ)	☐	Chưa quy định cụ thể	☐
(16) Thủ tục thanh toán vượt giờ giảng.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(17) Thủ tục khảo sát chất lượng đào tạo.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(18) Thủ tục tổ chức thi, chấm thi, quản lý thi.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(19) Thủ tục xét khen thưởng học sinh, sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(20) Thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật học sinh, sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(21) Thủ tục, xử lý người học nghiện ma túy.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(22) Thủ tục đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐

(23) Thủ tục xét cấp học bổng khuyến khích học tập.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(24) Thủ tục xét cấp học bổng chính sách.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(25) Thủ tục xét cấp trợ cấp xã hội.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(26) Thủ tục thực hiện miễn, giảm học phí.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(27) Thủ tục thực hiện tín dụng đối với sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(28) Thủ tục quản lý sinh viên ở nội trú.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(29) Thủ tục thực hiện quản lý sinh viên ở ngoại trú.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(30) Thủ tục Tư vấn Hỗ trợ sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(31) Thủ tục cấp thẻ học sinh, sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(32) Thủ tục thực hiện Bảo hiểm y tế cho sinh viên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(33) Thủ tục giải quyết các vụ việc về An ninh trật tự.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐

(34) Thủ tục thực hiện các kỳ thi nâng ngạch: giảng viên lên giảng viên chính, giảng viên chính lên giảng viên cao cấp, chuyên viên lên chuyên viên chính, chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(35) Thủ tục thực hiện cử cán bộ đi công tác nước ngoài.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(36) Thủ tục thực hiện cử cán bộ đi học cao học, NCS, thực tập sinh nước ngoài.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(37) Thủ tục thực hiện tiếp nhận CB đi học CH, NCS, thực tập sinh nước ngoài trở về trường.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(38) Thủ tục đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(39) Thủ tục thực hiện xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(40) Thủ tục xin phép mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐

(41) Thủ tục đăng ký và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(42) Thủ tục đăng ký và biên soạn giáo trình.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(43) Thủ tục mua sắm bổ sung tài sản thường xuyên.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(44) Thủ tục xin phép sữa chữa duy tu công sở.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(45) Thủ tục xin phép thanh lý, điều chuyển trang thiết bị	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐
(46) Thủ tục quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản của trường.	Có sự hướng dẫn cụ thể, rõ ràng	☐	Có hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng	☐	Còn thiếu hướng dẫn	☐

III. ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

3.1 Theo anh chị, đối với các thủ tục (nêu trên) Nhà trường có cần phải ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể không?	Rất cần thiết	☐	Cần thiết	☐	Không cần thiết	☐		
3.2 Thủ tục hành chính và việc thực hiện hiện thủ tục hành chính ở trường anh chị được đánh giá như thế nào?	Rất tốt	☐	Tốt	☐	Bình thường	☐	Chưa tốt	☐

3.3 Đánh giá chung về các quy định liên quan đến thủ tục hành chính ở trường anh (chị) như thế nào.	Rất cụ thể, rõ ràng	☐	Cụ thể, rõ ràng	☐	Không cụ thể, rõ ràng	☐

3.4 . Khâu Thủ tục nào ở trường anh chị, được cho là yếu kém nhất:?	Quản lý đào tạo ☐	Công tác sinh viên	Khảo thí và quản lý chất lượng ☐	Quản trị thiết bị ☐	Tài chính kế toán ☐
	Hợp tác quốc tế ☐	Nghiên cứu khoa học ☐	Tổ chức cán bộ ☐	. . . .	

3.5 Khi thực hiện thủ tục hành chính, cán bộ trường anh chị có tự quy định thêm những yêu cầu khác với quy định chung không?	Có	☐	Không	☐

3.6 Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thủ tục hành chính cho việc quản lý các hoạt động của trường đại học, cao đẳng hiện nay đã hợp lý chưa?	Rất hợp lý	☐	Hợp lý	☐	Chưa hợp lý	☐

Nếu chưa hợp lý, cụ thể:.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

4.1 Để cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động các trường đại học, các giải pháp sau đây giải pháp nào được cho là quan trọng (tích vào một số giải pháp theo anh chị là quan trọng):

Các giải pháp	*Quan trọng*	*Không Quan trọng*
Phân quyền đổi mới trong quản lý trường học, quy định rõ chức năng nhiệm vụ các cấp, từ cấp Bộ tới cấp trường		
Xây dựng Bộ quy định quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường đại học		
Nghiên cứu khoa học và tổ chức học tập kinh nghiệm của các ngành, địa phương, các trường đại học nước ngoài		
Xây dựng bộ quy trình xử lý các thủ tục hành chính để giải quyết các công việc thuộc trường đại học		
Đầu tư máy móc, thiết bị để đảm bảo cho việc tin học hóa, công khai hóa và thực hiện TTHC hiệu quả		
Áp dụng tin học triển khai thực hiện TTHC thông qua mạng và các phần mền quản lý		
Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức liên quan đến giải quyết TTHC		
Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội trong trường học		
Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính		
Đưa tiêu chí áp dụng ISO 9001: 2000 và kiểm định thủ tục hành chính vào kiểm định chất lượng các trường đại học		
....		

4.2 Anh chi có đề xuất bãi bỏ thủ tục hành chính nào không?

.....

.....

4.3 Để cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động các trường đại học Anh chị có đề xuất gì thêm?

.....

.....

.....

Nếu có thể, xin anh (chị) điền giúp thông tin cá nhân:

Họ và tên:.....; Chức vụ: .....

Đơn vị: .....; Ký và ghi rõ họ tên: .....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự đống góp ý kiến của anh (chị). Những thông tin trên chắc chắn sẽ được sự dụng để nghiên cứu các vấn đề cải cách thủ tục hành chính trong các trường đại học và cao đẳng của chúng ta.

PHẦN MỀN QUẢN LÝ HỌC SINH , SINH VIÊN BST EMIS STUDENT GIÚP GIẢI QUYẾT NHANH CÁC THỦ TỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

"Cuộc cách mạng trong nhà trường" là cụm từ nói đến việc nhà trường đã mạnh dạn áp dụng các phương pháp quản lý đào tạo hiện đại làm thay đổi có tính đột phá trong trường học.

Ngày 06 tháng 3 năm 2007, Bộ Giáo dục và đào tạo có công văn số 1792/BGDDT-VP "V/v ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành", thực hiện yêu cầu cải cách hành chính Nhà nước trong ngành Giáo dục và Đào tạo, trong đó có những nội dung cơ bản là Quản lý và Phân loại các văn bản theo ba nhóm:

- Nhóm 1: Chỉ sử dụng ở dạng điện tử để giao dịch; như thông báo, mời họp...; sau này Bộ Giáo dục và đào tạo sẽ không gửi văn bản loại này qua đường bưu điện mà chỉ sử dụng văn bản điện tử để thông tin.

- Nhóm 2: Dùng cả dạng điện tử và cả văn bản giấy; gồm các văn bản pháp quy, văn bản hướng dẫn, công văn chỉ đạo, điều hành...; khi ban hành Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ gửi văn bản điện tử trước để các đơn vị biết và chủ động trong công việc; văn bản có dấu của bộ sẽ gửi qua bưu điện như thông lệ.

- Nhóm 3: Chỉ giao dịch bằng giấy là những văn bản mật hoặc những văn bản chưa được phép công bố.

Địa chỉ giao dịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo là: vp@most.gov.vn

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Giám đốc các trường đại học, cao đẳng thiết lập địa chỉ Email của đơn vị, phân công cán bộ quản lý và kiểm tra Email thường xuyên (ít nhất 2 lần/ngày); cung cấp địa chỉ Email của đơn vị, họ tên và địa chỉ của cán bộ quản lý địa chỉ Email đó cho Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua địa chỉ: vp@most.gov.vn) trước ngày 15/3/2007. Những văn bản, ý kiến được gửi từ địa chỉ Email của đơn vị là ý kiến chính thức của đơn vị, vì vậy lãnh đạo đơn vị phải phê duyệt tất cả các Email trước khi gửi đi, chịu trách nhiệm về nội dung của Email và phải nêu rõ họ tên, chức danh người duyệt nội dung.

Để khuyến khích các trường tạo ra "Cuộc cách mạng trong nhà trường", Bộ và các cơ quan hữu quan cũng có các văn bản hướng dẫn và phân tích các mặt mạnh đạt được khi sử dụng các chương trình này. Ví dụ: Phần mền quản lý HSSV và quản lý đào tạo (BST-EMIS Student) là phần mềm thiết kế theo tiêu chuẩn hiện đại, phần mềm này có các chức năng sau:

- Quản lý hồ sơ HSSV: quản lý toàn bộ hệ thống thông tin liên quan đến hệ thông hồ sơ HSSV từ quá trình nhập học cho đến khi ra trường. Quản lý quá trình rèn luyện, đạo đức, mức độ chuyên cần, quá trình tham gia công tác xã hội, đoàn thể.

- Quản lý chất lượng đào tạo: quản lý đánh giá chất lượng đào tạo toàn trường. Chức năng này thực hiện việc lập kế hoạch đào tạo, phân môn học, tổ chức thi, quản lý điểm, đánh giá kết quả học tập, tổng kết học tập, xét duyệt lên lớp, xét

học bổng, xét tư cách dự thi tốt nghiệp, nhận luận văn, đồ án, đánh giá chất lượng đào tạo của giáo viên.

- Quản lý giờ giảng của giáo viên: Quản lý kế hoạch giảng dạy, quản lý lịch báo giảng. Quản lý việc dạy bù, dạy thay. Thống kê giờ kế hoạch và giờ thực giảng.

- Quản lý tài chính HSSV: Lập kế hoạch thu, viết phiếu thu và in phiếu thu, xét miễn giảm học phí, thống kê công nợ, thống kê các khoản thu.

- Quản lý ký túc xá: Quản lý toàn bộ quỹ các phòng KTX, đăng ký nhập KTX, tìm kiếm thông tin liên quan đến HSSV ở KTX, theo dõi thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thống kê tình trạng sử dụng phòng, tình trạng vào, ra KTX, báo cáo đăng ký tạm trú...

- Quản lý văn bằng chứng chỉ: Quản lý quyết định cấp bằng, thông tin chi tiết của bằng, thống kê số lượng bằng đã cấp phát, in các loại bằng, chứng chỉ.

- Quản lý báo cáo, cung cấp công cụ tạo báo cáo cho người dùng.

Phòng Công tác sinh viên sẽ nhận được các báo cáo sau:

Danh sách HSSV nữ;

Danh sách HSSV đã xoá tên;

Bảng thống kê số lượng HSSV theo lớp;

Danh sách HSSV;

Danh sách HSSV đang theo học;

Danh sách HSSV nhập học;

Danh sách HSSV có mặt;

Danh sách HSSV;

Bảng điểm đầu vào khoá;

Bảng thống kê số HSSV toàn trường theo khoá học;

Bảng thống kê số HSSV toàn trường theo hệ đào tạo;

Danh sách giáo viên;

Bảng tổng hợp sĩ số HSSV theo ngành;

Kiểm tra danh sách HSSV trong mã số;

Danh sách HSSV xoá tên (kỷ luật);

Danh sách HSSV kỷ luật;

Danh sách HSSV cho thôi học;

Danh sách HSSV buộc thôi học...

Phần mền quản lý đào tạo BST EMIS STUDENT

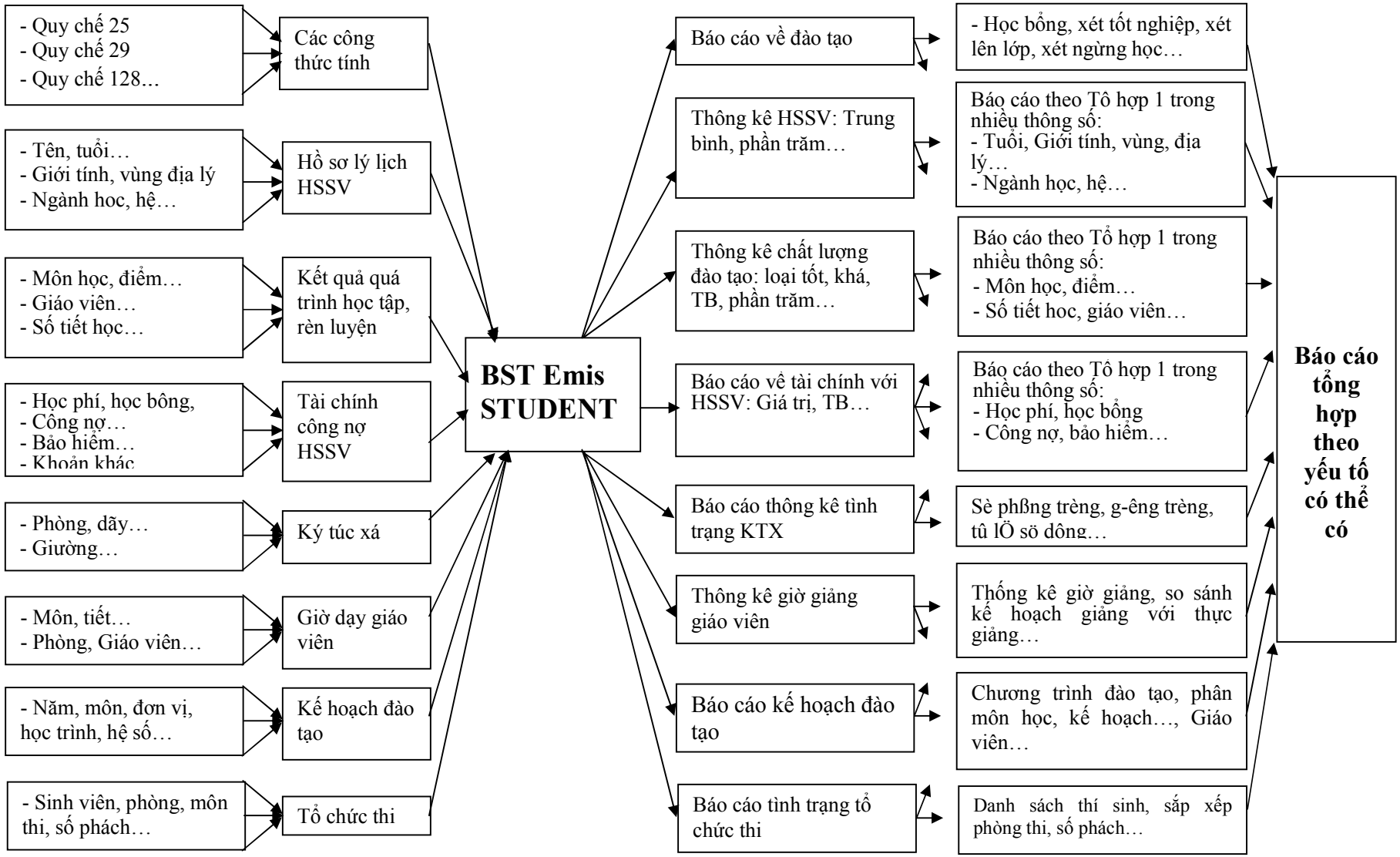

QUY TRÌNH THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC

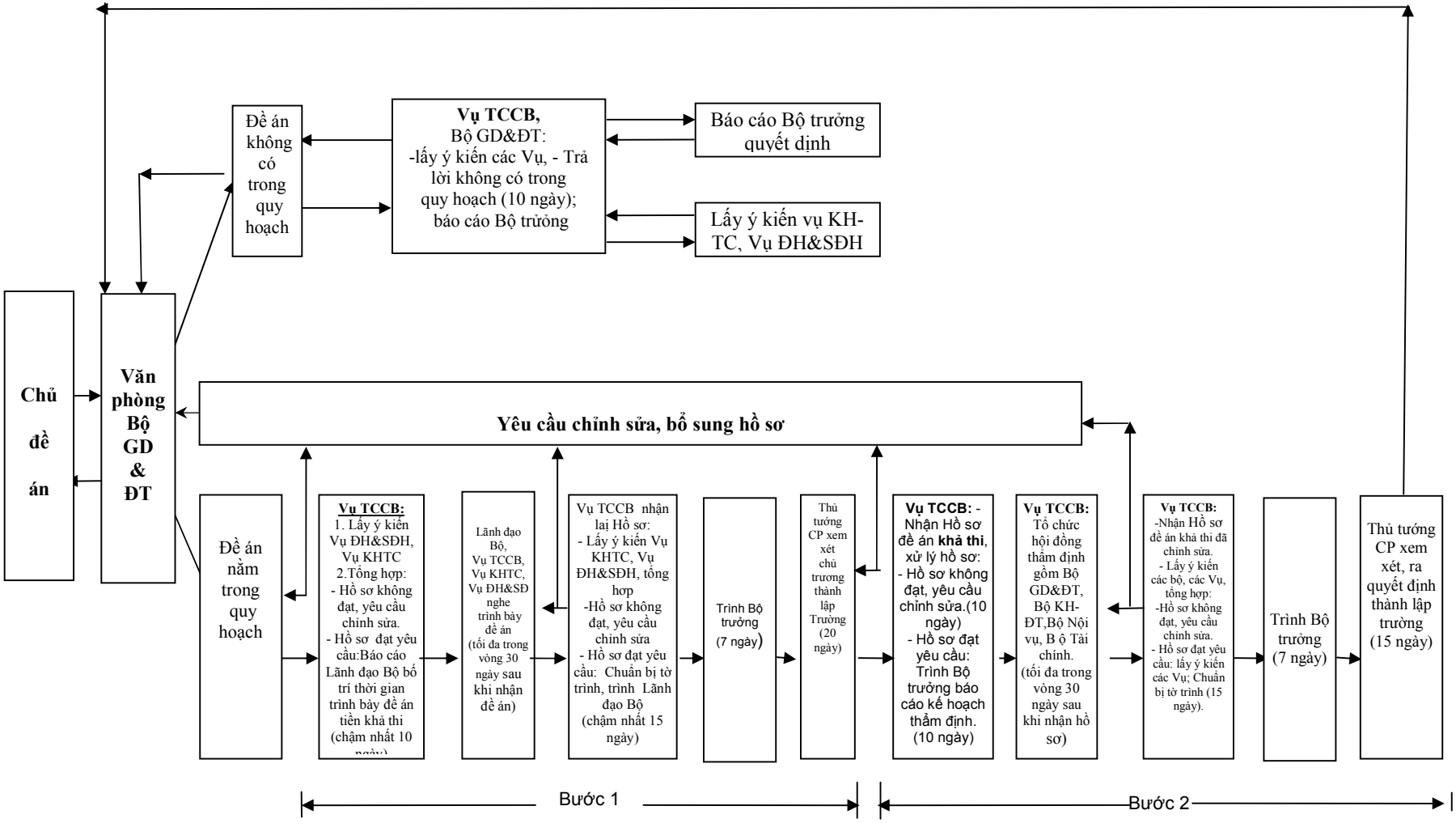

SỐ LIỆU GIẢNG VIÊN, SINH VIÊN 14 TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRỌNG ĐIỂM VÀ 2 ĐẠI HỌC MỞ TÍNH ĐẾN 10/2009 VÀ SỰ BẤT HỢP LÝ TỪ VĂN BẢN QUẢN LÝ HIỆN HÀNH

TT	Trường	Giảng viên			Sinh viên đại học			
		GV cơ hữu	*TS, GS, PGS*			*GV cơ hữu*	*TS, GS, PGS*	
1	ĐH QG Hà Nội	1.518	711	47%	43.062	24.249	56,3%	32,0
2	ĐH QG TP HCM	2.131	681	32%	74.368	29.512	39,7%	38,0
3	ĐH Huế	1.525	318	21%	41.407	18.300	44,2%	28,0
4	ĐH Thái Nguyên	1.519	175	11,5%	52.052	29.000	55,7%	35,0
5	ĐH Đà Nặng	1.045	130	12,4%	45.777	17.198	37,6%	45,0
6	ĐH Cần thơ	927	151	16,3%	32.433	10.963	33,8%	37,0
7	ĐH Bách khoa HN	1.270	662	52%	42.411	20.389	48,1%	36,0
8	ĐH Kinh tế QD HN	631	309	49%	39.861	24.903	62,5%	69,0
9	ĐH Nông nghiệp HN	580	218	37,6%	19.538	8.867	45,4%	36,0
10	ĐH Y Hà Nội	513	322	62,8%	3.118	240	8,0%	7,5
11	ĐH Sư phạm Hà Nội	705	383	54,3%	16.970	9.166	54,0%	27,0
12	ĐH KT TP. HCM	489	173	35,8%	44.323	23.460	52,9%	96,0
13	ĐH Y Dược TP. HCM	836	227	27,2%	6.836	1.625	23,8%	10,0
14	ĐH Sư phạm TP. HCM	664	136	20,5%	19.476	12.461	64,0%	31,0
15	Viện ĐH Mở Hà Nội	107	5	4,7%	16.363	7.490	45,8%	153,0
16	Viện ĐH Mở TP. HCM	191	43	22,5%	19.049	4.778	25,1%	101,0
Tổng:		**14.651**	**4.644**	**31,7%**	**516.944**	**242.601**	**46,9%**	**35,0**

Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Giáo dục mở và từ xa (2009). NXB Thế Giới, Hà Nội, tr 24

Trong Hội nghị Tổng kết năm học (2008-2009) của khối các trường ĐH/CĐ tháng 8/2009, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã dẫn 2 con số ấn tượng: Sau 2 thập niên số SV nước ta tăng lên khoảng 13 lần, còn số giáo viên tăng lên khoảng 3 lần. Theo thống kê năm học (2008-2009), tổng số SV ĐH/CĐ là 1.719.499, tổng số GV là 61.190, tỷ số SV/ GV khoảng 28,1; tỷ số Tiến sĩ/GV là 14,3% ở bậc ĐH và 1,67% ở CĐ. Như vậy tỷ số Tiến sĩ/ GV quá nhỏ, không thể đạt chỉ tiêu quy định cho năm 2010 tương ứng là 25% và 5% "Quy hoạch mạng lưới trường ĐH và CĐ" số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Lâm Quang Thiệp (2009), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Giáo dục mở và từ xa,* NXB Thế Giới, Hà Nội, tr 19.

Tuy nhiên Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đối với khối ngành kinh tế là 25 sinh viên/ Giảng viên chúng ta thấy ngay cả đến các trường đại học lớn tỷ lệ giảng viên/ sinh viên cũng chưa đạt.